



**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC
CẤP QUỐC GIA
ĐỒNG CHÍ TRƯỞNG QUANG TRỌNG
NGƯỜI CHIẾN SỸ CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG
CỦA QUÊ HƯƠNG NÚI ẮN - SÔNG TRÀ**

Quảng Ngãi, năm 2018

Chịu trách nhiệm xuất bản

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

Chỉ đạo biên tập

PGS, TS. NGUYỄN DUY BẮC

LÊ VIẾT CHỮ

TS. NGUYỄN VĂN HÙNG

NGUYỄN THANH QUANG

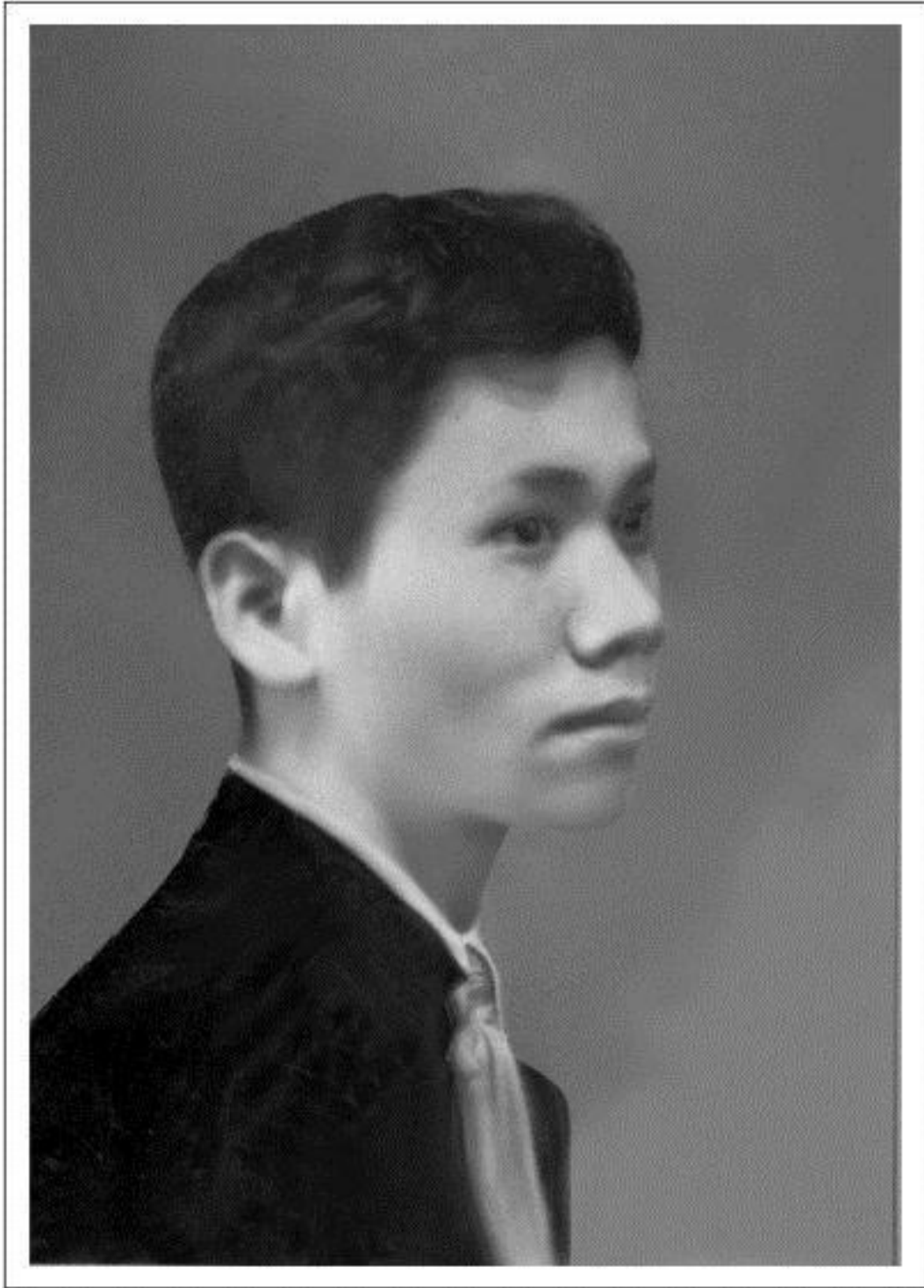
ThS. VÕ VĂN HÀO

Biên tập nội dung

ThS. VÕ VĂN HÀO

ThS. LÊ HOÀNG NGUYỄN

ThS. TRẦN THỊ THƯƠNG THƯƠNG



ĐỒNG CHÍ TRƯỞNG QUANG TRỌNG
(1906-1931)

LỜI NÓI ĐẦU

Trong thiên sử vàng của dân tộc, của Đảng, tỉnh Quảng Ngãi tự hào là một trong những địa phương luôn đi đầu trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là nơi sinh ra nhiều vị anh hùng làm rạng danh non sông đất nước. Một trong những chiến sĩ Cộng sản kiên trung của quê hương núi Ấn, sông Trà đã hy sinh cả cuộc đời và tuổi trẻ vì độc lập, tự do của dân tộc - đó chính là đồng chí Trương Quang Trọng, Bí thư đầu tiên của Tỉnh hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, thành viên Ban đấu tranh ở Ngục Kon Tum. Đồng chí đã trở thành biểu tượng sáng ngời cho tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân Quảng Ngãi. Do nhiều nguyên nhân khác nhau nên đến nay nhiều vấn đề có liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Trương Quang Trọng chưa được nghiên cứu, đánh giá một cách đầy đủ, khách quan và khoa học. Để làm sáng tỏ hơn cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Trương Quang Trọng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Tỉnh ủy Kon Tum đã tổ chức thành công Hội thảo khoa học cấp Quốc gia ***"Đồng chí Trương Quang Trọng, người chiến sĩ Cộng sản kiên cường của quê hương núi Ấn - sông Trà"***.

Hội thảo đã nhận được sự cộng tác, giúp đỡ thiết thực và quý báu của lãnh đạo Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Kon Tum, Viện Lịch sử Đảng và các

nhà khoa học, các nhà nghiên cứu lịch sử ở Trung ương, các tỉnh Bình Định, Quảng Nam, các trường đại học và cá nhân có tâm huyết với lịch sử dân tộc nói chung và truyền thống của quê hương Quảng Ngãi nói riêng. Ban tổ chức Hội thảo chân thành cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân đã gửi bài tham gia Hội thảo.

Với tinh thần tôn trọng ý kiến của các nhà khoa học, Ban Tổ chức Hội thảo tập hợp các bài tham luận và in thành tập kỷ yếu Hội thảo. Tuy nhiên, để tập kỷ yếu có tính hệ thống và khoa học hơn, Ban Tổ chức Hội thảo đã biên tập lại, lược bỏ một số nội dung trùng lặp hoặc một số sự kiện, nhân vật chưa chính xác, những điểm chưa thống nhất giữa các tham luận và cách diễn đạt.

Tuy có nhiều cố gắng, song tập Kỷ yếu sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được những ý kiến góp ý quý báu của các đồng chí và bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia ***"Đồng chí Trương Quang Trọng, người chiến sĩ Cộng sản kiên cường của quê hương núi Ấn - sông Trà"***.

Quảng Ngãi, tháng 10 năm 2018

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

**PHÁT BIỂU KHAI MẠC VÀ BÁO CÁO ĐỀ DẪN
CỦA ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TỈNH ỦY QUẢNG
NGÃI TẠI HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC
GIA "ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG,
NGƯỜI CHIẾN SĨ CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG
CỦA QUÊ HƯƠNG NÚI ẮN - SÔNG TRÀ"**

*Kính thưa đồng chí PGS.TS Nguyễn Duy Bắc, Phó
Giám đốc Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh,*

*Kính thưa đồng chí Nguyễn Văn Hùng, Ủy viên Trung
ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân
tỉnh Kon Tum*

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo!

Kính thưa các vị khách quý!

Kính thưa các nhà nghiên cứu khoa học!

Thưa toàn thể Hội thảo!

Ngày 28-11-2017, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch số 107-KH/TU về việc phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Tỉnh ủy Kon Tum tổ chức Hội thảo khoa học cấp Quốc gia với chủ đề “*Đồng chí Trương Quang Trọng - người chiến sĩ Cộng sản kiên cường của quê hương núi Ắn - sông Trà*”. Qua hơn 6 tháng tích cực phối hợp chuẩn bị của các cơ quan liên quan và các nhà nghiên cứu, hôm nay, Tỉnh ủy Quảng Ngãi phối hợp với Tỉnh ủy Kon Tum và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học cấp

quốc gia với chủ đề: ***"Đồng chí Trương Quang Trọng - người chiến sĩ Cộng sản kiên cường của quê hương núi Án - sông Trà"***. Hội thảo là dịp để mỗi chúng ta có điều kiện dành nhiều thời gian hơn để tìm hiểu về cuộc đời hoạt động cách mạng và tôn vinh những đóng góp của đồng chí đối với phong trào cách mạng Việt Nam và với quê hương Quảng Ngãi; đồng thời, bày tỏ sự tri ân của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh đối với người con ưu tú của quê hương.

Thay mặt Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ngãi và Ban Tổ chức Hội thảo, tôi nhiệt liệt chào mừng và cảm ơn các đồng chí đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành, các cơ quan Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; các tỉnh bạn; các đồng chí nguyên lãnh đạo chủ chốt của tỉnh Quảng Ngãi; các quý vị đại biểu khách quý, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu ở các cơ quan Trung ương, tỉnh Quảng Ngãi; các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Kon Tum và đại diện gia đình đồng chí Trương Quang Trọng đã về dự Hội thảo khoa học này.

Kính chúc các đồng chí và quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc, chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Kính thưa các quý vị đại biểu!

Thưa toàn thể Hội nghị!

Trong thiên sử vàng của lịch sử dân tộc, của Đảng Cộng sản Việt Nam, tỉnh Quảng Ngãi vô cùng tự hào là một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên vùng đất Quảng Ngãi kiên cường này đã sinh ra

nhiều anh hùng dân tộc, các vị tướng lĩnh, các nhà khoa học, nhà văn hóa, nhà thơ, những người con ưu tú đã làm rạng danh quê hương, non sông đất nước, tiêu biểu như: Anh hùng dân tộc Trương Định, Cử nhân Lê Trung Đình, Tú tài Nguyễn Tự Tân, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi đầu tiên Nguyễn Nghiêm, Thủ tướng Phạm Văn Đồng,... và trong những người con ấy có một chiến sĩ cộng sản kiên trung, đã hy sinh cả cuộc đời và tuổi trẻ cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, trở thành biểu tượng sáng ngời cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân Quảng Ngãi, đó chính là đồng chí Trương Quang Trọng - Bí thư đầu tiên của Tỉnh hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, thành viên Ban đấu tranh ở Ngục Kon Tum.

Kính thưa quý vị khách quý, các vị đại biểu!

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh ngày 29 tháng 5 năm 1906 tại làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh, nay là phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi. Từ nhỏ, đồng chí đã sớm tiếp thu truyền thống đấu tranh yêu nước kiên cường của quê hương. Năm 1923, đồng chí thi đỗ vào Cao đẳng Tiểu học ở Huế, học ban Thành chung, đến năm 1925, học trường Bưởi tại Hà Nội, sau thi đỗ vào khoa Y trường Cao đẳng Đông Dương. Là một người có trí thông minh, ham học hỏi và đặc biệt giàu lòng yêu nước, ngay từ khi còn học tập ở Huế, đồng chí đã tập hợp những thanh niên yêu nước cùng chí hướng lập ra Hội học sinh Ái hữu Trung Kỳ - một tổ chức có xu hướng yêu nước, tiến bộ. Trong thời gian học ở Hà Nội, đồng chí nhanh chóng tiếp xúc với nhiều chí sĩ yêu nước, với các

thanh niên tiến bộ như Tôn Quang Phiệt, Phạm Văn Đồng...và tham gia Hội Phục Việt, một tổ chức tiến bộ tập hợp những trí thức yêu nước thời kỳ đó. Với việc tham gia đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu (1925), để tang cụ Phan Châu Trinh (1926), Trương Quang Trọng bị chính quyền thực dân truy bắt ráo riết, đồng chí phải bỏ học và bí mật trở về quê nhà. Mùa hè năm 1926, Trương Quang Trọng cùng với các thành viên trong tổ chức Công Ái xã như Nguyễn Thiệu, Hồ Độ, Nguyễn Bút, Nguyễn Nghiêm... thành lập Tỉnh bộ Đảng Tân Việt. Tổ chức này đa số là trí thức nho học tiến bộ và những thanh niên tân học có nhiều tiếp xúc với những trào lưu tư tưởng mới. Đến năm 1927, Tân Việt Quảng Ngãi chuyển hướng hoạt động, thành lập Tỉnh hội Việt Nam cách mạng Thanh niên do đồng chí Trương Quang Trọng làm Bí thư. Tháng 7 năm 1929, Trương Quang Trọng cùng các đồng chí cấp tiến trong Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi tổ chức cuộc họp tại núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ), quyết định thành lập tổ chức “dự bị Cộng sản” của tỉnh, làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi. Những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhanh chóng bị chính quyền thực dân chú ý. Chỉ trong mấy tháng cuối năm 1929, hầu hết các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Ngãi đều bị bắt. Đồng chí Trương Quang Trọng cũng bị chính quyền thực dân bắt giữ vào ngày 19-8-1929 cùng với 20 đồng chí khác. Sau một thời gian giam giữ ở Quảng Ngãi, đồng chí bị tòa án thực dân kết án 9 năm tù khổ sai, 4 năm quản thúc. Đầu năm 1931, đồng chí cùng một số tù nhân bị chuyển vào nhà lao Quy Nhơn, đến

tháng 6-1931 bị đày lên Ngục Kon Tum. Tại đây, đồng chí đã cùng với các tù nhân đấu tranh quyết liệt chống chế độ giam cầm hà khắc của nhà tù thực dân. Ngày 12-12-1931, đồng chí Trương Quang Trọng đã anh dũng hy sinh trong cuộc đấu tranh Lưu huyết của tù chính trị tại Ngục Kon Tum, nhằm phản đối việc thực dân Pháp cưỡng bức họ đi mở đường 14 lần thứ 2 (mùa khô 1931 - 1932) ở Đắc Pék, khi mới vừa tròn 25 tuổi.

Kính thưa các đồng chí!

Hành động hiên ngang đứng trước họng súng của kẻ thù, nhận chết thay cho bạn (đồng chí Nguyễn Huy Lung) của đồng chí Trương Quang Trọng đã nêu cao tấm gương bất tử, sáng ngời về tình bạn, tình đồng chí, đồng đội. Đó là một hành động anh hùng trong lịch sử đấu tranh cách mạng vĩ đại của dân tộc ta. Tiếp nối tinh thần quả cảm, anh dũng của đồng chí Trương Quang Trọng, toàn thể anh em trong Ngục Kon Tum đã tiếp tục đấu tranh làm cho thực dân Pháp và bọn tay sai vô cùng hoảng sợ, buộc chúng phải thay đổi chế độ lao tù hà khắc đối với tù chính trị, bỏ ngay công trường làm đường và bãi bỏ vĩnh viễn Ngục Kon Tum vào tháng 12 năm 1935. Tất cả chính trị phạm đều chuyển qua nhà lao Buôn Ma Thuột - một ngục thất nguy hiểm thứ 2 ở Trung Kỳ lúc bấy giờ.

Kính thưa các đồng chí!

Có thể thấy, cuộc đời hoạt động cách mạng và những công hiến của đồng chí Trương Quang Trọng có ý nghĩa lớn đối với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Ngãi. Hơn 80 năm qua, kể từ ngày đồng chí Trương

Quang Trọng hy sinh anh dũng tại nhà ngục Kon Tum, Đảng bộ, quân và nhân dân Quảng Ngãi luôn ý thức cần phải có những cuộc hội thảo, những công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu, nhằm làm rõ và đầy đủ hơn về vị trí, vai trò và những đóng góp của đồng chí Trương Quang Trọng đối với sự phát triển của phong trào đấu tranh cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi, Kon Tum nói riêng và cách mạng Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, cho đến nay vẫn chưa có hội thảo hay công trình khoa học nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện về đồng chí Trương Quang Trọng. Vì vậy, việc tổ chức Hội thảo khoa học về "*Đồng chí Trương Quang Trọng - người chiến sĩ Cộng sản kiên cường của quê hương núi Ấn - sông Trà*" hôm nay không chỉ là nguyện vọng tha thiết của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, của gia tộc họ Trương, mà còn là trách nhiệm của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau, nhằm tri ân, tôn vinh những đóng góp, công lao của các chiến sĩ cách mạng tiền bối nói chung và đồng chí Trương Quang Trọng nói riêng đã hy sinh quên mình vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Qua đó, góp phần vào công tác giáo dục truyền thống yêu nước, lý tưởng cách mạng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

Kính thưa các đồng chí!

Trong quá trình chuẩn bị Hội thảo, mặc dù trong điều kiện nguồn tư liệu, tài liệu về đồng chí Trương Quang Trọng rất hạn chế, nhưng với sự cộng tác nhiệt tình, trách nhiệm của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu lịch sử ở Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí

Minh, tỉnh Kon Tum, Bình Định, Quảng Nam và các nhà nghiên cứu khoa học của các tỉnh, các trường đại học và địa phương, Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được gần 30 tham luận, bài viết. Với tinh thần tôn trọng ý kiến của các nhà khoa học, người nghiên cứu, nên Ban Tổ chức Hội thảo thống nhất chỉ chỉnh sửa thể thức, mo-rát, không biên tập, chỉnh sửa nội dung các tham luận.

Tại Hội thảo hôm nay, tôi đề nghị các nhà nghiên cứu, các vị đại biểu tiếp tục tích cực đóng góp nhiều ý kiến, nhiều nguồn tư liệu để góp phần làm sáng tỏ những vấn đề mà Hội thảo quan tâm đặt ra, như:

Một là, làm rõ hơn thân thế, sự nghiệp, dấu ấn của quê hương, gia đình trong việc hình thành, nuôi dưỡng và phát huy tinh thần yêu nước, nhân cách cao quý của người chiến sĩ cộng sản Trương Quang Trọng.

Hai là, tư tưởng, hành động yêu nước và những đóng góp của đồng chí Trương Quang Trọng cho phong trào cách mạng giai đoạn 1920 - 1931, nhất là trong thời gian học tại Trường thuốc Đông Dương (nay là Trường Đại học Y Hà Nội) và trên các cương vị: Là một trong những người sáng lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ; Bí thư đầu tiên của Tỉnh hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

Ba là, tư duy sáng tạo, nhạy cảm với cái mới của đồng chí Trương Quang Trọng so với các nhà hoạt động cách mạng cùng thời, nhất là tư tưởng "Cách mạng là lưu huyết, có lưu huyết mới chặn bớt bàn tay tàn bạo của kẻ thù và cuối cùng mới giành được thắng lợi".

Bốn là, phân tích, làm rõ hơn vai trò của đồng chí Trương Quang Trọng trong Ban lãnh đạo đấu tranh tại ngục Kon Tum; tư tưởng, tinh thần đấu tranh tới cùng, sự hy sinh anh dũng của đồng chí Trương Quang Trọng và vai trò, ảnh hưởng của đồng chí Trương Quang Trọng với phong trào cách mạng tỉnh Kon Tum.

Năm là, bổ sung những nguồn tư liệu, nhằm đánh giá một cách toàn diện, khách quan về tầm vóc của đồng chí Trương Quang Trọng đối với phong trào cách mạng Quảng Ngãi và cả nước. Đồng thời, nêu bật giá trị của lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, lý tưởng cách mạng qua tấm gương hy sinh anh dũng của đồng chí.

Sáu là, phương hướng phát huy tinh thần đấu tranh cách mạng kiên cường của đồng chí Trương Quang Trọng trong sự nghiệp CNH, HĐH tỉnh Quảng Ngãi và trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Thay mặt Ban Tổ chức Hội thảo, xin trân trọng cảm ơn Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Kon Tum, các nhà khoa học, các quý vị đại biểu đã phối hợp giúp đỡ Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức Hội thảo quan trọng này. Xin kính chúc các quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc.

Tôi xin tuyên bố khai mạc Hội thảo khoa học cấp Quốc gia "*Đồng chí Trương Quang Trọng, người chiến sĩ Cộng sản kiên cường của quê hương núi Ấn - sông Trà*". Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!



Các đồng chí chủ trì Hội thảo



*Đồng chí Lê Việt Chữ, UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy,
Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi
khai mạc Hội thảo*



Quang cảnh Hội thảo



Đại biểu xem các hình ảnh tư liệu liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Trương Quang Trọng được trưng bày tại Hội thảo

QUÊ HƯƠNG QUẢNG NGÃI VÀ ĐỒNG CHÍ TRƯỞNG QUANG TRỌNG

PGS. TS Nguyễn Đức Huệ*

1. Đôi nét khái quát về Quảng Ngãi và phong trào yêu nước của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Sau sự kiện Hồ Hán Thương đem đại quân đi đánh Chiêm Thành vào tháng 7 năm Nhâm Ngọ (1402), đất Chiêm Động và Cổ Lũy của Chiêm Thành (địa bàn Quảng Nam và Quảng Ngãi ngày nay) về danh nghĩa đã được sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt. Nhà Hồ chia đất ấy làm 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, rồi lại đặt lộ *Thăng Hoa* (tức đất Chiêm Động cũ), đặt chức An phủ sứ và An phủ phó sứ để cai trị. Hai châu *Tư, Nghĩa* (tức đất Cổ Lũy cũ - địa bàn tỉnh Quảng Ngãi), nhà Hồ giao cho người Chiêm Thành là Hiệu Chính hầu Chế Ma Nô Đà Nan làm Cổ Lũy huyện thượng hầu trấn giữ về dân Chiêm Thành.

Trên thực tế, cho đến trước năm Hồng Đức thứ 2 (1471), Thăng Hoa, Tư Nghĩa vẫn là vùng đất “cơ mi”, “*sổ sách chỉ chép tên không, thực ra đất ấy vẫn bị người Chiêm Thành chiếm cứ*”.

Năm Hồng Đức thứ 2 (1471), vua Lê Thánh Tông thân chinh cầm quân đi đánh Chiêm Thành, mở rộng đất đai đến núi Thạch Bi, cử quan lại triều đình đến trấn giữ,

* Phó Viện trưởng Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Đỗ Tử Quy làm Đồng Tri châu châu Đại Chiêm, Lê Ý Đà làm Đồng Tri châu châu Cổ Lũy. Tháng 6 năm Tân Mão, Hồng Đức thứ 2 (1471) trên cơ sở đất 2 châu Đại Chiêm (Chiêm Động cũ) và Cổ Lũy, Lê Thánh Tông cho lập Thừa tuyên Quảng Nam gồm 3 phủ, 9 huyện trong đó *phủ Tư Nghĩa lĩnh 3 huyện là Nghĩa Giang, Bình Sơn và Mộ Hoa tức gồm phần lớn địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ngày nay*. Đồng thời, Lê Thánh Tông cho xây dựng bộ máy hành chính ở Thừa tuyên Quảng Nam gồm 3 ty: Đô chỉ huy sứ ty, Thừa chính sứ ty và Hiến sát sứ ty phụ trách công việc quân, dân, chính trong toàn hạt.

Như vậy, từ một vùng “đệm” còn diễn ra nhiều tranh chấp giữa Đại Việt và Chiêm Thành trong suốt một thời gian dài từ sau năm 1402 đến năm 1471 với tên gọi và diên cách dựng đất luôn thay đổi từ Cổ Lũy (trước thế kỷ XIV) đến các châu Tư, Nghĩa thuộc lộ Thăng Hoa thời Hồ; thuộc phủ Thăng Hoa thời thuộc Minh; rồi trở lại với địa danh Cổ Lũy đầu thời Lê, đến năm 1471 vùng đất này trở thành một phần của Thừa tuyên Quảng Nam - một đơn vị hành chính ổn định; một tổ chức chính quyền được xây dựng khá hoàn chỉnh, chịu sự quản lý chặt chẽ của chính quyền trung ương.

Thời Lê - Mạc, năm 1558, Đuan Quốc công Nguyễn Hoàng được cử làm Trấn thủ Thuận Hóa, sau đó kiêm Trấn thủ Quảng Nam bèn đổi phủ Tư Nghĩa làm phủ Quảng Ngãi, thuộc dinh Quảng Nam (năm 1602)¹. Ở phủ,

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, tập II (tỉnh Quảng Ngãi). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr. 352.

Nguyễn Hoàng cho đặt các chức Tuần phủ và Khám lý để cai quản quân dân. Tên gọi *Quảng Ngãi chính thức xuất hiện từ lúc này*. Năm Bính Ngọ (1786), nghĩa quân Tây Sơn chiếm được Quảng Ngãi, đổi tên phủ Quảng Ngãi làm hạt Hòa Nghĩa. Địa bàn từ Hòa Nghĩa trở vào Nam do Nguyễn Nhạc cai quản; từ Thăng Hoa, Điện Bàn (thuộc Quảng Nam) trở ra do Nguyễn Huệ cai quản. Năm Tân Dậu (1801), Nguyễn Ánh từ Gia Định kéo quân ra tiến đánh nhà Tây Sơn, chiếm lại Quảng Ngãi, đổi đặt là dinh Quảng Ngãi, ở dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục. Năm Gia Long thứ 8 (1807), đổi dinh Quảng Ngãi thành trấn Quảng Ngãi, lại đổi chức Lưu thủ thành Trấn thủ. Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), để thống nhất hệ thống quan chức trong cả nước, nhà Nguyễn đổi các chức Cai bạ và Ký lục thành Hiệp trấn và Tham hiệp. Năm thứ 13 (1832), trấn Quảng Ngãi đổi thành tỉnh Quảng Ngãi, ở tỉnh đặt hai ty Bố chính và Án sát, dưới quyền điều khiển chung của Tổng đốc Nam - Ngãi (Quảng Nam - Quảng Ngãi). Năm Minh Mệnh thứ 15 (1834), Quảng Ngãi được gọi là tỉnh Nam Trực. Tỉnh Quảng Ngãi gồm 1 phủ Tư Nghĩa, kiêm lý huyện Chương Nghĩa, thống hạt 2 huyện Bình Sơn và Mộ Hoa (sau là Mộ Đức), bao gồm 18 tổng, 444 xã thôn, phường, ấp. Huyện Chương Nghĩa, nguyên đời Lê gọi là huyện Nghĩa Giang, sau đổi là Chương Nghĩa, lĩnh 6 tổng, 112 xã thôn, phường, ấp; huyện Bình Sơn, thời Hồ gọi là huyện Trì Bình, đời Lê đổi gọi là Bình Dương, sau đổi là Bình Sơn, lĩnh 6 tổng, 159 xã thôn, phường, ấp; huyện Mộ Đức, nguyên có tên là Mộ Hoa từ thời Lê, năm Thiệu Trị thứ nhất đổi là Mộ Đức, lĩnh 6 tổng, 175 xã thôn, phường, ấp. Thời Pháp thuộc, năm

Thành Thái thứ 2 (1890) đặt 3 châu Sơn Tịnh, Nghĩa Hành và Đức Phổ thuộc Nghĩa Định sơn phòng. Năm Thành Thái thứ 11 (1899), triệt bỏ 3 châu sơn phòng mà đổi làm 3 huyện. Ngày nay, tỉnh Quảng Ngãi gồm có 1 thành phố là thành phố Quảng Ngãi và 13 huyện là: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành, Minh Long, Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Tây Trà và Lý Sơn.

2. Từ xưa, Quảng Ngãi là địa bàn sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc anh em, đông nhất là người Việt, người Hrê, người Cor và người Xơ-đăng. Phong tục tập quán của từng dân tộc khác nhau, bản lĩnh tộc người thể hiện không giống nhau nhưng tất cả đều có một đặc điểm chung bao trùm và xuyên suốt trong trường kỳ lịch sử, đó là: Tinh thần yêu quê hương, đất nước, kiên cường bất khuất đấu tranh chống ngoại xâm và cường quyền bạo lực. Bề dày truyền thống yêu nước của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi được củng cố và vun đắp theo thời gian. Đặc biệt, trong các thế kỷ XVIII, XIX và nửa đầu thế kỷ XX, tinh thần yêu nước đấu tranh chống ngoại xâm của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, trên những phương diện khác nhau, được thể hiện ra đầy đủ và rõ nét nhất qua những sự kiện lịch sử tiêu biểu:

- Trong những thập niên cuối thế kỷ XVIII, cuộc khởi nghĩa của nông dân Tây Sơn bùng nổ và nhanh chóng trở thành cơn bão táp lật đổ chính quyền phong kiến của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong và chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài. Vương triều Tây Sơn ra đời với vị vua anh hùng khai sáng là Quang Trung Nguyễn Huệ mặc dù tồn tại

chưa đầy 2 thập kỷ nhưng đã ghi những mốc son chói lọi vào trang sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta bằng trận đại thắng trên sông Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785, tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và cuộc tiến công thần tốc làm nên Xuân lửa Đống Đa năm Kỷ Dậu (1789), tiêu diệt 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh. Thắng lợi của phong trào nông dân Tây Sơn trước hết là nhờ vào sức mạnh của nhân dân cả nước, trong đó đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi đã cống hiến một phần công sức đáng kể trong sự nghiệp chung ấy. Trong bài *Hịch truyền quan lại* gửi cho quân dân hai phủ Quảng Ngãi, Quy Nhơn năm 1792, vua Quang Trung đã khẳng định: “Tất cả các người lớn nhỏ, từ hơn hai chục năm qua, đều luôn chịu ơn đức của nhà Tây Sơn ta. Sự thật, trong mấy chục năm qua, Trẫm đã chiến thắng tất cả trong Nam, ngoài Bắc. Trẫm nhận thấy rằng, có được những chiến thắng ấy chính là nhờ có sự phù trợ hết lòng của nhân dân hai phủ. Hai phủ đã tiến cử lên Trẫm nhiều người hiền tài, trung dũng đã giúp lập triều đình...”. Thời điểm này, phủ Quảng Ngãi thuộc quyền cai quản của Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc. Nhằm tránh sự rạn nứt, chia rẽ trong nội bộ phong trào, vua Quang Trung kêu gọi: “...Nhân dân lớn nhỏ hai phủ hãy ủng hộ Hoàng gia, trung thành với Hoàng đại huynh, chờ đợi quân dân ta vào quét sạch miền Gia Định, lấy lại đất về ta. Tiếng thơm của hai phủ các người sẽ mãi mãi lưu truyền sử sách...”¹.

¹ Nguyễn Lương Bích – Phạm Ngọc Phụng: *Tim hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1971, tr. 423.

- Ngày 1 tháng 9 năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng đánh chiếm đảo Sơn Trà - Đà Nẵng mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Sau sự kiện này lịch sử nước ta bước sang một chương mới đầy bi tráng. Đánh giá một cách khách quan và công bằng thì trong thời kỳ đầu, triều đình Huế tỏ thái độ chống Pháp khá kiên quyết. Quan quân triều đình phối hợp chặt chẽ cùng dân binh các địa phương tổ chức nhiều trận quyết chiến với quân Pháp ngay trên chiến trường Đà Nẵng, buộc chúng phải bỏ ý định chiếm đóng nhanh Đà Nẵng mà chuyển hướng tấn công vào Gia Định (2-1859). Tại Gia Định, chúng cũng gặp phải sự kháng cự rất quyết liệt của quân dân ta, nhất là trong giai đoạn từ 1859 đến trước khi triều đình Huế ký Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) giao trọn 3 tỉnh miền Đông Nam bộ cho Pháp. Tiêu biểu cho phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ ở các tỉnh miền Đông Nam bộ là cuộc khởi nghĩa Trương Định nổ ra từ tháng 1 năm 1861, hoạt động trên một địa bàn rộng lớn từ Gia Định, Tân An đến Gò Công.

Trương Định, người huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, là con Lãnh binh Trương Cầm, lúc bấy giờ giữ chức Phó quản cơ, đã chiêu mộ nghĩa binh đóng quân ở Thuận Kiều tổ chức đánh Pháp nhiều trận. Khi Đại đồn Chí Hòa thất thủ (2-1861), Trương Định đem quân về Tân Hòa, Gò Công chiêu mộ thêm nghĩa binh, quân số lên đến 6.000 người, tự “đúc thêm súng để phòng bị”. Hoạt động của nghĩa quân Trương Định đã gây cho quân Pháp nhiều tổn thất. Thanh thế của nghĩa quân và tiếng tăm của Trương Định ngày càng vang dội, được triều đình Huế trọng vọng. Sử nhà Nguyễn từng chép: “Phó quản cơ Gia Định là

Trương Định (người huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi, con viên Lãnh binh Trương Cầm) chiêu mộ những người thủ dưng, có nhiều người đi theo. Thường cùng quân Tây dương chống đánh nhau đặc lực, thự Tuần phủ là Đỗ Quang đem việc tâu lên. Vua cất nhắc cho làm Quản cơ, rồi lĩnh chức Phó lãnh binh. (Khi ấy, Đỗ Quang chiêu võ Trương Định mộ thành 6 cơ, gần hơn 6.000 người)¹. Nghĩa quân Trương Định hoạt động khắp vùng Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Gia Định, Chợ Lớn, lan sang cả hai bên bờ sông Vàm Cỏ đến tận Đồng Tháp Mười. Đến tháng 3-1862, triều đình Huế cử Trương Định kiêm chức Tổng chỉ huy đầu mục Gia Định, cai quản toàn bộ số quân mộ nghĩa ở Gia Định, được phiên chế thành 18 cơ. Trương Định đem quân đến đóng đại bản doanh ở xứ Gò Thượng (thuộc huyện Tân Hòa) thường ra đánh úp quân Pháp, cướp súng giặc tự trang bị cho nghĩa quân.

Tháng 8-1862, sau khi đã ký Hiệp ước nhường 3 tỉnh miền Đông cho Pháp, vua Tự Đức hạ lệnh cho nghĩa quân đình chỉ mọi cuộc tấn công và điều Trương Định về Phú Yên, nhưng Trương Định cương quyết kháng chỉ. Ông công nhiên tuyên bố: “Triều đình nghị hòa thì cứ nghị hòa, còn việc của Định thì Định cứ làm... Định thà đắc tội với triều đình chứ không nỡ ngồi nhìn giang sơn này chìm đắm...”². Nhân dân ủng hộ nghĩa ở Gia Định, Định Tường, Biên Hòa đã tập hợp nhau lại đồng tâm suy tôn Trương

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên – Đế tứ kỷ*, tập XXIX, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 321-322.

² Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*, Sđd, tr. 345 - 346.

Định lên làm Bình Tây đại nguyên soái, Tổng chỉ huy lực lượng kháng chiến và kiến nghị về triều đình xin tiếp tục đánh giặc. Triều đình Huế nhiều lần xuống sắc chỉ và cử các quan đại thần đi phủ dụ Trương Định bãi binh nhưng ông kiên quyết kháng mệnh. Tháng 3-1862, Phan Thanh Giản lại xin Tự Đức ra sắc chỉ gọi Trương Định về giải tán nghĩa quân nhưng không đạt kết quả. Trương Định cùng nghĩa binh Nam kỳ lục tỉnh tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp cho đến lúc hy sinh (năm 1864). Sau khi Trương Định mất, con ông là Trương Quyền đưa nghĩa quân lên Đồng Tháp Mười qua Tây Ninh gây dựng cơ sở kháng chiến, sát cánh cùng quân dân Khơ me đánh Pháp.

Trương Định xứng đáng được coi là một tấm gương tiêu biểu nhất cho tinh thần yêu nước, kiên quyết chống ngoại xâm của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi thời cận đại. Mặc dù cuộc khởi nghĩa chống Pháp do ông lãnh đạo không diễn ra trên đất Quảng Ngãi, nhưng ông - người con ưu tú của Sơn Tịnh, Quảng Ngãi là linh hồn của cuộc khởi nghĩa ấy. Tinh thần yêu nước cũng như ý chí và bản lĩnh của ông đã được tôi luyện, hun đúc nên chính từ truyền thống yêu nước của quê hương Quảng Ngãi.

Hiệp ước Pa-tơ-nốt giữa triều đình Huế và Pháp ký tại Kinh thành Huế ngày 6-6-1885 đã chính thức đặt nước ta dưới quyền bảo hộ của thực dân Pháp (Nam kỳ là xứ thuộc địa, Bắc kỳ và Trung kỳ là hai xứ bảo hộ). Tại Huế, thời điểm này nội bộ triều đình chính diễn biến rất phức tạp và hình thành nên 2 phái chủ chiến và chủ hòa. Phe chủ chiến đứng đầu là Tôn Thất Thuyết ủng hộ vị vua trẻ là Hàm Nghi chủ trương đánh Pháp nên đã bí mật tập trung lực lượng xung

quanh Kinh thành Huế chờ cơ hội để tấn công quân Pháp. Cuộc phản công diễn ra bắt đầu từ khoảng 1 giờ sáng ngày 5-7-1885 và kéo dài đến khoảng 9 giờ sáng hôm ấy thì quân Pháp chiếm lại được Hoàng thành. Lực lượng của phe chủ chiến kéo ra vùng ngoại ô. Tôn Thất Thuyết hộ giá vua Hàm Nghi lên sơn phòng Tân Sở, Quảng Trị. Tại đây, ngày 13-7-1885, thay mặt vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết ra chiếu Cần Vương lần thứ nhất. Ngay sau khi chiếu Cần Vương được phát đi, tầng lớp văn thân, sĩ phu ở khắp các địa phương đã nhiệt liệt hưởng ứng, phát động nhân dân, tập hợp lực lượng đứng lên chống Pháp.

Tại Quảng Ngãi, khi được tin vua Hàm Nghi xuất bôn hạ chiếu Cần Vương, Cử nhân Lê Trung Đình (Chánh quản Hương binh); Tú tài Nguyễn Tự Tân (Phó quản Hương binh), Vũ Hội (Phó quản Hương binh) và Nguyễn Văn Hoàn (Thương biện) đã kéo đến tỉnh thành đề nghị tỉnh cấp khí giới và lương thực để chuẩn bị kháng chiến. Quan tỉnh lúc ấy là Lê Duy Thụy (quyền Bố chính) và Nguyễn Văn Dụ (quyền Án sát) lấy cớ rằng Hương binh chỉ có nhiệm vụ canh phòng làng xóm chứ không như quân tỉnh nên không cấp khí giới cho họ. Bởi vậy, nhóm Lê Trung Đình đã đem hơn 3.000 Hương binh chia làm 3 đạo tấn công tỉnh thành, bắt giam Lê Duy Thụy và Nguyễn Văn Dụ, tịch thu ấn triện, thả tù phạm, mở kho vũ khí tự trang bị cho nghĩa quân, trừng trị bọn giáo dân ngoan cố. Trong trận tấn công này, Hương binh đã được Thành thủ úy Nguyễn Côn và Hiệp quản Trần Tu hưởng ứng làm nội ứng. Nghĩa quân làm chủ tỉnh thành trong một thời gian ngắn. Ngày 15-8-1885, triều đình Huế sai quyền Tiểu phủ sứ Sơn

phòng Nghĩa Định là Nguyễn Thân cùng Đè đốc Đinh Hội đem quân đàn áp. Bảy thủ lĩnh của nghĩa quân đã hy sinh trong chiến đấu, trong đó có Nguyễn Tự Tân, Lê Trung Đình bị sa vào tay giặc và bị xử chém ngay¹. Cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình được coi là mở đầu cho phong trào Cần Vương Quảng Ngãi. Lực lượng tham gia khởi nghĩa là đông đảo quần chúng nhân dân, các sĩ tử Quảng Ngãi đang dự kỳ thi Hương ở trường thi Bình Định bỏ về... trong đó nòng cốt là Hương binh do Lê Trung Đình làm Chánh quản. Tuy chỉ kéo dài chưa đầy 1 tuần lễ nhưng cuộc khởi nghĩa mang một ý nghĩa to lớn, vì nó là sự mở đầu cho phong trào Cần Vương cả nước, mở đầu cho truyền thống yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi trong 60 năm thuộc Pháp (từ 1885 - 1945) ở tỉnh nhà².

Tuy bị tổn thất lớn, nhiều thủ lĩnh nghĩa quân hy sinh nhưng phong trào Cần Vương Quảng Ngãi vẫn diễn ra rất sôi nổi. Dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Bá Loan, Tôn Tường, Nguyễn Tấn Kỳ..., nghĩa quân Cần Vương Quảng Ngãi không ngừng được củng cố và phát triển lực lượng, mở rộng phạm vi hoạt động trên các địa bàn: sơn phòng, tỉnh thành và các huyện lỵ, đồng thời phối hợp chặt chẽ với phong trào Cần Vương Quảng Nam, Bình Định tổ chức

¹ Tham khảo:

- Dương Kinh Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.

- Vũ Huy Phúc (chủ biên): *Lịch sử Việt Nam (1858-1896)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.

² *Lê Trung Đình và phong trào Cần Vương Quảng Ngãi* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học), Sở Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi, 1997.

nhieu trận đánh Pháp rất quyết liệt. Năm 1888, phong trào Cần Vương do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo dần sa sút thì trên địa bàn Quảng Ngãi vẫn còn duy trì các cuộc khởi nghĩa của Thái Thú (năm 1894), cuộc vận động cứu nước của Trần Du (năm 1895 - 1896)... và thực sự chấm dứt vào những năm cuối thế kỷ XIX trong bối cảnh chung của phong trào Cần Vương cả nước bị thất bại. Sự hy sinh của các nghĩa sĩ Cần Vương Quảng Ngãi một lần nữa chứng minh và khẳng định tinh thần quật khởi của người dân Quảng Ngãi trước sự tồn vong của quốc gia dân tộc. Tinh thần ấy được thể hiện qua câu nói đầy khí phách của Tú tài Nguyễn Tự Tân: “Tây chưa tới, nhưng triều đình đã theo Tây, dâng cả nước ta cho giặc rồi... nếu ta không giành lấy mảnh đất này làm chỗ đứng chung để chống lại chúng thì còn đợi chừng nào nữa...”¹.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trên khắp ba miền Bắc, Trung, Nam hình thành nhiều xu hướng vận động cứu nước. Tiêu biểu cho phong trào yêu nước thời kỳ này là phong trào Đông Du (người khởi xướng là Phan Bội Châu) và phong trào Duy Tân ở Trung kỳ do Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp lãnh đạo. Cuộc vận động cải cách Duy Tân ở miền Trung được triển khai trước tiên ở Quảng Nam, sau phát triển mạnh mẽ ra các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Nghệ An, Thanh Hóa... và diễn ra trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội... bao gồm những hoạt động rất đa dạng, từ việc lập hội buôn bán, hội

¹ Lê Trung Đình và phong trào Cần Vương Quảng Ngãi (Kỷ yếu Hội thảo khoa học), Sđd.

canh nông, mở trường học đến việc bài trừ phong tục tập quán hủ bại, đồng thời truyền bá những tư tưởng về dân chủ, vận động đời sống mới như cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn... Tuy nhiên, hoạt động của Duy Tân hội bị thực dân Pháp kiểm soát rất chặt chẽ. Và đến năm 1908 thì bị cấm đoán hẳn. Tuy thất bại nhưng ảnh hưởng của Duy Tân hội đã tạo tiền đề cho phong trào chống sưu thuế ở Trung kỳ diễn ra rầm rộ vào đầu năm 1908.

Tin tức về cuộc đấu tranh chống sưu thuế ở Quảng Nam đã nhanh chóng lan đến các tỉnh phía Nam. Chỉ sau hơn 2 tuần, khi phong trào ở Quảng Nam bùng nổ thì tại các xã, thôn thuộc các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa của tỉnh Quảng Ngãi không khí bắt đầu sôi sục. Từ chiều ngày 28-3, phong trào bắt đầu bùng lên. Nhân dân Bình Sơn cùng với 25 hào lý các xã kéo đến dinh Công sứ xin giảm sưu thuế với yêu cầu: Giảm thuế thân xuống 1 đồng 20; bỏ sưu dịch, thuế chợ; trả lại ruộng muối cho dân xã; tăng thuế rượu và thuế thuốc phiện để bù vào ngân sách thiếu hụt; trừng trị bọn quan lại tham nhũng... Những yêu cầu trên không được giải quyết, trái lại viên Công sứ còn ra lệnh bắt giam một số người cầm đầu và sai lính đàn áp đoàn biểu tình. Dân chúng kéo đến ngày càng đông, đòi thả những người bị bắt, chặn xe của Tây Thương chính (thuế quan) bắt phải vào can thiệp với viên Công sứ thực hiện yêu sách. Trong khi ở thị xã Quảng Ngãi sôi sục đấu tranh thì ở các phủ, huyện tình hình căng thẳng không kém. Nhân dân tỏa đi bủa vây nhà của bọn quan tàn ác đã từng đàn áp phong trào Cần Vương theo Pháp, như nhà của Nguyễn Thân, buộc cả gia đình

Nguyễn Thân phải chạy trốn. Để trấn áp phong trào ngày càng phát triển mạnh mẽ, tháng 4-1908, thực dân Pháp huy động nhiều đội lính khố đỏ từ Bắc kỳ vào đàn áp, phong trào mới dần dịu xuống.

- Trong khi các địa phương miền xuôi Quảng Ngãi đang rộ lên với phong trào Duy Tân, phong trào Chống sưu thuế thì trên địa bàn miền núi phía Tây Quảng Ngãi, nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc ít người, phong trào vũ trang đánh Pháp diễn ra sôi nổi, đặc biệt là người Hrê.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp sau khi dập tắt phong trào Cần Vương ở Trung kỳ và Bắc kỳ, bắt đầu tập trung lực lượng chinh phục miền cao nguyên phía Tây, từ miền Tây Quảng Trị đến hết Nam Trung bộ. Tuy nhiên, ngay từ đầu, chúng đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của đồng bào các dân tộc thiểu số. Tại Quảng Ngãi, tháng 2-1901, thực dân Pháp bị người Hrê tấn công ở huyện Mộ Đức. Dựa vào núi rừng hiểm trở, người Hrê lúc ẩn lúc hiện, tổ chức những trận đánh mai phục gây cho quân Pháp những thiệt hại đáng kể. Tháng 11-1901, nghĩa quân Hrê lại tổ chức phục kích quân Pháp ngay cạnh đồn địch, giết chết 1 tên Phó quản khố xanh tại công đồn.

Tháng 9-1903, một toán nghĩa quân Hrê do Tia Các lãnh đạo đột nhập Huân Phong (địa bàn giáp giới giữa Quảng Ngãi và Bình Định). Giám binh Haghê (Haguet) cùng với tên đội Phunê (Founé) dẫn lính khố xanh đi đàn áp. Nghĩa quân Hrê đã giao chiến nhiều trận với quân Pháp ở đồn Mang Gia, Làng Mít, Mu Lang, Nước Vo. Sang đầu tháng 10, phong trào tạm lắng xuống để rồi bùng lên vào tháng 2 năm sau (1904) ở đèo Đá Chát và Đá Đen. Tại đây,

nghĩa quân Hrê tổ chức nhiều trận đánh quyết liệt với quân Pháp ở thung lũng sông Nước Dinh. Tháng 4-1907, hàng nghìn nghĩa quân Hrê xuất hiện ở Yên Phước tiến đánh đồn Đức Phổ. Quân Pháp đem lính khố xanh đến đàn áp, bị nghĩa quân tiêu diệt 1 tên đội và làm bị thương 1 tên khác. Sau trận này, địch tăng cường thêm quân cho đồn Đức Phổ để phòng giữ và ngăn chặn nghĩa quân tràn xuống đánh phá. Tháng 9-1911, nghĩa quân Hrê dưới sự chỉ huy của Tổng Ren tấn công chiếm đóng đồn Đồng Mít ở vùng thượng lưu sông An Lão. Quân Pháp ở đồn Liệt Sơn kéo lên. Trận đánh giữa 2 bên diễn ra quyết liệt ở Đèo Ái. Sau đó, nghĩa quân lại tổ chức tấn công đồn Đức Phổ rồi rút về. Đầu tháng 11-1911, Pháp đưa quân tới càn quét ở vùng thượng An Lão, căn cứ của Tổng Ren, bị nghĩa quân chống cự kịch liệt, giết chết viên đội khố xanh và 1 viên đội người Pháp bị thương. Phong trào đấu tranh chống Pháp của người Hrê tạm thời lắng xuống vào cuối năm 1911¹.

- Trong thập niên 20 (thế kỷ XX), trên phạm vi cả nước, phong trào đấu tranh chống Pháp tạm lắng xuống. Một cuộc khởi nghĩa được coi là có quy mô lớn nhất, có tiếng vang nhất là cuộc vận động khởi nghĩa do Thái Phiên và Trần Cao Vân chủ xướng, có sự tham gia của vua Duy Tân, diễn ra vào năm 1916. Các yếu nhân của Quảng Ngãi tham gia cuộc vận động khởi nghĩa này có Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Lê Triết, Nguyễn Công Mậu, Nguyễn Công Phương. Ở Quảng Ngãi, phần lớn lính khố xanh ủng hộ phong trào và

¹ Tham khảo thêm: *Lịch sử Việt Nam (1897-1918)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.

sẵn sàng nổi dậy. Tại vùng trung du và thượng du Quảng Ngãi đã xây dựng được một số căn cứ rộng lớn ở Ba Tơ, Minh Long, Giá Vụt, Mang Đen, An Lão. Tuy nhiên, ở thị xã và các huyện lỵ, chưa có cơ sở vững chắc trong lực lượng binh lính người Việt. Đây là một hạn chế lớn của phong trào. Để trang bị vũ khí và quân nhu cho nghĩa quân, nhiều thợ rèn giỏi đã được đưa về các căn cứ Ba Tơ, Minh Long để rèn đúc vũ khí. Nhiều công nhân ở mỏ vàng Bồng Miêu, mỏ than Nông Sơn, ở đồn điền Tùng Sơn, Đức Phú tự động bỏ việc về nhà tham gia ứng nghĩa.

Theo kế hoạch, đêm ngày 3-5-1916, cuộc khởi nghĩa sẽ diễn ra tại Huế. Bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa gồm có Thái Phiên, Trần Cao Vân và các yếu nhân phụ trách từng địa phương. Lực lượng nổi dậy ở Quảng Ngãi do Lê Ngung phụ trách. Tham gia phong trào chủ yếu là lính mộ sắp bị đưa sang Pháp, lực lượng phục quốc quân tại chỗ và từ Quảng Nam kéo ra hỗ trợ, tấn công trấn Bình Đài (đồn Mang Cá). Sau khi nghe pháo lệnh ở Kinh thành Huế phát nổ, lửa hiệu trên đèo Hải Vân đốt lên thì quân khởi nghĩa các tỉnh khác sẽ nổi dậy bao vây và đánh chiếm tỉnh đường và các phủ, huyện đường. Do cơ mưu bị bại lộ nên thực dân Pháp đã nắm được kế hoạch khởi nghĩa trước đó 2 ngày và có sự phòng bị cẩn mật. Ở các địa phương quan trọng như Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế, thực dân Pháp ban lệnh giới nghiêm và tước vũ khí toàn bộ binh lính người Việt.

Tại Quảng Ngãi, nhân dân tập trung đông đảo kéo về tỉnh lỵ nhưng chờ không thấy hiệu lệnh đành phải giải tán. Ngày hôm sau, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp phong trào.

Lê Ngung tự sát trước khi bị địch bắt còn bị chúng chém đầu đem bêu ở làng Cam Lộ. Các thủ lĩnh nghĩa quân như Nguyễn Thụy, Trần Thiêm, Võ Cẩn, Mai Tuấn, Hứa Thọ... đều bị bắt và bị quân Pháp sát hại, nhiều người khác bị đi đày ở Lao Bảo hoặc Côn Lôn. Đến đây, về cơ bản cuộc khởi nghĩa đã hoàn toàn thất bại¹.

- Từ năm 1930 trở đi, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào đấu tranh của quần chúng công nông trên phạm vi cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nói riêng chuyển sang một giai đoạn mới. Sau khi cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, khắp nơi trong cả nước nổ ra một phong trào đấu tranh sôi nổi với khẩu hiệu ủng hộ công nông Nghệ Tĩnh. Tại Quảng Ngãi, phong trào nổi lên rất rầm rộ. Một số nơi, chính quyền địch chỉ còn trên danh nghĩa. Đêm ngày 7 rạng sáng ngày 8-10-1930, hơn 5.000 nông dân huyện Đức Phổ biểu tình có vũ trang tự vệ kéo đến huyện lỵ, đập phá công đường, thiêu hủy sổ sách, mở cửa nhà lao, làm chủ tình hình ở huyện lỵ. Hưởng ứng cuộc đấu tranh của nông dân huyện Đức Phổ, nông dân huyện Sơn Tịnh hai lần mít tinh biểu tình vào ngày 31-10-1930 và 19-1-1931, kéo lên huyện lỵ phản đối đế quốc Pháp và đưa yêu sách².

Sau thời kỳ Xô viết Nghệ Tĩnh bị địch khủng bố đàn áp, cơ quan Xứ ủy Trung kỳ chuyển vào Quảng Ngãi càng tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh của quần chúng công nông Quảng Ngãi phát triển mạnh mẽ hơn. Ngày 1-5-

¹ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập I, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr. 129.

² *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập I, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr. 129.

1931, hòa cùng phong trào đấu tranh của quần chúng công nông Nghệ Tĩnh, Bến Tre, Vĩnh Long, công nông Quảng Ngãi lại tổ chức biểu tình đấu tranh, hô vang khẩu hiệu cách mạng. Tinh thần yêu nước của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi được phát huy đến cao độ trong những ngày Tiền khởi nghĩa và trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân tháng 8-1945.

Ngày 11-3-1945, cuộc khởi nghĩa Ba Tơ bùng nổ. Ba Tơ là một châu miền núi của tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, thực dân Pháp xây dựng một đồn lính khố xanh, Nha Kiểm lý và một căng an trí nhằm quản thúc, cô lập tù chính trị. Ngay sau khi được tin Nhật đảo chính Pháp, ngày 10-3-1945, tổ chức Đảng ở địa phương đã họp, đánh giá tình hình và lập ra Ban lãnh đạo khởi nghĩa để vạch kế hoạch hành động, lãnh đạo quần chúng đứng lên giành chính quyền. Chiều ngày 11-3, một cuộc biểu tình lớn đã được tổ chức tại sân vận động địa phương rồi nhanh chóng biến thành một cuộc tuần hành thị uy kéo đến vây đồn Ba Tơ. Bọn chỉ huy địch bỏ chạy, binh lính trong đồn đầu hàng. Ngày 12-3, Ban lãnh đạo khởi nghĩa tổ chức một cuộc mít tinh quần chúng và tuyên bố thành lập Chính quyền cách mạng nhân dân. Ngày 12-3, Đội du kích Ba Tơ chính thức được thành lập gồm 17 chiến sĩ, sau nâng lên 28 chiến sĩ, được trang bị 24 khẩu súng. Đây là đội võ trang thoát ly đầu tiên do Đảng ta tổ chức và chỉ huy ở miền Trung Trung bộ. Cũng trong ngày hôm ấy, gần 100 lính Nhật và lính khố xanh từ Mộ Đức kéo lên Ba Tơ. Lực lượng cách mạng tạm thời rút khỏi Ba Tơ, tập trung ở Hang Én biên chế thành trung đội du kích

gồm 3 tiểu đội. Đầu tháng 5-1945, Đội du kích Ba Tơ chuyển về hoạt động ở vùng giáp ranh giữa miền thượng du và miền xuôi, tiếp tục xây dựng và củng cố lực lượng. Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã cử đồng chí Phạm Kiệt và Nguyễn Đôn trực tiếp chỉ huy 2 đại đội¹.

Từ tháng 7-1945 trở đi, phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi phát triển rộng khắp. Lực lượng tự vệ, du kích đã phát triển lên đến hơn 2.000 người, lực lượng quần chúng đông tới 11 vạn người. Chiều 14-8-1945, sau khi được tin phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, thời cơ đã đến, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi lập tức phát lệnh Tổng khởi nghĩa. Trong vòng 2 ngày quân khởi nghĩa đã làm chủ được thị xã và các huyện lỵ mặc dù quân Nhật kháng cự rất ngoan cố. Ngày 30-8-1945, Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh Lê Trung Đình (tên gọi tỉnh Quảng Ngãi lúc đó) được thành lập, tiếp tục lãnh đạo nhân dân bước vào cuộc đấu tranh mới không kém phần gian khổ: Củng cố, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ trước mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù. Một trang sử mới của đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung đã mở ra kể từ thời khắc lịch sử trọng đại: Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.

¹. Xem thêm:

- Dương Trung Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1945)*, tập IV, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989, tr.227.

- Viện Sử học: *Cách mạng tháng Tám 1945 - Những sự kiện lịch sử*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.

2. Đồng chí Trương Quang Trọng - người cộng sản kiên trung của quê hương Quảng Ngãi

Đồng chí Trương Quang Trọng (1906 - 1931) là một chiến sỹ cộng sản kiên trung mẫu mực, người con ưu tú của quê hương Quảng Ngãi - người *đặt nền móng* thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh. Tài năng, sự cống hiến, phẩm chất chính trị kiên cường, đức hy sinh vì nghĩa lớn của đồng chí đã để lại cho nhân dân Việt Nam nói chung, quê hương Quảng Ngãi nói riêng một tấm gương sáng về đạo đức cách mạng, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân.

Trương Quang Trọng là một trong những thanh niên trí thức tiến bộ, giữ vai trò chủ yếu trong việc xây dựng tổ chức tiền thân của Đảng bộ Quảng Ngãi và Sơn Tịnh. Ông từng được bầu làm Bí thư Tỉnh hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, thành viên Ban đấu tranh ở ngục Kon Tum. Suốt cuộc đời học tập, chiến đấu vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, đối với quê hương Quảng Ngãi nói riêng, đồng chí đã có nhiều cống hiến, đóng góp. Đồng chí Trương Quang Trọng sinh năm 1906 tại xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi). Lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, nhiều lần chứng kiến cảnh nhân dân lầm than khổ cực, thực dân Pháp đàn áp đồng bào đã thôi thúc và nuôi dưỡng ý chí đấu tranh cách mạng trong ông. Năm 1923, đồng chí thi đậu Cao đẳng Tiểu học ở Huế và tham gia học tập tại đây. Năm 1925, đồng chí thi đỗ và theo học tại khoa Dược, trường Y- Dược Đông Dương, Hà Nội. Tại đây, đồng chí đã hăng hái tham gia và nhanh chóng hòa mình vào các cuộc đấu tranh sôi nổi. Năm 1925, đồng chí cùng một số bạn học tham gia các phong trào đấu

tranh chính trị để chống lại sự đàn áp của ách thực dân phong kiến. Sau khi tham gia phong trào đề tang cụ Phan Chu Trinh và đòi ân xá cụ Phan Bội Châu, hai phong trào có tiếng vang khắp cả nước, đồng chí bị thực dân Pháp theo dõi và liệt vào danh sách “những người sống ngoài vòng pháp luật”. Từ sự kiện đấu tranh này, đồng chí thôi học và chính thức dấn thân vào con đường cách mạng. Để tránh bị thực dân Pháp khủng bố, đồng chí trở về quê hương gây dựng phong trào cách mạng. Đây cũng là thời gian đồng chí Trương Quang Trọng có nhiều đóng góp trong việc xây dựng tổ chức đảng và phong trào cách mạng. Tại Quảng Ngãi, ông cùng các đồng chí, bạn bè vận động thành lập Hội Phục Việt (sau là Tân Việt cách mạng Đảng), Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (HVNCMTN) tỉnh Quảng Ngãi. Đồng chí Trương Quang Trọng được bầu làm Bí thư Tỉnh bộ Quảng Ngãi.

Đồng chí Trương Quang Trọng là một trong những người đầu tiên tổ chức truyền thụ chủ nghĩa Mác - Lênin ở Quảng Ngãi. Năm 1927, sau khi học tập từ nước ngoài về, đồng chí đã tổ chức nhiều lớp huấn luyện cấp tốc, lập cơ quan ấn loát, xuất bản tờ báo *Dân cày* và *Thanh niên* để phổ biến những văn kiện của tổng bộ, những tài liệu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc giảng dạy tại các lớp huấn luyện ở Quảng Châu, Trung Quốc được tập hợp trong quyển “Đường cách mệnh”¹. Thông qua các lớp học này, nhận thức của thanh niên, học sinh, quần chúng yêu nước cách

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghĩa Bình, 1985, tr. 34-35.

mạng nâng lên, từ bỏ con đường đấu tranh theo khuynh hướng cải lương. Các tổ chức yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi đã gia nhập vào Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên và tin theo con đường cách mạng vô sản.

Nhờ có đường hướng đúng đắn, chỉ một thời gian ngắn sau, Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi đã có cơ sở ở hầu khắp các huyện đồng bằng. Các tổ chức quần chúng như Nông hội, Hội thể dục thể thao... phát triển khá mạnh ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn. Các cuộc đấu tranh chính trị cũng ngày một phát triển, được nhân dân hưởng ứng. “Tỉnh bộ đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày, bảo vệ và phát triển lực lượng cách mạng như chống việc gian lận quân cấp công điền (ở làng Bồ Đề, Mộ Đức), chống việc cúng tế, ăn uống linh đình (ở làng Liên Chiêu, Đức Phổ), rải truyền đơn trong Hoa kiều đòi nhà cầm quyền Trung Quốc thả những nhà cách mạng Việt Nam bị Tỉnh trưởng Quảng Đông bắt giam”¹.

Tháng 7-1928, sau khi dự Hội nghị đại biểu của Kỳ bộ Thanh niên Trung kỳ ở Đà Nẵng về, Trương Quang Trọng đã bàn bạc cùng với các đồng chí của mình về việc *thành lập Đảng Cộng sản* để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản Nga, không làm cách mạng tư sản dân quyền. Đây là bước ngoặt lớn đánh dấu sự phát triển về định hướng, tư tưởng làm cách mạng của các tổ chức đảng ở tỉnh Quảng Ngãi. Với uy tín cao, đồng chí Trương Quang Trọng là một trong bốn đại biểu của Kỳ bộ

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghĩa Bình, 1985, tr. 35.

Trung kỳ được cử đi dự Đại hội Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc) vào tháng 5-1929. Dự đại hội về, đồng chí đã cùng với Phạm Văn Đồng, Nguyễn Sĩ Sách, Nguyễn Thiệu bàn luận về việc thành lập Đảng Cộng sản. Qua nhiều lần họp nhóm và họp bàn với Tỉnh bộ Thanh niên về thành lập Đảng nhưng đều không có kết quả.

Với ý chí và sự quyết tâm thành lập một Đảng Cộng sản tại quê hương Quảng Ngãi, vài ngày sau, tại núi Xương Rồng (Đức Phổ), đồng chí Trương Quang Trọng đã chủ trì phiên họp, quyết định thành lập tổ chức “dự bị cộng sản”. “Cuối tháng 7-1929, cuộc họp do đồng chí Trương Quang Trọng trực tiếp điều hành sau khi dự Hội nghị Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu về đề phổ biến Nghị quyết; giải tán Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và thành lập chi bộ Đảng tại tỉnh nhà. Hội nghị đã báo tin danh sách các hội viên trong tỉnh và các tỉnh bạn bị lộ, đề ra những biện pháp tích cực đối phó với những cuộc khủng bố lớn của Pháp, đồng thời bố trí người có năng lực thoát khỏi sự bắt bớ của thực dân Pháp để đứng ra xúc tiến thành lập Đảng Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi”¹. Tổ chức “dự bị cộng sản” hoạt động theo đúng tinh thần của một tổ chức cộng sản, làm nhiệm vụ của Ban Vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian sau, tại Quảng Ngãi, Trương Quang Trọng và các đồng chí đã gây dựng được nhiều tổ chức “dự bị Cộng sản”, tích cực hoạt động

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghĩa Bình, 1985, tr. 40.

đấu tranh chính trị, để chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi.

Như vậy, đồng chí Trương Quang Trọng là người có vai trò quan trọng trong việc quyết định thành lập và tổ chức hoạt động của tổ chức này, “tuy chưa chính thức mang tên là một Đảng cộng sản, nhưng những gì mà tổ chức dự bị cộng sản làm và hoạt động không khác gì một Đảng Cộng sản”¹.

Các chi bộ “dự bị Cộng sản” ra đời và hoạt động tích cực đã gây nhiều khó khăn cho thực dân Pháp và bộ máy cai trị. Vì vậy, thực dân Pháp đã tìm mọi cách để truy tìm tung tích, vây bắt Trương Quang Trọng và triệt phá các tổ chức đảng. Ngày 19-8-1929, đồng chí bị thực dân Pháp bắt. Ông bị lĩnh án 9 năm khổ sai và 4 năm quản thúc. Đến thời gian này, Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi không còn, nhưng thực tế cán bộ và hội viên còn lại vẫn tích cực hoạt động và thành lập ra Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư.

Sau khi bị bắt, từ năm 1929 đến năm 1931, đồng chí đã trải qua ba nhà tù của chủ nghĩa đế quốc: nhà tù Quảng Ngãi, nhà lao Quy Nhơn và ngục Kon Tum (6-1931). Từ đây, quãng đời hoạt động cách mạng của đồng chí rẽ sang một hướng khác, đấu tranh kiên trì, bí mật trong tù nhưng thể hiện đầy đủ khí tiết của người Cộng sản anh hùng. Quá trình hoạt động và đấu tranh trong tù của đồng chí Trương

¹ Theo tài liệu của Mật thám Pháp viết về tình hình Quảng Ngãi trong báo cáo quý I năm 1930 có đoạn “Từ sau vụ bắt trong tháng 8 vừa qua, một số tên cộng sản đã thành lập được một số chi bộ”.

Quang Trọng là thực tiễn khẳng định chính sách đối xử hà khắc và những âm mưu thâm độc của nhà tù thực dân không những không dập tắt được lòng yêu nước, chí khí kiên cường của những người cộng sản, trái lại đã thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh, tôi luyện ý chí sắt thép của họ. Nhà tù thực dân trở thành trường học cách mạng để những người cộng sản lớp trước đào tạo, rèn luyện cho thế hệ sau về lý tưởng cộng sản, chủ nghĩa Mác - Lênin; về đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới, hun đúc nên phẩm chất của những người cộng sản...

Ngày 25-9-1930, chi bộ Đảng ngục Kon Tum được thành lập do đồng chí Ngô Đức Đệ (Can Lộc, Hà Tĩnh) làm Bí thư. Từ khi chi bộ Đảng ra đời, phong trào đấu tranh trong Ngục Kon Tum được tổ chức chặt chẽ, đoàn kết, thống nhất. Trong đấu tranh gian khổ, tù nhân chính trị đã có nhiều hình thức tuyên truyền, động viên lẫn nhau giữ vững chí khí, nhiệt huyết đấu tranh, giữ vững niềm tin chiến thắng cuối cùng của cách mạng. Họ sẵn sàng chấp nhận lấy cái chết của mình để đổi lấy sự sống cho đồng chí, anh em. Họ tích cực tuyên truyền, vận động, giác ngộ nhân dân và binh lính, làm cho họ hiểu rõ hơn, đúng hơn về người tù chính trị. Vì vậy, tình cảm của đồng bào với tù chính trị trở nên thân thiết hơn. Một số tù thường phạm và lính cai ngục dần dần được giác ngộ tinh thần yêu nước.

Đầu tháng 7-1931, Ban Phụ trách nhà lao được thành lập, tổ chức lực lượng, xây dựng kế hoạch đấu tranh chống lại chính sách cai trị tàn ác của chế độ thực dân, giành lại quyền sống, quyền tự do cho tù chính trị. Từ đó, nhiều cuộc đấu tranh với những hình thức khác nhau liên tục nổ ra, đỉnh

cao là *cuộc đấu tranh Lưu huyết* ngày 12-12-1931. Trong cuộc đấu tranh này, nhiều chiến sĩ cộng sản đã không tiếc sinh mạng của mình, sẵn sàng chấp nhận hy sinh để bảo vệ chính nghĩa, để anh em tù được sống tốt hơn như đồng chí Trương Quang Trọng, Nguyễn Huy Lung, Ngô Đức Đệ,...

Thời gian ở trong tù, với những kiến thức, kinh nghiệm chiến đấu, đấu tranh và tuyên truyền, đồng chí Trương Quang Trọng đã nhanh chóng hòa nhập với các hoạt động đấu tranh ở trong nhà tù. Nhiều phong trào đấu tranh như tuyệt thực, tuyệt âm, phản đối chế độ nhà tù hay đấu tranh lưu huyết đều in đậm vai trò của đồng chí trên cương vị một thủ lĩnh.

Hình ảnh về sự hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng thuật lại trong sách “*Ngục Kon Tum*” của Lê Văn Hiến là một thực tiễn sinh động về hình ảnh người chiến sĩ vì nghĩa quên thân, suốt đời phấn đấu, hy sinh cho độc lập tự do của Tổ quốc: “*Một hồi sau, Công sứ, Giám binh, các viên quan Một ở các đồn và lính tráng rầm rộ kéo đến... Thái độ người nào cũng hung hăng dữ tợn.*”

Trong lao thì nhà phạt hô to khẩu hiệu “Phản đối đi Đăk Pét¹! Phản đối đi Đăk Pét!”, rồi tất cả đều kêu nhau sắp hàng đứng trước cửa lao, thái độ người nào cũng quả quyết, hăng hái, không sợ chết. Người đại diện cho anh em lúc bấy giờ là Trương Quang Trọng, số hiệu 303, đứng hàng đầu. Thái độ của Trọng trầm tĩnh oai nghiêm và hết sức quả quyết.

¹ Đăk Pét là nơi rừng thiêng nước độc, Đăk Pét, đường 14 (nối liền Đăk Lăk, Gia Lai, Kon Tum).

Theo lệnh Công sứ, Moulec tay cầm súng sáu¹, vừa bước vào cửa lao vừa hỏi:

- Thằng 299 ở đâu? (Où est-il 299?).

Khi nghe kêu số hiệu của Lung, anh em nhà phật đều la lớn: Không có, không có, không có ai hết!

Nhưng lúc ấy Trọng đứng hàng đầu, vừa nghe Moulec kêu Lung thì Trọng tay lần mở nút áo, phanh ngực, rồi chỉ vào ngực mà trả lời cho Moulec bằng tiếng Pháp: - Le voici! (Nó ở đây!).

Moulec đưa thẳng súng sáu vào ngực Trọng nẩy một phát, nói: - Le voilà! (Nó đó!).

Tiếng súng sáu vừa ra, Trọng liền ngã xuống!”².

Lúc này Trương Quang Trọng mới vừa tròn 25 tuổi.

Cuộc “Đấu tranh lưu huyết” của đồng chí Trương Quang Trọng tại ngục Kon Tum chính là biểu tượng điển hình về sự phản kháng mãnh liệt của các tù nhân chính trị chống lại bộ máy cai trị hà khắc của chủ nghĩa thực dân. Tinh thần đấu tranh của đồng chí đã thể hiện ý chí kiên cường, bất khuất, không run sợ trước kẻ thù, nó chứng minh rằng, “sự hà khắc, dã man tàn bạo của kẻ thù chỉ có thể giam cầm, đày đọa được thể xác chứ không thể dập tắt, giết chết ý chí cách mạng của những người cộng sản”. Sự đàn áp dã man của kẻ thù không thể dập tắt được tinh thần đấu tranh, lòng yêu nước của con người Việt Nam. Sự hy

¹ Tức súng lục, súng ngắn ổ xoay.

² Lê Văn Hiến, *Ngục Kon Tum*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1958, tr. 68-69.

sinh của đồng chí Trương Quang Trọng đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh của các tù nhân tại ngục Kon Tum suốt một thời gian dài sau đó.

Quá trình tham gia và hoạt động cách mạng của Trương Quang Trọng cho thấy đồng chí là hình ảnh tiêu biểu của một người chiến sĩ cộng sản kiên trung, người lãnh đạo mẫu mực, người đồng chí, đồng đội “vì nghĩa quên thân” không chỉ ở bên ngoài mà còn ngay ở trong nhà tù của chủ nghĩa thực dân, nơi cái chết có thể đến bất cứ lúc nào.

Phần lớn cuộc đời hoạt động cách mạng, đồng chí Trương Quang Trọng đều gắn với quê hương Quảng Ngãi. Quảng Ngãi là nơi ông sinh ra, nuôi lớn và hun đúc nên một người con hiếu học, người chiến sĩ Cộng sản có nhiều đóng góp cho quê hương trong nhiều cương vị.

Đồng chí Trương Quang Trọng đã đi xa, nhưng tên tuổi của đồng chí luôn còn mãi. Tên đồng chí đã gắn với tên đường, tên trường học, tên phường, tên xã... ở tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Kon Tum, điều này khẳng định sự thành kính và lòng biết ơn vô bờ, niềm tự hào, tình cảm sâu nặng không chỉ của quê hương Quảng Ngãi đối với người chiến sĩ Cộng sản kiên trung - đồng chí Trương Quang Trọng.

Những giá trị tinh thần và kinh nghiệm rút ra từ cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Trương Quang Trọng góp phần bồi dưỡng tinh thần yêu nước, hun đúc niềm tự hào dân tộc và truyền thống cách mạng của quê hương Quảng Ngãi, vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

TRƯƠNG QUANG TRỌNG - TÂM, CHÍ CỦA MỘT THẾ HỆ THANH NIÊN QUẢNG NGÃI

Cao Chư*

Quê hương Quảng Ngãi là cái nôi hun đúc nên những nhân vật lịch sử - văn hóa mà sự nghiệp của họ có những đóng góp đáng kể vào lịch sử dân tộc. Trương Quang Trọng (1906 - 1931) có một cuộc đời và hoạt động cách mạng thật ngắn ngủi, đã hy sinh từ khi còn rất trẻ, nhưng đã đủ để lưu danh vào lịch sử, điều đó trước hết là từ tâm, chí của ông.

I. TÌNH CHUNG, TÌNH RIÊNG NỒNG ĐẬM, HÀI HÒA

Trương Quang Trọng sinh năm 1906, cùng năm sinh với Phạm Văn Đồng, cùng đỗ tú tài Tân học như Phạm Văn Đồng (1906 - 2000) và Nguyễn Thiệu (1903 - 1989), là những người đồng chí cùng quê hương Quảng Ngãi. Đáng chú ý là cả ba ông đều đỗ Tú tài tân học, lại có rất nhiều điểm chung, như cùng vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, cùng vận động thành lập Đảng Cộng sản, có những mối liên lạc mật thiết với nhau, đều nếm trải tù đày. Nhưng nếu Phạm Văn Đồng, Nguyễn Thiệu may mắn có một cuộc đời viên mãn, thì Trương Quang Trọng trái lại, có cuộc sống ngắn ngủi. Các tài liệu còn để lại về Trương Quang Trọng vì thế cũng không thật nhiều, nhưng cũng rất quý báu. Từ một số tài liệu ghi chép của các đồng chí của

* Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi.

ông, số thơ mà ông để lại, ta có thể thấy được những nét nổi bật trong tâm hồn ông.

1. Lòng yêu nước luôn nồng đậm, nhiệt thành

Các tài liệu lịch sử đều ghi rằng Trương Quang Trọng từng tham gia Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ khi theo học ở Huế. Năm 1925, ông tham gia phong trào đề tang Phan Chu Trinh và năm 1926, đòi ân xá Phan Bội Châu khi đang học năm thứ 2 ở trường Cao đẳng Đông Dương tại Hà Nội. Bị đuổi học, chàng trai tuổi 20 về quê, hoạt động yêu nước, rồi năm 1927, khi Nguyễn Thiệu thay mặt Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên về làm việc thì Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi được thành lập và do Trương Quang Trọng làm Bí thư. Ông được tham gia lớp tập huấn của Hội ở Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 5-1929, ông được cử làm đại biểu của Tỉnh bộ đi dự đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Hồng Kông, trở về ông tham gia thành lập An Nam Cộng sản Đảng ở Trung kỳ, đến cuối tháng 7 năm ấy lại chuyển tổ chức cộng sản Quảng Ngãi thành tổ chức “dự bị cộng sản”. Cuối năm 1929, do bị phản bội, ông cùng 20 đồng chí khác bị bắt giam ở nhà lao Quảng Ngãi. Đầu năm 1931, thực dân Pháp chuyển số tù nhân này vào Quy Nhơn rồi đưa lên ngục Kon Tum. Cuối năm 1931, địch định đưa số tù chính trị ở ngục Kon Tum lên Đắc Pét làm đường. Ngày 12-12-1931, chúa ngục Moulec đến truy bức người tù đi lao động khổ sai, Trương Quang Trọng đã dũng cảm đấu tranh và hy sinh anh dũng.

Sự liên tục, dồn dập của các hoạt động cho thấy lòng yêu nước luôn nồng đậm, nhiệt thành trong tâm hồn Trương

Quang Trọng. Lật lại mấy trang bài thơ Trương Quang Trọng cũng thấy rõ điều này. Năm 1923, ông có bài thơ *Ngậm miệng lại đồ tàn ơi!*. Bài thơ do Phạm Ngọc Trân¹ cung cấp, mà theo soạn giả Nguyễn Hồng Sinh², tác giả cuốn sách *Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi (1885 - 1945)* (Hội Văn nghệ Nghệ An 1975) thì nó ra đời là để “chống lại sự bài xích không đúng của một số người có quan điểm lệch lạc về tổ chức và hoạt động của thanh niên lúc bấy giờ”. Chính ở đây tôi cảm nhận một lòng yêu nước tràn trề, và cái nét gì đó rất riêng về Quảng Ngãi với độ gay gắt trong cả ngữ ngôn tại đầu đề lẫn nội dung bài thơ:

*"Không lẫn, cụ này cũng hóa điên
Nên chi kiếm chuyện nói liên thiên
Thân già nữ miệt trang anh tuấn
Óc hủ còn phô chuyện thánh hiền³".*

¹ Phạm Ngọc Trân sinh năm 1906, quê làng An Phú, xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; 31-10-1930, chỉ huy cuộc biểu tình đầu tiên ở miền đông huyện Sơn Tịnh (theo tác giả *Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi*). Ông Trân là anh của Trung tướng Phạm Kiệt.

² Nguyễn Hồng Sinh sinh năm 1917 tại thôn Văn Hà, xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, tham gia cách mạng từ thời 1930 - 1945 (theo chính tác giả viết), tập kết ra Bắc, soạn cuốn sách *Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi* thời còn ở miền Bắc, dựa trên các sách báo đã xuất bản và cung cấp của nhiều đồng chí của ông, những người trong cuộc cùng tập kết ra Bắc. Sau năm 1975, Nguyễn Hồng Sinh về sống ở Nha Trang và mất tại đây. Nguyễn Hồng Sinh cũng là tác giả của các tập sách *Sao sáng sông Trà*, *Người con trai sông Trà*.

³ Nguyễn Hồng Sinh, *Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi (1885-1945)*, Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975, trang 82 - 83.

Bài thơ thể hiện sự phản ứng rất quyết liệt của Trương Quang Trọng trước một nhân vật nào đó mà qua bài thơ ta có thể đoán rằng người này không phải không có địa vị cao nhưng lại trịch thượng và cổ hủ. Ông không ngại gọi người ấy là “đồ tàn”, là “lẩn”, là “điên”, là “cái anh gàn”.

Tại tập sách Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi cũng in bài thơ thứ hai của Trương Quang Trọng là bài “*Theo gương Nga Xô cùng nổi dậy*” do Trần Hàm¹ và Nguyễn Phong đọc, được viết năm 1929, tức là lúc Trương Quang Trọng và một số đồng chí của ông cùng sáng lập ra nhóm An Nam Cộng sản Đảng rồi chuyển tổ chức cộng sản Quảng Ngãi thành tổ chức “dự bị cộng sản”. Khác với bài trên dùng thể thất ngôn bát cú thiên về tranh luận, bài thơ này được dùng thể song thất lục bát phù hợp với lối văn cổ vũ, không bị câu thúc bởi số lượng câu. Bài thơ có tổng cộng 98 câu chia làm 3 phần nội dung rõ rệt, trong đó 62 câu đầu kể về tinh thần nổi dậy của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, 10 câu sau đó kể về phong trào cách mạng vô sản thế giới với đệ tam quốc tế, 26 câu sau cùng kêu gọi mọi người ở núi Ấn sông Trà đứng dậy dưới lá cờ Đảng, lật nhào đế quốc, vua quan để “*Chung tay xây dựng cơ đồ/Việt Nam độc lập tự do đời đời*”. Bài thơ cũng thể hiện một lòng yêu nước và tinh thần cách mạng nồng nhiệt

¹ Trần Hàm sinh năm 1902, người thôn Gò Huyện, nay là huyện lỵ Mộ Đức; tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sau đó tham gia thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi và cao trào cách mạng 1930-1931 ở Quảng Ngãi; bị địch bắt đày đi Buôn Ma Thuột, ra tù về làm Trưởng ban quân nhu của Đội Du kích Ba Tư năm 1945; năm 1954 tập kết ra Bắc, công tác ở Bộ Nông nghiệp.

ở Trương Quang Trọng và kết thúc với câu cuối "*Đồng bào ơi! Đứng lên thôi!*".

Nếu như lịch sử ghi lại những hoạt động luôn thường trực, khẩn trương, dồn dập của Trương Quang Trọng, thì hai bài thơ ít ỏi để lại ở trên của ông, do những đồng chí cùng thời, cùng quê về sau cung cấp, lại cho thấy rõ hơn, cụ thể hơn nữa một khía cạnh cốt lõi trong tâm hồn, tính cách Trương Quang Trọng: một tấm lòng yêu nước luôn nồng đậm, nhiệt thành.

2. Tình riêng thấm đượm tình chung

Nếu chỉ nghiên cứu từ phía Trương Quang Trọng và lịch sử không thôi, hẳn sẽ chưa thấy được tình riêng của ông. Trong tập "Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi" do Nguyễn Hồng Sinh sưu tập và giới thiệu, còn thấp thoáng thấy tình riêng của ông qua trường hợp Nguyễn Thị Du. Nguyễn Thị Du là ai? Theo Nguyễn Hồng Sinh, Nguyễn Thị Du "hiệu Song Nghĩa, sinh năm 1904, trong một gia đình yêu nước ở thị xã Quảng Ngãi, cùng học với các đồng chí Trương Quang Trọng, Nguyễn Thiệu, Phạm Văn Đồng ở Huế, nên sớm giác ngộ cách mạng. Đỗ bằng thành chung năm 1924, làm nghề dạy học và tham gia hoạt động từ thời Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội. Hòa bình lập lại, công tác ở Bộ Giáo dục. Hiện đã hưu trí." Cứ như những lời trên thì có thể suy luận Nguyễn Thị Du cũng thuộc tầng lớp trên, mới có điều kiện học hành đàng hoàng và như vậy, bà thuộc số phụ nữ đã thoát khỏi định kiến xem thường phụ nữ của xã hội phong kiến thời bấy giờ, sớm nhận thức về cuộc cách mạng xã

hội. Bà đã sống qua các thời kỳ đến sau năm hòa bình lập lại, tức 1954 và làm việc ở Bộ Giáo dục đến lúc nghỉ hưu. Trong sách của Nguyễn Hồng Sinh có đến 6 bài thơ của Nguyễn Thị Du gắn với chú giải về hoàn cảnh sáng tác của từng bài cụ thể. Bài thứ nhất là bài *Cười nửa miệng*, viết năm 1925 nhằm “phản đối số thanh niên sa vào thú ăn chơi lúc bấy giờ”, bài thứ hai *Ngỏ cùng báo Tiếng Dân* viết năm 1928 khi tòa báo của cụ Huỳnh Thúc Kháng có ý bài bác cộng sản, bài thứ ba cũng viết năm 1928 mang tên *Hoa đình hương đẹp nhứt*, đề “động viên cán bộ, thanh niên thực hiện lao động hóa lúc bấy giờ”. Qua các bài thơ trên, có thể thấy rằng Nguyễn Thị Du cũng từng là người phụ nữ có chí khí từ thời trẻ, từng tham gia các hoạt động yêu nước trước khi thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Ba bài thơ khác có phần hé lộ mối quan hệ trực tiếp của Nguyễn Thị Du với Trương Quang Trọng rõ hơn. Bài thơ *Càng bền chí đấu tranh* được viết năm 1929, khi Nguyễn Thị Du vào nhà lao Quảng Ngãi thăm Trương Quang Trọng sau khi ông bị bắt giam ở đây. Tác giả Nguyễn Hồng Sinh có ghi: “Yêu nhau rất tha thiết từ hồi còn học với nhau ở Huế. Nhưng vì trắc trở mà không lấy nhau được. Giờ gặp lúc người yêu, người đồng chí của mình bị địch giam cầm tra tấn. Tác giả vào tận nhà lao mà gửi gắm lời vàng đá, bằng bài thơ trên”. Bài thơ gồm ba khổ thất ngôn tứ tuyệt liên hoàn, Nguyễn Thị Du thể hiện một tình cảm son sắt với ông và cùng ông là sự thủy chung với cách mạng:

"Con đường cách mệnh đầy gai góc

Ta quyết cùng nhau nghĩa tử sinh".

Bài thứ hai là bài *Giữ trọn lời thề* viết năm 1932, khi Nguyễn Thị Du đang dạy học và công tác ở Đồng Hới, “được tin người đồng chí thân thiết của mình hy sinh anh dũng tại ngục Công Tum, tác giả đau đớn làm bài này” (Nguyễn Hồng Sinh). Có lẽ đây là bài thơ mà tình riêng không ẩn giấu, được biểu lộ rõ nhất, khi tác giả như òa khóc: “Hạnh phúc trăm năm đã vỡ rồi/Hỡi nhà, hỡi nước, hỡi ai ơi!”. Tất nhiên với tính cách mạnh mẽ của người hoạt động cách mạng bí mật, Nguyễn Thị Du không sa vào bi lụy mà bà càng thể hiện lòng căm thù quân địch và lòng quyết tâm dấn thân cho chí cứu nước. Đến 4 năm sau, năm 1936, Nguyễn Thị Du lại được dịp bộc lộ tình cảm của mình với Trương Quang Trọng. “Trong thời kỳ “bình dân”, tác giả đang dạy học trò và công tác tại huyện Nghi Lộc (Nghệ An) được đoàn thể cử lên Công Tum viếng mộ các liệt sĩ, trong đó có người yêu của mình đã ngã xuống cầm mũi súng của quân thù ngày 12-12-1931. Cảm tác làm bài trên”. Đó là bài *Viếng mộ liệt sĩ*. Cần lưu ý rằng lúc này là những năm ba mươi của thế kỷ trước, nước ta vẫn nằm dưới ách thống trị của thực dân phong kiến mà chưa giành được chính quyền, nên “liệt sĩ” ở đây chưa thể là những người được nhà nước công nhận. Tác giả thể hiện tình cảm gắn bó của mình đối với tám liệt sĩ đã ngã xuống nơi đây, tình riêng tình chung hòa quyện.

Cần nói thêm rằng, Trương Quang Trọng mất sớm và tuyệt tự. Thờ Trương Quang Trọng tại ngôi nhà xưa của ông là người cháu ruột gọi ông bằng bác - Trương Quang Minh. Theo như ông Minh thì ông bác Trương Quang Trọng có một người vợ ở quê, mất sớm, và giữa Trương Quang Trọng với Nguyễn Thị Du có chăng chỉ là tình đồng

chí mà không có tình riêng. Tuy nhiên, ông Minh cũng chỉ nghe người trước kể lại và cũng không đưa ra chứng cứ thuyết phục. Đối với Trương Quang Trọng trong bối cảnh bấy giờ, cuộc vận động cách mạng kể cả tình riêng trong hoàn cảnh này đều phải bí mật, do vậy, khả năng gia đình biết được tình riêng của ông cũng rất ít. Chúng tôi rất tôn trọng ý kiến của gia đình, tuy nhiên, lại có những ý kiến khác của mình và thiết tưởng những ý kiến này có cơ sở và cũng chỉ tôn thêm nét đẹp ở người chiến sĩ cách mạng Trương Quang Trọng mà thôi.

Nếu như các bài thơ của Trương Quang Trọng được in thông qua những người đồng chí của ông đọc lại, cung cấp (vì Trương Quang Trọng mất quá sớm), mãi đến thời điểm xuất bản sách (1975), tức ròn rã 44 năm sau khi ông mất, nghĩa là còn có thể sai sót nhất định nào đó, thì các bài thơ của Nguyễn Thị Du chắc hẳn ít xảy ra tình trạng này. Bởi bà còn công tác ở Bộ Giáo dục sau năm 1954, và chắc hẳn đã có sự gặp gỡ, trực tiếp hoặc gián tiếp, với tác giả Nguyễn Hồng Sinh khi ông tập kết ra Bắc và cung cấp cho ông những bài thơ của bà.

Qua những bài thơ của Nguyễn Thị Du, ta có thể thấy một tình yêu rất đẹp thời con gái giữa bà với Trương Quang Trọng, tình yêu của những người bạn học, của những người đồng đội, cùng chí hướng. Có thể trong đời riêng của mỗi người còn có khúc mắc, nhưng có thể nói họ đã gắn bó tình cảm với nhau thân thiết. Nguyễn Thị Du không phải là người phụ nữ bị động, vì bà đã tham gia cách mạng cùng thời với Trương Quang Trọng và bà tiếp tục với chí hướng đó của mình cho mãi đến sau này.

II. MỘT Ý CHÍ MẠNH MẼ, ĐẦY NHIỆT HUYẾT

Có thể có người yêu nước, nhưng lại không dám đứng lên cứu nước. Có thể có người dám đứng lên cứu nước, nhưng lại còn phải tính toán bước đi, sách lược. Nhưng ở Trương Quang Trọng, ta lại thấy một kiểu tính cách khác: một ý chí mạnh mẽ, đầy nhiệt huyết. Ta có thể thấy rằng từ lúc còn học ở trường, Trương Quang Trọng đã không hề ân hận với các hành động yêu nước của mình. Bị đuổi học về quê, ngay lập tức ông tích cực hoạt động cách mạng và chỉ trong vòng mấy năm mà nhiều sự kiện lớn đã diễn ra, từ việc thành lập Tỉnh hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng tỉnh Quảng Ngãi, làm Bí thư, thành lập tổ chức dự bị cộng sản, rồi bị bắt giam trong nhà lao...

Trong khi nhà cầm quyền Pháp giải Trương Quang Trọng và các đồng chí của ông đi xà lim Quy Nhơn rồi đày lên Kon Tum, cũng là lúc ở quê nhà Quảng Ngãi, các đồng chí của ông vẫn tiếp bước, sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập vào ngày 3-2-1930, thì ngay trong mùa xuân ấy, Đảng bộ tỉnh cũng được thành lập, và liền dấy lên cao trào cách mạng 1930 - 1931, chia lửa với phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Có lẽ hào khí của cách mạng và không khí bi phẫn của những cuộc đàn áp đẫm máu ở quê nhà cũng đã loang lên ngục Kon Tum, hun nóng thêm bầu nhiệt huyết của những người tù cộng sản. Ngục Kon Tum cũng là nơi lưu đày các chiến sĩ phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, cùng không hẹn mà gặp nhau ở nơi rừng thiêng nước độc này. Có thể hiểu rằng trong khi cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt bên ngoài, những người tù càng cảm thấy bi phẫn bởi bị trói chân trói tay. Người trong cuộc như ông Lê Văn Hiến

đã chứng kiến và kể rất tường tận sự biến diễn ra trong ngày 12-12-1931. Việc bắt tù nhân đi lao động khổ sai, làm đường đầy gian nan nguy hiểm lần trước đã tước mất vài trăm mạng tù nhân với hai phần ba số người đi, trên cái con đường mà về sau, năm 1942, Tố Hữu từ lao Quy Nhơn bị đày lên đây, viết bài *Tiếng hát đi đày* đã mô tả là “Đường lên Đắc Sút, Đắc Pao/Đèo leo ngọn thác, cầu treo mặt ghềnh!” và tác giả chạnh nhớ:

*"Chao ôi, xưa cũng chốn này đây
Thân bạn vùi xương dưới gốc mây
Roi vọt nát tay bầy lính rợ
Máu đầm khoai mắt lũ đồn Tây!
Mỗi hòn đá đó bao hòn huyết
Một khúc cầu đây, mấy khúc thân!
Hỡi những anh đầu qua trước đó
Biết chằng còn lắm bạn đi đày!"*

Không rõ Tố Hữu có biết sự hy sinh lẫm liệt của Trương Quang Trọng và các đồng chí của ông hàng chục năm trước ngay tại nhà ngục Kon Tum hay không.

Không phải đến thời Trương Quang Trọng bị bắt đày lên Kon Tum mới có chuyện đi lao động khổ sai nguy hiểm mà trước đó đã diễn ra những cảnh tàn bạo như Tố Hữu đã cảm nhận. Trong thập niên thứ hai của thế kỷ trước, thực dân Pháp mở rộng sự cai trị lên miền núi, và miền tây các tỉnh đồng bằng cũng như Tây Nguyên, đồng bào các dân tộc thiểu số cũng chịu chung số phận, dẫn đến cái chết và đói khát của biết bao người, dẫn đến cuộc nổi dậy thời Nước Xu của đồng bào các dân tộc miền núi. Lại nữa, ở đồng bằng, Đảng Cộng sản đã thành lập và gần như ngay

lập tức bước lên vũ đài chính trị bằng cuộc biểu tình, nổi dậy ở Nghệ Tĩnh và Quảng Ngãi ngay từ năm 1930. Hẳn kẻ địch cũng bị thôi thúc bởi cái bầu không khí chính trị đó, hoặc cam chịu thất bại, hoặc thẳng tay hơn, tàn bạo hơn để vừa răn đe, vừa đạt mục đích trước mắt của chúng trong việc cai trị vùng cao. Và khi những người tù cộng sản kiên quyết đấu tranh, những kẻ thực dân quyết không nhượng bộ, thì những gì sẽ đến đã đến. Trương Quang Trọng với ý chí cao vời và bầu nhiệt huyết nóng hổi của mình, đã xông lên trước và đón nhận những viên đạn tàn bạo của tên cai ngục Moulec. Những người tù chứng kiến cảnh ấy đã kể lại một cách chân thực. Và chuyện cũng không thể bỏ qua: khi Trương Quang Trọng ngã xuống, thân thể ông đang được sưởi ấm bởi tấm áo mà Nguyễn Thị Du đã gửi cho ông trong những ngày ở lao Quảng Ngãi. Một tình yêu không thể nói là không đẹp, nó đẹp như một huyền thoại.

Tâm hồn, khí phách hiên ngang của Trương Quang Trọng cũng là tâm hồn, khí phách của những người chiến sĩ cách mạng Quảng Ngãi cùng thời với ông, như Phạm Văn Đồng, Nguyễn Thiệu, Nguyễn Nghiêm và rất nhiều người khác. Phạm Văn Đồng cũng bị thực dân bắt từ lúc chớm hình thành Đông Dương Cộng sản Đảng (1929) và kiên gan tại nhà tù Côn Đảo cho đến năm 1936, được thả tự do trong cuộc đấu tranh của phong trào Mặt trận Bình dân Pháp. Nguyễn Thiệu được tham gia thành lập Đảng (3-2-1930), nhưng cũng chỉ đến năm 1932 bị thực dân Pháp đày đi Côn Đảo đến Cách mạng tháng Tám 1945. Nguyễn Nghiêm, người Bí thư đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, thì bị thực dân xử tử năm 1931. Hẳn nhiên đất thiêng núi Ấn sông Trà đã hun đúc nên những con người có tâm hồn cao

rộng, có bầu nhiệt huyết nóng hổi, để góp phần làm nên lịch sử vẻ vang của đất nước.

Trương Quang Trọng xuất thân từ một gia đình khá giả, đỗ Tú tài tân học, nghĩa là nếu ông muốn có cuộc sống an nhàn, chịu cộng tác với thực dân, thì cuộc sống sung sướng phú túc hẳn đã sắp sẵn trước mặt. Nhưng Trương Quang Trọng đã không làm như vậy.

Nguyễn Thị Du là người phụ nữ cũng xuất thân từ tầng lớp khá giả, đã vượt qua thân phận người phụ nữ thời phong kiến, đã có danh phận, cũng có thể như vậy, nếu muốn. Nhưng bà cũng không làm như vậy. Tình cảm của Nguyễn Thị Du dành cho Trương Quang Trọng chừng như cũng chính là sự cuốn hút của tính cách Trương Quang Trọng đối với bà: hướng đến sự phi thường, sự khác thường, không phải sống một cuộc sống của kẻ tầm thường.

Cái tình, cái chí của hai người tình gặp nhau ở những tình cảm cao cả và chấp nhận mọi thử thách gian nan.

III. LUẬN VỀ TÂM, CHÍ VÀ SỰ NGHIỆP LỚN

Tìm hiểu một nhân vật như Trương Quang Trọng với cuộc đời và sự nghiệp của ông quả không là quá khó, cái khó là ở chỗ qua cuộc đời và sự nghiệp như vậy ta rút được bài học gì cho hôm nay và mai sau.

Cuộc đời của Trương Quang Trọng thật ngắn ngủi nhưng ông đã khiến người đời không thể quên ông, vì cái gì vậy? Cốt lõi vì cái tâm, cái chí phi thường ở ông. Đó là cái tâm của một tâm hồn yêu thương rộng lớn, tha thiết, một tình yêu đậm thắm, đó là cái chí cao vời không gì khuất phục được.

Nói đến đây, tôi lại nhớ đến việc học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đến việc xây dựng chính đôn Đảng hiện nay. Hồ Chí Minh nói: “Muốn nên sự nghiệp lớn/Tinh thần càng phải cao”. Học tập Hồ Chí Minh trước hết là học ở Người một tâm hồn cao cả, một tình cảm nồng đậm vì đất nước, một tinh thần, ý chí cao vời vì nước quên thân. Người ta không thể làm nên việc trọng đại cho đất nước nếu tâm hồn, ý chí nhỏ nhoi, chỉ tính toán cho riêng mình.

Không chỉ “giấc mơ con đè nát cuộc đời con”, trong lịch sử cũng từng có những bài học về tình trạng con người thiếu lý tưởng, mất niềm tin, thiếu ý chí khát vọng, trở thành những kẻ ăn chơi sa đọa hoặc phá phách. Nhà thơ Lermontov (1814 - 1841) của nước Nga từng có cuốn tiểu thuyết *Người hùng thời đại*, ở đó “người hùng” của ông chỉ chuyên việc chơi gái và phá phách. Tiểu thuyết của Lermontov đã bị nhiều người Nga thời ông lớn tiếng la ó như là một sự bôi bác, xuyên tạc lịch sử, phẩm cách người Nga, nhưng lịch sử đã chứng nghiệm, ông đã khắc họa đúng hình tượng “người hùng” của nước Nga, nghĩa là đã nêu đúng vấn đề của nước Nga mà lịch sử phải có lời giải.

Điều khiến những người có tâm huyết khá ưu tư, chính là nhiều người ngày nay cũng nhân danh sự nghiệp lớn, nhưng lại ra sức tư túi, dẫn đến những hệ lụy nặng nề cho đất nước, và đã có không ít người có cương vị cao đã vướng vào vòng lao lý.

Bài học sáng ngời vì nghĩa lớn từ Trương Quang Trọng và một thế hệ thanh niên Quảng Ngãi thời ấy liệu có ích dụng cho ngày nay hay chăng?

**TRƯỜNG QUANG TRỌNG, TÁM GƯƠNG TIÊU
BIỂU TIẾP NỐI TRUYỀN THỐNG CỦA
TRƯỜNG ĐỊNH VÀ SĨ PHU YÊU NƯỚC QUẢNG
NGÃI TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG**

Thái Thị Kim Nga*

*“Núi bên kia, biển bên này
Ép cong dải đất teo gầy miền quê”.*

Nên thơ nhưng cũng đầy khắc nghiệt bởi nắng, gió, bão lụt triền miên, đó là Quảng Ngãi. Mảnh đất của những con người hiền lành, chất phác, cần cù nhưng rất khí khái, cương trực, hiếu học, thông minh, sáng tạo và cũng đầy lòng nhân ái, quả cảm, không khuất phục trước cường quyền, bạo lực.

*“Ai ơi Quảng Ngãi quê ta
Đất dầm nước mắt, nước pha máu đào
Sông dài, biển rộng non cao
Cũng không chứa hết xiết bao nhọc nhằn
Dân làm, Tây cướp, vua ăn
Thuyền đầy sĩ khí, buồm căng oán thù”*

* Nguyên Trưởng phòng Khoa giáo - Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Mảnh đất của những người làm nên những chiến công đầu gắn với tên tuổi của những người yêu nước, những trí thức nho học và tân học, đi tiên phong trong các phong trào yêu nước chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, góp phần viết nên những trang sử vàng của dân tộc Việt Nam anh hùng. Mảnh đất “Địa linh nhân kiệt” của những con người luôn nêu cao quyết tâm:

*“Cảnh này há để ai vùi dập
Quyết trải thân ra giữ, đắp, bồi”.*

Quảng Ngãi còn là trung tâm của nền Văn hóa Sa Huỳnh; quê hương của những đội Hùng binh Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải, cắm mốc chủ quyền của dân tộc Việt trên quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa từ thế kỷ XVII.

Nhận xét về đất đai, con người Quảng Ngãi, sách Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán Triều Nguyễn đã viết: “Đất bạc, dân chăm, tính tắn tiện, không xa hoa, người quân tử thích việc nghĩa, giữ khí tiết... Địa thế tuy hẹp, nhưng khí mạch tốt, nên đời nào cũng có người làm đến quan to, chức trọng...”¹.

Thế kỷ XVIII, đông đảo nhân dân Quảng Ngãi đã tham gia phong trào Khởi nghĩa nông dân Tây Sơn, điển hình như Đô đốc Trương Đăng Đồ, quê làng Mỹ Khê (huyện Sơn Tịnh, nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi) và vợ là Nguyễn Thị Dung (một trong Ngũ phụng

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.356-357.

thư của triều Tây Sơn), có nhiều công lao, giúp đỡ Nguyễn Huệ giải phóng Thăng Long, thống nhất đất nước, lên ngôi Hoàng đế. Trương Đăng Đồ và vợ được giao nhiệm vụ giúp Tiết chế Quang Thùy trấn giữ Bắc Ninh. Khi kinh đô Phú Xuân thất thủ, Nguyễn Ánh lên ngôi, đặt niên hiệu Gia Long, dồn lực lượng tiến công ra Bắc, kết liễu nhà Tây Sơn. Trước sự truy sát gắt gao của quan quân nhà Nguyễn, trong lúc thế cùng lực kiệt, Đô đốc Trương Đăng Đồ cùng vợ là phó tướng Nguyễn Thị Dung đã rút gươm tự vẫn để tỏ lòng trung thành với nhà Tây Sơn.

Một nhân vật khác họ Trương, quê làng Tư Cung (huyện Sơn Tịnh, nay là xã Tịnh Khê, thuộc thành phố Quảng Ngãi), nổi tiếng đánh Tây. Đó là Trương Định, theo cha là Lãnh binh Trương Cầm, từng làm Hữu thủy Vệ úy ở Gia Định dưới thời vua Thiệu Trị, vào Nam năm 20 tuổi (1844). Hưởng ứng chính sách khẩn hoang của triều đình nhà Nguyễn, Trương Định xuất tiền chiêu mộ dân nghèo lập đồn điền ở Gia Thuận (Gò Công). Tuy hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, nhưng Trương Định là người giỏi võ nghệ, thông binh thư, dũng cảm, mưu lược, thường xuyên tổ chức dân binh, rèn gươm, luyện kiếm, được nhà Nguyễn bổ làm Quản cơ. Khi quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, Trương Định đem quân đồn điền của mình phối hợp với quân của triều đình, liên tục đánh thắng địch và hạ sát tên đại úy Barnes, nên được dân chúng ngày càng mến mộ.

Từ năm 1859 - 1964, khởi nghĩa Trương Định đã trở thành ngọn cờ trung tâm của phong trào kháng chiến chống Pháp ở 6 tỉnh Nam kỳ. Khi nhà Nguyễn cắt 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ cho Pháp, đã phong Trương Định làm Lãnh

binh tỉnh An Giang và yêu cầu Trương Định bãi binh. Nhưng thuận theo lòng dân, Trương Định không chấp hành lệnh vua ban, rút quân về Gò Công, lập đại bản doanh, xây dựng căn cứ chống Pháp, được nhân dân tôn làm Bình Tây Đại Nguyên soái.

Khi nhận được thư dụ hàng của tướng Pháp Bonard, Trương Định trả lời: *“Triều đình Huế không nhìn nhận chúng ta, nhưng chúng ta cứ bảo vệ Tổ quốc chúng ta”*. Trong bức thư trả lời Phan Thanh Giản, người được vua Tự Đức giao nhiệm vụ khuyên can Trương Định bãi binh, ông viết: *“Nhân dân 3 tỉnh muốn trở lại tình trạng cũ, đã suy tôn tôi đứng đầu họ. Tôi không thể làm khác điều tôi đang làm. Chính vì vậy mà tôi đã chuẩn bị chiến tranh, và ở đàng đông cũng như ở đàng tây, tôi sẽ kháng cự và tôi sẽ chiến đấu, cuối cùng chúng tôi sẽ đánh bại sức mạnh của bọn kẻ cướp. Nếu ngài còn nói duy trì những điều đã ký kết với bọn kẻ cướp, thì chúng tôi sẽ chống lại mệnh lệnh của triều đình”*.

Sau nhiều trận chiến đấu thắng lợi, nghĩa quân đã đẩy quân Pháp vào thế bị động, lúng túng. Thực dân Pháp tăng cường lực lượng, liên tục tấn công, bao vây nghĩa quân. Từ “Đám lá tối trời”, căn cứ của nghĩa quân, Trương Định phát đi lời hịch gửi tới đồng bào, nêu rõ quyết tâm: *“Chúng tôi sẽ lấy lau làm cờ, chặt tầm vông làm vũ khí. Dứt khoát là không bao giờ ngừng chiến đấu chống bọn cướp nước”*...

Do sự phản bội và chỉ điểm của Huỳnh Công Tấn, đêm 19-8-1964, quân Pháp bất ngờ đánh úp, bao vây đại bản doanh ở “Đám lá tối trời” (nay là xã Tân Phước, huyện Gò

Công Đông, tỉnh Tiền Giang). Trương Định bị bắn trọng thương. Quyết không để sa vào tay giặc, ông đã rút gươm tuấn tiết vào ngày 20-8-1964 (ngày 18-7 năm Giáp Tý).

Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã làm 12 bài thơ và một bài văn tế khóc Trương Định, biểu lộ lòng thương tiếc và cảm phục của nhân dân trước khí phách hiên ngang của người anh hùng:

*“Linh hồn nay đã thác theo thân
Sáu tỉnh còn noi dấu tướng quân
Sớ mật lãnh binh lờ mắt giặc
Bằng son ứng nghĩa thấm lòng dân”...*

Đánh giá về Trương Định, Trung úy Léopold Pallu, tùy viên Tổng hành dinh của Phó đề đốc Charner, và là người chỉ huy đánh vào Đại đồn Chí Hòa, viết: *Lúc bấy giờ (tháng 6-1961) có một người An Nam rất cương quyết và hào hùng tên là Trương Định cho biết sẽ dấy loạn khởi nghĩa trong toàn xứ... Là một trong số những người nhiều nghị lực nhất, anh ta đánh lừa là đã chết trong trận Gò Công, nhưng sau đó lại xuất hiện và chiến đấu trong hết mùa mưa... Mãi về sau này, khi ta đã chiếm Biên Hòa, tên Trương Định tung hoành tàn phá hết hai vùng tứ giác của ta...*

Trong sách Sài Gòn xưa - Ấn tượng 300 năm của Sơn Nam có đoạn:

“Yêu nước đậm đà, kháng khái trước nghĩa lớn, đứng hàng đầu trong phong trào kháng Pháp ở Nam kỳ vẫn là Trương Định. Mang ơn vua, giữ đất cho vua (Gò Công là

nơi phát tích của Phạm Đăng Hưng và con gái là bà Từ Dũ), nhưng chống lệnh khi cắt đất cho Pháp”.

Trong tác phẩm “Chống xâm lăng”, nhà sử học, giáo sư Trần Văn Giàu đã viết: *“Trương Định thật là một vị anh hùng xuất chúng, xuất chúng nhất, nhì trong cuộc kháng chiến”.*

Từ năm 1873 đến 1883, có 2 nhân vật khác thuộc dòng họ Trương ở Mỹ Khê (Sơn Tịnh, nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi) đã chỉ huy binh lính làm nên chiến thắng Cầu Giấy (lần thứ nhất ngày 21-12-1873, lần thứ hai ngày 25-4-1883), đó là cử nhân Trương Quang Đản. Trương Đăng Đệ (anh ruột Trương Quang Đản), chỉ huy quân sĩ anh dũng chống lại giặc Pháp, bảo vệ Thái Dương đài ở cửa biển Thuận An, sát kinh thành Huế vào tháng 8-1883.

Ngày 7-5-1885, Kinh thành Huế thất thủ, Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi ra Sơn phòng Tân Sở, Quảng Trị và hạ Chiếu Cần Vương, kêu gọi sĩ phu, nhân dân trong nước ra sức giúp vua, cứu nước.

Tại Quảng Ngãi, không thể ngồi yên khi vận nước lâm nguy, cử nhân Lê Trung Đình (quê làng Phú Nhơn, Sơn Tịnh, nay là phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi), cùng tú tài Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Tấn Kỳ (người Bình Sơn), Nguyễn Bá Loan (người Mộ Đức)... đi khắp đó đây, vận động thanh niên tham gia Nghĩa hội, xây dựng căn cứ Tuyên Tung (nay thuộc xã Bình An, huyện Bình Sơn), chuẩn bị lực lượng chống thực dân Pháp. Lê Trung Đình được cử làm Chánh quản hương binh. Với quyết tâm: *“Tây chưa tới, nhưng triều đình đã dâng nước*

ta cho giặc rồi. Ta không chọn lấy mảnh đất này làm nơi đứng chân đánh chúng, còn đợi đến ngày nào nữa”. Vì vậy, chỉ sau một tuần vua Hàm Nghi hạ Chiếu Cần Vương, Lê Trung Đình cùng Phó tướng là tú tài Nguyễn Tự Tân đã tập hợp hơn 3.000 nghĩa binh kéo về tấn công tỉnh thành Quảng Ngãi vào ngày 13-7-1885 (1-6 năm Ất Dậu). Được lực lượng nội ứng hỗ trợ, nghĩa quân nhanh chóng bắt giữ viên Bố chánh và Án sát cùng một số quan, quân, tịch thu ấn, triện, binh khí, tiền lương, thả tù phạm, triển khai tổ chức phòng thủ tỉnh thành, chuẩn bị phát động phong trào Cần Vương ra toàn tỉnh, sẵn sàng ứng phó với quân xâm lược Pháp. Nghĩa quân làm chủ tỉnh thành được 5 ngày thì bị Nguyễn Thân - Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa Định, vốn là bạn của Lê Trung Đình phản bội, đưa lực lượng về đánh úp nghĩa quân. 7 vị tướng và phó thủ lĩnh Nguyễn Tự Tân hy sinh, thủ lĩnh Lê Trung Đình và nhiều người khác bị bắt.

Mặc dù Nguyễn Thân tìm mọi cách dụ hàng, Lê Trung Đình vẫn khẳng khái, giữ vững khí tiết, thà hy sinh chứ không chịu khuất phục.

Ngày 18-7-1885 (6-6 năm Ất Dậu), Lê Trung Đình bị địch xử chém ở phía Bắc thành Quảng Ngãi. Trước lúc hy sinh, ông đọc bài thơ “Lâm hình thời tác” bằng chữ Hán, nói lên nỗi lòng trăn trở của người nghĩa sĩ trước lúc lâm chung:

*“Nay là chim trong lồng
Mai đã cá trên thớt
Thân này tiếc gì đâu
Thương vận nước gập ghềnh”.*

Giáo sư sử học Đinh Xuân Lâm, sau khi điễm lại toàn bộ phong trào Cần Vương trong cả nước đã kết luận “...có thể khẳng định trong sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào Cần vương Nam Trung kỳ sau sự biến kinh thành Huế tháng 7-1885, Quảng Ngãi (cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình) đã đóng vai trò châm ngòi và khởi động đầu tiên cho cả một chuỗi dài các cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh cùng lúc bùng nổ, làm cho kẻ thù và tay sai hốt hoảng, lo sợ”.

Sau khi cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình thất bại, những thủ lĩnh còn lại của Nghĩa hội Quảng Ngãi như Nguyễn Bá Loan, Thái Thú (quê Tư Nghĩa), Tôn Tường, Nguyễn Vịnh (quê Sơn Tịnh), Nguyễn Tấn Kỳ... đã cùng nhau tập hợp lực lượng cũ, phát triển thêm lực lượng mới (lên đến 12.000 người), đặt dưới sự chỉ huy của Nguyễn Bá Loan cùng nhau đoàn kết đấu tranh theo khẩu hiệu thêu trên lá cờ nghĩa: "Tiểu tặc, trừ gian, bình quốc loạn", thu hút sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân từ đồng bằng đến miền núi, từ người Kinh đến đồng bào các dân tộc ít người trong tỉnh. Nghĩa quân còn liên kết với phong trào Cần Vương ở các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, làm cho Nguyễn Thân phải đối phó vất vả, liên tục tâu xin viện binh, vũ khí. Nhiều tấm gương chiến đấu và hy sinh dũng cảm, tiêu biểu như Nguyễn Duy Cung (quê Tư Nghĩa), từng làm Án sát tỉnh Bình Định, thầy dạy học của Lê Trung Đình, Nguyễn Thân. Hưởng ứng Chiêu Cần Vương, Nguyễn Duy Cung cùng Mai Xuân Thưởng tổ chức chống Pháp, đánh chiếm tỉnh thành Bình Định. Khi bị giặc bắt, mặc cho chúng dụ dỗ, đe dọa, ông vẫn khẳng khái tuyên bố:

“Thà làm ma có hồn trung vía nghĩa,

Không làm người đeo mặt ngựa, đầu trâu...”

Trước khi hy sinh, Nguyễn Duy Cung đã cắn ngón tay, lấy máu viết “Huyết lệ tâm thư” kêu gọi đồng bào:

“Xin trong tay sắp sẵn qua mau, lòng địch khái còn hăng chưa nhụt

Xin cùng nhau gợn gàng giáp trụ, chí Cần Vương còn mạnh không quên...”

Từ đầu năm 1887, Nguyễn Thân mở nhiều cuộc đàn áp khốc liệt ở Quảng Ngãi, làm cho phong trào Cần Vương suy yếu dần và tạm thời lắng xuống. Nguyễn Bá Loan đưa nghĩa quân lên vùng rừng núi, tiếp tục liên kết với phong trào Cần Vương ở Quảng Nam và Bình Định, hoạt động thêm một thời gian nữa cho đến khi các phong trào ở các tỉnh này tan rã.

Sau thời gian khôi phục lực lượng, đến năm 1893, phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi lại được khôi phục, mặc dù bị địch đàn áp đẫm máu. Cuộc vận động cứu nước vẫn ngấm ngấm cho đến cuối năm 1894 lại bùng lên một lần nữa. Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Hương Khê, Thái Thú cùng Tôn Đính, Bạch Văn Vĩnh, Nguyễn Vịnh (quê Sơn Tịnh),... bí mật tổ chức lại lực lượng yêu nước trong tỉnh, liên kết với phong trào Cần Vương ở Hà Tĩnh do Phan Đình Phùng lãnh đạo, vạch ra kế hoạch "nội công, ngoại kích" để đánh chiếm tỉnh thành và đồn Thương chánh Cổ Lũy. Đêm mùng 7, rạng ngày 8-12 năm Giáp Ngọ (1894), dưới sự chỉ huy của Thái Thú, nghĩa quân đã phối hợp với quân "Bạch lộ" nhanh chóng tiêu diệt đồn Cổ

Lũy, giết viên Thương chánh người Pháp là Râyna (Reignard). Song cuộc đánh chiếm tỉnh thành do Nguyễn Vĩnh chỉ huy không thực hiện được vì kế hoạch phối hợp thiếu nhịp nhàng. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, các vị thủ lĩnh bị địch bắt hoặc hy sinh.

Bất chấp sự khủng bố của kẻ thù, Trần Du, người làng Thi Phở Nhất (huyện Mộ Đức) cùng với những người yêu nước kiên trung như Thọ Nam, Thạch Hồ... tìm cách kết giao với những người yêu nước, bí mật vận động các nhà khoa bảng, thân hào, nhân sĩ và nhân dân giương cao ngọn cờ chống Pháp và phong kiến tay sai với khẩu hiệu "Cứu quốc hộ dân" để tập hợp lực lượng và được các tầng lớp nhân dân tham gia đông đảo, trong đó có nhiều nhà nho yêu nước, như tú tài Trần Kỳ Phong, Lê Ngung (quê Bình Sơn)..., kể cả quan lại, binh sĩ triều đình tại Quảng Ngãi, như Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa Định Trịnh Thê... Trần Du được nghĩa quân đồng lòng tôn làm "Bình Tây Đại tướng quân". Để gây thanh thế chung cho phong trào chống Pháp trong cả nước, sức mạnh cho cuộc vận động khởi nghĩa, Trần Du bí mật liên hệ với nghĩa quân Phan Đình Phùng ở Hương Khê (Hà Tĩnh) và mở rộng cuộc vận động cứu nước các tỉnh Bình Định, Phú Yên. Cuộc vận động cứu nước của Trần Du đang trên đà phát triển thì bị địch phát hiện và đàn áp (tháng 3-1896). Trước khi bị địch xử chém, ông đã trừng mắt nhìn lũ giặc và nói lớn: *“Ở đất nước này đâu có nhiều tên phản bội như Nguyễn Thân. Bay bắt được tao thì giết đi. Người khác sẽ nối bước tao mà trừ sạch quân cường bạo chúng mày. Việc gì phải nhiều lời vô ích”*.

Trần Du hy sinh, phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi chấm dứt.

Bước sang thế kỷ XX, trong bối cảnh chung của đất nước, tại Quảng Ngãi phong trào yêu nước chống thực dân Pháp tiếp tục nổ ra dưới hình thức mới theo xu hướng dân chủ tư sản, do các sĩ phu yêu nước như Nguyễn Thụy (quê Tư Nghĩa), Nguyễn Đình Quán, Mai Bá, Mai Tuấn, Hứa Thọ (quê Sơn Tịnh)... lãnh đạo trong các phong trào Duy Tân, cự sưu khất thuế, Việt Nam Quang phục hội. Song, những phong trào đó cũng lần lượt bị thất bại. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc như trong “đêm tối không có đường ra”. Chỉ đến khi Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh) ra đi tìm đường cứu nước, tìm đến Cách mạng Tháng Mười Nga, tìm đến Chủ nghĩa Mác-Lênin và từng bước truyền bá tư tưởng của cuộc cách mạng vô sản về nước thì con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam mới được sáng tỏ.

Tại Quảng Ngãi, vào những năm 20 của thế kỷ XX, tư tưởng về Cách mạng Tháng Mười Nga, về chủ nghĩa Mác-Lênin đã được nhà yêu nước Trần Kỳ Phong từ nhà tù Côn Đảo trở về truyền bá trong một số nhà nho yêu nước và thanh niên tân học tiến bộ. Từ đó, một số tổ chức yêu nước như “Hội Thiếu niên yêu nước”, “Công Ái xã” được thành lập, trong đó có Trần Toại, Nguyễn Thiệu (quê Mộ Đức), Nguyễn Nghiêm (quê Đức Phổ) tham gia. Từ năm 1925, một số thanh niên tân học theo học ở Huế, Hà Nội tiếp thu được những tư tưởng tiến bộ, tham gia các phong trào đấu tranh yêu nước. Đặc biệt, có 3 chàng thanh niên, còn gọi là “3 cậu tú” của đất Cẩm Thành, gồm: Phạm Văn Đồng,

Trương Quang Trọng và Nguyễn Thiệu theo học Trường Cao đẳng Y khoa tại Hà Nội. Sau những lần tham gia các phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu và để tang Phan Chu Trinh bị địch khủng bố, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Thiệu tìm đường đến với tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu, Trung Quốc. Trương Quang Trọng trở về quê hương và tham gia vào tổ chức Tân Việt Cách mạng Đảng.

Mùa hè năm 1927, Nguyễn Thiệu trở về Quảng Ngãi, với danh nghĩa đại diện Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tìm bắt liên lạc với Trương Quang Trọng và một số thành viên trong tổ chức Tân Việt Cách mạng Đảng. Sau khi trao đổi, Trương Quang Trọng và hầu hết thành viên trong tổ chức Tân Việt cách mạng Đảng của Quảng Ngãi đều đồng ý gia nhập tổ chức Việt Nam cách mạng Thanh niên, do Trương Quang Trọng làm Bí thư Tỉnh bộ. Sau Đại hội lần thứ nhất của Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên từ Quảng Châu trở về, Trương Quang Trọng báo cáo tình hình và bày tỏ chính kiến của mình về việc thành lập các tổ chức cộng sản trong nước. Tại cuộc họp ở núi Xương Rồng (Đức Phổ), Trương Quang Trọng thông báo tình hình các thành viên trong tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên trong tỉnh bị lộ và nguy cơ sẽ bị địch bắt, đã công bố thành lập tổ chức “Dự bị cộng sản” và giao nhiệm vụ phụ trách cho đồng chí Nguyễn Nghiêm và Phạm Viết My, chuẩn bị vận động để tiến tới thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. *Đây cũng chính là sự sáng tạo, tỏ rõ lập trường, quan điểm của những người cộng sản*

chân chính ở Quảng Ngãi từ thời kỳ đầu dựng Đảng, mà không nơi nào có.

Tháng 8-1929, hơn 20 hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh Quảng Ngãi lần lượt bị thực dân Pháp bắt giam. Đồng chí Trương Quang Trọng bị bắt cuối cùng vào ngày 19-8-1929 và bị địch kết án 9 năm tù giam. Dù bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi hay Quy Nhơn và bị địch tra tấn dã man, nhưng ở đâu đồng chí Trương Quang Trọng cũng luôn tuyên truyền cho những viên quan Pháp, giác ngộ những người lính cai ngục về con đường cách mạng và luôn tham gia lãnh đạo các cuộc đấu tranh chống chế độ lao tù hà khắc.

Để hạn chế ảnh hưởng của Trương Quang Trọng, địch đã chuyển đồng chí lên ngục Kon Tum (6-1931), hòng giết dần, giết mòn người chiến sĩ cộng sản kiên trung nơi rừng thiêng, nước độc. Tại đây, địch đã giam gần 300 tù chính trị từ các nơi khác chuyển đến, phần lớn là các đồng chí quê Nghệ An, Hà Tĩnh, như các đồng chí: Nguyễn Huy Lung, Đặng Thái Thuyền, Lê Văn Hiến, Bùi San...

Kon Tum, địa bàn miền núi còn khá hoang vu, thực dân Pháp đang cần nhân công làm đường số 14, nối liền các tỉnh Tây Nguyên với Quảng Nam - Đà Nẵng. Khi Trương Quang Trọng lên thì 295 đồng chí tù chính trị bị thực dân Pháp bắt đi làm đường 14 ở ĐăkPao, ĐăkPet chỉ còn gần 150 đồng chí trở về. Số đồng chí hy sinh khi đi làm đường do bị đói rét, bệnh tật, cơm không đủ no, lại thêm cây ngã, đá đè, phải lao động cật lực trong mùa hè nắng gắt và cái lạnh thấu xương trong mùa mưa, không chiếu chắn, không

nón mũ. Đau ốm không thuốc uống, không đi làm được thì bị đánh đập, hoặc bị bắn bỏ xác bên đường...

Hình ảnh những đồng chí, đồng đội mình trần thân trụi, ghẻ lở đầy mình, thân như xác ve, tiêu tụy như từ cõi chết trở về làm đau lòng, nung nấu tâm can Trương Quang Trọng và các đồng chí ở ngục Kon Tum phải chống lại sự cường bức tàn bạo của địch và nêu cao quyết tâm: *“Trên đường đời, chúng ta không phải là không hy vọng sống, nhưng vì đã đến bước đường cùng, ta cần hy sinh ít nhiều người, để mưu sự sống cho toàn thể anh em. Trước cái chết, ta không nhường lại cho ai được nữa, ta phải nhận lấy, vui lòng nhận lấy để khi ta chết rồi, họa may mấy trăm anh em mới còn phương sống”*.

Ngày 12-12-1931, thực dân Pháp huy động tù chính trị đi làm đường ở Đăk-Pet lần 2. Khi chiếc xe cam nhông và một toán lính được trang bị đầy đủ súng đạn, tay cầm sẵn dây xích sắt bước tới, 40 chiến sĩ cộng sản trong lao ngoài đồng thanh hô vang "Không đi Đăk-pek", "Không đi Đăk-pek"... Tên đội Moulec, một tên đao phủ khét tiếng, đằng đằng sát khí xuất hiện. Vừa hỏi, y vừa hăm dọa: "Chúng bay muốn gì? Vì sao chúng bay không đi? Nếu chúng bay không đi, chúng bay cũng sẽ chết".

Nguyễn Huy Lung, số hiệu tù 299, quê ở Hà Tĩnh, đại diện cho bốn mươi anh em nhà Phật đồng dạc trả lời: "Phải. Chúng tôi không đi cũng chết. Nhưng thà chết ở đây còn khỏe thân hơn lên Đăk-Pek, bị trăm điều khổ sở rồi mới chết". Những tiếng hô "Không đi Đăk-Pek!", "Không đi Đăk-Pek!" lại vang lên như lời thề quyết tử. Máu sẽ đổ

xuống, nhưng các chiến sĩ cộng sản quyết không sợ, quyết không lùi bước. Tên đội Moulec lồng lên, mặt "hung hăng dữ tợn". Công sứ, giám binh, các viên quan ở các đồn và binh lính rầm rộ kéo đến, bao vây nhà lao, chĩa súng vào người tù chờ lệnh.

Tiếng hô khẩu hiệu trong nhà lao tiếp tục dồn dập: "Phản đối đi Đắc-Pék! Phản đối đi Đắc-Pék!"..., rồi mọi người lần lượt xếp hàng đứng trước cửa lao. Thái độ quả quyết, không chút nao núng.

Theo lệnh Công sứ, viên Đội Moulec tay cầm súng sáu bước vào cửa lao hỏi: OÙ est-il? (Thằng 299 ở đâu?), vì hẳn cho Lung là "chủ trì cuộc phản đối". Các chiến sĩ đồng thanh la lớn: Không có, không có ai hết!

Nhưng từ hàng đầu, Trương Quang Trọng, mang số tù 303, đại diện cho đồng đội đang đấu tranh, với thái độ "trầm tĩnh, oai nghiêm và hết sức quả quyết", "lần mở nút áo, phanh ngực", hiên ngang, bình thản chỉ thẳng vào ngực mình và trả lời Moulec bằng tiếng Pháp: "Le voici" (Nó ở đây). Tên đội Moulec như con thú dữ lồng lên, bắn thẳng vào ngực Trọng. Tiếng súng vừa dứt, Trương Quang Trọng liền ngã xuống.

"Khi Trọng ngã, anh em ở sau tiến lên, vừa tiến vừa hô khẩu hiệu phản đối, một tiếng súng thứ hai vừa ra, người thứ hai ngã, người sau lại tiến lên, hô to mấy khẩu hiệu, dũng cảm đương đầu với súng đạn".

Chỉ mấy phút đồng hồ, có 16/40 người chết và bị thương (8 người chết, 8 người bị thương, trong đó có 3

người Quảng Ngãi: Trương Quang Trọng, Lê Trọng Kha và đồng chí Hồ Độ bị thương).

Lê Văn Hiến - người chứng kiến sự hy sinh lẫm liệt của đồng chí, đồng đội trong cuộc “đấu tranh lưu huyết” ngày 12-12-1931 tại ngục Kon Tum, đã viết về Trương Quang Trọng trong hồi ký Ngục Kon Tum, với niềm yêu mến, trân trọng: *"Điều nên chú ý là số hiệu của Trọng là 303, mà số hiệu của Lung là 299. Khi Moulec hỏi 299 là cô kêu Lung ra để bắn, vì cho Lung là chủ trì cuộc phản đối, nhưng Trọng tự xưng mình ra để chết thay cho bạn". Trọng bình thường là người ôn hòa, thuần hậu, không hay nói, nhiều người đã coi Trọng như "con cái nhà lành".*

Điểm qua sự nghiệp của Trương Đăng Đò, Trương Quang Đản, Trương Định, Lê Trung Đình, Nguyễn Duy Cung, Nguyễn Bá Loan, Trần Du và nhiều sĩ phu yêu nước khác thời kỳ lịch sử cận đại đến Trương Quang Trọng - đại diện cho tầng lớp trí thức tân học tiến bộ thời kỳ lịch sử hiện đại, cho chúng ta thấy: tất cả từ suy nghĩ, tính cách, phong thái, tư thế đến hành động dứt khoát khi lâm chung và sự hy sinh lẫm liệt của những sĩ phu nho học và trí thức tân học yêu nước Quảng Ngãi đều có sự giống nhau về bản chất. Những sĩ phu nho học, những trí thức tân học ấy, họ đều có nguồn gốc xuất thân từ những gia đình giàu có, quyền quý trong xã hội, nhưng có học, có văn hóa, có lòng nhân hậu, thương người bao la và lòng yêu nước nồng nàn. *Họ đều là những người nhạy bén với thời cuộc, kịp thời nắm bắt được tư tưởng của thời đại, nguyện vọng của nhân*

dân và trở thành những người đi tiên phong trong các phong trào yêu nước chống áp bức bóc lột với tinh thần “chống cả triều đình, chống cả Tây”, điển hình là Trương Định, Lê Trung Đình và Trương Quang Trọng hy sinh khi tuổi đời còn rất trẻ.

Trong một xã hội đầy rẫy bất công, dù sống trong nhung lụa, họ đã sớm nhận ra sự uất ức, cùng cực của những người lao động nghèo khổ, phải chịu bao cảnh áp bức, bóc lột của phong kiến, thực dân. Họ đã sẵn sàng từ bỏ giai cấp của mình, quyết dán thân vào con đường chông gai, nguy hiểm để đấu tranh cho lẽ phải, để đòi quyền được sống, quyền mưu cầu hạnh phúc cho con người, đòi độc lập, tự do cho dân tộc. Trước lúc lâm chung, họ vẫn một niềm đau đáu, nghĩ đến tình cảnh khốn cùng của người dân lao động, đến vận nước trước nạn ngoại xâm; khắc khoải khôn nguôi vì sự nghiệp theo đuổi chưa thành. Họ sẵn sàng nhận lấy cái chết, lấy sự hy sinh anh dũng của mình làm động lực để khích lệ, nâng cao tinh thần yêu nước mãnh liệt, chí căm thù giặc sâu sắc, quyết tâm đấu tranh đến cùng để đạt mục tiêu đã đề ra cho những người ở lại.

Đó chính là truyền thống anh dũng, bất khuất trước quân thù của thế hệ trước truyền cho thế hệ sau; thế hệ sau tiếp nối, kế thừa, phát huy tinh thần, tố chất của thế hệ đi trước với tầm nhìn mới, trong thời đại mới để đánh tan lũ bạo tàn, đuổi thực dân xâm lược ra khỏi biên cương, bờ cõi, gìn giữ, bảo vệ mảnh đất thiêng liêng của quê hương, Tổ quốc.

**ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG -
NGƯỜI KIÊN QUYẾT ĐẤU TRANH CHO SỰ
THỐNG NHẤT VỀ TƯ TƯỞNG, TỔ CHỨC VÀ
HÀNH ĐỘNG TIẾN TỚI THÀNH LẬP
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

PGS. TS Nguyễn Ngọc Hà*

Ths Đỗ Văn Phương**

Đồng chí Trương Quang Trọng (1906 - 1931), sinh tại làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Từ nhỏ, đồng chí đã sớm tiếp thu truyền thống đấu tranh yêu nước kiên cường của quê hương, đồng thời tham gia học tập một nền giáo dục Tây học cơ bản. Năm 1923, đồng chí thi đỗ vào Cao đẳng Tiểu học ở Huế, học Ban Thành chung, đến năm 1925, học Trường Bưởi tại Hà Nội, sau thi đỗ vào khoa Y Trường Cao đẳng Đông Dương. Là một người có chí thông minh, ham học hỏi và đặc biệt giàu lòng yêu nước, ngay từ khi còn học tập ở Huế, đồng chí đã tập hợp những thanh niên yêu nước cùng chí hướng lập ra Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ - một tổ chức có xu hướng yêu nước, tiến bộ. Trong thời gian học ở Hà Nội, đồng chí nhanh chóng tiếp xúc với nhiều chí sĩ yêu nước, với các thanh niên tiến bộ như Tôn Quang Phiệt, Phạm Văn Đồng... và

* Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

** Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

tham gia Hội Phục Việt, một tổ chức tiến bộ tập hợp những trí thức yêu nước khi đó.

Với việc tham gia đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu (1925), đả tang cụ Phan Châu Trinh (1926), Trương Quang Trọng bị chính quyền thực dân truy bắt ráo riết, đồng chí phải bỏ học và bí mật trở về quê nhà. Với tư cách là thành viên của Hội Phục Việt¹, việc đầu tiên khi trở lại Quảng Ngãi, đồng chí đã bắt tay gây dựng, mở rộng cơ sở của Hội. Mùa hè năm 1926, Trương Quang Trọng cùng với các thành viên trong tổ chức Công Ái xã như Nguyễn Thiệu, Hồ Độ, Nguyễn Bút, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Lê Trọng Kha... thành lập tổ chức Phục Việt Quảng Ngãi. Tổ chức này đa số là trí thức nho học tiến bộ và những thanh niên tân học có nhiều tiếp xúc với những trào lưu tư tưởng mới, trở về Quảng Ngãi hoạt động.

Chuyển sang lập trường vô sản, hoạt động không mệt mỏi gây dựng tổ chức cách mạng

Nổi bật trong phong trào yêu nước thời kỳ này là tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập (6-1925), đang tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam. Chính điều này đã ảnh hưởng rất lớn tới những thành viên trong Hội Phục Việt vốn là những trí thức cấp tiến bao gồm cả nho học và tân học. Tại Quảng Ngãi, phong trào yêu nước cũng phát triển sôi

¹ Sau vụ rải truyền đơn đòi thả cụ Phan Bội Châu, Hội Phục Việt đã đổi tên thành Hội Hưng Nam, và sau nhiều lần đổi tên đến tháng 7-1928 chính thức đổi thành Tân Việt Cách mạng Đảng.

nổi, đường lối cứu nước theo xu hướng cách mạng vô sản của Việt Nam Cách mạng Thanh niên bắt đầu ảnh hưởng và lôi cuốn đông đảo các thanh niên trí thức mới như Nguyễn Thiệu, Đặng Tòng... Đến năm 1927, Nguyễn Thiệu với tư cách là đại diện Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên, phụ trách Trung kỳ, đã mở nhiều lớp huấn luyện cho thanh niên và gây dựng cơ sở tổ chức của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Ngãi. Đồng chí Trương Quang Trọng và các đồng chí trong Hội Phục Việt Quảng Ngãi đã nhiều lần tiếp xúc với Nguyễn Thiệu, được nghe giảng về con đường cứu nước của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, về tư tưởng cách mạng trong các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc như: Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường cách mệnh... Thông qua các tài liệu này, chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá vào Quảng Ngãi, nâng cao nhận thức của giới thanh niên, học sinh và quần chúng yêu nước. Trương Quang Trọng và các thành viên tiến bộ trong Phục Việt Quảng Ngãi đã nhanh chóng tiếp nhận và chuyển hướng tư tưởng giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi nhanh chóng được thành lập, đồng chí Trương Quang Trọng được tổ chức tin nhiệm bầu làm Bí thư Tỉnh bộ.

Với tài năng và tinh thần cách mạng sôi nổi, Trương Quang Trọng đã cùng với các đồng chí trong Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi tích cực tuyên truyền, giác ngộ cách mạng cho quần chúng nhân dân, phát triển, xây dựng cơ sở của thanh niên khắp các vùng trong tỉnh. Nhờ đường lối đúng đắn, nhiệt huyết cách mạng sôi nổi của những

thanh niên yêu nước như Trương Quang Trọng, chỉ trong một thời gian ngắn, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi đã có cơ sở ở hầu khắp các huyện đồng bằng. Các tổ chức quần chúng như Nông hội, Hội thể dục thể thao... phát triển khá mạnh, nhất là ở các huyện: Đức Phổ, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn¹.

Để tăng cường lý luận cách mạng, năm 1927, Trương Quang Trọng được tổ chức cử đi dự lớp tập huấn của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc). Trong thời gian tiếp xúc với tổ chức Thanh niên tại Quảng Châu, Trương Quang Trọng luôn tích cực nghiên cứu các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc, nghiên cứu sâu về chủ nghĩa Mác - Lênin, về Cách mạng Tháng Mười Nga... Được những tư tưởng cách mạng soi sáng, đồng chí càng thấm nhuần sâu sắc con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản, tích cực vận động thanh niên, trí thức và quần chúng nhân dân đi theo con đường chủ nghĩa Mác - Lênin, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng.

Sau khi trở về Quảng Ngãi, Trương Quang Trọng tích cực vận động xây dựng cơ sở cách mạng của tổ chức Thanh niên, đặc biệt tuyên truyền, giác ngộ trong tầng lớp trí thức gia nhập tổ chức Thanh niên. Là con người say mê với lý tưởng cách mạng, đi tới đâu Trương Quang Trọng

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghĩa Bình xuất bản năm 1985, tr. 35.

cũng chăm lo gây dựng tổ chức đến đầy. Hòa mình vào quần chúng nhân dân, vào phong trào cách mạng, đồng chí đi sâu tìm hiểu đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, giáo dục cho họ hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, về con đường cứu nước... Những hoạt động sôi nổi của Trương Quang Trọng đã góp phần tạo nên khí thế cách mạng sôi nổi trong quần chúng nhân dân Quảng Ngãi. Các cơ sở của tổ chức Thanh niên phát triển mạnh mẽ ở nhiều vùng. Cùng với việc xây dựng và phát triển tổ chức, Trương Quang Trọng cùng với các đồng chí của mình trong Tỉnh bộ Thanh niên đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành quyền lợi hằng ngày, bảo vệ, phát triển lực lượng cách mạng. Các cuộc đấu tranh như chống việc cúng tế, ăn uống linh đình (ở làng Liên Chiêu, Đức Phổ), rải truyền đơn trong Hoa kiều đòi nhà cầm quyền Trung Quốc thả những người cách mạng Việt Nam bị tỉnh trưởng Quảng Đông bắt giam... Đồng thời, để phát triển tổ chức, đồng chí và Tỉnh bộ chủ trương đẩy mạnh thành lập các tổ chức hội như: Hội buôn Mỹ Thành, Kim Thạch (Đức Phổ), hội buôn Quảng Minh Đường, Quảng Hòa Tế... Các hội này vừa có cơ sở của Tỉnh bộ, vừa là nơi để gây quỹ và liên lạc của tổ chức.

Kiên quyết đấu tranh cho sự thống nhất về tư tưởng, tổ chức, tiến tới thành lập Đảng Cộng sản

Trong quá trình gây dựng, phát triển cơ sở cách mạng và hòa mình vào phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân, Trương Quang Trọng và các đồng chí cấp tiến trong Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi nhận thấy

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ sức tập hợp quần chúng và lãnh đạo đấu tranh, yêu cầu cần thiết và cấp bách là phải cải tổ thành Đảng Cộng sản, mới có thể đưa cách mạng tiến lên được. Tháng 7-1928, Kỳ bộ Thanh niên Trung kỳ tổ chức hội nghị tại Đà Nẵng, bàn bạc sôi nổi vấn đề về “tình hình của Tổng bộ” và việc chuyển “Thanh niên lên Đảng Cộng sản”. Đồng chí Trương Quang Trọng đại diện Tỉnh bộ Quảng Ngãi dự họp, đã tham gia thảo luận sôi nổi các vấn đề và tán thành chủ trương thành lập Đảng Cộng sản thay cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đồng chí được Hội nghị nhất trí bầu vào đoàn đại biểu gồm 4 người đi dự Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Hồng Kông (Trung Quốc)¹.

Tháng 5-1929, với tư cách là Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi, đại diện Kỳ bộ Thanh niên Trung kỳ, Trương Quang Trọng sang Hương Cảng, Hồng Kông (Trung Quốc) tham dự Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Trước đó, tại phiên trù bị của Đại hội, nhóm đại biểu Bắc kỳ chủ trương đưa vấn đề thành lập Đảng Cộng sản để bàn bạc trao đổi. Do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan, đề xuất thành lập Đảng Cộng sản chưa được Tổng bộ Thanh niên tán thành. Tổng bộ cho rằng “...chưa có đủ điều kiện cần thiết để tổ chức một Đảng Cộng sản chân chính, nhưng vẫn quyết định dù

¹ PGS.TS Đinh Trần Dương, *Tân Việt Cách mạng Đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.103.

sao cũng phải chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để thành lập Đảng Cộng sản”¹.

Tại Đại hội, ý kiến thành lập Đảng Cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên vẫn tiếp tục được nhiều đại biểu đưa ra thảo luận. Ý kiến cho rằng: Phải tổ chức một Đảng Cộng sản vì Việt Nam Cách mệnh Thanh niên không phải là một tổ chức chân chính, không có đường lối rõ ràng, tổ chức thiếu chặt chẽ, không đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo trong tình hình mới. Ý kiến này đáp ứng nguyện vọng của nhiều đại biểu dự họp tại Đại hội trong đó có Trương Quang Trọng, Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi. Các cuộc thảo luận diễn ra sôi nổi, gay gắt, tuy nhiên, vấn đề thành lập Đảng vẫn chưa được Đại hội thông qua. Đại hội mới chỉ nêu ra được chi tiết những vấn đề về cương lĩnh chính trị, chương trình hoạt động, khẩu hiệu đấu tranh, điều lệ tổ chức... trong Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ. Mặc dù vậy, Tổng bộ Thanh niên cũng “thấy rằng Việt Nam Cách mệnh Thanh niên không thể và không nên tồn tại nữa, nên đã cử các đồng chí về nước tổ chức và liên kết các chi bộ cộng sản lại để thành lập Đảng Cộng sản”².

Mặc dù trong Đại hội còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết, nhiều ý kiến chưa thống nhất, nhưng qua quá trình tiếp xúc, dự họp Đại hội, đồng chí Trương Quang

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr. 373.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr. 375.

Trọng đã lĩnh hội được yêu cầu cấp bách của thực tiễn cách mạng là tiến tới thành lập Đảng Cộng sản thay thế tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã trở nên lỗi thời, bất cập. Thấu triệt tinh thần đó, trở về nước, Trương Quang Trọng đã cùng với các đồng chí trong Tỉnh bộ Thanh niên bàn luận về chủ trương thành lập tổ chức Đảng. Phần đông ý kiến trong Tỉnh bộ thống nhất tán thành việc giải tán Hội Thanh niên và thành lập Đảng Cộng sản.

Sau Đại hội Thanh niên toàn quốc (5-1929), trong cả nước, chỉ trong vòng hơn 4 tháng, các tổ chức cộng sản lần lượt ra đời. Ở Bắc kỳ có Đông Dương Cộng sản Đảng, Nam kỳ có An Nam Cộng sản Đảng, ở Trung kỳ, các tổ chức của Tân Việt cũng lần lượt chuyển sang lập trường vô sản và thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Sự ra đời nhanh chóng của các tổ chức cộng sản là một xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, sự tồn tại của ba đảng cộng sản độc lập trên phạm vi lãnh thổ cả nước dễ dẫn đến nguy cơ chia rẽ lớn. Đứng trước tình hình đó, Trương Quang Trọng và các đồng chí trong Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi nhất quyết ủng hộ việc giải tán Thanh niên, thành lập Đảng Cộng sản, tuy nhiên, Tỉnh bộ đặt ra mấy vấn đề: Nên gia nhập nhóm cộng sản nào? Tên gọi của Đảng là gì cho thích hợp? Vì sao nhóm cộng sản nào cũng không có đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia.¹

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghĩa Bình xuất bản năm 1985, tr. 39.

Tuy chưa quyết định theo nhóm cộng sản nào nhưng với những diễn biến sôi nổi của tình hình cách mạng, cuối tháng 7-1929, Trương Quang Trọng cùng các đồng chí cấp tiến trong Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi như: Phạm Viết My, Nguyễn Nghiêm, Đặng Tòng, Hồ Độ, Lê Trọng Kha... tổ chức cuộc họp tại núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ). Tại cuộc họp, đồng chí Trương Quang Trọng trực tiếp chủ trì và phổ biến nghị quyết của Đại hội Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đồng thời đồng chí cũng đưa ra và phân tích các ý kiến tranh luận tại Đại hội Thanh niên về việc thành lập Đảng Cộng sản và những diễn biến sôi nổi của tình hình cách mạng trong nước... Dưới sự chủ trì của đồng chí Trương Quang Trọng, các đồng chí dự hội nghị nghiêm túc thảo luận các vấn đề và đi tới quyết định:

- Giải tán Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên và thành lập chi bộ Đảng tại Quảng Ngãi.

- Thống nhất việc bố trí lực lượng bám trụ hoạt động, gây cơ sở cách mạng tại Quảng Ngãi trong bất cứ tình huống nào¹. Trên cơ sở đó, Hội nghị đã quyết định thành lập tổ chức “dự bị cộng sản” đầu tiên của tỉnh, làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi. Hội nghị cũng đặc biệt chú trọng vấn đề đấu tranh chống khủng bố của chính quyền thực dân; đồng thời bố trí những hội viên có năng lực thoát khỏi sự truy bắt của địch

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghĩa Bình xuất bản năm 1985, tr. 39.

để đứng ra xúc tiến thành lập Đảng bộ Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi.

Như vậy, Hội nghị Xương Rồng (7-1929) đã đáp ứng được đòi hỏi cấp bách của tình hình cách mạng trong tỉnh và thể hiện được lập trường dứt khoát của tập thể Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi trong việc chấm dứt hoạt động của tổ chức Thanh niên, thành lập tổ chức cộng sản. Từ đây, phong trào cách mạng trong tỉnh Quảng Ngãi phát triển nhảy vọt cả về chất lượng và số lượng phong trào đấu tranh. Điều đó là nhờ công lao đóng góp rất lớn của đồng chí Trương Quang Trọng trong việc đấu tranh cho sự thống nhất cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức tiến tới thành lập Đảng Cộng sản. Chỉ một thời gian ngắn sau hội nghị, với sự nỗ lực phi thường của những cán bộ và hội viên của Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi, hàng loạt các chi bộ “dự bị cộng sản” được lập ra. Đây là điều kiện chín muồi cho việc thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đầu năm 1930.

Trước sự phát triển nhanh chóng của tình hình cách mạng Việt Nam, chính quyền thực dân tỏ ra vô cùng lo sợ, đã tiến hành đàn áp, khủng bố các tổ chức cách mạng trên khắp cả nước. Nhiều đồng chí cốt cán bị bắt, bị giết. Tại Quảng Ngãi, những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhanh chóng bị chính quyền thực dân chú ý. Chỉ trong mấy tháng cuối năm 1929, hầu hết các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Ngãi đều bị bắt. Đồng chí Trương Quang Trọng cũng bị chính quyền thực dân bắt giữ vào ngày 19-8-1929 cùng với 20 đồng chí khác. Sau một thời gian giam giữ ở Quảng Ngãi, đồng chí

bị tòa án thực dân kết án 9 năm tù khổ sai, 4 năm quản thúc. Đầu năm 1931, đồng chí cùng một số tù nhân bị chuyển vào nhà lao Quy Nhơn, đến tháng 6-1931 bị đày lên ngục Kon Tum. Tại đây, đồng chí đã cùng với các tù nhân đấu tranh quyết liệt chống chế độ giam cầm hà khắc của nhà tù thực dân. Ngày 12-12-1931, khi cai ngục truy bức người tù đi lao động khổ sai, Trương Quang Trọng đã dũng cảm đứng ra nhận trách nhiệm và bị cai ngục Pháp bắn chết khi mới vừa tròn 25 tuổi.

Nhìn lại chặng đường hoạt động cách mạng của đồng chí Trương Quang Trọng có thể nhận thấy ở đồng chí là một con người vô cùng trong sáng, hoạt động không mệt mỏi, tự vươn lên không ngừng, luôn nỗ lực gây dựng tổ chức, đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiến lên. Đồng chí là một tấm gương sáng ngời và là đại diện tiêu biểu cho lớp thanh niên trí thức mới của Quảng Ngãi trong việc đấu tranh giữa hai khuynh hướng chính trị: xu hướng cách mạng quốc gia và xu hướng vô sản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Nhờ những tâm huyết và những hoạt động không mệt mỏi của những thanh niên tiên bộ như đồng chí mà phong trào cách mạng Quảng Ngãi đã chuyển hẳn sang lập trường cách mạng vô sản với việc thành lập Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi. Sự ra đời của tổ chức này đã đánh dấu một mốc lớn trong phong trào yêu nước của nhân dân trong tỉnh. Thông qua hoạt động của những thành viên cốt cán trong Tỉnh bộ như Trương Quang Trọng, phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi phát triển sâu rộng, hàng loạt tổ chức cộng sản ra đời, tạo điều kiện chín muồi cho việc thành lập Đảng bộ Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi.

VAI TRÒ CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP TỔ CHỨC ĐẢNG Ở QUẢNG NGÃI

PGS. TS Trịnh Thị Hồng Hạnh*

Quảng Ngãi là vùng đất nổi danh với những trang sử hào hùng và tinh thần cách mạng, những tên tuổi như: Trương Định, Trương Quyền, Nguyễn Bá Loan, Phạm Kiệt, Phạm Văn Đồng, Trần Quý Hai, Trần Văn Trà. Trương Quang Trọng là một trong những thanh niên yêu nước lớp đầu của tỉnh Quảng Ngãi, hoạt động không mệt mỏi, từng bước xây dựng tổ chức đảng, lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh bắt kịp xu thế của đất nước. Ông là nhân tố tích cực trong cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng tư tưởng cứu nước cuối những năm 20, đầu những năm 1930. Trương Quang Trọng là người “Sĩ phu Cộng sản” lớp đầu của Quảng Ngãi, một trí thức yêu nước, nêu cao tấm gương khí tiết cộng sản sáng ngời với lòng kiên trung bất khuất. Cuộc đời hoạt động yêu nước cách mạng của đồng chí Trương Quang Trọng gắn với quá trình vận động thành lập tổ chức Đảng ở Quảng Ngãi.

Trương Quang Trọng sinh năm 1906 tại làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, trong một gia đình có điều kiện thụ huấn nền giáo dục Tây học cơ bản. Ngay từ những năm học tại Cao đẳng Tiểu học ở Huế, ông đã thể

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

hiện rõ là người có chí hướng, tham gia hoạt động cách mạng và yêu nước. Ông cùng một số bạn học thành lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ. Năm 1925, Trương Quang Trọng thi đỗ vào khoa Y trường Cao đẳng Đông Dương. Trong thời gian học ở Hà Nội, ông có dịp tiếp xúc với nhà cách mạng Tôn Quang Phiệt, gia nhập Hội Phục Việt. Năm 1926, ông cùng Phạm Văn Đồng và một số bạn bè khác tham gia phong trào đòi để tang nhà cách mạng Phan Chu Trinh, đòi ân xá Phan Bội Châu.

Do tham gia phong trào yêu nước, ông bị đuổi học. Năm 1926, ông trở về Quảng Ngãi, tập hợp các thành viên Công Ái xã¹ với đa số là trí thức nho học tiến bộ và thanh niên tân học, thành lập tổ chức Phục Việt (sau đổi tên là Tân Việt) Quảng Ngãi.

Năm 1927, khi Nguyễn Thiệu (đại diện Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên, phụ trách Trung kỳ) về làm việc với Phục Việt Quảng Ngãi, Trương Quang Trọng cùng những thanh niên tiến bộ của Đảng Tân Việt đã tiếp thu được nội dung chương trình, điều lệ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, những bài giảng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tập hợp trong cuốn “Đường Kách mệnh”.

Tiếp thu lý luận mới về con đường cách mạng Việt Nam, Trương Quang Trọng cùng các đồng chí như Hồ Độ, Nguyễn Nghiêm thống nhất thành lập tổ chức *Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh Quảng Ngãi*,

¹ Như Hồ Độ, Nguyễn Bút, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Lê Trọng Kha.

Trương Quang Trọng được bầu làm Bí thư. Đây là sự kiện đánh dấu bước phát triển quan trọng của phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi.

Trong thời gian này, Trương Quang Trọng được tổ chức cử đi dự lớp tập huấn của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc)¹. Sau khi về tỉnh đã tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện có hệ thống và sâu sắc hơn về lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tháng 7-1928, tại Hội nghị đại biểu Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Trung kỳ họp tại Đà Nẵng, các đại biểu tranh luận về tình hình Tổng bộ và việc chuyển tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành đảng Cộng sản. Sau Hội nghị, Trương Quang Trọng truyền đạt lại toàn bộ nội dung tranh luận cho các đồng chí trong Tỉnh hội, tạo được sự thống nhất trong việc đề nghị thành lập Đảng Cộng sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Tháng 5 - 1929, đồng chí Trương Quang Trọng được cử làm đại biểu của Tỉnh bộ Quảng Ngãi dự Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Hương Cảng (Trung Quốc)². Trương Quang Trọng là một trong 4 đại biểu Kỳ bộ Trung kỳ đi dự Đại hội (Nguyễn Sĩ Sách, Nguyễn Thiệu, Trương Quang Trọng, Võ Mai)³.

¹ Hồng Sinh – Hồng Phú: *Sao sáng Sông Trà*, Hội Văn nghệ Nghệ An, 1975. tr.172.

² Xem Nhiều tác giả: *Sống giữa ngục tù*, Ban liên lạc tù chính trị yêu nước tỉnh Quảng Ngãi, tr. 14.

³ Tham gia Đại hội có 3 ủy viên Trung ương bộ (Lê Hồng Sơn, Lê Duy Điểm, Lâm Đức Thọ), 4 đại biểu Kỳ bộ Bắc kỳ, 4 đại biểu Kỳ bộ Trung kỳ, 3 đại biểu

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Tổng bộ triệu tập từ ngày 1 đến 9-5-1929.

Tại Đại hội, trưởng đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc kỳ phân tích những điều kiện khách quan và chủ quan của phong trào công nhân Việt Nam, vạch rõ quy mô và tính chất của nó để khẳng định trình độ giác ngộ, trình độ tổ chức của giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đòi hỏi phải có một chính đảng để lãnh đạo phong trào cách mạng. Đoàn đại biểu Bắc kỳ đưa ra đề nghị thành lập Đảng Cộng sản, nhưng chủ trương này không được Đại hội thông qua. Vì vậy, đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc kỳ đã thoát ly Đại hội.

Đến giữa năm 1929, Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã bước đến giai đoạn hoàn thành sứ mệnh lịch sử: truyền bá một cách rộng rãi chủ nghĩa Mác-Lênin và các luận điểm cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc vào Việt Nam, tập hợp và đào tạo được một đội ngũ cán bộ cách mạng, tạo nên bước nhảy vọt và sự chuyển hóa của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, hướng vào quỹ đạo cách mạng vô sản.

Ngày 17-6-1929, hơn 20 đại biểu của các tổ chức cộng sản ở các tỉnh Bắc kỳ họp tại số nhà 312, phố Khâm Thiên (Hà Nội) đồng ý lập Đảng. Ngay sau khi thành lập,

Kỳ bộ Nam kỳ (Phạm Văn Đồng, Châu Văn Liêm, Trần Văn Phông) và 1 đại biểu ở Xiêm (Võ Tòng). Xem Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập I (1911-1929), Nxb CTQG, H.2013, tr.249.

Đông Dương Cộng sản Đảng đã khẩn trương xây dựng và phát triển cơ sở Đảng trong phạm vi cả nước.

Kể từ thời điểm này, quá trình chuẩn bị cho sự ra đời một chính Đảng Cộng sản của lớp người cấp tiến trong Tổng bộ ngày một tăng. Nguyễn Sĩ Sách, Bí thư Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Trung kỳ, ủy viên hội trụ bị tổ chức Đảng Cộng sản được phân công về nước xây dựng Ban vận động xây dựng hội trụ bị tổ chức Đảng Cộng sản.

Nguyễn Thiệu về Quảng Ngãi lập cơ quan ấn loát ở Đức Phổ, xuất bản tờ *Dân cày* và *Thanh niên*, làm cơ quan ngôn luận. Sau Đại hội, Trương Quang Trọng là một trong những đại biểu tích cực vào việc tuyên truyền cho sự thành lập Đảng. Trương Quang Trọng cùng các đồng chí tích cực xúc tiến tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương, phương pháp cách mạng trong thanh niên, phát triển cơ sở đảng ở các huyện. Vận động một số hội buôn như: Quảng Lộ, Quảng Chánh, Quảng Thịnh, Quảng Thái, Quảng Hòa Tế gây quỹ, xây dựng thành cơ sở liên lạc¹.

Trương Quang Trọng, Nguyễn Thiệu, Phạm Văn Đồng trao đổi với các đồng chí ở Quảng Ngãi về việc nên tổ chức Đảng như thế nào, nhưng chưa thống nhất được. Nhiều đồng chí ở Quảng Ngãi không đồng tình thành lập một đảng riêng khi toàn quốc chưa có một đảng thống nhất².

¹ Hồng Sinh – Hồng Phú: *Sao sáng Sông Trà*, Hội Văn nghệ Nghệ An, 1975, tr.172; Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)*, Nxb CTQG, H. tr.35.

² Xem Nhiều tác giả: *Sống giữa ngục tù*, tr. 14; Hồng Sinh – Hồng Phú: *Sao sáng Sông Trà*, Hội Văn nghệ Nghệ An, 1975, tr.173.

Trương Quang Trọng gặp Nguyễn Sĩ Sách, được trao truyền đơn của Đông Dương Cộng sản Đảng, cho rằng cứ bí mật tuyên truyền trong quần chúng đường lối của đảng. Trương Quang Trọng cùng Ngô Đán, Ngô Minh Châu tìm cách rải truyền đơn ở dọc các con đường phía Bắc sông Trà.

Tháng 7-1929, Trương Quang Trọng biết được trong danh sách của địch có nhiều hội viên Việt Nam Cách mạng Thanh niên của nhiều tỉnh ở Kỳ bộ Trung kỳ, do có phản bội khai báo. Trương Quang Trọng len lỏi đến các cơ sở báo tin và bàn tìm cách đối phó. Tài liệu được cất giấu. Trong trường hợp bị lộ, bị bắt, các đồng chí phải giữ vững tinh thần để bảo vệ những đồng chí còn lại hoạt động.

Về đến Quảng Hòa Tế, Trương Quang Trọng gặp Nguyễn Thiệu từ Đà Nẵng về. Nguyễn Thiệu báo tin Tòa án Vinh kết án tử hình Nguyễn Ái Quốc; báo tin các đồng chí bị lộ, phải tìm cách ra nước ngoài¹.

Để đối phó với phong trào cách mạng ngày một phát triển, tại Nghệ An, ngày 29-7-1929, Tòa Nam án đã xử 45 chiến sĩ yêu nước và cách mạng - trong đó khép án tử hình đối với: Trần Văn Cung, Nguyễn Trần, Vương Thúc Oánh, Nguyễn Ái Quốc, Phan Tái (Hồ Tùng Mậu), Lê Duy Điểm, Trần Phú và án khổ sai chung thân với: Nguyễn Sĩ Sách, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Văn Thiệu, Võ Mai, Nguyễn Văn Hậu². Các vụ bắt bớ, truy lùng các chiến sĩ cách mạng liên tục diễn ra tại nhiều địa phương.

¹ Hồng Sinh – Hồng Phú: *Sao sáng Sông Trà*, Hội Văn nghệ Nghệ An, 1975, tr.175.

² Theo *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An*, tập 1, tr.53.

Trương Quang Trọng quyết định chưa đi ngay, mà ở lại sắp xếp công việc cho các đồng chí còn lại hoạt động. Trước tình huống nguy cấp, Trương Quang Trọng tức tốc tập hợp các đồng chí tích cực trong Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, là: Phạm Viết My, Nguyễn Nghiêm, Đặng Tòng, Hồ Độ, Lê Trọng Kha¹ đến núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ) họp bàn việc thành lập Tỉnh đảng bộ và biện pháp đối phó với kẻ thù².

Tại cuộc họp lịch sử này, một số đồng chí băn khoăn cho những người sẽ bị địch bắt, Trương Quang Trọng đã thể hiện rõ quyết tâm, khẳng định: “Trong khi kẻ thù chưa bị đánh đổ, thì những người cách mạng chúng ta còn phải chịu đựng mọi thử thách hy sinh. Nhưng chúng không thể khuất phục được ý chí sắt đá của chúng ta. Cho nên những đồng chí lộ mặt, dù bị địch bắt tù đày, cũng quyết bảo vệ cho các đồng chí ở ngoài thành lập cho được tổ chức cộng sản, để dìu dắt quần chúng tiến lên”³. Đồng chí Trương Quang Trọng giao nhiệm vụ quan trọng đó cho đồng chí Nguyễn Nghiêm.

Trương Quang Trọng chủ động, sáng kiến quyết định chuyển tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành tổ chức “Dự bị cộng sản”⁴, làm nhiệm vụ của Ban

¹ Xem Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập I (1911-1929). Nxb CTQG, H.2013, tr.278.

² Hồng Sinh – Hồng Phú: *Sao sáng Sông Trà*, Hội Văn nghệ Nghệ An, 1975. Tr.175.

³ Hồng Sinh – Hồng Phú: *Sao sáng Sông Trà*, Hội Văn nghệ Nghệ An, 1975. Tr.175.

⁴ Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)*, Nxb CTQG, H. tr.32.

vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi, để khi có Đảng chính thức thì sẽ gia nhập. Trương Quang Trọng giao trách nhiệm cho Nguyễn Nghiêm và Phạm Việt My, hai đồng chí làm nhiệm vụ liên lạc với Đảng và tổ chức Đảng bộ chính thức¹.

Đây là bước trực tiếp chuẩn bị thành lập tổ chức Cộng sản chính thức ở Quảng Ngãi để hòa nhập vào xu hướng thành lập một Đảng Cộng sản thống nhất trong cả nước.

Chính quyền thực dân Pháp đã theo dõi những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Ngãi. Từ cuối tháng 8 đến giữa tháng 10-1929, hầu hết hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Ngãi đều bị bắt².

Trương Quang Trọng cũng bị chính quyền thực dân Pháp bắt giữ vào ngày 19 tháng 8 năm 1929³ cùng với hơn 20 đồng chí khác. Ở trong tù, mặc dù phải chịu bao cực hình, đau đớn nhưng đồng chí vẫn giữ vững khí tiết cách mạng. Ông dặn dò anh em giữ vững tinh thần, bảo vệ số đồng chí còn lại bên ngoài hoạt động.

Sau một thời gian bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi, ông bị tòa án thực dân kết án 9 năm khổ sai, 4 năm quản thúc. Đầu năm 1931, ông cùng một số tù nhân bị chuyển vào lao Quy Nhơn, đến tháng 6-1931 bị đày lên Ngục Kon

¹ Xem Nhiều tác giả: *Sống giữa ngục tù*, tr.15.

² Xem Nhiều tác giả: *Sống giữa ngục tù*, tr. 15.

³ Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)*, Nxb CTQG, H. tr.32.

Tum. Tại đây, đồng chí Trương Quang Trọng vẫn tiếp tục lãnh đạo các đồng chí của mình đấu tranh, phản đối những luật lệ hà khắc của nhà tù và kiên quyết chống địch bắt tù chính trị đi lao động khổ sai.

Từ tháng 8-1929 đến tháng 2-1930, những đồng chí chưa bị lộ trong Tỉnh bộ đã thực hiện chủ trương chung của Tỉnh bộ, đi vào các nhà máy, đồn điền, bến cảng để “vô sản hóa” và tìm bắt liên lạc với các tổ chức Cộng sản. Tháng 3-1930, đồng chí Nguyễn Nghiêm triệu tập đại biểu các huyện và một số đồng chí ở Nam bộ, truyền đạt Nghị quyết thống nhất Đảng toàn quốc, tuyên bố chính thức thành lập chi bộ Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ Quảng Ngãi, chuyển những chi bộ “Dự bị Cộng sản” thành những chi bộ Cộng sản. Hội nghị bầu Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư.

Trương Quang Trọng là một trong những thanh niên trí thức tiên bộ, giữ vai trò chủ yếu trong việc xây dựng tổ chức tiền thân của Đảng bộ Quảng Ngãi. Với sự hoạt động tích cực của ông cùng các đồng chí của mình, chủ nghĩa Mác - Lênin đã được xác lập trong nhận thức chính trị tư tưởng. Đóng góp của ông với sự thành lập Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tổ chức “Dự bị Cộng sản”, các hoạt động thúc đẩy dẫn đến kết quả tất yếu thành lập Đảng bộ Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi, đánh dấu mốc quan trọng trong phong trào cách mạng trong tỉnh cũng như bước phát triển của phong trào cách mạng đất nước những năm tháng này.

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TỪ NĂM 1926 ĐẾN NĂM 1931

TS Nguyễn Thị Mai*

Lịch sử dân tộc Việt Nam từ khi thực dân Pháp xâm lược đến khi hòa bình, thống nhất, biết bao người con đất Việt đã anh dũng hy sinh vì nền độc lập, tự do của đất nước. Với mưu đồ làm lung lạc ý chí đấu tranh của nhân dân ta, nhằm đặt ách cai trị lâu dài trên mảnh đất hình chữ S, thực dân Pháp đã xây dựng một hệ thống nhà tù vô cùng khắc nghiệt cùng với những hình thức tra tấn vô cùng tàn khốc. Nhưng trong lao tù, những người chiến sĩ cách mạng trung kiên, với ý chí kiên cường, gan dạ, dám hy sinh đã đánh bại những mưu đồ và ý chí xâm lược của kẻ thù. Một trong những tấm gương đã anh dũng hy sinh trước mũi súng của kẻ thù đó là đồng chí Trương Quang Trọng - người con ưu tú của Quảng Ngãi.

1. Gia nhập và xây dựng cơ sở cho Phục Việt Quảng Ngãi

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh năm 1906, người làng Phú Nhơn (nay là thôn Liên Hiệp, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi). Từ khi còn nhỏ, ông đã được thụ huấn một nền giáo dục Tây học cơ bản. Đến năm 1923, Trương Quang Trọng thi đỗ vào trường Cao

* Viện Lịch sử Đảng - Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

đăng Tiểu học ở Huế, học ban Thành chung. Tại đây, ông cùng một số bạn học cùng chí hướng thành lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ, là một hội yêu nước có xu hướng tiến bộ. Năm 1925, Trương Quang Trọng lên Hà Nội, học ở trường Bưởi, sau đó thi đỗ vào khoa Y, trường Cao đẳng Đông Dương. Trong thời gian học ở Hà Nội, ông được tiếp xúc với nhà cách mạng Tôn Quang Phiệt, người lãnh đạo của Hội Phục Việt ở Hà Nội, ông được tuyên truyền, giác ngộ. Qua những lần tiếp xúc, Trương Quang Trọng đã tiếp nhận xu hướng cách mạng và gia nhập Hội Phục Việt (sau đổi tên thành Hội Hưng Nam; Việt Nam Cách mạng Đảng; tháng 7-1928, đổi tên là Tân Việt Cách mạng Đảng). Năm 1926, phong trào yêu nước đòi tự do, dân chủ bùng lên mạnh mẽ, liên tục trên khắp cả nước, lôi cuốn hàng vạn người tham gia. Năm đó, Trương Quang Trọng vừa tròn 20 tuổi, ông cùng với đồng chí Phạm Văn Đồng và một số người tham gia phong trào đòi để tang nhà cách mạng Phan Chu Trinh và đòi ân xá Phan Bội Châu nên bị nhà trường đuổi học.

Giữa năm 1926, qua mối quan hệ giữa hai bạn tù chính trị Côn Đảo là Trần Kỳ Phong và Nguyễn Đình Kiên, Hội Hưng Nam Quảng Ngãi được thành lập (tên mới của Hội Phục Việt). Nhiều đồng chí, trong đó có Nguyễn Nghiêm, Hồ Độ, Nguyễn Công Phương, Lê Dung, Phạm Cự Hải... đã gia nhập Hội¹. Sau cuộc đấu tranh đòi để tang nhà cách mạng Phan Chu Trinh, đòi ân xá Phan

¹ Đình Trần Dương, *Tân Việt cách mạng Đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXBCTQG, Hà Nội, 2006, tr. 102.

Bội Châu, đồng chí Trương Quang Trọng đã bị địch đưa vào “sổ đen” và luôn bị theo dõi. Mùa hè năm 1926, đồng chí Trương Quang Trọng bỏ học, trở về Quảng Ngãi. Tại đây, ông tập hợp các thành viên Công Ái xã¹ như: Hồ Độ, Nguyễn Bút, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Lê Trọng Kha xây dựng cơ sở cho Hội Hưng Nam Quảng Ngãi². Tổ chức này đa số là trí thức nho học tiến bộ và thanh niên tân học. Tháng 10-1926, Hội Hưng Nam đổi tên Việt Nam Cách mạng Đảng. Lúc này, trong nội bộ Việt Nam cách mạng Đảng có sự đấu tranh gay gắt giữa hai xu hướng chính trị: Xu hướng cải lương và xu hướng đi theo Cách mạng Tháng Mười Nga. Những đảng viên của Việt Nam Cách mạng Đảng ở Quảng Ngãi như: Trương Quang Trọng, Hồ Độ... đã kiên quyết chống lại phái theo xu hướng cải lương, tán thành đi theo con đường yêu nước cách mạng triệt để do Nguyễn Ái Quốc vạch ra và tán thành việc hợp nhất với tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên³.

¹ Công Ái xã được thành lập tại một địa điểm gần Thị trấn Đồng Cát. Tham gia tổ chức này có Trần Kỳ Truyện, Nguyễn Thiệu, Lê Ngọc Thụy, Nguyễn Nghiêm... Hoạt động của Công Ái xã là tuyên truyền, giáo dục cho các tầng lớp thanh niên những tư tưởng cách mạng mới, giúp nhau nghiên cứu những sách Mác-xít. Song, Hội chưa có tôn chỉ, mục đích, đường hướng hoạt động rõ ràng. Khi được tin Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập, Công Ái xã cử Nguyễn Thiệu tìm cách bắt liên lạc.

² Đinh Trần Dương, *Tân Việt cách mạng Đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006, tr. 102.

³ Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Nxb CTQG, H 2005, tr 31.

2. Kiên quyết đi theo con đường cách mạng triệt để, thành lập chi bộ “Dự bị Cộng sản” ở Quảng Ngãi

Sau khi học xong lớp huấn luyện thứ hai do Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên mở tại Quảng Châu (Trung Quốc), đầu năm 1927, nhóm Phan Trọng Bình, Nguyễn Văn Lợi về gây dựng cơ sở tại Sài Gòn. Từ Sài Gòn, các hội viên xây dựng cơ sở ở các địa phương như: Mỹ Tho, Bến Tre, Quảng Nam, Quảng Ngãi... Đồng chí Nguyễn Thiệu được phân công về Quảng Ngãi¹. Năm 1927, sau khi đồng chí Nguyễn Thiệu (đại diện Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên) về làm việc, nhiều đảng viên trong tổ chức Việt Nam Cách mạng Đảng ở Quảng Ngãi, trong đó có Trương Quang Trọng chuyển hướng hoạt động. Cũng trong năm này, Trương Quang Trọng được cử đi dự lớp tập huấn của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc). Mùa hè năm 1927, sau khi được tiếp thu nội dung chương trình, điều lệ của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên và những bài giảng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tập hợp trong cuốn “Đường cách mệnh”, ông kiên quyết đi theo con đường cách mạng triệt để do Nguyễn Ái Quốc vạch ra. Từ đó, nhận thức và hiểu biết của ông về chủ nghĩa Mác - Lênin mới tương đối có hệ thống, sâu sắc hơn. Sau khi chuyển sang Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Trương Quang Trọng trở thành cán bộ của Kỳ bộ Trung kỳ.

¹ Phạm Xanh, *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin ở Việt Nam (1921-1930)*, NXBCTQG, Hà Nội, 2009, tr. 180.

Cuối năm 1927, một hội nghị được triệu tập ở Rú Thành (Nghệ An), gồm có Trương Quang Trọng, Lê Văn Huân, Hoàng Đức Thi, Phan Huy Kiêm, Thân Trọng Phước, Hoàng Văn Khải và Đào Xuân Mai. Tại Hội nghị, Trần Hậu Toàn - người được cử sang Quảng Châu bàn về việc hợp nhất với Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên báo cáo kết quả là: “Thanh niên tán thành việc hợp nhất từ Kỳ bộ xuống cơ sở của hai bên. Riêng Tổng bộ cần đặt ở ngoài, hiện nay đặt ở trong chưa có điều kiện thuận lợi, liên lạc còn có khó khăn. Nếu Việt Nam Cách mạng Đảng đồng ý thì Tổng bộ Thanh niên sẽ chỉ thị cho thanh niên trong nước theo kế hoạch hợp nhất từ kỳ bộ trở xuống, trước mắt Tổng bộ Thanh niên sẽ đình chỉ công kích của Thanh niên để chuẩn bị thuận lợi cho việc hợp nhất được tốt¹. Đại đa số đại biểu tham dự Hội nghị Rú Thành tán thành báo cáo của Trần Hậu Toàn. Sau khi nghe báo cáo của Trần Hậu Toàn, bản thân đồng chí Trương Quang Trọng sau quá trình học tập tại lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu đã lựa chọn và chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và trở thành cán bộ của Kỳ bộ Trung kỳ. Trở về Quảng Ngãi sau khóa học, Trương Quang Trọng cùng các đồng chí khác như: Nguyễn Thiệu, Hồ Độ, Lê Trọng Kha mở một số lớp huấn luyện, truyền đạt nội dung Chương trình, Điều lệ của Hội trong tầng lớp thanh niên, từ đó các chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Ngãi mới hình thành. Cuối năm 1927, Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh

¹ Đinh Trần Dương, *Tân Việt cách mạng Đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXBCTQG, Hà Nội, 2006, tr. 245-246, 255.

niên Quảng Ngãi được thành lập¹, đồng chí Trương Quang Trọng được bầu làm Bí thư Tỉnh bộ Quảng Ngãi². Sự ra đời của Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi đánh dấu một mốc lớn trong phong trào yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi. Tiếp đó, Tỉnh hội đã mở nhiều lớp huấn luyện cấp tốc, thành lập cơ quan ấn loát ở Tân Hội, Hùng Nghĩa (nay là xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ), xuất bản tờ báo *Dân cày* và *Thanh niên*, với mục đích phổ biến những văn kiện của Tổng bộ, những bài giảng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện ở Quảng Châu. Qua các tài liệu, bài giảng, chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Quảng Ngãi ngày càng sâu rộng, nhận thức của thanh niên, học sinh và quần chúng yêu nước cách mạng từng bước được nâng lên, đẩy lùi dần khuynh hướng cải lương, tư tưởng phi vô sản. Từ đây, những tổ chức cách mạng yêu nước ở Quảng Ngãi gia nhập hẳn vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên³.

Sau một thời gian ngắn hoạt động tích cực, Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi đã gây dựng được cơ sở ở hầu khắp các huyện đồng bằng. Các tổ chức quần chúng như: Nông hội, Hội thể dục thể thao... ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn phát triển mạnh. Tỉnh bộ lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi quyền sống hàng ngày, che giấu

¹ Xem Đề tài *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tập 1*, trang 51, lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

² Đinh Trần Dương, *Tân Việt cách mạng Đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXBCTQG, Hà Nội 2006, tr. 103.

³ Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, NXBCTQG, H 2005, tr. 35.

và phát triển lực lượng cách mạng; chống việc gian lận quân cấp công điền (ở làng Bồ Đề, huyện Mộ Đức), chống tục lệ cúng tế, ăn uống linh đình (ở làng Liên Chiêu, huyện Đức Phổ); rải truyền đơn trong khu dân cư có người Hoa sinh sống nhằm đòi nhà cầm quyền Trung Quốc trả tự do cho những người Việt Nam yêu nước bị Tỉnh trưởng Quảng Đông bắt giam¹. Ngoài ra, Tỉnh bộ còn lập hội buôn Mỹ Thành, Kim Thạch (huyện Đức Phổ) chấp nối quan hệ với các hội buôn Quảng Minh Đường, Quảng Hòa Tế, Quảng Thịnh (Thị xã Quảng Ngãi), Thanh Tân (huyện Đức Phổ)... để gây quỹ và làm cơ sở liên lạc cho Hội.

Từ quá trình hoạt động thực tiễn, Tỉnh hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi nhận thức được sự cần thiết phải có Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào cách mạng. Trên tinh thần đó, tháng 7-1928, trong Hội nghị đại biểu của Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Trung kỳ họp tại Đà Nẵng, các đại biểu đã tranh luận về tình hình của Tổng bộ và việc chuyển tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành Đảng Cộng sản. Sau Hội nghị, đồng chí Trương Quang Trọng truyền đạt lại toàn bộ nội dung tranh luận cho các đồng chí trong Tỉnh hội, tạo được sự thống nhất trong việc đề nghị thành lập Đảng Cộng sản để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Tháng 5-1929, đồng chí Trương Quang Trọng là một trong 4 đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên tại Hương

¹ Đinh Trần Dương, *Vai trò lịch sử của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên*, NXB CTQG – ST, Hà Nội 2015, tr 98.

Cảng (Trung Quốc)¹. Tại Đại hội, ý kiến của đoàn đại biểu Bắc kỳ về việc thành lập Đảng Cộng sản không được chấp nhận, đoàn đại biểu Bắc kỳ thoát ly Đại hội về nước, tuyên bố thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng vào ngày 17-6-1929.

Sau khi dự Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đồng chí Trương Quang Trọng cùng các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Sĩ Sách, Nguyễn Thiệu bàn luận với nhau nhiều lần vào tháng 6, 7-1929 và mấy lần họp bàn với Tỉnh bộ Thanh niên Cách mạng Quảng Ngãi về việc thành lập Đảng Cộng sản nhưng không thành, mặc dù các đồng chí lãnh đạo tỉnh bộ đều thống nhất nhận định đã đến lúc phải giải tán tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và thành lập Đảng Cộng sản, nhưng trong bối cảnh cả nước có nhiều nhóm cộng sản nên còn không ít băn khoăn.

Cuối tháng 7-1929, một cuộc họp được tổ chức tại núi Xương Rồng (Đức Phổ), dưới sự chủ trì của đồng chí Trương Quang Trọng. Tại Hội nghị, đồng chí Trương Quang Trọng phổ biến Nghị quyết của Tổng bộ. Hội nghị Tỉnh bộ nhất trí tuyên bố tất cả cán bộ và hội viên của Tỉnh bộ phải hoạt động theo tinh thần của một tổ chức Cộng sản. Đồng thời, Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi tuyên bố thành lập chi bộ “Dự bị Cộng sản”, làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng

¹ Đinh Trần Dương, *Tân Việt cách mạng Đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXBCTQG, Hà Nội 2006, tr 103.

sản Quảng Ngãi¹. Trước tình hình diễn biến phức tạp, Hội nghị bố trí lực lượng bám trụ hoạt động liên tục trong bất kỳ tình huống nào. Hội nghị giao cho đồng chí Nguyễn Nghiêm phụ trách việc đứng ra xúc tiến thành lập Đảng bộ Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi. Đây là bước trực tiếp chuẩn bị thành lập tổ chức Cộng sản chính thức ở Quảng Ngãi để hòa nhập vào xu hướng thành lập một Đảng Cộng sản thống nhất trong cả nước.

3. Kiên cường, bất khuất trước kẻ thù

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị tại núi Xương Rồng, cán bộ và hội viên của Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi tích cực hoạt động, xây dựng những chi bộ “Dự bị Cộng sản” để chuẩn bị cho việc thành lập Đảng bộ tỉnh. Những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Ngãi, mà trực tiếp là những hoạt động của đồng chí Trương Quang Trọng và các đồng chí khác nhanh chóng làm chính quyền thực dân Pháp chú ý. Trong báo cáo quý IV năm 1929 của mật thám Pháp Trung kỳ viết về tình hình Quảng Ngãi có đoạn: Từ sau vụ bắt trong tháng 3 vừa qua, một số tên cộng sản đã thành lập được một số chi bộ². Trong tháng 8-1929, địch đã bắt đi 21 chiến sĩ yêu nước, trong đó có

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Nxb CTQG, H 2005, tr. 39.

² Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Nxb CTQG, Hà Nội 2005, tr. 37.

đồng chí Trương Quang Trọng¹. Thời gian này, về danh nghĩa Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi không còn nữa, nhưng trong thực tế những cán bộ, hội viên còn lại vẫn tích cực hoạt động để tiến tới thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Quảng Ngãi. Ngày 26-10-1929, chúng kết án số hội viên bị bắt từ 1 đến 9 năm tù theo điều số 223, Luật An Nam. Sau một thời gian bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi, ông bị tòa án thực dân kết án 9 năm khổ sai, 4 năm quản thúc.

Mùa xuân năm 1930, sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, với bí danh Mười Hòa, đồng chí Nguyễn Nghiêm bắt liên lạc với các cơ sở cách mạng và triệu tập đại biểu các huyện về làng Tân Hội (Đức Phổ) truyền đạt tinh thần hội nghị hợp nhất và tuyên bố thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Quảng Ngãi và chuyển những chi bộ “Dự bị Cộng sản” thành những chi bộ chính thức. Sự ra đời của Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Quảng Ngãi đã đánh dấu một mốc son trong phong trào đấu tranh cách mạng ở Quảng Ngãi. Như vậy, tinh thần Hội nghị được tổ chức tại núi Xương Rồng do đồng chí Trương Quang Trọng chủ trì đã thành hiện thực.

Đầu năm 1931, Trương Quang Trọng cùng một số tù nhân bị chuyển vào lao Quy Nhơn, đến tháng 6-1931 bị đày lên ngục Kon Tum. Ở trong tù, mặc dù phải chịu bao cực

¹ Theo Đinh Trần Dương trong cuốn *Tân Việt cách mạng Đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006, trang 88 viết có 20 chiến sĩ yêu nước bị bắt.

hình, đau đớn nhưng đồng chí vẫn giữ vững khí tiết cách mạng. Đồng chí Trương Quang Trọng tiếp tục lãnh đạo anh em đấu tranh, phản đối những luật lệ hà khắc của nhà tù và kiên quyết chống địch bắt tù chính trị đi lao động khổ sai. Cuối năm 1931, cai ngục Pháp dự định buộc các tù chính trị ở Kon Tum đi lao động khổ sai làm đường ở Đăk Pek, bây giờ hãy còn là nơi rừng thiêng nước độc, lam sơn chướng khí. Ông cùng một số đồng chí như Đặng Thái Thuyên, Nguyễn Huy Lung (Nghệ An), Nguyễn Long (Hà Tĩnh), Lê Trọng Kha (Quảng Ngãi)... quyết định đấu tranh phản kháng và ông được cử làm Trưởng ban. Đặc biệt, ngày 12-12-1931, tại ngục Kon Tum đã diễn ra cuộc đấu tranh lưu huyết của tù chính trị phản đối việc thực dân Pháp cưỡng bức họ đi mở đường 14 lần thứ 2 (mùa khô 1931-1932) ở Đăk Pek.

Về cái chết của Trương Quang Trọng, sách “Ngục Kon Tum” của Lê Văn Hiến viết: “...Một hồi sau, Công sứ, Giám binh, các viên quan Một ở các đồn và lính tráng rầm rộ kéo đến... Thái độ người nào cũng hung hăng dữ tợn.

Trong lao thì nhà phạt hô to khẩu hiệu “Phản đối đi Đăk Pét! Phản đối đi Đăk Pét!”, rồi tất cả đều kêu nhau sắp hàng đứng trước cửa lao, thái độ người nào cũng quả quyết, hăng hái, không sợ chết. Người đại diện cho anh em lúc bấy giờ là Trương Quang Trọng, số hiệu 303, đứng hàng đầu. Thái độ của Trọng trầm tĩnh oai nghiêm và hết sức kiên quyết.

Theo lệnh Công sứ, Moulec tay cầm súng sáu, vừa bước vào cửa lao vừa hỏi: - Thằng 299 ở đâu? (Où est-il 299?).

Khi nghe kêu số hiệu của Lung, anh em nhà phật đều la lớn: Không có, không có, không có ai hết!

Nhưng lúc ấy Trọng đứng hàng đầu, vừa nghe Moulec kêu Lung thì Trọng tay lần mở nút áo, phanh ngực, rồi chỉ vào ngực mà trả lời cho Moulec bằng tiếng Pháp: - Le voici! (Nó ở đây!).

Moulec đưa thẳng súng sáu vào ngực Trọng nảy một phát, nói: - Le voilà! (Nó đó!).

Tiếng súng sáu vừa ra, Trọng liền ngã xuống!”.

Lúc này Trương Quang Trọng mới vừa tròn 25 tuổi.

Điều đáng chú ý trong câu chuyện này chính là sự hy sinh quên mình, vì đồng đội của Trương Quang Trọng. Bởi vì, ông mang số hiệu 303, còn người mang số hiệu 299 mà thực dân Pháp đang cần tìm và được cho là người cầm đầu cuộc nổi loạn là Nguyễn Huy Lung. Sự hy sinh cao cả của ông không những làm cho giặc khiếp sợ, mà còn là tấm gương cho những chiến sĩ cách mạng kiên trung tiếp tục đấu tranh. Trước phản ứng quyết liệt của tù nhân, các cai ngục Pháp buộc phải nhượng bộ, hủy bỏ việc bắt tù đi làm đường.

Đồng chí Trương Quang Trọng - người chiến sĩ Cộng sản kiên cường, bất khuất, đã hiến dâng trọn đời mình cho lý tưởng của Đảng và dân tộc. Cuộc đời hoạt động cách mạng, tấm gương gan dạ, kiên cường, dám hy sinh thân mình của đồng chí Trương Quang Trọng trở thành phương châm, lý tưởng sống, ý chí quyết tâm phấn đấu, cống hiến của các thế hệ cán bộ, đảng viên và thanh niên trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ cũng như trong công cuộc đổi mới hiện nay.

TRƯƠNG QUANG TRỌNG VÀ THỂ HỆ "DỰ BỊ CỘNG SẢN" QUANG VINH CỦA QUẢNG NGÃI

Nguyễn Thế Khoa*

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng gần gũi và chói sáng của đồng chí Trương Quang Trọng, tôi rất chú ý giai đoạn cuối tháng 7 năm 1929, khi ông tập hợp các đồng chí tích cực trong Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập tổ chức "Dự bị Cộng sản", làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi.

Tôi rất thích cái tên gọi "Dự bị Cộng sản" do Trương Quang Trọng đặt ra cho tổ chức của mình, một tổ chức gần như đồng thời thành lập với An Nam Cộng sản Đảng do một chiến hữu thân thiết, đồng hương Quảng Ngãi của ông, nhà cách mạng Nguyễn Thiệu là người đồng sáng lập.

Theo tôi "Dự bị Cộng sản" hay "Tiền Cộng sản" có thể là tên gọi của cả một thể hệ cách mạng Việt Nam tìm đường cứu nước từ trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức thành lập tháng 2 năm 1930. Đó là những trí thức yêu nước có mặt trong các tổ chức như Tâm tâm xã, Việt Nam Quang phục hội, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, Việt Nam Quốc dân Đảng với những tấm gương hy sinh tiêu biểu có tác dụng làm thức tỉnh tinh thần

* Tổng biên tập tạp chí Văn hiến Việt Nam.

yêu nước bất khuất của cả dân tộc như Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học...

Không có thể hệ các trí thức yêu nước tuyệt vời này sẽ không có sự ra đời của các tổ chức cộng sản như An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn và cuối cùng là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 2 năm 1930.

Đặc điểm của thế hệ trí thức yêu nước này là họ đều xuất thân từ các tầng lớp trung lưu hay thượng lưu trong xã hội thuộc địa, được thừa hưởng một nền giáo dục Tây học cơ bản từ tiểu học, trung học tới cao đẳng, đại học và họ đều có một tương lai vinh thân phì gia rộng mở nếu ngoan ngoãn phục tùng chế độ thực dân thuộc địa. Tuy vậy, họ đều đã sẵn sàng từ bỏ tương lai đó để phấn đấu cho một tương lai độc lập tự do của đất nước, sẵn sàng chấp nhận mọi hy sinh kể cả hy sinh bản thân mình khi cần thiết không một chút do dự, tiếc nuối.

Có thể nói, Trương Quang Trọng là tấm gương tiêu biểu của thế hệ “Dự bị Cộng sản” đầy tự hào này của Quảng Ngãi với tên tuổi của những nhà cách mạng trẻ tuổi cự phách thời kỳ những năm 1925 - 1930 như Phạm Văn Đồng, Nguyễn Thiệu, Hồ Độ, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Lê Trọng Kha... những nhân vật quan trọng của Việt Nam Quang phục hội, Việt Nam Cách mạng Thanh niên, An Nam Cộng sản Đảng, những tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong đó, Nguyễn Thiệu là một trong 7 người đã có mặt trên bán đảo Cửu Long, Hồng Kông (cùng với Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh, Châu Văn Liêm, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn và Nguyễn Ái

Quốc) trong hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2 năm 1930, còn Phạm Văn Đồng sau này đã trở thành một trong những lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam, người bạn chiến đấu thân thiết nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hơn nửa thế kỷ. Đây là hai người bạn chiến đấu thân thiết nhất của đồng chí Trương Quang Trọng.

Giống như Phạm Văn Đồng, Trương Quang Trọng từng được đưa sang Quảng Châu dự lớp tập huấn của tổ chức Việt Nam cách mạng Thanh niên do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp tổ chức, Phạm Văn Đồng vào năm 1926, còn Trương Quang Trọng năm 1927. Cũng như Phạm Văn Đồng, cuộc gặp gỡ trực tiếp với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu chắc chắn có ảnh hưởng rất lớn tới Trương Quang Trọng và đây là một đề tài nghiên cứu rất thú vị.

Giống như Phạm Văn Đồng, người bạn cùng sinh năm 1906, Trương Quang Trọng cũng ra đời trong một gia đình trung lưu. Hai người đã là bạn từ thuở ấu thơ khi được đưa ra Huế học ở trường Pháp - Việt Đông Ba rồi trường Quốc học, những ngôi trường trước đây Bác Hồ đã từng học. Rồi hai người cùng ra Hà Nội, Trương Quang Trọng khoa y trường Cao đẳng Đông Dương còn Phạm Văn Đồng học tú tài ở trường Bưởi. Năm 1926, hai ông cùng một số bạn bè khác tham gia phong trào đòi để tang nhà cách mạng Phan Chu Trinh, đòi ân xá Phan Bội Châu. Sau các hoạt động yêu nước này, Trương Quang Trọng bị đuổi học còn Phạm Văn Đồng thì bỏ học ở năm cuối tú tài và cả hai bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng chuyên nghiệp vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Phạm Văn Đồng sang Quảng Châu gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và tham dự lớp tập huấn của tổ chức Việt

Nam Cách mạng Thanh niên rời về Nam kỳ tham gia Tổng bộ của Việt Nam Cách mạng Thanh niên, bị bắt năm 1929, bị đày đi Côn Đảo đến năm 1936. Còn Trương Quang Trọng trở về Quảng Ngãi thành lập tổ chức Phục Việt Quảng Ngãi rồi chuyển tổ chức này thành Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, do ông làm Bí thư. Sau khi đi Quảng Châu dự lớp tập huấn của Việt Nam Cách mạng Thanh niên của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Trương Quang Trọng về nước và cuối tháng 7 năm 1929, ông tập hợp các đồng chí tích cực trong Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ) thành lập tổ chức "Dự bị Cộng sản", làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi thuộc An Nam Cộng sản Đảng. Những hoạt động của Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Ngãi nhanh chóng bị chính quyền thực dân Pháp chú ý. Từ hạ tuần tháng 8 đến giữa tháng 10 năm 1929, hầu hết hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Ngãi đều bị bắt. Trương Quang Trọng cũng bị chính quyền thực dân Pháp bắt giữ vào ngày 19 tháng 8 năm 1929 cùng với hơn 20 đồng chí khác. Sau một thời gian bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi, ông bị tòa án thực dân kết án 9 năm khổ sai, 4 năm quản thúc. Đầu năm 1931, ông cùng một số tù nhân bị chuyển vào lao Quy Nhơn, đến tháng 6 năm 1931 bị đày lên ngục Kon Tum.

Nếu như Phạm Văn Đồng sau 7 năm sống trong nhà tù Côn Đảo, năm 1936 được ra tù để năm 1940 cùng với Võ Nguyên Giáp bí mật trốn sang Trung Quốc gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, được chính thức kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ về nước xây dựng vùng căn cứ địa ở biên giới

Việt Trung thì Trương Quang Trọng sau hơn 6 tháng bị tù ở Kon Tum đến ngày 12 tháng 12 năm 1931, trong một sự kiện sau này được lịch sử ghi nhận là cuộc đấu tranh lưu huyết có một không hai tại đây, chàng thanh niên “dự bị Cộng sản” 25 tuổi đã đứng ra nhận trách nhiệm người cầm đầu cuộc đấu tranh, đã bị tên cai ngục bắn chết cùng với 7 đồng chí của mình.

Ba con người tiêu biểu của thế hệ “dự bị Cộng sản” quang vinh ở Quảng Ngãi: Nguyễn Thiệu, Phạm Văn Đồng, Trương Quang Trọng, những con người đồng hương đã góp phần hết sức quan trọng cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam có những số phận rất khác nhau.

Trương Quang Trọng hy sinh năm 25 tuổi, khi chưa phải là đảng viên chính thức của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phạm Văn Đồng sau 10 năm thành lập Đảng, năm 1940 mới được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam và từ đó trở thành một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng, 32 năm làm Thủ tướng (1955 - 1987), mất năm 94 tuổi (năm 2000).

Nguyễn Thiệu trở thành một trong 7 thành viên sáng lập Đảng và từng là Xứ ủy viên Nam kỳ, Bí thư liên Tỉnh ủy Mỹ Tho - Bến Tre - Cà Mau. Năm 1932, ông bị địch bắt, bị kết án khổ sai chung thân đày đi Côn Đảo. Năm 1945, cách mạng thành công, Nguyễn Thiệu được đón về đất liền tham gia Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Sau năm 1954, ông tập kết ra Bắc, giữ chức Viện phó rồi Viện trưởng Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam và mất năm 1989 tại thành phố Hồ Chí Minh khi 86 tuổi.

VỀ NGHIỆP HỌC CỦA NHÀ CÁCH MẠNG TRƯƠNG QUANG TRỌNG Ở QUẢNG NGÃI

Nguyễn Quang Trung Tiến *

Trương Quang Trọng là một trong những nhà cách mạng tiên phong của Việt Nam đầu thế kỷ XX, Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi, cùng thế hệ và cùng tham gia học tập, hoạt động yêu nước, cách mạng với những người đồng quê là Nguyễn Thiệu và nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong những năm 1923 - 1931.

Tuy nhiên, những hiểu biết của hậu thế, cho đến hôm nay, về nhà cách mạng Trương Quang Trọng, nhất là về sự nghiệp học hành của ông, vẫn còn hết sức sơ sài, chưa thấu đáo và được lưu truyền với những thông tin thiếu thống nhất về thời gian, trường lớp học tập ở các cấp của ông trước khi nghỉ học giữa chừng để làm cách mạng.

Đó là một thiếu sót lớn trong nhận thức của chúng ta về nhân thân và sự nghiệp của nhà cách mạng Trương Quang Trọng, đồng thời đó cũng chính là lý do thiết yếu mà bài viết này sẽ hướng đến để giải quyết, nhằm góp phần làm sáng tỏ nghiệp học của ông, làm rõ quá trình tích lũy tri thức của ông - một nền tảng cực kỳ quan trọng giúp

* Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khoa học Huế.

ông chuyển từ một thanh niên yêu nước thành một nhà cách mạng tên tuổi hàng đầu ở địa phương và khu vực trong giai đoạn trước và sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam mới ra đời.

1. Nghiệp học của Trương Quang Trọng

Từ những tài liệu ít ỏi có được cho đến nay, mặc dù còn rất sơ lược, nhưng điềm chung giữa các tài liệu vẫn giúp chúng ta nắm được những thông tin thống nhất và khá chắc chắn là thuở thiếu thời Trương Quang Trọng học trường làng, rồi lên học trường tỉnh (Quảng Ngãi); sau đó ra Huế học cao đẳng tiểu học và đỗ bằng Thành chung năm 1923; tiếp tục ra Hà Nội học khoa Y trường Cao đẳng Y Dược Đông Dương và đến năm 1926, lúc đang là sinh viên năm thứ hai, thì bị buộc thôi học do tham gia các phong trào đấu tranh yêu nước, đặc biệt là hai phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu từ cuối tháng 11 đến 24-12-1925 và phong trào đòi được làm lễ truy điệu, để tang và đưa tang cụ Phan Chu Trinh vào cuối tháng 3, đầu tháng 4-1926¹.

¹ Theo các tài liệu như: Hồng Sinh, Hồng Phú, *Sao sáng sông Trà* (Truyện các liệt sĩ yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi), Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, Nghệ An, 1975, trang 169-171; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, trang 32; Phạm Nhớ, “Trương Quang Trọng nêu cao tấm gương người cộng sản tại nhà ngục Kon Tum”, *Sống giữa ngục tù*, tập II, Ban Liên lạc tù chính trị yêu nước tỉnh Quảng Ngãi xuất bản, 2001, trang 12-13.

Bên cạnh những điểm chung đã đề cập, một số bài viết khác còn cho rằng đầu thập niên 20 của thế kỷ XX¹ Trương Quang Trọng ra Huế học và lấy bằng Thành chung năm 1923; sau khi học xong ở Huế, Trương Quang Trọng ra Hà Nội học ở Trường Bưởi trước khi vào học khoa Y của trường Cao đẳng Y Dược Đông Dương²; và thời điểm ông vào học trường Cao đẳng Y Dược Đông Dương là năm 1925³.

Những thông tin còn quá khiêm tốn và có một số tình tiết không thống nhất nói trên về quá trình đi học của nhà cách mạng Trương Quang Trọng khiến chúng ta không tránh khỏi những băn khoăn là: ông học trường

¹ “Trương Quang Trọng (1906-1931)”, <https://nuiansongtra.wordpress.com/category/v%E1%BB%81-qu%E1%BA%A3ng-ngai/page/5/>; Trương Quang Thông, “Trương Quang Trọng (1906-1931) và cuộc đấu tranh lưu huyết”, <http://hotruong.net/phpbb/viewtopic.php?t=156>, 11/4/2011; “Trương Quang Trọng (1906-1931)”, <https://thanhphoquangngai.wordpress.com/2010/08/18/tr%C6%B0%C6%A1ng-quang-tr%E1%BB%8Dng-1906-1931/>.

² Theo các bài viết như: Nguyễn Văn Quang, “Khí phách đồng chí Trương Quang Trọng trong cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12/12/1931 tại nhà lao Kon Tum”, <http://baotangkontum.vn/vi/news/Doi-tac/KHI-PHACH-DONG-CHI-TRUONG-QUANG-TRONG-TRONG-CUOC-DAU-TRANH-LUU-HUYET-NGAY-12-12-1931-TAI-NHA-LAO-KON-TUM-74/>, 26/3/2018; “Trương Quang Trọng (1906-1931)”, <https://nuiansongtra.wordpress.com/category/v%E1%BB%81-qu%E1%BA%A3ng-ngai/page/5/>; Trương Quang Thông, “Trương Quang Trọng (1906-1931) và cuộc đấu tranh lưu huyết”, <http://hotruong.net/phpbb/viewtopic.php?t=156>, 11/4/2011.

³ Theo các bài viết như: Phạm Danh, “Trương Quang Trọng, tấm gương giữ vững khí tiết cách mạng”, <http://baoquangngai.vn/channel/2047/201206/Truong-Quang-Trong-Tam-guong-giu-vung-khi-tiet-cach-mang-2167467/>, 26/9/2012.

làng rồi trường tỉnh từ lúc nào? Ông ra Huế học cao đẳng tiểu học vào thời điểm nào? Năm 1923, lấy bằng Thành chung ở Huế xong, ông có đi học tiếp ở Trường Bưởi tại Hà Nội hay không? Liệu có phải ông thi đậu và vào học khoa Y của trường Cao đẳng Y Dược Đông Dương vào năm 1925?

Để trả lời những câu hỏi đặt ra ở trên, chúng ta buộc phải dựa vào một căn cứ vững chắc nhất trong chuỗi thông tin về sự nghiệp học hành của ông, đó là ông đỗ bằng Thành chung ở Huế vào năm 1923, để lần tìm về các cấp học của ông trước đó.

Tại thời điểm niên khóa 1922 - 1923, bậc học cao đẳng tiểu học thuộc hệ trung học¹ ở Việt Nam chỉ mới có tại 7 trường là²: Trường Bảo hộ Hà Nội (Pháp gọi là Collège du Protectorat, người Việt quen gọi là Trường Bưởi, vì trường nằm dọc theo Hồ Tây từ đất làng Thụy Khê chỗ gần đền Quan Thánh tới gần Ô Cầu Giấy thuộc làng Yên Thái, tục gọi là làng Bưởi, nay là Trường Chu Văn An), Trường Nữ học ở Hà Nội (Collège de Jeunes Filles), Trường Quốc học Huế (Collège de Quốc Học), Trường Nữ học Đồng Khánh ở Huế (Collège Đông Khanh), Trường Chasseloup Laubat ở Sài Gòn (Collège Chasseloup

¹ Hệ trung học lúc ấy gồm hai bậc là cao đẳng tiểu học (tương đương trung học cơ sở hiện nay) và trung học (tương đương trung học phổ thông hiện nay).

² Phan Trọng Báu, *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2006, trang 92-93.

Laubat), Trường Nữ học ở Sài Gòn (Collège de Jeunes Filles Indigènes), Trường Mỹ Tho (Collège de Mytho)¹.

Bậc cao đẳng tiểu học có 4 năm học, với 4 lớp tương ứng là *Đệ nhất niên* (Première année), *Đệ nhị niên* (Deuxième année), *Đệ tam niên* (Troisième année) và *Đệ tứ niên* (Quatrième année), tương đương từ lớp 6 đến lớp 9 của trường trung học cơ sở hiện nay. Học xong 4 năm, học sinh thi đỗ được cấp bằng Cao đẳng tiểu học, còn gọi là bằng Thành chung hay bằng Đíp-lôm (Diplôme d'Étude Primaires Supérieurs Franco-Indigènes). Như vậy, Trương Quang Trọng lấy được bằng Thành chung tại Trường Quốc học Huế năm 1923, đồng nghĩa ít nhất ông phải ra học ở Huế từ niên khóa 1919-1920.

Muốn nộp hồ sơ và được trúng tuyển vào bậc cao đẳng tiểu học tại Trường Quốc học Huế nói riêng và các trường thuộc hệ thống giáo dục Pháp-Việt tương đương nói chung, các thí sinh tự do phải ít nhất đã tốt nghiệp hệ tiểu học Pháp-Việt (hệ tiểu học phong kiến không được thi vào trường này). Do vậy, chắc chắn rằng vào năm 1919, Trương Quang Trọng đã tốt nghiệp trường tiểu học Pháp - Việt ở Quảng Ngãi, như các tài liệu đều ghi là sau khi học trường làng, ông lên học trường tỉnh trước khi ra Huế học tiếp cao đẳng tiểu học.

¹ Tại Trung kỳ, năm 1920 Trường Quốc học Vinh và năm 1921 Trường Quốc học Quy Nhơn mới ra đời. Trong năm học 1921-1922, tại Quốc học Quy Nhơn mới chỉ mở được lớp năm thứ nhất của bậc cao đẳng tiểu học, sau đó học sinh phải chuyển ra Huế học tiếp, mãi đến năm học 1926-1927 thì mới có đầy đủ 4 lớp của bậc cao đẳng tiểu học tại trường.

Tốt nghiệp bằng tiểu học Pháp - Việt năm 1919, vậy Trương Quang Trọng bắt đầu học trường tỉnh (tức trường tiểu học Pháp - Việt Quảng Ngãi) từ khi nào?

Theo quy định của chương trình cải cách giáo dục của Pháp ở Việt Nam lần thứ hai (1917-1929), kèm theo việc triều Khải Định quyết định bãi bỏ hoàn toàn hệ thống trường chữ Hán và thay vào đó là hệ thống trường Pháp - Việt, từ năm 1917, hệ tiểu học Pháp - Việt có 5 lớp, và từ năm 1924 nâng lên thành 6 lớp¹. Trương Quang Trọng tốt nghiệp tiểu học Pháp - Việt năm 1919, đồng nghĩa khi bước chân vào trường tiểu học ở tỉnh trước thời điểm đó, ông không học theo chương trình của cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai, mà vẫn học theo chương trình của cuộc cải cách giáo dục của Pháp lần thứ nhất (1886 - 1916), với bậc tiểu học Pháp - Việt có 4 năm học, tương ứng với 4 lớp theo thứ tự từ thấp lên cao: lớp tư, lớp ba, lớp nhì, lớp nhất². Đặt

¹ Giai đoạn 1917-1924, hệ tiểu học Pháp-Việt có 5 lớp: lớp Đồng ấu (Cours Enfantin) 7 tuổi, lớp Dự bị (Cours Préparatoire) 8 tuổi, lớp Sơ đẳng (Cours Élémentaire) 9 tuổi, lớp Nhì (Cours Moyen) 10 tuổi và lớp Nhất (Cours Supérieur) 11 tuổi. Từ năm 1924, lớp Nhì được chia thành lớp Nhì năm thứ nhất (Cours Moyen 1ère année) và lớp Nhì năm thứ hai (Cours Moyen 2è année), nên hệ tiểu học có đến 6 lớp.

Ba lớp đầu còn được gọi là bậc sơ học. Học xong lớp Sơ đẳng học sinh thi lấy bằng Sơ học yếu lược (Primaire Élémentaire). Những học sinh được tuyển thẳng lên lớp Nhì năm thứ nhất không bắt buộc phải thi Sơ học yếu lược. Hết lớp Nhất học sinh thi lấy bằng Tiểu học yếu lược hay Sơ đẳng tiểu học (Certificat d'Études Primaires Franco-Indigènes, viết tắt là CEPFI), và dùng bằng này để dự tuyển lên học bậc trên.

² Phan Trọng Báu, *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2006, trang 65.

tình huống là Trương Quang Trọng thông suốt trong 4 năm học bậc tiểu học ở trường tỉnh (các tài liệu đều nói ông vốn nổi tiếng thông minh, học giỏi, nên khả năng ở lại lớp bị loại trừ), thì thời điểm ông bắt đầu lên học trường tiểu học Pháp - Việt ở tỉnh là năm 1915, lúc ông 9 tuổi (ông sinh năm 1906).

Chương trình bậc tiểu học Pháp - Việt khi ấy hầu hết dạy bằng tiếng Pháp, còn tiếng Việt và chữ Hán chiếm một tỉ lệ rất nhỏ; vì vậy, muốn được xét tuyển vào học trường tiểu học Pháp - Việt (trường tỉnh), học sinh phải qua bậc ấu học trong hệ thống trường học tại các làng/xã (trường làng).

Bậc ấu học có 3 loại trường: trường học 1 năm (ở những nơi xa xôi hẻo lánh) chỉ dạy Quốc ngữ, không dạy chữ Hán và chữ Pháp; trường học 2 năm dạy cả Quốc ngữ và chữ Hán nhưng không dạy chữ Pháp; trường học 3 năm dạy cả 3 thứ chữ Quốc ngữ, Hán, Pháp¹. Các trường ấu học 1 năm hoặc 2 năm dành cho những người học cho biết chữ rồi thôi, không học tiếp nữa; còn kết thúc bậc ấu học ở loại trường 3 năm thì có một kỳ thi gọi là “Hạch tuyển”, học sinh thi đỗ được cấp bằng Tuyển sinh, có thể dùng để xin xét tuyển lên bậc tiểu học Pháp - Việt.

Với sự phân cấp giữa hai bậc ấu học và tiểu học như vậy, theo lo-gic, Trương Quang Trọng lên học trường tiểu học Pháp - Việt ở tỉnh năm 1915, nghĩa là ông xuất thân từ

¹ Phan Trọng Báu, *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2006, trang 69.

trường làng loại ấu học 3 năm, tức đi học ấu học tại quê nhà từ năm 1912, lúc ông 6 tuổi.

Trở lại cuộc hành trình của Trương Quang Trọng từ Huế ra Hà Nội sau khi tốt nghiệp bậc cao đẳng tiểu học (tương đương trung học cơ sở hiện nay) ở Trường Quốc học Huế năm 1923, ông có hai khả năng để học tiếp ở Hà Nội là, một: thi tuyển lên bậc trung học (tương đương trung học phổ thông hiện nay) để lấy bằng Tú tài, hai: thi tuyển vào các trường cao đẳng (do lúc đó chưa đòi hỏi phải có bằng Tú tài Pháp - Việt).

Về khả năng thứ nhất, tức học lên trung học, ở thời điểm năm 1923 toàn Việt Nam mới chỉ có hai trường trung học, một tại Sài Gòn và một tại Hà Nội, trong đó tại Hà Nội là Trường Albert Sarraut (Lycée Albert Sarraut). Trương Quang Trọng đã không chọn con đường học lên trung học, không thi tuyển và vào học ở Trường Albert Sarraut (hoặc có dự thi nhưng không đỗ); vậy thông tin từ một số tài liệu nói ông vào học Trường Bưởi trước khi học khoa Y của Trường Cao đẳng Y Dược Đông Dương liệu có đáng tin?

Như đã nói ở trên, Trường Bảo hộ ở Hà Nội (Pháp gọi là Collège du Protectorat, người Việt quen gọi là Trường Bưởi) lúc ấy cũng là cơ sở đào tạo bậc cao đẳng tiểu học như Trường Quốc học Huế. Trường này được xây vào năm 1907, đến năm 1910 có đủ bốn lớp từ đệ nhất đến đệ tứ (tương đương từ lớp 6 đến lớp 9 hiện nay). Từ niên khóa 1924-1925, trường mới bắt đầu mở thêm bậc trung học 2 năm (tương đương lớp 10, 11 hiện nay) và thi đỗ được cấp bằng Tú tài “bản xứ”. Từ năm 1926, trường chấm dứt đào tạo hệ tiểu học,

chỉ còn hệ trung học gồm bậc cao đẳng tiểu học và bậc trung học 2 năm, nên sau đó trường đổi tên thành Lycée du Protectorat (Trường Trung học Bảo hộ). Từ cuối năm 1927, bậc trung học được tăng cường thêm một năm (tương đương lớp 12 hiện nay) thành bậc trung học 3 năm, thi đỗ được cấp bằng Tú tài “bản xứ” phân thứ hai, gọi tắt là Tú tài 2.

Dựa vào thực tế chương trình đào tạo ở Trường Bưởi, tình huống Trương Quang Trọng nếu có vào học trung học tại đó, thì cũng chỉ xảy ra từ năm 1924 (bởi trong năm 1923 Trường Bưởi chưa có bậc trung học). Nhưng, nếu vậy thì Trương Quang Trọng vào học khoa Y của Trường Cao đẳng Y Dược Đông Dương vào năm nào, bởi sang năm 1926, ông bị đuổi học khỏi trường do tham gia phong trào yêu nước khi đang là sinh viên năm thứ hai?

Từ những tình huống đã được tài liệu ghi chép lại, có thể đưa ra phán đoán rằng Trương Quang Trọng đã trúng tuyển trung học ở Trường Bưởi và mới vào học thời gian ngắn từ đầu năm học 1924 - 1925; nhưng ông cũng đồng thời dự tuyển và trúng tuyển vào Trường Cao đẳng Y Dược Đông Dương, do đó ngưng học ở Trường Bưởi để theo học ngành y cũng trong năm học 1924 - 1925, và đến năm học 1925 - 1926 thì ông đã thành sinh viên năm thứ hai.

Nơi Trương Quang Trọng học ngành y trước là Trường Y Khoa Đông Dương (École de Médecine de l'Indochine), thành lập năm 1902, lúc đầu do bác sĩ Yersin làm Hiệu trưởng, là cơ sở đào tạo các nhân viên phụ tá cho bác sĩ và dược sĩ với học trình 4 năm cho y khoa và 3 năm cho dược khoa. Từ tháng 8-1905, trường có thêm ban thú y và một lớp

nữ hộ sinh bản xứ với học trình 2 năm. Năm 1913, trường được đổi tên thành Trường Y Dược Đông Dương (École de Médecine et de Pharmacie de l'Indochine). Từ năm 1914, khoa Mắt của trường được nâng lên thành Trung tâm Nhân khoa Đông Dương, sau đó khoa Thú y tách ra để thành lập Trường Cao đẳng Thú y Đông Dương. Trong khoảng thời gian từ năm 1902 đến 1923, trường thực chất chỉ là trường trung cấp chuyên nghiệp. Từ 30-8-1923, trường được nâng lên bậc cao đẳng (École Supérieure) nhằm đào tạo y sĩ Đông Dương, nên đổi tên thành Trường Kiêm Bị Y Dược Đông Dương (École de Plein Exercice de Médecine et de Pharmacie de l'Indochine) độc lập với trường ở Pháp. Trương Quang Trọng nhập học khoa Y của Trường Kiêm bị Y Dược Đông Dương từ năm học 1924 - 1925, có nghĩa ông sẽ tham gia khóa học đào tạo y sĩ Đông Dương từ 4 đến 5 năm theo quy định của trường ở thời điểm ấy.

Nghiệp học đang còn dở dang, thì sự áp bức, bóc lột nặng nề và chính sách đàn áp khốc liệt, đẫm máu những nhà yêu nước và nhân dân Việt Nam của thực dân Pháp đã đạt đến cao độ, thôi thúc Trương Quang Trọng đứng lên, hòa mình tham gia hăng hái vào các cuộc đấu tranh của lớp lớp thanh niên, học sinh, sinh viên trong phong trào ái quốc dân chủ đang lên cao trong cả nước những năm 1925 - 1926. Cái “giá” mà ông phải trả cho lòng yêu nước và ý chí quật cường của người dân nô lệ muốn vùng lên trong hoàn cảnh đang ngời trên giảng đường là bị nhà trường/chính quyền thực dân đuổi khỏi trường, chấm dứt sự nghiệp học hành của người thanh niên ngập tràn yêu nước và mang đầy bầu máu nóng cách mạng ở lứa tuổi 20 vào giữa năm 1926.

2. Thay lời kết

Qua những dẫn chứng tài liệu và phân tích quá trình học tập của nhà cách mạng Trương Quang Trọng từ nhỏ đến trước lúc bị thực dân Pháp trục xuất khỏi nhà trường, có thể rút ra kết luận như sau:

Trương Quang Trọng sinh năm 1906, quê ở làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh (từ năm 2014 được sáp nhập chuyển thành phường Trương Quang Trọng thuộc thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi. Ông xuất thân từ một gia tộc có vị thế vững vàng trong xã hội thời phong kiến, có tư chất thông minh và lòng yêu nước thương dân từ sớm, lên 6 tuổi (1912) học ấu học chương trình 3 năm tại trường làng; 9 tuổi (1915) lên học trường tiểu học Pháp - Việt hệ 4 năm ở tỉnh và tốt nghiệp tiểu học lúc 13 tuổi (1919); nửa cuối năm 1919 ra Huế học bậc cao đẳng tiểu học hệ 4 năm tại Trường Quốc học Huế, tham gia thành lập và hoạt động tích cực trong Hội Ái hữu học sinh Trung Kỳ, tìm hiểu và tuyên truyền sách báo tiến bộ trong học sinh, giao du và kết thân với những học sinh có tư chất, có khí phách, đặc biệt là những học sinh đồng quê hương như Nguyễn Thiệu, Phạm Văn Đồng, rồi tốt nghiệp bằng Thành chung lúc 17 tuổi (1923), tiếp tục nuôi hoài bão ra Hà Nội theo việc học để rộng đường mưu việc lớn cho đất nước; trúng tuyển vào học chương trình trung học tại Trường Bưởi đầu năm học 1924 - 1925, nhưng mới chỉ trong thời gian ngắn thì chuyển sang theo học hệ cao đẳng ở khoa Y của Trường Kiêm bị Y Dược Đông Dương từ năm 1924 (lúc 18 tuổi) để được đào tạo thành y sĩ Đông Dương, do cũng trúng tuyển ở trường này. Đến giữa năm

1926, lúc 20 tuổi, Trương Quang Trọng phải nghỉ học nghề y giữa chừng vì sự tích cực tham gia phong trào ái quốc dân chủ đang dâng lên sôi nổi khắp nơi của ông, làm cho nhà nước thực dân tức giận, thù ghét và đuổi học.

Việc học để làm y sĩ Đông Dương bất thành, sự nghiệp học tập bị gián đoạn giữa chừng, nhưng quá trình 14 năm đi học (từ 1912 đến 1926) đã giúp Trương Quang Trọng không ngừng mở mang, nâng cao tri thức, hiểu biết nhiều hơn về tình cảnh đất nước và thế giới, đặc biệt là thấy rõ sự ác tâm, tàn bạo của chế độ thuộc địa và sự đau khổ, đói nghèo, những uất ức và khát vọng vùng lên của người dân nô lệ Việt Nam ở khắp nơi.

Từ vốn liếng tri thức quý báu có được qua tích lũy trong quá trình học tập và trong thực tiễn hoạt động yêu nước dưới lớp áo học sinh, sinh viên, Trương Quang Trọng đã tìm gặp ánh sáng của cách mạng từ những người đồng quê, đồng chí hướng và quyết định dấn thân vào con đường cách mạng để đấu tranh vì sự tồn vong của độc lập dân tộc, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Trương Quang Trọng đã không theo trọn nghề y để làm y sĩ cứu người; nhưng ông đã quyết định theo nghề làm cách mạng đến giọt máu cuối cùng, chấp nhận hy sinh thân mình để góp phần cứu nước, chữa lành căn bệnh trầm kha mất độc lập, tự do cho dân tộc và nhân dân Quảng Ngãi nói riêng, nhân dân Việt Nam nói chung. Đó là một sự hy sinh vô biên, một cống hiến, đóng góp lớn lao của cá nhân nhà cách mạng trẻ Trương Quang Trọng cho đất nước mà lịch sử luôn trân trọng và đời đời ghi nhớ!

ĐÓNG GÓP CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở QUẢNG NGÃI

Đại tá Vũ Văn Quang*

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh ra và lớn lên trên vùng đất Sơn Tịnh, mảnh đất giàu truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa từ lâu đời, là nơi sản sinh nhiều nhân vật lịch sử, nhiều tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam của quê hương Quảng Ngãi anh hùng. Đầu thập niên 20 của thế kỷ XX, Trương Quang Trọng ra Huế học ban Thành chung, rồi cùng một số bạn học cùng chí hướng thành lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ, có xu hướng tiến bộ, yêu nước. Năm 1923, Trương Quang Trọng ra Hà Nội học ở Trường Bưởi rồi thi đỗ vào khoa Y trường Cao đẳng Đông Dương. Năm 1926, ông bị chính quyền thực dân - phong kiến đả đảo học vì tham gia phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu (1925) và để tang cụ Phan Chu Trinh (1926).

Đầu thế kỷ XX, cùng với những chuyển biến trong nước, Quảng Ngãi cũng có những chuyển biến trong đời sống xã hội và đấu tranh yêu nước chống Pháp, với sự trỗi dậy của các phong trào như: phong trào Duy Tân (1905 - 1908), phong trào chống sưu thuế (1908), đặc biệt là cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 và các cuộc vận động cách mạng dân tộc, dân chủ trước khi Đảng

* Phó Chủ nhiệm Chính trị - Bộ CHQS tỉnh Quảng Ngãi.

Cộng sản Việt Nam ra đời (ngày 03-2-1930). Trong những điều kiện lịch sử mới, phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi tiếp tục phát triển với những nét riêng của địa phương, tuy nhiên mục tiêu khôi phục chủ quyền quốc gia, giành độc lập cho dân tộc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân vẫn là mục tiêu cơ bản của các phong trào yêu nước ở Quảng Ngãi.

Từ trong phong trào dân tộc, dân chủ, tầng lớp thanh niên trí thức yêu nước tiến bộ Quảng Ngãi đã tập hợp thành các nhóm yêu nước ở địa phương như Hội Thiếu niên Ái quốc, Công Ái xã... Các nhóm yêu nước này đều chưa có đường lối chính trị rõ ràng, chỉ nhằm mục đích tập hợp lực lượng và chờ cơ hội đấu tranh giành độc lập. Song, việc thành lập các tổ chức yêu nước đã thể hiện yêu cầu về một con đường cứu nước mới, tiến bộ của nhân dân Quảng Ngãi, đồng thời thể hiện sự cần thiết phải có một tổ chức yêu nước tiên tiến để tập hợp, lãnh đạo họ. Với mong muốn tìm kiếm một con đường cứu nước mới tiến bộ, nhân dân Quảng Ngãi đã nhanh chóng tiếp nhận con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản xuất hiện các tổ chức yêu nước cách mạng: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (*tháng 6-1925, gọi tắt là Hội Thanh niên*), Hội Phục Việt (*tháng 7-1926 chuyển thành Tân Việt Cách mạng Đảng, gọi tắt là Tân Việt*). Giữa năm 1926, thông qua mối quan hệ giữa Trần Kỳ Phong và bạn tù Nguyễn Đình Kiên (*một yếu nhân của tổ chức Tân Việt*), Hồ Độ, Nguyễn Bút đã gia nhập tổ chức Tân Việt (*lúc bấy giờ có tên là Việt Nam Cách mạng Đảng*) ở Vinh, sau đó trở về Quảng Ngãi xây dựng cơ sở. Cùng lúc đó, đồng chí Trương Quang Trọng lúc bấy giờ là sinh viên trường Cao

đảng Y Dược Hà Nội cũng tham gia tổ chức này và trở về Quảng Ngãi hợp lực và cùng các thành viên Công ái xã như: Hồ Độ, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Lê Trọng Kha... thành lập Hội Hưng Nam Quảng Ngãi.

Trong quá trình tham gia phong trào đấu tranh, Trương Quang Trọng tiếp xúc với Tôn Quang Phiệt và gia nhập Đảng Tân Việt. Mùa hè năm 1926, ông trở về Quảng Ngãi, tập hợp các thành viên Công Ái xã (*do Nguyễn Thiệu và một số người xây dựng*), thành lập Phục Việt Quảng Ngãi, sau đổi tên thành Tân Việt cách mạng Đảng Quảng Ngãi, hoạt động theo Cương lĩnh của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Giữa năm 1927, Huyện bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Sơn Tịnh được thành lập. Đồng chí Trương Quang Trọng, Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, kiêm Bí thư Huyện bộ Thanh niên Sơn Tịnh.

Sau khi ra đời, Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Ngãi xây dựng hệ thống tổ chức ở khắp các huyện đồng bằng, xác lập mối quan hệ chặt chẽ với phong trào các tỉnh lân cận, gây quỹ tài chính ủng hộ thanh niên xuất dương, ủng hộ học sinh bãi khóa, công nhân viên chức đình công, tuyên truyền chống đế quốc và phong kiến, đồng thời đấu tranh chống chủ nghĩa quốc gia cải lương. Trong sự phát triển chung của phong trào cách mạng cả nước, tổ chức Tân Việt ở Quảng Ngãi ngày càng thể hiện xu hướng Cộng sản.

Mùa hè năm 1927, sau khi tiếp thu nội dung chương trình, điều lệ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, những bài giảng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tập hợp trong cuốn “Đường Kách mệnh”, Trương Quang Trọng

cùng những thanh niên tiến bộ của Đảng Tân Việt Quảng Ngãi như Hồ Độ, Nguyễn Nghiêm... thống nhất gia nhập vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; sau khi Nguyễn Thiệu (*đại diện Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên, phụ trách Trung kỳ*) về làm việc với Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Ngãi, Trương Quang Trọng và các đồng chí chuyển hướng hoạt động của Tân Việt Quảng Ngãi, thành lập tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh, do ông làm Bí thư. Cùng năm ấy, Trương Quang Trọng được Tỉnh bộ cử đi dự lớp tập huấn ở Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 5-1929, ông được cử làm đại biểu của Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi dự Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ở Hồng Kông.

Cuối tháng 7-1929, ông tập hợp các đồng chí tích cực trong Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ) thành lập tổ chức “Dự bị Cộng sản”. Cuối năm 1929, ông cùng 20 đồng chí bị Pháp bắt giam ở Nhà lao Quảng Ngãi. Đầu năm 1931, Pháp chuyển số tù nhân này vào lao Quy Nhơn, rồi đưa lên ngục Kom Tum. Đến cuối năm, địch âm mưu chuyển tù chính trị ở Kom Tum đi làm đường ở Đăk Pét, hòng lợi dụng lam sơn chướng khí và lao động khổ sai giết dần giết mòn những người tù yêu nước. Trương Quang Trọng cùng Đặng Thái Thuyền, Nguyễn Huy Lung (Nghệ An), Nguyễn Long (Hà Tĩnh), Lê Trọng Kha (Quảng Ngãi)... quyết định đấu tranh phản kháng.

Như vậy, từ hạ tuần tháng 8 đến giữa tháng 10-1929, đa số hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh đều bị bắt, trong đó có đồng chí Trương Quang Trọng.

Ở trong tù, mặc dù phải chịu bao cực hình, đau đớn nhưng đồng chí vẫn giữ vững khí tiết cách mạng.

Sau khi bị địch kết án 9 năm tù và đày lên ngục Kon Tum, đồng chí Trương Quang Trọng vẫn tiếp tục lãnh đạo anh em đấu tranh, phản đối những luật lệ hà khắc của nhà tù và kiên quyết chống địch bắt tù chính trị đi lao động khổ sai.

Đặc biệt, ngày 12-12-1931, tại ngục Kon Tum đã diễn ra cuộc đấu tranh lưu huyết của tù chính trị phản đối việc thực dân Pháp bắt họ phải đi làm đường ở Đăk Pét. Địch thẳng tay đàn áp và bắn vào những người đấu tranh.

Khi tên đội Mu-lét hỏi ai là người chỉ huy, đồng chí Trương Quang Trọng đã dũng cảm bước lên hàng đầu, phanh áo và chỉ thẳng vào ngục nói: “Le voici” (Nó ở đây!). Đồng chí liền bị tên đội Mu-lét bắn thẳng vào ngục. Tổn thất trong cuộc đấu tranh ấy có 8 đồng chí hy sinh và một số đồng chí khác bị thương. Tám gương gan dạ, kiên cường, dám hy sinh thân mình của đồng chí Trương Quang Trọng được các thế hệ ghi nhớ, kẻ thù kính nể.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Trương Quang Trọng tuy ngắn, nhưng những đóng góp của ông cho sự phát triển của phong trào cách mạng Quảng Ngãi là vô cùng to lớn:

Một là, Trương Quang Trọng sớm giác ngộ và tham gia các phong trào yêu nước. Trong thời gian học ở Huế, đồng chí là một trong những người sáng lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ - nơi tập hợp những thanh niên yêu nước cùng chí hướng, một tổ chức có xu hướng yêu nước, tiến bộ. Giữa lúc tại Quảng Ngãi chưa có đường lối, chưa có

một tổ chức lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, hàng vạn thanh niên còn trong cơn say ngủ, thì Trương Quang Trọng đã sớm tìm hiểu về ảnh hưởng của phong trào cách mạng Trung Quốc, tiếng vang của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) và chủ nghĩa Mác - Lênin được Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào Việt Nam, đưa phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta dần chuyển sang một khuynh hướng mới. Trương Quang Trọng đã có sự nhận định: bên cạnh phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng tư sản, phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản từng bước hình thành và ngày càng thắng thế đối với khuynh hướng tư sản, vì vậy Trương Quang Trọng đã ủng hộ phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi phát triển theo xu hướng chung của cả nước nhưng mang những nét riêng của địa phương. Trong những điều kiện lịch sử mới, phong trào yêu nước ở Quảng Ngãi tiếp tục phát triển với việc lập hội buôn, mở trường học, lập hội cày, cải cách phong tục, vận động xuất dương sang Pháp, Trung Quốc..., đồng chí Trương Quang Trọng đã giác ngộ tư tưởng tiến bộ, tham gia phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu và đê tang Phan Chu Trinh; Hội Phục Việt, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Ngãi; Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi. Điều đó đã nói lên sự nhạy cảm chính trị và tính vượt trước trong tư tưởng của đồng chí Trương Quang Trọng.

Hai là, đồng chí Trương Quang Trọng là một trong những thanh niên trí thức tiến bộ giữ vai trò chủ yếu trong việc xây dựng tổ chức tiên thân của Đảng bộ

Quảng Ngãi. Ông là một trong những người có đóng góp quan trọng trong việc sáng lập và lãnh đạo hoạt động của Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, đưa phong trào cách mạng trong tỉnh chuyển hướng đấu tranh theo khuynh hướng vô sản, đánh dấu bước phát triển quan trọng của phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi. Trong số các tổ chức Thanh niên ở các tỉnh Trung kỳ, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi đứng hàng thứ 4, sau các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị "*xét về tầm quan trọng của sự phát triển*". Đặc biệt, đồng chí Trương Quang Trọng có công lao đóng góp to lớn trong việc thành lập tổ chức "dự bị Cộng sản" đầu tiên của Quảng Ngãi, chuẩn bị những điều kiện chín muồi cho việc thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi vào đầu năm 1930, đánh dấu mốc quan trọng trong phong trào cách mạng trong tỉnh cũng như bước phát triển của phong trào cách mạng trong cả nước.

Ba là, tuyên truyền vận động các giai cấp, tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh cách mạng. Với tư cách là thành viên của Hội Phục Việt, mùa hè năm 1926, đồng chí Trương Quang Trọng cùng với các thành viên trong tổ chức Công Ái xã đã thành lập tổ chức Phục Việt Quảng Ngãi, Tân Việt cách mạng Đảng, tập hợp đa số trí thức nho học tiến bộ và những thanh niên tân học trở về Quảng Ngãi hoạt động. Sau khi ra đời, Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Ngãi xây dựng hệ thống tổ chức ở khắp các huyện đồng bằng, xác lập mối quan hệ chặt chẽ với phong trào các tỉnh lân cận, gây quỹ tài chính ủng hộ thanh niên xuất dương, ủng hộ học sinh bãi khóa, công nhân viên chức đình công, tuyên truyền chống đế quốc và phong kiến,

đồng thời đấu tranh chống chủ nghĩa quốc gia cải lương. Trong sự phát triển chung của phong trào cách mạng cả nước, tổ chức Tân Việt ở Quảng Ngãi ngày càng thể hiện xu hướng Cộng sản. Từ nửa sau năm 1925, đường lối cứu nước theo xu hướng cách mạng vô sản của Việt Nam Cách mạng Thanh niên bắt đầu ảnh hưởng và lôi cuốn đông đảo các thanh niên trí thức mới. Đồng chí Trương Quang Trọng và các thành viên tiến bộ trong Phục Việt Quảng Ngãi sau nhiều lần được nghe giảng về con đường cứu nước của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, về tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng tiếp nhận và chuyển hướng tư tưởng giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản. Do vậy, đồng chí Trương Quang Trọng đã cùng với các trí thức yêu nước nhanh chóng thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi và được tổ chức tín nhiệm bầu làm Bí thư Tỉnh bộ. Với sự hoạt động tích cực của ông cùng các đồng chí của mình, chủ nghĩa Mác - Lê nin đã được xác lập trong nhận thức chính trị, tư tưởng, thúc đẩy dẫn đến kết quả tất yếu thành lập Đảng bộ Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi, nắm quyền lãnh đạo nhân dân trong tỉnh đấu tranh giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Bốn là, sự hy sinh anh dũng của đồng chí Trương Quang Trọng đã để lại tấm gương sáng về tinh thần bất khuất cho các thế hệ của cả nước nói chung, Quảng Ngãi nói riêng noi theo.

Sau khi bị địch kết án 9 năm tù và đày lên Ngục Kon Tum, đồng chí Trương Quang Trọng vẫn tiếp tục lãnh đạo

anh em đấu tranh, phản đối những luật lệ hà khắc của nhà tù và kiên quyết chống địch bắt tù chính trị đi lao động khổ sai. Ở trong tù, mặc dù phải chịu bao cực hình, đau đớn nhưng đồng chí vẫn giữ vững khí tiết của người cách mạng. Đặc biệt cho đến hơi thở cuối cùng, hình ảnh ông hiên ngang trước họng súng kẻ thù đã làm lay động hàng triệu trái tim yêu nước của nhân dân Việt Nam.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cứu nước, biết bao người con Quảng Ngãi đã hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc. Theo thống kê, đến nay, toàn tỉnh có 6.239 Mẹ Việt Nam anh hùng, hơn 180 nghìn người có công cách mạng, 37 nghìn liệt sỹ, 24 nghìn thương binh, 11.092 người bị địch bắt tù đày... Cùng với những người con ưu tú của Quảng Ngãi như: Phạm Văn Đồng, Nguyễn Nghiêm, ..., Trương Quang Trọng đã trở thành hình mẫu của lòng trung thành vô hạn, viết tiếp trang sử hào hùng của quê hương Quảng Ngãi nói riêng và của cả nước nói chung.

Phát huy truyền thống quý báu đó, trong những năm qua, được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể địa phương các cấp, lực lượng vũ trang tỉnh phát huy truyền thống kiên cường, bất khuất, quyết chiến, quyết thắng; tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, tích cực củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng quê hương Quảng Ngãi giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng an ninh.

SỰ TIẾP NHẬN NHỮNG TƯ TƯỞNG MỚI TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG

Lê Hồng Khánh*

I. Tóm tắt tiểu sử đồng chí Trương Quang Trọng

Trương Quang Trọng sinh năm 1906 tại làng Phú Nhơn, nay thuộc phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi.

Đầu thập niên 20 thế kỷ XX, Trương Quang Trọng ra Huế học ban Thành chung, rồi cùng một số bạn học cùng chí hướng thành lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ, có xu hướng tiến bộ, yêu nước. Năm 1923, Trương Quang Trọng ra Hà Nội học ở Trường Bưởi rồi thi đỗ vào khoa Y, Trường Cao đẳng Đông Dương. Năm 1926, ông bị đuổi học vì tham gia phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu (1925) và đề tang cụ Phan Chu Trinh (1926).

Trong quá trình tham gia phong trào đấu tranh, Trương Quang Trọng tiếp xúc với Tôn Quang Phiệt và gia nhập đảng Tân Việt. Mùa hè năm 1926, ông trở về Quảng Ngãi, tập hợp các thành viên Công Ái xã (do Nguyễn Thiệu và một số người xây dựng), thành lập Tỉnh bộ đảng Tân Việt, hoạt động theo cương lĩnh của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1927, sau khi Nguyễn Thiệu (đại diện Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên, phụ trách

* Quyền Giám đốc Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi.

Trung kỳ) về làm việc với Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Ngãi, Trương Quang Trọng và các đồng chí chuyên hướng hoạt động của Tân Việt Quảng Ngãi, thành lập tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh, do ông làm Bí thư. Cùng năm ấy, Trương Quang Trọng được Tỉnh bộ cử đi dự lớp tập huấn ở Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 5-1929, ông được cử làm đại biểu của Tỉnh bộ Quảng Ngãi dự Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Hồng Kông.

Cuối tháng 7-1929, ông tập hợp các đồng chí tích cực trong Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ) thành lập tổ chức "Dự bị cộng sản". Cuối năm 1929, ông cùng 20 đồng chí bị Pháp bắt giam ở nhà lao Quảng Ngãi. Đầu năm 1931, Pháp chuyển số tù nhân này vào lao Quy Nhơn, rồi đưa lên ngục Kon Tum. Đến cuối năm, địch âm mưu chuyển tù chính trị ở Kon Tum đi làm đường ở Đăk Pét, hòng lợi dụng lam sơn chướng khí và lao động khổ sai giết dần giết mòn những người tù yêu nước. Trương Quang Trọng cùng Đặng Thái Thuyền, Nguyễn Huy Lung (Nghệ An), Nguyễn Long (Hà Tĩnh), Lê Trọng Kha (Quảng Ngãi)..., quyết định đấu tranh phản kháng.

Ngày 12-12-1931, cai ngục truy bức người tù đi lao động khổ sai, Trương Quang Trọng hiên ngang đấu tranh và bị bắn chết. Số tù nhân còn lại quyết liệt đấu tranh, buộc địch phải nhượng bộ, hủy bỏ việc bắt tù đi làm đường. Lịch sử gọi đây là "cuộc đấu tranh lưu huyết" ở ngục Kon Tum.

II. Phong trào đấu tranh yêu nước - cách mạng ở Quảng Ngãi từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất cho đến khi xuất hiện những tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản

Trương Quang Trọng lớn lên trong bối cảnh xã hội ở Quảng Ngãi và cả nước có nhiều biến động.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai với quy mô và cường độ lớn gấp nhiều lần cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, tác động và làm chuyển biến nhiều mặt tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam. Trong bối cảnh đó, ảnh hưởng của phong trào cách mạng Trung Quốc, tiếng vang của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga (1917), sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin của Nguyễn Ái Quốc vào Việt Nam, đã làm cho phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta dần dần chuyển sang một khuynh hướng mới. Bên cạnh phong trào giải phóng dân tộc theo xu hướng tư sản, phong trào giải phóng dân tộc theo xu hướng vô sản từng bước hình thành và ngày càng thắng thế đối với xu hướng tư sản. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi phát triển trong tình hình chung cả nước, đồng thời có những nét riêng của tỉnh nhà.

Mục tiêu cơ bản của phong trào yêu nước Quảng Ngãi sau Chiến tranh thế giới thứ nhất vẫn là khôi phục chủ quyền quốc gia, giành độc lập cho dân tộc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân, nhưng con đường cứu nước, hình thức và biện pháp hoạt động đã có tính chất mới.

Nhiều hoạt động nối tiếp công cuộc "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" của phong trào Duy tân (đã

khởi đầu trong những năm đầu thế kỷ XX) tiếp tục phát triển với việc lập hội buôn, mở trường học, lập hội cày, cải cách phong tục, vận động xuất dương sang Pháp, Trung Quốc... Các hội buôn, công ty, trường học vừa làm nhiệm vụ “duy tân” vừa là nơi liên lạc, gặp gỡ, tập hợp cụ thể chính trị để bàn bạc kế hoạch chống Pháp, vừa tham gia góp vốn gây quỹ tài chính ủng hộ các phong trào yêu nước.

Tinh thần ái quốc, ý thức dân tộc của nhân dân Quảng Ngãi thể hiện rõ rệt trong việc tham gia phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu và để tang Phan Chu Trinh trong những năm 1925 - 1926. Từ trong phong trào dân tộc, dân chủ, tầng lớp thanh niên yêu nước Quảng Ngãi đã tập hợp thành các nhóm yêu nước ở địa phương như Hội Thiếu niên Ái quốc, Công Ái xã... Các nhóm yêu nước này đều chưa có đường lối chính trị rõ ràng, chỉ nhằm mục đích tập hợp lực lượng và chờ cơ hội đấu tranh giành độc lập. Song, việc thành lập các nhóm yêu nước trên đây đã thể hiện yêu cầu về một con đường cứu nước mới, tiến bộ của nhân dân Quảng Ngãi, đồng thời thể hiện sự cần thiết phải có một tổ chức yêu nước tiên tiến để tập hợp, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Từ giữa năm 1925, trong phong trào yêu nước Việt Nam lần lượt xuất hiện các tổ chức yêu nước cách mạng theo xu hướng vô sản: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 6-1925, gọi tắt là Hội Thanh niên), Hội Phục Việt (tháng 7-1926 chuyển thành Tân Việt Cách mạng Đảng, gọi tắt là Tân Việt)... Tầng lớp thanh niên trí thức tiến bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã nhanh chóng tiếp nhận con đường cứu nước vô sản, gia nhập các tổ chức này.

Giữa năm 1926, thông qua mối quan hệ giữa Trần Kỳ Phong và bạn tù Nguyễn Đình Kiên (một yếu nhân của tổ chức Tân Việt), Hồ Độ, Nguyễn Bút đã gia nhập tổ chức Tân Việt (lúc bấy giờ có tên là Việt Nam Cách mạng Đảng) ở Vinh, sau đó về quê nhà xây dựng cơ sở. Cùng lúc đó, Trương Quang Trọng, khi còn học ở Hà Nội cũng tham gia tổ chức này, trở về Quảng Ngãi tập hợp lực lượng thành lập Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Ngãi.

Sau khi ra đời, Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Ngãi xây dựng hệ thống tổ chức ở khắp các huyện đồng bằng, xác lập mối quan hệ chặt chẽ với phong trào các tỉnh lân cận, gây quỹ tài chính ủng hộ thanh niên xuất dương, ủng hộ học sinh bãi khóa, công nhân viên chức đình công, tuyên truyền chống đế quốc và phong kiến, đồng thời đấu tranh chống chủ nghĩa quốc gia cải lương. Trong sự phát triển chung của phong trào cách mạng cả nước, tổ chức Tân Việt ở Quảng Ngãi ngày càng thiên về xu hướng vô sản.

Trong khi tổ chức Tân Việt đang hoạt động mạnh mẽ ở Quảng Ngãi, đầu năm 1927, sau khi bắt liên lạc với Hội Thanh niên, Nguyễn Thiệu sang Trung Quốc dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Mùa hè năm 1927, Nguyễn Thiệu với danh nghĩa đại diện Tổng hội Thanh niên mở lớp huấn luyện xây dựng cơ sở tổ chức Thanh niên ở Quảng Ngãi, đồng thời tiếp xúc với những người lãnh đạo Tỉnh bộ Tân Việt, đi đến thống nhất để tổ chức này gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Trên những điều kiện đó, Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi được thành lập, Trương Quang Trọng giữ vai trò Bí thư.

Là một bộ phận của tổ chức tiền thân tiến tới thành lập Đảng Cộng sản, từ khi ra đời, Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi đã tiến hành các hoạt động theo chủ trương của Tổng bộ, kết hợp xây dựng hệ thống tổ chức, đào tạo cán bộ, tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời lãnh đạo các tầng lớp nhân dân đấu tranh phù hợp với tình hình địa phương. Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi đã thực sự trở thành người lãnh đạo, tổ chức quần chúng đấu tranh, bảo vệ và phát triển lực lượng cách mạng.

Sự ra đời và hoạt động của Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi đánh dấu một bước chuyển biến mới trong đời sống tư tưởng chính trị của các tầng lớp nhân dân Quảng Ngãi, tạo ra một tiền đề quan trọng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Quảng Ngãi bước vào thời kỳ mới - thời kỳ đấu tranh chống thực dân - phong kiến theo khuynh hướng cách mạng vô sản - đồng thời chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi.¹

III. Trương Quang Trọng và sự tiếp thu những tư tưởng mới trong quá trình hoạt động cách mạng

1. Huế và những bước đầu tiên

Khoảng những năm đầu thập kỷ 20 của thế kỷ XX, Trương Quang Trọng từ Quảng Ngãi ra Huế học Ban Thành chung. Vốn mang trong mình chí khí của một vùng

¹ Xem thêm: UBND tỉnh Quảng Ngãi; *Địa chí Quảng Ngãi*; Nxb Từ điển Bách khoa; HN-2008; phần Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

quê giàu truyền thống đấu tranh ái quốc, nơi đã từng nổ ra cuộc khởi nghĩa Cần vương đầu tiên trong cả nước (tháng 7-1885), chàng thanh niên trí thức Trương Quang Trọng đã nhanh chóng tiếp cận những tư tưởng mới của thời đại. Xu hướng yêu nước tiến bộ mang những yếu tố tích cực của tư tưởng dân chủ tư sản bắt đầu thâm nhiễm từ các sĩ phu nho học thức thời, tiến bộ ngày càng lan rộng trong tầng lớp thanh niên, học sinh tân học ở kinh đô. Sự chuyển hướng từ ý thức hệ phong kiến “trung quân - ái quốc” sang hoài bão xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do, dân chủ, phú cường là một cuộc trăn trở vươn mình của cả dân tộc, trong đó có thế hệ thanh niên tân học, những người sẽ tiếp bước cha anh nắm giữ ngọn cờ lãnh đạo phong trào yêu nước, đấu tranh vì độc lập dân tộc của toàn dân và khát vọng dân chủ, dân sinh của các tầng lớp cần lao.

Việc Trương Quang Trọng cùng một số thanh niên, học sinh đồng chí hướng tham gia thành lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ là một dấu mốc trên con đường dẫn thân vào cuộc đấu tranh của người thanh niên miền quê sông Trà núi Ấn. Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa tìm thấy tài liệu nào đề cập đến tôn chỉ, mục đích, phương hướng hoạt động của Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ. Song, dựa vào hoạt động được ghi lại của một số tổ chức tương tự và cùng thời như Hội Ái hữu học sinh Quảng Nam cũng như hồi kí của một số nhân vật lịch sử có thời gian hoạt động ở Huế đầu thế kỷ XX, có thể phỏng đoán: Hội Ái hữu Học sinh Trung kỳ là một tổ chức công khai của những thanh niên tiến bộ ở các tỉnh Trung kỳ: Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi... với mục đích chia sẻ, giúp đỡ nhau trong việc học hành, thông tin, trao đổi thời cuộc, tiếp

xúc với những trí thức yêu nước đang sống và làm việc ở Huế, Sài Gòn, Hà Nội; kết nối với các tổ chức thanh niên, sinh viên, học sinh trong cả nước, tham gia một số hoạt động đấu tranh trong điều kiện cho phép, tìm kiếm và nghiên cứu những tư liệu về những tư tưởng mới, tiến bộ.

Chặng đường đầu tiên tiếp xúc với tầng lớp học sinh, sinh viên và phong trào tranh đấu của giới trí thức tiến bộ ở kinh đô Huế đã mở ra một chân trời mới trên con đường tranh đấu, khai mở tiềm năng của người thanh niên giàu nhiệt huyết, đang nuôi chí dấn thân, vừa nối bước cha anh trong sự nghiệp đấu tranh ái quốc, vừa sẵn sàng khám phá những con đường mới, phù hợp với xu thế của thời đại.

2. Hà Nội những năm 1925 - 1926: Chặng đường mới trên hành trình đấu tranh

Năm 1923, Trương Quang Trọng rời Huế ra Hà Nội, ông học ở Trường Bưởi rồi thi đỗ vào khoa Y, Trường Cao đẳng Đông Dương. Lúc bấy giờ, tuy Huế vẫn là một trong 3 trung tâm chính trị hoạt động sôi nổi của toàn cõi Đông Dương, song Hà Nội mới chính là nơi quy tụ đông đảo nhất giới tinh hoa hoạt động chính trị trong cả nước. Tại thành phố này, vào những năm 1907 - 1908, đã nổi lên phong trào Đông kinh nghĩa thực, tuyên truyền cổ vũ những cải cách xã hội, nâng cao dân trí, kêu gọi lòng yêu nước, chống áp bức, cường quyền. Những năm 1925 - 1926, Hà Nội cùng với Huế, Sài Gòn, Hải Phòng và khắp cả nước liên tục nổ ra cuộc đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu và để tang Phan Chu Trinh - hai nhà chí sĩ được nhân dân cả nước kính trọng, tôn thờ. Các hoạt động sôi

nổi trong thời gian này đã tác động mạnh mẽ đến con đường hoạt động chính trị của Trương Quang Trọng.

Tháng 6-1925, trên đường từ Hàng Châu về Quảng Châu, Phan Bội Châu bị mật thám Pháp bắt tại Thượng Hải. Ngay sau đó, chúng đưa ông về giam tại Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), cho mang tên giả là Trần Văn Đức, hòng bí mật thủ tiêu ông, nhưng âm mưu không thành. Từ Thượng Hải, thông tin về việc Phan Bội Châu bị bắt giữ lan nhanh về Việt Nam. Ý đồ nham hiểm, bí mật thủ tiêu cụ Sào Nam không thực hiện được, chính quyền thuộc địa Đông Dương xoay hướng, đưa cụ Phan ra xét xử tại Tòa Đại hình Hà Nội.

Tin Phan Bội Châu bị đưa ra xét xử công khai trong hai ngày cuối tháng 1-1925 tại Tòa Đại hình Hà Nội được báo chí truyền đi khắp cả nước. Người Việt Nam, đặc biệt lớp nho sĩ cấp tiến đã từng trải trở với vận nước và lớp trí thức tân học được cụ thuyết phục bằng những sáng tác văn thơ ái quốc, cùng nhau hướng về Hà Nội, nơi kẻ thù giam giữ con người mà các tầng lớp nhân dân Việt Nam luôn dành tình cảm kính trọng đối với bậc anh hùng.

Tại phiên tòa, Phan Bội Châu hùng hồn tự bào chữa bằng những lời hào sảng, đanh thép: “Tôi là người Nam, tôi biết yêu nước Nam, tôi muốn đánh thức dân tộc Việt Nam. Nếu mà trong tay tôi có mấy vạn hải quân, mấy mươi vạn lục quân, binh tinh, lương túc, súng đủ, đạn nhiều, tàu chiến có, tàu bay có, thì có lẽ tôi hạ chiến thư, đường đường chính chính đánh lại Chính phủ thuộc địa” (Thực nghiệp dân báo, số ra ngày 24-11-1925).

Dẫu vậy, tòa án vẫn khép cụ Phan Bội Châu vào án tử hình.

Cuộc đấu tranh đòi ân xá Phan Bội Châu bắt đầu bằng sự vào cuộc của báo chí, rồi nhanh chóng lan rộng trong giới trí thức, sinh viên, học sinh, bắt đầu từ thành thị, trước tiên ở Hà Nội, lan truyền nhanh khắp các đô thị và lan tỏa về nông thôn, kết thành một phong trào rộng lớn trên quy mô cả nước với đầy đủ những lớp người Việt Nam tham gia.

Suốt trong vòng hơn một tháng, cả nước xuống đường đấu tranh, đẩy chính quyền thuộc địa vào thế bị động. Ngày 25-12-1925, Toàn quyền Va-ren ký Sắc lệnh tha Phan Bội Châu có điều kiện, nghĩa là cụ Phan Bội Châu được quyền chọn một nơi trên dải đất Trung kỳ, trừ Nghệ An, quê ông, để sinh sống trong sự giám sát của chúng. Phan Bội Châu chọn Huế làm nơi sinh sống và hoạt động cuối đời, vì Huế là trung tâm của xứ Trung kỳ bảo hộ. Ông già bần Nguỵ Phan Bội Châu sống những năm cuối đời và tạ thế vào năm 1940.

Tiếp theo phong trào đấu tranh đòi ân xá Phan Bội Châu là sự kiện để tang và truy điệu Phan Chu Trinh.

Năm 1908, vụ chống thuế nổ ra ở Quảng Nam - Quảng Ngãi, sau đó lan ra 10 tỉnh ở Trung kỳ. Lúc đó, Phan Chu Trinh đang ở Hà Nội, bị Pháp vu tội, bắt đưa về Huế và bị Nam triều kết án tử hình, sau được giảm, đày ra Côn Đảo. Nhờ sự can thiệp của Hội Nhân quyền của Pháp, cụ được trả tự do, nhưng bị đưa đi “an trí” tại Mỹ Tho. Năm 1911, Phan Chu Trinh được cho sang Pháp theo yêu cầu. Tại Pháp, cụ tiếp tục viết báo, sáng tác thơ văn, lại bị chính quyền Pháp bắt giam gần một năm ở ngục Santé.

Ngày 28-6-1925, Phan Chu Trinh từ Pháp về Sài Gòn. Tại đây, cụ có dịp giao thiệp với một số trí thức cấp tiến ở Nam Kỳ, tổ chức một số buổi diễn thuyết tại Nhà

hội Thanh niên. Quá khứ tù đày, cũng như những bài diễn thuyết đả phá chế độ quân chủ và đề cao dân quyền của Phan Chu Trinh được nhân dân cả nước nể trọng, kính phục. Khi cụ bị bệnh qua đời (24-3-1926), đám tang cụ được tổ chức rất lớn tại Sài Gòn, hàng vạn người đưa tiễn ông về nơi an nghỉ cuối cùng bất chấp sự theo dõi, đe dọa đàn áp của kẻ thù. Sau đó, ở khắp các tỉnh đều tổ chức truy điệu trọng thể, lôi cuốn đông đảo người tham gia. Tại Hà Nội, các tầng lớp nhân dân cử hành lễ truy điệu ngay dưới trời mưa to. Ngày hôm sau, các cửa hiệu trong thành phố đều đóng cửa để tưởng nhớ nhà yêu nước. Nhiều sinh viên, học sinh, công chức, công nhân đã đeo băng tang. Sự kiện để tang cụ Phan Chu Trinh đã trở thành phong trào, lan rộng trong các trường học. Nhiều cuộc bãi công, bãi khóa, bãi thị nổ ra khắp cả nước, đặc biệt là ở Hà Nội.

Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ ở Trung Quốc, theo dõi rất kỹ sự kiện đặc biệt này và đã viết trên tờ *International Press Correspondence (Thư tín quốc tế)* số 21 năm 1926 như sau: “30.000 người Việt Nam ở khắp xứ Nam kỳ đã làm lễ an táng theo quốc lễ và cả nước đã tổ chức lễ truy điệu nhà chí sĩ. Chỉ trong vài ba ngày, một cuộc lạc quyên đã thu được 100.000 đồng (bạc Đông Dương). Tất cả học sinh, sinh viên đều để tang cụ. Trước phong trào yêu nước của toàn dân, bọn thực dân Pháp sợ hãi, bắt đầu phản công lại. Chúng cấm học sinh để tang và tổ chức lạc quyên. Chúng cấm tổ chức lễ truy điệu. Để phản đối lại, học sinh đã bãi khóa”¹.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập II, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 1996, tr. 15.

Chúng kiến phong trào đấu tranh sôi nổi của trí thức và nhân dân Hà Nội, người sinh viên Trương Quang Trọng vốn đã có những bước đi đầu tiên trên con đường lập chí ở Huế, đã nhanh chóng trở thành một thành viên tích cực của phong trào.

Nếu việc tham gia thành lập Hội Ái hữu học sinh Trung kỳ là bước đầu tiên đưa Trương Quang Trọng đến với các hoạt động đấu tranh yêu nước, thì việc tham gia phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu và đề tang cụ Phan Chu Trinh, rồi bị đuổi học là một bước dẫn thân mới vào con đường thực hiện hoài bão, lý tưởng của một thanh niên yêu nước, giàu nhiệt huyết. Với việc tham gia các phong trào này, Trương Quang Trọng đã tiếp xúc với những nhân vật nhiều lần trở vì vận nước, đồng thời là những gương mặt tranh đấu trên chính trường như: Tôn Quang Phiệt, Đặng Thai Mai, Trần Huy Liệu, Nguyễn Khánh Toàn... Chính Tôn Quang Phiệt là người có ảnh hưởng lớn, tác động trực tiếp đến việc Trương Quang Trọng tham gia Đảng Tân Việt.

Tham gia Tân Việt, một Đảng phái chính trị có tôn chỉ, mục đích rõ rệt, những người lãnh đạo là tầng lớp trí thức ưu tú của thời đại (tù chính trị ở Trung kỳ: Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên...; giáo viên: Trần Mộng Bạch, Trần Phú, Hà Huy Tập...; sinh viên: Tôn Quang Phiệt, Đặng Thai Mai...) đã làm cho Trương Quang Trọng trưởng thành hơn về mặt chính trị, đồng thời chủ động trong hành động cách mạng. Từ đây, ông không chỉ là người hưởng ứng, mà còn là người tích cực, chủ động tham gia phong trào, tự giác thực hiện nhiệm vụ cách mạng.

3. Về lại quê nhà, trở thành người lãnh đạo phong trào cách mạng

Sau khi trở thành đảng viên Tân Việt Cách mạng Đảng, Trương Quang Trọng rời Hà Nội, trở về Quảng Ngãi, nhanh chóng bắt liên lạc với Tỉnh bộ Tân Việt, đồng thời tiếp xúc với Nguyễn Thiệu - một người Quảng Ngãi vừa được sang Trung Quốc dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức vào đầu năm 1927 và đang là đại diện của Tổng hội Thanh niên mở lớp huấn luyện xây dựng cơ sở tổ chức Thanh niên ở Quảng Ngãi. Nguyễn Thiệu, Trương Quang Trọng và các nhân vật lãnh đạo Tân Việt Quảng Ngãi nhanh chóng thống nhất lập trường, ý chí và hành động đưa Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Ngãi gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, giao Trương Quang Trọng giữ trọng trách Bí thư Tỉnh bộ.

Như vậy là, từ mùa hè năm 1927, Trương Quang Trọng cũng như các đồng chí của mình ở Quảng Ngãi đã tách khỏi Tân Việt cách mạng Đảng, trở thành một bộ phận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, một tổ chức do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập và rèn luyện, trong đó có sự tham gia của những nhân vật người Quảng Ngãi sau này đóng vai trò quan trọng trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam như Phạm Văn Đồng, Nguyễn Thiệu...

Nếu Tỉnh bộ Tân Việt là một tổ chức cách mạng có xu hướng thiên tả, nghiêng theo khuynh hướng cách mạng vô sản, thì Tỉnh hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã là một tổ chức cách mạng vô sản. Sự ra đời và hoạt động của Tỉnh hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào cách mạng Quảng Ngãi:

Lần đầu tiên trong lịch sử đấu tranh yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi xuất hiện một tổ chức chính trị của giai cấp vô sản, đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng tỉnh nhà, hòa chung với phong trào cách mạng cả nước, tích cực chuẩn bị cho sự ra đời chính đảng của giai cấp vô sản.

Khi thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên vào tháng 6-1925, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã xác định một trong những biện pháp cấp bách, quan trọng để xây dựng lực lượng làm cơ sở cho việc tổ chức phong trào cách mạng trong nước là tổ chức các lớp tập huấn cho hội viên. Là một hội viên ưu tú, sau khi đảm nhận vai trò Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi (mùa hè năm 1927), Trương Quang Trọng được tổ chức đưa đi dự tập huấn ở Quảng Châu (Trung Quốc). Như vậy là, bên cạnh hoạt động tranh đấu, trực tiếp đối mặt với kẻ thù, Trương Quang Trọng cũng như nhiều thanh niên ưu tú cùng thời, được trang bị một cách hệ thống các quan điểm cách mạng vô sản, phương pháp đấu tranh, phương pháp động viên, tổ chức và lãnh đạo quần chúng, đặc biệt là ý thức về sự cần thiết phải thành lập một Đảng cách mạng của giai cấp vô sản và cần lao để lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi. Những bài học cơ bản, quý báu này đã được Trương Quang Trọng lĩnh hội sâu sắc và biến thành hành động cụ thể trong chặng đường hoạt động cách mạng tiếp theo.

Tháng 5-1929, ông được cử làm đại biểu của Tỉnh bộ Quảng Ngãi dự Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Hồng Kông. Cuối tháng 7-1929, ông tập hợp các đồng chí tích cực trong Tỉnh bộ Việt Nam Cách

mạng Thanh niên tại núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ) thành lập tổ chức "Dự bị cộng sản". Sự kiện ra đời của tổ chức "Dự bị cộng sản" chính là một bước nhảy vọt trong tư tưởng của Trương Quang Trọng, đồng thời là một mốc son trong lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi.

Ngược dòng lịch sử Đảng, ngày 17-6-1929, tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời tại số nhà 312, phố Khâm Thiên, Hà Nội. Ngày 15-11-1929, An Nam Cộng sản Đảng được chính thức thành lập. Tháng 12 cùng năm, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn hoàn tất quá trình hiện diện chính thức trong vũ đài chính trị Việt Nam. Cũng từ giữa năm 1929 đã xảy ra những cuộc tranh luận, thậm chí dẫn đến bất đồng trong nội bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên xung quanh việc xúc tiến thành lập đảng cộng sản.

Ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản gửi cho những người Cộng sản tại Đông Dương về việc thành lập một Đảng Cộng sản tại Đông Dương: *"Việc thiếu một Đảng Cộng sản duy nhất trong lúc phong trào công nhân và nông dân ngày càng phát triển, đã trở thành một điều nguy hiểm vô cùng cho tương lai trước mắt cuộc cách mạng ở Đông Dương"*.¹

Quốc tế Cộng sản nhấn mạnh: *"Nhiệm vụ quan trọng nhất của tất cả những người Cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng"*

¹ Wikipedia Tiếng Việt

https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_ngh%E1%BB%8B_th%C3%A0nh_l%E1%BA%ADp_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam.

Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương".¹

Trong điều kiện của một tỉnh nhỏ, nằm xa các trung tâm chính trị - kinh tế quan trọng của cả nước, sáng kiến hình thành tổ chức “Dự bị Cộng sản” của Trương Quang Trọng và các đồng chí là một sự sáng tạo rất đáng ghi nhận. Điều này chứng tỏ những người tham gia nhóm “Dự bị Cộng sản” vừa thấy sự cấp thiết phải hình thành Đảng Cộng sản tại Việt Nam thay cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đang ở chặng cuối cùng của hành trình lịch sử, đồng thời cũng tỏ ra cẩn trọng trước những biểu hiện không thống nhất của các nhóm, các tổ chức cách mạng xuất hiện trong nước, ở cả 3 kỳ.

4. Chí khí can trường - gương hy sinh liêm liệt

Trong lúc tình hình cách mạng chuyển biến mau lẹ thì vào ngày 19-8-1929, Trương Quang Trọng cùng hơn 20 đồng chí bị Pháp bắt giam ở nhà lao Quảng Ngãi. Năm 1931, ông bị đưa đi đày ở Ngục Kon Tum rồi hy sinh anh dũng trong cuộc đấu tranh lưu huyết, để lại tấm gương sáng ngời chí khí và hùng tâm của một người cộng sản.

Trong hồi ký nổi tiếng “Ngục Kon Tum” (xuất bản lần đầu năm 1938), nhà cách mạng kỳ cựu Lê Văn Hiến đã giành những dòng đầy xúc động, quý mến và thán phục sau đây để kể về Trương Quang Trọng:

"Điều nên chú ý là số hiệu của Trọng là 303 mà số hiệu của Lung¹ là 299. Khi Mu-léc hỏi 299 là cố kên Lung

¹ Wikipedia tiếng Việt (như trên).

ra để bắn, vì cho Lung là chủ trì cuộc phản đối, nhưng Trọng tự xưng mình ra để chết thay cho bạn". Trọng bình thường là người ôn hòa, thuần hậu, không hay nói, nhiều người đã coi Trọng như "con cái nhà lành". Trọng đối với anh em hay có tính vị nể, nên trong công việc thường không được cương quyết lắm. Thế mà khi lâm sự, trước cái chết, Trọng giữ thái độ rất quả quyết can đảm. "Trương Quang Trọng nguyên là sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội, năm 1929 can án Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội bị án 9 năm tù. Tháng 7 năm 1931, Trọng bị đày qua Kon Tum, qua tháng chạp thì bị bắn".²

Trương Quang Trọng ngã xuống nhưng tinh thần chiến đấu bất khuất của ông đã cổ vũ mạnh mẽ các bạn tù tiếp tục đứng lên hiên ngang trước mũi súng quân thù, và cuộc đấu tranh sinh tử quyết liệt ấy đã gây tiếng vang khắp trong và ngoài nước.

Sự hy sinh của Trương Quang Trọng - người con ưu tú của miền đất núi Ấn - sông Trà đã trở thành một trong những biểu tượng của lòng yêu nước và tinh thần chiến đấu bất khuất của các chiến sỹ cộng sản ở ngục Kon Tum, một hình ảnh cao đẹp về ý chí kiên cường, phẩm chất cao cả của một nhà cách mạng vô sản.

¹ Nguyễn Huy Lung (1908 - 1931), người huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, Bí thư chi bộ thị xã Hà Tĩnh, bị bắt ngày 16-6-1930, kết án tù khổ sai, sau đó đày lên ngục Kon Tum. Nguyễn Huy Lung là 1 trong 16 chiến sỹ cộng sản hy sinh trong cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12-12-1931.

² Lê Văn Hiến; *Ngục Kon Tum*; Nxb Văn học; HN; 1970; trang 57.

CUỘC ĐÒI VÀ SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA BÁC TÔI

Trương Quang Minh*

Trương Quang Trọng, người con ưu tú của dòng họ Trương, Mỹ Khê, Quảng Ngãi.

Ông bà nội tôi có hai người con trai, ông Trương Quang Trọng - ông Tú Trọng (gia đình chúng tôi thường gọi ông như thế) và cha tôi Trương Quang Quý.

Bác Trương Quang Trọng sinh ngày 29-05-1906 tại ấp Phú Nhơn, tổng Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Do điều kiện gia đình, bác tôi thụ huấn nền giáo dục Tây học cơ bản, thuở nhỏ ông học Trường tiểu học Officiel Quảng Ngãi (trường Lê Khiết sau này), sau đó ra Huế học trường Quốc học Huế, năm 1923 đậu Diplôme (Thành chung); ông ra Hà Nội học trường Bưởi, đậu Tú tài, năm 1925, ông học tiếp ở trường Thuốc Đông Dương Hà Nội (nay là Đại học Dược khoa Hà Nội), khi ông tham gia đấu tranh là lúc ông đang học năm thứ 2 Trường Thuốc Đông Dương. Bác tôi là một người trí thức đương thời, ở thời điểm đó một con người với trình độ học vấn như vậy thì tương lai xán lạn sẽ rộng mở nhưng bác tôi đã dám dấn thân, tham gia vào con đường đấu tranh cách mạng bất chấp hiểm nguy là điều không hề đơn giản. Gia đình chúng tôi, dòng họ chúng tôi, đất nước chúng ta thật tự hào vì đã có một con người như vậy, đầy nghĩa khí, hiên ngang và can trường.

* Gia đình đồng chí Trương Quang Trọng.

Bác lập gia đình với bà Lê Thị Mến, bà có mang lúc bác đang bôn ba tham gia hoạt động cách mạng, sau đó bị hư thai, bà buồn sinh bệnh mà chết. Khi trở về bác thương nhớ và viết lên bàn thờ 4 chữ “Biết đâu mà tìm” để tưởng nhớ vợ.

Các tài liệu học của bác đã bị thất lạc đi nhiều sau một thời gian loạn lạc vì chiến tranh, đến nay ba tôi chỉ còn giữ lại được là hai cuốn từ điển bách khoa tiếng Pháp Larousse xuất bản năm 1877 và một số hình ảnh, bằng sơ học và bằng Diplôme của bác.

Có một chi tiết mà theo lời thuật lại của ba tôi thì khi bà Nguyễn Thị Du đến thăm ông tại nhà lao Quy Nhơn và tặng cho ông 1 cái áo len (áo lót bông), trên tay có bế theo một đứa bé. Ba tôi cũng không biết bà Du có phải là người yêu của ông hay chỉ là bạn đồng chí hướng của ông trong phong trào đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc. Vấn đề này nếu có thể, đề nghị các nhà nghiên cứu cần làm rõ hơn để ghi nhận một mối tình cảm động hay tình đồng chí cao đẹp của họ.

Sau khi Bác mất, cha tôi đã nhiều lần cố gắng đem bác về quê, bên mộ phần của cha mẹ (ông bà của tôi) để tiện bề nhang khói nhưng tình hình lúc đó chưa thuận tiện.

Đến cuối năm 1938, cha tôi (ông Trương Quang Quý) mới lên Kon Tum để đưa bác về. Đi cùng ông còn có ông Trần Mỹ (hay còn gọi Trùm Bốn) - anh em bạn dì bác Trọng và ông Đỗ Minh Châu - bạn của bác Trọng, để thuê xe chở về.

Thời đó, Pháp vẫn còn cai trị đất nước ta, cho nên thân nhân của những tù nhân chính trị phạm vẫn bị mật thám theo dõi gắt gao tất cả mọi động tĩnh. Khi lên đến Kon Tum, cha tôi suy nghĩ không biết có đem hài cốt của bác Tú Trọng về được không? thì đêm hôm đó, trong lúc mơ màng thiếp trong giấc ngủ, ông nghe văng vẳng bên tai có người nói “đem về được, đem về được”. Thế là sáng hôm sau ông nội tôi cùng ông Trần Mỹ, ông Đỗ Minh Châu di dời hài cốt của bác Trọng bỏ vào quan tài, phía trên phủ nón ngụy trang để che mắt mật thám, đem về an táng tại thôn Trường Thọ, xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi). Trong lúc di dời huyệt mộ, cha tôi có phát hiện ra đầu viên đạn đồng nằm trong lồng ngực bác Trọng, ông đã đem về cất cẩn thận làm kỷ niệm. Tuy nhiên, năm 1945, ông Phan Quang Luân có mượn về để làm triển lãm nhân dịp sau Cách mạng Tháng Tám thành công, lần hồi bị thất lạc không tìm lại được, ông tôi nuối tiếc khôn nguôi.

Trương Quang Trọng, nhà cách mạng đấu tranh vì độc lập, tự do và giải phóng dân tộc

Năm 1926, khi đang học năm thứ 2 Trường Thuốc Đông Dương ở Hà Nội thì bác cùng Phạm Văn Đồng và một số bạn bè khác tham gia phong trào đòi để tang nhà cách mạng Phan Chu Trinh, đòi ân xá cụ Phan Bội Châu nên bác bị đuổi học.

Bác về quê hoạt động cách mạng, vận động thành lập các tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi, "dự bị cộng sản", đến ngày 19-8-1929 thì bị bắt, lĩnh án 9 năm khổ sai, 4 năm quản thúc, chuyển từ nhà

tù Quảng Ngãi qua nhà lao Quy Nhơn, đến tháng 6-1931 bị đày lên ngục Kon Tum. Tại đây, sáng ngày 12-12-1931 đã nổ ra cuộc đấu tranh lưu huyết và Trương Quang Trọng đã anh dũng hy sinh. Bác là người ngã xuống đầu tiên trước mũi súng của thực dân Pháp trong cuộc đấu tranh lưu huyết của chính trị phạm tại ngục Kon Tum chống cưỡng bức đi mở đường 14 lần thứ 2 (mùa khô 1931 - 1932).

Nhà ngục Kon Tum là nơi đày ải, giam giữ tù chính trị được lập sớm nhất ở khu vực Tây Nguyên và cũng là nơi giam giữ những người tù chính trị được xem là nguy hiểm nhất, với số lượng tù nhiều nhất và trong thời gian ngắn nhất (1930 - 1933) ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Nhà văn Lê Văn Hiến, sinh năm 1904, tại Đà Nẵng, một cựu tù chính trị đã từng bị giam giữ tại nhà lao Kon Tum, đã viết nên hồi ký Ngục Kon Tum. Đây là hồi ký cách mạng, tài liệu hiếm hoi đã mô tả đầy đủ và chi tiết nhất sự tàn bạo và dã man của thực dân Pháp trong việc đối xử với những chiến sĩ đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp.

Ngục Kon Tum tố cáo chế độ lao tù dã man của thực dân Pháp ở Đông Dương, nhằm góp phần đấu tranh đòi “đại xá” chính trị phạm, một trong những khẩu hiệu của phong trào Mặt trận dân chủ đương thời.

Ông Lê Văn Hiến viết hồi ký về cuộc đấu tranh đẫm máu ở ngục Kon Tum, nơi ông từng bị giam giữ, gửi cho Đảng Cộng sản Pháp và Mặt trận Bình dân Pháp, vận động hai tổ chức này đòi Chính phủ Pháp phải đại xá chính trị phạm ở Việt Nam và thực hiện các quyền tự do dân chủ khác. Cuốn sách này sau đó được học giả Đặng Thai Mai

dịch một phần ra tiếng Pháp và đăng tải trên báo Le Travail (Lao động), lần đầu tiên được Nhà xuất bản Nguyễn Sơn Trà xuất bản năm 1938 (cách đây 80 năm) tại Đà Nẵng.

Mặt trận Bình dân Pháp (tiếng Pháp: Front populaire) là một liên minh chính trị của các lực lượng cánh tả ở Pháp, bao gồm Đảng Xã hội, Đảng Cộng sản, Chi hội Pháp của Công nhân Lao động Quốc tế (SFIO) và các chính đảng, tổ chức chính trị khác trong thời kì 1935 - 1938.

Mặt trận Bình dân Pháp được thành lập ngày 17-6-1935 với chủ trương chống phát xít, đòi quyền lợi chính trị, kinh tế cho đông đảo quần chúng, thi hành chính sách đối ngoại hòa bình và cải thiện đời sống kinh tế, chính trị cho "các dân tộc hải ngoại" (tức các thuộc địa của Pháp).

Chính vì vậy Mặt trận Bình dân Pháp đã có ảnh hưởng tích cực tới phong trào dân chủ tại Đông Dương giai đoạn 1936 - 1939.

Nhà văn Lê Văn Hiến cũng đã dành những lời chân thực nhất, tốt đẹp nhất để mô tả về cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12-12-1931 tại Ngục Kon Tum. Ông đã tự hào, khâm phục ngợi ca các bạn tù, ca ngợi các liệt sĩ anh hùng đã ngã xuống vì tự do dân tộc. Viết về Trương Quang Trọng, giọng văn của tác giả "Ngục Kon Tum" vừa cảm thương, vừa mến phục, vừa tự hào.

Ngục Kon Tum không chỉ là tiếng phản kháng uất hận, lời buộc tội đanh thép mà còn là bài ca về chủ nghĩa anh hùng cách mạng của những chiến sỹ cộng sản Việt Nam trong nhà tù thực dân. Đó là Trương Quang Trọng, "bình thường là người ôn hòa, thuận hậu", trong cuộc đấu tranh

lưu huyết ngày 12-12-1931, ông bình thản, hiên ngang đứng ra chết thay cho người đồng chí và đã hy sinh oanh liệt; Nguyễn Lung, người đầu tiên đứng ra đối đáp danh thép với kẻ thù, tư thế hiên ngang, “hô to các khẩu hiệu để cổ vũ khuyến khích anh em quyết tâm phấn đấu cho đến cùng...”. Xung quanh họ là cả một tập thể những con người gang thép sẵn sàng xông vào cái chết với tinh thần bất khuất.

Hồi ký “Ngục Kon Tum” của Lê Văn Hiến viết:

“Ngày 12 tháng chạp cũng như các ngày thường, viên cai đội Moulec đem sổ vào, kêu nhà phạt đi làm... Cuộc đi Đăk Pék đã đến rồi (...). “Không đi Đăk Pék ! Không đi Đăk Pék !”. Anh em đồng thanh la hét, nhất định không đi Đăk Pék. Tiếng tung hô khẩu hiệu, tiếng vỗ tay làm náo động một góc trời. Viên đội Moulec thấy nhà phạt đã nổi loạn nên không dám vào lao, đứng ngoài cửa mà hỏi:

Chúng bay muốn gì?

Chúng tôi nhất định không đi Đăk Pék ! – Nhà phạt trả lời (...).

... Những câu trả lời đó là do anh Nguyễn Lung, số hiệu 299 nói ra một cách rất cương quyết. Lung một mặt trả lời cho Moulec, một mặt hô to các khẩu hiệu để cổ vũ anh em quyết tâm tranh đấu...”.

Về cái chết của ông Trương Quang Trọng, sách viết tiếp:

“Một hồi sau, Công sứ, Giám binh, các viên quan Một ở các đồn và lính tráng rầm rộ kéo đến... Thái độ người nào cũng hung hăng dữ tợn.

Trong lao thì nhà phật hô to khẩu hiệu “Phản đối đi Đăk Pék! Phản đối đi Đăk Pék!”, rồi tất cả đều kêu nhau sắp hàng đứng trước cửa lao, thái độ người nào cũng quả quyết, hăng hái, không sợ chết. Người đại diện cho anh em lúc bấy giờ là Trương Quang Trọng, số hiệu 303, đứng hàng đầu. Thái độ của Trọng trầm tĩnh oai nghiêm và hết sức quả quyết.

Theo lệnh Công sứ, Moulec tay cầm súng sáu, vừa bước vào cửa lao vừa hỏi: - Thằng 299 ở đâu? (Où est-il 299?).

Khi nghe kêu số hiệu của Lung, anh em nhà phật đều la lớn: Không có, không có, không có ai hết!

Nhưng lúc ấy Trọng đứng hàng đầu, vừa nghe Moulec kêu Lung thì Trọng tay lần mở nút áo, phanh ngực, rồi chỉ vào ngực mà trả lời cho Moulec bằng tiếng Pháp: - Le voici! (Nó ở đây!).

Moulec đưa thẳng súng sáu vào ngực Trọng nảy một phát, nói: - Le voilà ! (Nó đó!).

Tiếng súng sáu vừa ra, Trọng liền ngã xuống!”.

Súng đạn và máu không thể nào khuất phục được anh em nhà phật, những chiến sĩ yêu nước kiên cường, cuộc chiến không cân sức giữa các chiến sĩ tay không với tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường và binh lính trang bị vũ khí hỏa lực mạnh trong tay:

"Khi Trọng ngã, anh em ở sau tiến lên, vừa tiến vừa hô khẩu hiệu phản đối, một tiếng súng thứ hai vừa ra, người thứ hai lại ngã, người sau lại tiến lên, hô to mấy khẩu hiệu, dũng cảm đương đầu với súng đạn.

Bên bọn cầm quyền thì ai nấy đều sẵn súng trong tay, tha hồ bắn vào nhà phật".

Gương hy sinh anh dũng của bác đã lan sang các nhà tù khác như nhà tù Buôn Ma Thuột, nhà tù Dak Glei, hun đúc tinh thần đấu tranh quật cường của dân tộc Việt Nam trước ngoại xâm, những cuộc đấu tranh của “nhà phật” nổ ra mạnh mẽ và ngày càng quyết liệt.

"Cuộc đấu tranh lưu huyết 12 tháng 12 năm 1931 tại Ngục Kon Tum" là khúc hùng ca bi tráng của các chiến sĩ cách mạng đời đời bất tử, họ ngã xuống để cho đất nước đứng lên.

Cuộc đấu tranh này cũng được trích đoạn đưa vào trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 để làm tấm gương giáo dục cho thế hệ tương lai nối bước tiếp theo.

"Trên đường đời chúng ta không phải là không hy vọng sống, nhưng vì đã đến bước cùng, ta cần phải hy sinh ít nhiều người, để mưu sống cho toàn thể anh em. Trước cái chết, ta không nhường lại cho ai được nữa, ta phải nhận lấy, vui lòng nhận lấy để cho sau khi ta chết rồi, họa may mấy trăm anh em mới còn phương sống".

Hơn tám mươi năm trôi qua, hình ảnh của những người tù chính trị đã ngã xuống vì độc lập và tự do của dân tộc tại nhà lao Kon Tum luôn mãi ghi dấu không bao giờ xóa nhòa trong tâm trí và trái tim người dân Việt Nam. Tấm gương anh dũng, can trường của các anh luôn sáng mãi với sử xanh. Các anh ngã xuống để cho đất nước đứng lên, độc lập tự do và hòa bình như ngày hôm nay.

ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG VỚI PHONG TRÀO ĐẤU TRANH TRONG NGỤC KON TUM

Tỉnh ủy Kon Tum

1. Đồng chí Trương Quang Trọng

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh năm 1906, người con ưu tú của quê hương Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh (nay thuộc phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi. Chứng kiến cảnh nước mất, nhà tan, ông đã sớm có tư tưởng yêu nước tiến bộ và quyết tâm cùng một số bạn học cùng chí hướng thành lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ. Năm 1925, ông lên Hà Nội học. Thời gian ở Hà Nội, ông đã có dịp tiếp xúc với nhà cách mạng Tôn Quang Phiệt và gia nhập hội Phục Việt. Cũng trong thời gian này, ông tham gia phong trào đòi để tang nhà cách mạng Phan Chu Trinh, đòi ân xá Phan Bội Châu nên bị đuổi học.

Từ giữa năm 1926 cho tháng 8 năm 1929 là những năm tháng hoạt động cách mạng hết sức sôi nổi của người thanh niên Trương Quang Trọng. Đồng chí đã có nhiều đóng góp tích cực cho phong trào cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và cả nước nói chung, với việc tham gia thành lập tổ chức Phục Việt Quảng Ngãi; tham dự lớp tập huấn của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc); dự và đóng góp tích cực vào Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh

niên ở Hồng Kông và trở về nước cùng Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập tổ chức "Dự bị Cộng sản", làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi.

Ngày 19-8-1929, đồng chí Trương Quang Trọng bị chính quyền thực dân Pháp bắt giữ cùng với hơn 20 đồng chí khác. Sau một thời gian bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi, ông bị tòa án thực dân kết án 9 năm khổ sai, 4 năm quản thúc. Đầu năm 1931, ông cùng một số tù nhân bị chuyển vào lao Quy Nhơn, đến tháng 6 năm 1931 bị đày lên Ngục Kon Tum.

2. Nhà ngục Kon Tum và tội ác của thực dân Pháp đối với tù chính trị

Ngục Kon Tum, hiện nay nằm trên con đường mang tên đồng chí Trương Quang Trọng, thuộc phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Ngục Kon Tum bao gồm 02 lao: Lao trong và Lao ngoài. Lao trong là nhà lao cấp tỉnh, do thực dân Pháp dựng lên ngay khi thiết lập được bộ máy cai trị ở tỉnh Kon Tum (khoảng từ năm 1915 - 1917), nằm ở gần sông Đăk Bla, gần quốc lộ 14. Nhà lao này ban đầu xây dựng không kiên cố, với bốn dãy nhà liền nhau tạo thành một hình vuông theo kiểu pháo đài Vôbăng (Vauban) của Pháp. Lao ngoài (hay còn gọi là lao kềm, lao sắt, lao cầu mới) được xây dựng khoảng tháng 3-1931. Mục đích là nhằm để tạm giam tù từ công trường làm đường 14 ở Đăk Pao, Đăk Pét trở về thị xã "tạm" nghỉ trong 6 tháng mùa mưa, nên có tính chất tạm bợ. Nó nằm cách trung tâm thị xã khoảng 2 km về

phía tây, cạnh sát bờ sông Đăk Bla. Đặc điểm nổi bật của nhà lao này là xung quanh không có thành xây giữ kín như các nhà lao khác, bốn bề trống trải, không có nơi ẩn nấp, nên khi tù nhân bỏ trốn thì dễ bị lính gác phát hiện. Do đó, việc thiết kế của lao ngoài tuy nhìn vào đơn giản, nhưng có chủ ý rất thâm sâu.

Ngục Kon Tum lúc đầu giam giữ những người địa phương bị thực dân Pháp ghép vào tội "chống đối" hoặc vi phạm "pháp luật" của chúng. Từ cuối năm 1929 đến giữa năm 1930, có 2 tù chính trị được đưa lên giam giữ tại đây là đồng chí Đồng Sỹ Bình và đồng chí Ngô Đức Đệ. Sau thất bại của cao trào cách mạng Xô viết - Nghệ Tĩnh (1930 - 1931), thực dân Pháp tiến hành đàn áp, truy rập, bắt bớ hàng loạt các chiến sỹ Cộng sản và quần chúng giác ngộ tham gia cuộc đấu tranh đem giam giữ chật kín ở các nhà lao.

Để giải quyết lượng tù nhân quá tải, đồng thời phục vụ cho ý đồ xâm lược, từ tháng 12-1930 đến tháng 4-1931, thực dân Pháp tiến hành đày ải những đoàn tù chính trị từ nhà lao các tỉnh đồng bằng lên giam giữ tại Kon Tum. Đoàn tù chính trị đầu tiên gồm 150 người từ lao Vinh (Nghệ An) được đưa lên giam ở ngục Kon Tum (tháng 12-1930). Tiếp sau đó, từ tháng 11-1931 đến tháng 4-1931, có 4 đoàn nữa từ nhà lao Vinh, Hà Tĩnh, Nha Trang lần lượt đày lên Kon Tum, nâng tổng số tù lên tới 295 người. Tính từ năm 1930 đến năm 1933, tại nhà Ngục Kon Tum thực dân Pháp đã đưa trên 500 tù chính trị từ các tỉnh Thanh

Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi..., giam giữ và lao động khổ sai trên trục đường 14 ở Kon Tum.

Khi đưa tù chính trị lên đày ải ở ngục Kon Tum, thực dân Pháp nhằm những mục đích: Nhanh chóng giảm bớt số lượng tù nhân bị giam giữ chật kín ở nhà đày các tỉnh đồng bằng; dùng sức lao động của tù nhân để làm đường giao thông phục vụ cho mưu đồ cai trị của chúng; lợi dụng nơi rừng núi xa xôi, dân cư thưa thớt, cách xa các trung tâm đô thị và đồng bằng nhằm cách ly những người tù với tư tưởng cộng sản; đồng thời giết dần, giết mòn các tù nhân chính trị với cảnh sống, sinh hoạt khổ cực, chế độ giam giữ, đối xử hà khắc, tàn bạo mà không sợ tai tiếng và dư luận lên án. Chính vì lẽ đó, Kon Tum trở thành nơi giam giữ và đày ải nhiều người tù chính trị nhất trong cao trào Xô viết - Nghệ Tĩnh (1930 - 1931).

Ngay từ khi đoàn tù chính trị đầu tiên được đưa lên Kon Tum, thực dân Pháp đã trấn áp tù nhân bằng roi vọt, báng súng, gậy gộc và lập tức đưa ngay tù nhân lên công trường làm đường 14. Công trường làm đường với đèo, dốc hiểm trở, cây cối âm u nhưng công cụ lao động lại hết sức thô sơ. Sau một ngày quần quật trên công trường, việc ngủ, ăn và phóng uế đều diễn ra trong phòng giam với đôi chân bị cùm chặt. Thức ăn mà chúng dành cho tù nhân là nhúm cơm lộn trấu và một ít mắm đầy dòi bọ. Tù nhân nhanh chóng bị kiệt sức, thương tích, bệnh tật đầy người, nhất là bệnh kiết lỵ và tiêu chảy. Dù bị bệnh họ vẫn phải làm việc và hễ ai làm chậm một chút thì bọn chúng liền bắn chết. Ngoài những hình thức đánh đập thông thường

hàng ngày, bọn lính còn bày ra những trò chơi man rợ để giết hại anh em tù: bắt ăn phân người, treo tù lên cây cho đến chết, bắt anh em bị ốm trẫm mình dưới nước khe cho đến khi tắt thở, ép người khát nước phải uống đến mức lã ra mà chết...

Với cách đối xử tàn bạo, dã man ấy, chỉ trong 6 tháng (từ tháng 12 năm 1930 đến tháng 6 năm 1931) làm đoạn đường dài 15 km từ Đăk Pao đi Đăk Pék, đã có đến 2/3 trong 295 người tù chính trị bị chết một cách thê thảm, 1/3 sống sót trong cảnh ốm yếu, da bọc xương; đau xót nhất, có 3 anh em ruột là tù chính trị (Hương Tửu, Thủ Bộ Diệu, Hương Bộ Vỹ) đều bị chúng giết chết. Tính ra cứ 1 km đường có gần 20 mạng người ngã xuống.

3. Đồng chí Trương Quang Trọng với phong trào đấu tranh tại ngục Kon Tum

Tháng 6-1931, mùa mưa đến, thực dân Pháp đưa số tù nhân còn sống sót về giam tại thị xã Kon Tum. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 6-1931, tiếp tục có những đoàn tù chính trị bị đưa từ các tỉnh đồng bằng lên giam giữ tại ngục Kon Tum. Trong đoàn tù chính trị bị đày lên tháng 6-1931 có đồng chí Trương Quang Trọng và các đồng chí: Đặng Thái Thuyên, Nguyễn Huy Lung, Lê Viết Lượng, Bùi San... là những cán bộ nòng cốt của phong trào các tỉnh miền xuôi. Tại đây, số tù nhân này phải tiếp tục chịu chế độ giam giữ, đối xử hà khắc, tàn bạo của thực dân Pháp và tay sai, cảnh sống, sinh hoạt khổ cực không kém gì ở Đăk Pao, Đăk Pét.

Đầu tháng 7-1931, Chi bộ binh ở Lao trong bị khủng bố, địch đưa đồng chí Ngô Đức Đệ (Bí thư Chi bộ binh, lúc này đã bị tan rã) ra giam giữ ở Lao ngoài. Đồng chí Ngô Đức Đệ vốn đã quen biết, làm việc với đồng chí Trương Quang Trọng và các đồng chí Đặng Thái Thuyền, Nguyễn Huy Lung, Lê Viết Lượng, Bùi San... Tại đây, sau khi nghe đồng chí Ngô Đức Đệ thông báo tình hình tù nhân làm đường, sự đàn áp, đày đọa tù nhân của địch, tình hình của chi bộ binh, chi bộ đường phố..., các chiến sĩ cách mạng cốt cán đã bàn bạc thống nhất, nhanh chóng hình thành “Ban phụ trách nhà lao” để tổ chức anh em tù chính trị đứng lên đấu tranh và phân công các đồng chí trong Ban lãnh đạo phụ trách các nhiệm vụ: xây dựng nội bộ về tư tưởng và tổ chức; nghiên cứu kế hoạch đấu tranh và dự thảo các văn kiện trong cuộc đấu tranh (thảo tuyên ngôn tù chính trị, bài nói chuyện với anh em binh lính); tuyên truyền vận động binh lính; bắt liên lạc với Lao trong, với Chi bộ binh và cơ sở quần chúng ở thị xã Kon Tum để nắm tình hình địch khi chúng chuẩn bị đưa anh em đi Đăk Pét và gây dư luận ủng hộ khi cuộc đấu tranh xảy ra. Đồng chí Trương Quang Trọng (số tù 303) cùng với Nguyễn Huy Lung (số tù 299) và Hồ Độ (số tù 302) có nhiệm vụ phụ trách xây dựng nội bộ về tư tưởng và tổ chức. Dù biết rằng con đường đấu tranh đó sẽ rất đau thương, tàn khốc, nhưng đồng chí Trương Quang Trọng và các đồng chí của mình đã đứng lên với quyết tâm: sẵn sàng chấp nhận lấy cái chết của mình để đổi lấy sự sống cho đồng chí, anh em: *“Sau khi ta chết rồi, họa may mấy trăm anh em mới còn phương sống”*.

Ban phụ trách nhà lao hạ quyết tâm “*Muốn sống, không có con đường nào khác ngoài con đường đấu tranh mà Đảng đề ra. Muốn bảo đảm cuộc đấu tranh thắng lợi, nhất định chúng ta phải làm cho anh em đoàn kết nhất trí, có quyết tâm cao. Phải đấu tranh kiên quyết, bền bỉ, có kế hoạch chu đáo*”¹. Ban phụ trách nhà lao cũng đã tổ chức tập dượt cho các tù chính trị ở Lao ngoài đấu tranh chống lại chính sách cai trị của nhà cầm quyền. Phương châm từ thâm lặng đến công khai, trực diện. Biện pháp đấu tranh theo từng tổ, nhóm: tổ chức 3 người thành một nhóm, nhiều nhóm gộp lại thành tổ. Tổ trưởng mỗi tổ thường xuyên giữ mối liên lạc với Ban phụ trách nhà lao. Trước mắt, các cuộc đấu tranh mang tính tập dượt đã diễn ra bằng các hình thức: tổ chức lễ truy điệu những anh em đã bỏ mình trên công trường Đăk Pao, Đăk Pét; chăm sóc những anh em ốm đau, liệt nhược, đuối sức, nhất là số anh em từ công trường trở về; đấu tranh chống lệnh bắt gánh nặng quá sức..., đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động, giác ngộ nhân dân và binh lính, làm cho họ hiểu rõ hơn, đúng hơn về người tù chính trị. Được chứng kiến tận mắt về sự thật đối xử với tù chính trị của chính quyền thực dân và sự tích cực tuyên truyền của Chi bộ binh, Chi bộ đường phố, quần chúng nhân dân thị xã vô cùng khâm phục tinh thần bất khuất anh dũng của tù chính trị - những người yêu nước chân chính. Tình cảm của đồng bào với tù chính trị trở nên thân thiết hơn. Thái độ và hành động đối xử của binh lính đối với tù

¹ Theo hồi ký của đồng chí Ngô Đức Dệ.

nhân cũng khác hơn trước. Một số anh em lính bắt đầu chống lại bọn chỉ huy, họ đứng về phía tù nhân đấu tranh khi chúng bắt tù đi làm ngày chủ nhật hoặc chống lại sự đàn áp người tù. Những hoạt động bước đầu của tù nhân đã thu được một số kết quả đáng khích lệ. Ban phụ trách nhà lao quyết định vận động anh em tiếp tục nâng lên hình thức đấu tranh mới, cao hơn, quyết sống còn với kẻ thù xâm lược, giành lại quyền được sống, quyền được tự do. Theo đó, Đội cảm tử và Đội quyết tử trong nhà lao cũng được thành lập. Thành phần của hai đội là lực lượng trung kiên, tiên phong, tự nguyện và có nhiệm vụ gánh vác mọi khó khăn, gian khổ nhất trong cuộc đấu tranh, sẵn sàng hy sinh vì mục tiêu tự do, độc lập.

Có mục tiêu, có tổ chức, kinh nghiệm đấu tranh của một tập thể tù nhân khoảng 200 người giờ đây đã dày dặn hơn, khôn khéo hơn. Nhiều cuộc đấu tranh dưới nhiều hình thức khác nhau đã liên tục nổ ra, đỉnh cao là cuộc đấu tranh lưu huyết vang động núi rừng của các anh em tù chính trị phản đối việc bắt tù nhân đi làm con đường xâm lược lần thứ 2. Trước cuộc đấu tranh lưu huyết, đồng chí Trương Quang Trọng đã truyền tư tưởng sẵn sàng hy sinh vì đồng chí, vì cách mạng khi chia sẻ với bạn tù *“Trên đường đời chúng ta không phải là không có hy vọng sống, nhưng vì đã đến bước đường cùng, ta cần phải hy sinh ít nhiều người để mưu sự sống cho anh em. Trước cái chết, ta không nhường lại cho ai được nữa, ta phải nhận lấy, vui lòng nhận lấy để sau khi ta chết rồi, họa may mấy trăm anh em mới còn phương sống”*.

Với tinh thần chuẩn bị sẵn sàng đối phó, với quyết tâm đấu tranh đến cùng, sáng ngày 12-12-1931, khi bọn cầm quyền tiến hành thực hiện chính sách ly gián tù nhân và chuẩn bị đưa một số tù còn lại lên Đăk Pét lần 2, đã gặp phải sự đấu tranh quyết liệt của tù chính trị ở Lao ngoài, trong đó có nhiều đồng chí trong đội cảm tử, quyết tử và Ban phụ trách nhà lao như các đồng chí Trương Quang Trọng, Đặng Thái Thuyền, Nguyễn Huy Lung, Hồ Độ... Anh em tù nhân đã đồng tâm đóng chặt cửa, hô khẩu hiệu phản đối đi làm đường, phản đối chế độ thực dân cai trị..., kiên quyết không chịu lên công trường Đăk Pét lần thứ hai.

Trước sự phản đối quyết liệt của tù nhân, bọn công sứ, giám binh, nhiều binh lính kéo đến bao vây xung quanh nhà lao. Trong lao, cuộc đấu tranh ngày càng quyết liệt. Anh em tù vẫn xiết chặt hàng ngũ và tiếp tục hô vang các khẩu hiệu, đồng thời dùng gậy gộc chống lại, không để cho bọn địch vào bắt từng người đưa đi. Theo lệnh công sứ, viên đội Mu-lê cầm súng, tiến lại cửa nhà lao gọi: “Thằng tù số 299 đâu?”. Anh em trong nhà lao đồng thanh trả lời: “Không có tù số 299! Đả đảo đi Đăk Pét”. Nhưng đúng lúc ấy, đồng chí Trương Quang Trọng đang đứng ở hàng đầu đã phanh áo, chỉ vào ngực, nói bằng tiếng Pháp “*Le voici*” (nó ở đây). Tên Mu-lê lập tức bóp cò, đồng chí Trương Quang Trọng hy sinh.

Hành động anh dũng chết thay cho đồng đội của đồng chí Trương Quang Trọng và tội ác giết người không gớm tay của bọn cầm quyền Pháp đã thôi thúc anh em đấu tranh

quyết liệt hơn, sẵn sàng đương đầu với súng đạn. Bọn địch điên cuồng nã súng tàn sát đẫm máu anh em tù chính trị làm 8 người chết, 8 người bị thương.

Sau khi đàn áp đẫm máu tù chính trị ở lao ngoài, địch tiến hành bắt một số anh em không bị thương, còng tay áp tải lên Đăk Sút, số còn lại, chúng dồn tất cả vào Lao trong. Do cuộc đấu tranh chống làm đường ở Đăk Pét đã được anh em tù chính trị chuẩn bị chu đáo về mặt tư tưởng cũng như tổ chức, nên sự việc diễn ra ở Lao ngoài mới chỉ là điểm mở đầu của cuộc đấu tranh.

Tại Lao trong, sáng ngày 13-12-1931, số anh em tù còn lại đã tổ chức lễ truy điệu cho các đồng chí, đồng đội đã hi sinh. Trong niềm đau thương vô hạn, nỗi uất hận khôn lường, tù nhân càng siết chặt đội ngũ, đoàn kết chặt chẽ, đấu tranh đến cùng. Chiều cùng ngày, Bản tuyên ngôn chính trị và yêu sách của tù nhân đối với chính quyền thực dân Pháp cũng được đưa ra. Bản tuyên ngôn đã vạch trần chế độ đối xử tàn bạo với tù chính trị của thực dân Pháp. Nhân danh công lý và công quyền, Bản tuyên ngôn đã đưa ra các yêu sách đòi nhà cầm quyền Pháp phải chịu trách nhiệm thực hiện. Trong đó đòi quyền được ăn uống, được thuốc men khi đau ốm cho tù nhân; bãi bỏ chế độ đánh đập, bắn giết, gông cùm và các hình phạt khắc nghiệt; đòi quyền được đọc sách báo và viết thư từ cho người thân...

Cuộc đấu tranh của anh em tù ngày càng sôi sục. Cùng với những yêu sách đưa ra, anh em tù chính trị kiên quyết đấu tranh tuyệt thực để phản đối đi làm đường, phản đối hành động giết người tàn bạo của kẻ địch. Nhận thấy

không thể lay chuyển được tinh thần, ý chí đấu tranh kiên quyết đến cùng của tù chính trị, sáng ngày 16-12-1931, thực dân Pháp một lần nữa nã súng tàn sát cuộc đấu tranh tuyệt thực làm cho 7 đồng chí hy sinh và 8 đồng chí bị thương, đồng thời lập tức áp giải, phân tán số tù nhân còn lại, dập tắt cuộc đấu tranh.

Cả hai đợt đấu tranh trực diện, thực dân Pháp đã giết hại 15 đồng chí và làm bị thương 16 đồng chí.

Tuy vậy, sau cuộc đấu tranh này nhà cầm quyền Pháp buộc phải thả 50 người tù chính trị có án nhẹ và một số tù thường phạm; phải nhượng bộ bằng việc thay đổi chế độ lao dịch của tù, bỏ chế độ đánh đập tù nhân, người tù ốm đau được nghỉ và có thuốc men. Tháng 4-1934, thực dân Pháp phải xóa bỏ ngục Kon Tum và đưa tất cả số tù chính trị còn lại qua nhà đày Buôn Ma Thuột.

4. Núi rừng Kon Tum vang mãi chí khí người chiến sĩ cách mạng Trương Quang Trọng

Cuộc đấu tranh lưu huyết với tinh thần quyết liệt, chấp nhận hy sinh của các tù nhân chính trị vì mục tiêu cao cả "Chết để sống", "Chết một người để cứu muôn người" đã thể hiện được bản lĩnh, khí phách hiên ngang của đồng chí Trương Quang Trọng và các chiến sĩ cộng sản trước lưỡi lê, mũi súng tàn bạo của quân thù; thể hiện ý chí khát vọng vươn lên đấu tranh tìm đến chân lý độc lập, tự do cho mọi người, cho dân tộc.

Hình ảnh các chiến sĩ ngã xuống để giữ gìn khí tiết người cộng sản đã tác động sâu sắc đến đồng bào các dân tộc Kon Tum, đến binh lính, công chức trong hàng ngũ

địch; làm cho nhân dân các dân tộc Kon Tum hiểu rõ hơn về chế độ lao tù, về những người Cộng sản và về Đảng quang vinh; nhiều binh lính, công chức trong hàng ngũ địch đã giác ngộ theo cách mạng.

Sự hy sinh anh dũng, bất khuất của đồng chí Trương Quang Trọng và các anh em tù chính trị trong ngục Kon Tum đã gây được tiếng vang lớn đối với dư luận thế giới về quyền tự do, công lý và nhân phẩm con người; tạo cho dư luận trong nước và thế giới được rõ hơn về chính sách cai trị lao tù tàn bạo của Pháp ở Đông Dương; đã lật tẩy được bộ mặt đê hèn với sự giả danh của ngọn cờ "tự do", "bình đẳng", "bác ái" của thực dân Pháp.

Cuộc đấu tranh lưu huyết với hình ảnh Trương Quang Trọng sẵn sàng hy sinh vì đồng chí, đồng đội, sự quyết liệt ấy đã thể hiện tinh thần quyết tâm sắt đá, là mệnh lệnh thiêng liêng của trái tim, khối óc của đồng chí và các chiến sĩ cộng sản trước vận mệnh sống còn của quốc gia, dân tộc. Tuy cuộc đấu tranh bị bọn thực dân tàn sát đẫm máu, nhưng kết quả đạt được là rất vẻ vang, đã buộc địch phải thay đổi chế độ cai trị hà khắc và chấp nhận nhượng bộ theo yêu sách của anh em tù chính trị đưa ra. Và nhất là từ bỏ việc xây dựng con đường 14 xâm lược, từ bỏ hoàn toàn nhà Ngục Kon Tum - lò giết người Cộng sản vào năm 1934 đã chứng minh sự thừa nhận thất bại của thực dân Pháp trước tinh thần đấu tranh quyết tử của tù chính trị và nhân dân các dân tộc tỉnh Kon Tum.

Hình ảnh đồng chí Trương Quang Trọng và các anh em tù chính trị đã đi vào lịch sử một ngục Kon Tum kiên

cường, bất khuất - một biểu tượng về lòng yêu nước, tinh thần bất khuất, kiên trung, anh dũng của những người Cộng sản; tô thắm thêm truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của quê hương Kon Tum anh hùng. Tinh thần và tấm gương anh dũng của đồng chí và những chiến sĩ cộng sản, những quân chúng ưu tú của Đảng trong cuộc đấu tranh lưu huyết vang động núi rừng ngày ấy đã lan tỏa, thấm sâu vào trái tim, ý chí của nhân dân Kon Tum. Để từ đó truyền thống đấu tranh anh dũng, kiên cường được tiếp nối bằng những cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, dẹp quân phản động, giải phóng và bảo vệ quê hương Kon Tum, góp phần to lớn trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Phát huy truyền thống cách mạng của các thế hệ cha anh đã hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, thời gian tới, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp do Trung ương Đảng, Chính phủ chỉ đạo trên các mặt công tác; tiếp tục tháo gỡ khó khăn, đề ra biện pháp triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, đề án đã ban hành, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, xây dựng tỉnh Kon Tum ổn định và phát triển bền vững. Tấm gương hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng và những chiến sĩ Cộng sản tại Ngục Kon Tum đã, đang và sẽ sống mãi trong trái tim người dân Kon Tum và cả dân tộc Việt Nam, trong lịch sử, hiện tại và tương lai.

TÂM GUƠNG HY SINH CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG TẠI NHÀ NGỤC KON TUM

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum

Sau gần 30 năm xác lập được bộ máy thống trị trên toàn đất nước Việt Nam, năm 1913, thực dân Pháp mới chính thức thành lập tỉnh Kon Tum và Kon Tum là tỉnh đầu tiên của vùng Tây Nguyên rộng lớn mà thực dân Pháp áp đặt chế độ thống trị của chúng. Từ đó, các thiết chế phục vụ cho sự thống trị của thực dân Pháp lần lượt được xây dựng. Đó là Tòa công sứ, nhà Giám binh, Trại lính Khố xanh, trụ sở của Quản đạo Kon Tum, nhà Lao tỉnh (*Prison de Kon Tum*), mà sau này các tù chính trị gọi là nhà Lao trong... Theo chỉ đạo của Khâm sứ Trung kỳ, Công sứ Kon Tum cho xây dựng gấp nhà "Ngục Kon Tum" (*Penitencier de Kon Tum*) sát bờ sông Đăk Bla vào tháng 3-1931 để giam cầm những người tù được đưa từ các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Nam - Đà Nẵng, đặc biệt là những tù nhân tham gia trong cao trào Xô viết - Nghệ Tĩnh (1930 - 1931). Do vậy, đây được xem là nhà đày hàng xứ nhằm giam giữ những tù nhân án nặng (tù nhân mang án tù 5 năm trở lên), hoặc các tù nhân bị lưu đày viễn xứ.

Mục đích của chính quyền thuộc địa đưa tù chính trị lên đây nhằm bắn đi một mũi tên đạt được nhiều đích: *Giải tỏa sự đông đúc của các nhà tù hàng tỉnh của nhà tù Vinh, nhà tù Hà Tĩnh; tách những người tù chính trị ra khỏi môi trường hoạt động của họ, làm tiếp đoạn đường số 14 (từ Dakxut, Dakpao lên đến Daktao, Dakpek) theo yêu cầu của*

viên Công sứ Pháp ở Kon Tum lúc đó là Jérusalémy và lao động khổ sai, vùng chường khí sẽ tiêu diệt dần các chiến sĩ cộng sản hay ít ra là làm thui chột ý chí và bản lĩnh chính trị của họ.

Từ năm 1930, lần lượt tù chính trị từ các tỉnh Trung kỳ được đưa lên Nhà ngục Kon Tum (từ nhà tù Vinh 200 người, từ nhà tù Hà Tĩnh 90 tù người, Nha Trang 6 người, Thừa Thiên 1 người. Tất cả là 297 tù chính trị). Tháng 6 năm 1931, số lượng tù từ các tỉnh Quảng Ngãi, Quy Nhơn tiếp tục bị thực dân Pháp đưa lên ngục Kon Tum. Trong số những người tù đó có đồng chí Trương Quang Trọng.

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh năm 1906 tại làng Phú Nhơn (nay thuộc phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi). Năm 1923 đồng chí vào học trường Cao đẳng tiểu học Huế, năm 1925 đồng chí Trương Quang Trọng ra Hà Nội học ở trường Bưởi rồi thi đỗ vào khoa Y trường Cao đẳng Đông Dương. Năm 1926, đồng chí bị đuổi học vì tham gia phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu (1925) và đề tang cụ Phan Chu Trinh (1926). Trong quá trình tham gia phong trào đấu tranh, đồng chí Trương Quang Trọng tiếp xúc với Tôn Quang Phiệt và gia nhập Đảng Tân Việt. Mùa hè năm 1926, đồng chí trở về Quảng Ngãi thành lập tỉnh bộ Đảng Tân Việt, hoạt động theo cương lĩnh của hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1927, đồng chí Trương Quang Trọng và các đồng chí khác chuyển hướng hoạt động của Tân Việt Quảng Ngãi, thành lập tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên của Tỉnh bộ, đồng chí được bầu làm Bí thư. Cũng trong năm 1927, đồng chí được tổ chức cử đi dự lớp tập huấn của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc).

Tháng 5 năm 1929, đồng chí được cử làm đại biểu của Tỉnh bộ Quảng Ngãi dự Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Hồng Kông. Sau khi về nước, cuối tháng 7-1929, đồng chí tập hợp các đồng chí tích cực trong Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ) thành lập tổ chức "Dự bị Cộng sản", làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi.

Cuối năm 1929, ông cùng 20 đồng chí bị bắt giam, kết án 9 năm tù khổ sai tại Nhà lao Quảng Ngãi. Tháng 6-1931 bị đày lên ngục Kon Tum. Trong lao tù, với khí phách của người Cộng sản ông vẫn tích cực tham gia đấu tranh chống lại chế độ hà khắc của địch. Tại ngục Kon Tum, đồng chí được những người bạn tù chính trị tín nhiệm và bầu vào Ban lãnh đạo Nhà lao cùng với một số đồng chí khác như: Đặng Thái Thuyến, Nguyễn Huy Lung, Hồ Độ... và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong mỗi tổ. Đồng chí Trương Quang Trọng (số tù 303) phụ trách xây dựng nội bộ, tư tưởng và tổ chức trong nhà lao.

Trong ngục Kon Tum, với cương vị là thành viên Ban lãnh đạo, đồng chí Trương Quang Trọng đã tổ chức lễ truy điệu cho hơn 200 tù nhân đã hy sinh trên công trường 14 đoạn Đăk Tao - Đăk Pao - Đăk Pék; tổ chức cứu tế, ra sức chăm sóc cho những người tù bị ốm đau, liệt nhược đuối sức; tổ chức lực lượng đấu tranh.

Chỉ trong thời gian ngắn, Ban lãnh đạo Nhà lao đã bí mật thành lập được đội cảm tử và đội quyết tử. Trong đội hình quyết tử tại Nhà lao, đồng chí Trương Quang Trọng lại đứng trong hàng ngũ này. Theo hồi ký của Ngô Đức Đệ - "Tù

Hà Tĩnh đến Nhà đày Kon Tum" đã viết: “*Đội quyết tử: Gồm những đồng chí kiên quyết nhất, có trách nhiệm cao nhất, trong đó bao gồm 5 đồng chí trong Ban lãnh đạo và 7 đồng chí khác nữa hoàn toàn tự nguyện hy sinh trong những trường hợp phải đối phó với quân thù*”.

Sáng ngày 12-12-1931, cuộc đấu tranh bắt đầu nổ ra. Chính quyền Pháp tại Kon Tum lại tiếp tục bắt 40 người tù để đưa đi làm đường ở Đăk Pek lần thứ 2. Như kế hoạch đã định, 40 người tù chạy vào phòng giam, đóng chặt cửa lại và canh giữ đề phòng, không cho lính vào bắt kéo ra. Cuộc đấu tranh bắt đầu, tất cả đồng thanh hô khẩu hiệu: "Không đi Đăk Pek", "Phản đối đi Đăk Pek", "Phải bỏ chế độ bắt tù chính trị đi làm đường!", "Phải bỏ chế độ đánh đập, bắn giết tù!", "Phải biệt đãi tù chính trị!".

Sau một hồi đối đáp giữa đồng chí Nguyễn Huy Lung và tên đội Moulec, đã thể hiện rõ ràng quan điểm không nhượng bộ của những người tù chính trị đối với nhà cầm quyền thì xe lính kéo đến, súng đạn chỉnh tề, bao vây nhà lao, súng chĩa vào lao, sẵn sàng nhả đạn.

Tên đội Moulec tay cầm súng tiến lại sát cửa, gọi bằng tiếng Pháp: “*Où est-il 299?*” (thằng 299 đâu?). Đồng loạt trong lao đều trả lời “*Không có 299, đã đảo đi Đăk Pek*”! (số tù 299 là đồng chí Nguyễn Huy Lung). Với tinh thần cách mạng đoàn kết, trăm người như một, đồng chí Trương Quang Trọng tiến sát cửa, tay mở nút áo, phanh ngực, miệng nói bằng tiếng pháp “*Le voici*” (Nó đây). Không chút suy nghĩ, tên Moulec bóp cò, đồng chí đã anh dũng hy sinh tại chỗ.

Đồng chí Trương Quang Trọng hy sinh thân mình thay cho bạn là một cử chỉ anh hùng, một hành động hiếm

có trong lịch sử đấu tranh cách mạng, kẻ địch khiếp sợ. Hành động anh hùng ấy của đồng chí Trương Quang Trọng nêu một tấm gương bất tử sáng ngời tình đồng chí, nghĩa đồng tâm cho con cháu muôn đời noi theo!

Tấm gương hy sinh của đồng chí Trọng đã tiếp thêm sức mạnh và tinh thần kiên quyết đấu tranh giành thắng lợi, người người không sợ chết, áp sát cửa hô vang khẩu hiệu “Đả đảo bắn giết dã man!”, “Phản đối đi làm đường Đắc Pek!”. Từ giờ phút này, tinh thần “chết để sống”, “chết để cứu sống muôn người sau” mà anh em đã nung nấu từ lâu, hôm nay được thể hiện một cách chói lọi trước mặt bọn thực dân hung tàn. Sự hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng và các đồng chí khác trong cuộc đấu tranh Lưu huyết đã đẩy lên một cuộc đấu tranh mới đó là cuộc đấu tranh Tuyệt thực ngày 12-12 đến ngày 16-12-1931 tại Nhà ngục Kon Tum, gây tiếng vang không chỉ trong khu vực mà cả quốc tế.

Cuộc đấu tranh lưu huyết của tù chính trị tại ngục Kon Tum được xem là cuộc đấu tranh trực diện với kẻ thù, là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, trước kẻ thù sẵn sàng chấp nhận hy sinh chính mình để cứu muôn người. Trong cuốn Hồi ký của Ngô Đức Đệ "Từ Hà Tĩnh đến Nhà đày Kon Tum" có ghi chép lại tâm tư của người tù chính trị Trương Quang Trọng khi bị giam tại Nhà ngục Kon Tum: *"Trên đường đời chúng ta không phải là không hy vọng sống, nhưng vì đã đến bước cùng, ta cần phải hy sinh ít nhiều người, để mưu sự sống cho toàn thể anh em. Trước cái chết, ta không nhường lại cho ai được nữa. Ta phải nhận lấy, vui lòng nhận lấy để cho sau khi ta chết rồi, họa may mấy trăm anh em mới còn phương sống".*

Cuộc đấu tranh của tù chính trị tại ngục Kon Tum không chỉ ảnh hưởng lớn đến các tầng lớp nhân dân tại Kon Tum mà còn là tấm gương sáng lan tỏa đến các nhà lao tù khác trong cả nước, mà trước hết là Nhà đày Buôn Ma Thuột, buộc Khâm sứ Trung kỳ phải điện cho các tỉnh *"phải cảnh giác đối với tù chính trị, đề phòng chúng đấu tranh làm rối"*. Mặt khác, chúng cũng nhắc nhở bọn cầm quyền các tỉnh *"phải chú ý, xem xét lại chế độ làm việc, ăn uống"*... của tù chính trị.

Sự kiện trên đã lan rộng đến nước Xiêm (Thái Lan), một Việt Kiều Xiêm khi biết tin cuộc đấu tranh tại ngục Kon Tum đã đưa tin trên báo chí Hồng Kông, nhanh chóng lan tới Trung Quốc, Liên Xô, Pháp... Các Đảng Cộng sản các nước theo dõi tình hình khủng bố trắng ở Đông Dương, nay lại biết tin nhà cầm quyền Pháp tàn sát tù chính trị tại Kon Tum. Trước những dư luận đó, họ đã cử phóng viên đến Việt Nam nắm bắt tình hình và đưa tin.

Cuộc đấu tranh của tù chính trị phạm ở ngục Kon Tum đã sớm dập tắt "lò giết người cộng sản" mà thực dân Pháp đã sắp đặt trên đường 14 dưới chân núi Ngọc Linh nằm trong dãy Trường Sơn hùng vĩ - nơi được mệnh danh "rừng thiêng nước độc", "son lam chướng khí" để giết hại hàng ngàn người cộng sản ở tại đây. Đây là một thắng lợi rực rỡ trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thắng lợi ấy còn mang ý nghĩa thực tiễn, ý nghĩa chính trị tư tưởng rộng lớn, ý nghĩa chiến lược đối đầu giữa chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa thực dân đế quốc lúc bấy giờ.

Tấm gương hy sinh cao cả của đồng chí Trương Quang Trọng đã hun đúc ý chí cách mạng cho nhiều chiến sĩ cộng

sản ưu tú, kiên trung, sau này trở thành những cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước. Các đồng chí ấy đã có những cống hiến to lớn và quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như xây dựng đất nước sau này như: Hồ Tùng Mậu - nguyên Tổng Thanh tra Chính phủ; Lê Văn Hiến - nguyên Bộ trưởng Bộ Tài chính - Đại sứ đặc mệnh tại Lào; Lê Viết Lượng - nguyên Thống đốc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam; Ngô Đức Đệ - Đại sứ Việt Nam tại Ba Lan; Bùi San - nguyên Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế...

Quá khứ đã khép lại, lịch sử đã sang trang, nhưng hình ảnh về người tù chính trị Trương Quang Trọng đã ngã xuống vì độc lập tự do của dân tộc mãi khắc ghi trong trang sử hào hùng của nhân dân các dân tộc tỉnh Kon Tum như một biểu tượng về tinh thần quả cảm, kiên trung. Tấm gương hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng đã tô thắm thêm truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của quê hương Kon Tum anh hùng. Để tưởng nhớ tấm gương hy sinh sáng ngời của đồng chí, một con đường được mang tên Trương Quang Trọng nằm ngay trong lòng thành phố Kon Tum dẫn vào Khu di tích lịch sử quốc gia Nhà ngục Kon Tum.

Trong chặng đường lịch sử 86 năm của Đảng bộ tỉnh Kon Tum, sự kiện “cuộc đấu tranh lưu huyết” ngày 12-12-1931 và tấm gương hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng tại Nhà ngục Kon Tum là khúc tráng ca bất diệt về lòng yêu nước, tinh thần quả cảm đã làm cho kẻ thù khiếp sợ. Người con ưu tú của mảnh đất Quảng Ngãi đã đi xa, nhưng chí khí của đồng chí luôn tỏa sáng và thôi thúc thế hệ trẻ Việt Nam nói chung và Kon Tum nói riêng học tập, noi theo, đóng góp sức mình làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp.

KHÍ PHÁCH ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG QUANG TRỌNG TRONG CUỘC ĐẤU TRANH LƯU HUYẾT NGÀY 12-12-1931 TẠI NHÀ LAO KON TUM

Bảo tàng tỉnh Kon Tum

Nhà lao Kon Tum (Pénitencier De Kon Tum) gồm nhà Lao trong (lao trong thị xã - Lao thường phạm) được xây dựng khoảng đầu thế kỷ XX và nhà lao ngoài (hay còn gọi là lao Kẽm, lao Sắt, lao Mới, lao Cầu mới) được xây dựng khoảng năm 1930. Đây là nơi ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng: sự ra đời của chi bộ Đảng đầu tiên tại Kon Tum (25-9-1930); là di tích in đậm tội ác của thực dân Pháp đối với tù chính trị bị bắt trong cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931) tù đày tại Kon Tum; nơi diễn ra cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12-12-1931 làm 8 người chết, 8 người bị thương; cuộc đấu tranh tuyệt thực ngày 16-12-1931 làm 7 người chết, 7 người bị thương. Đây là những sự kiện lịch sử lớn đã gây chấn động trong nước và quốc tế, làm cho chính quyền thực dân Pháp tại Kon Tum cũng như toàn cõi Đông Dương lo sợ, tìm mọi cách đối phó, đồng thời tác động mạnh mẽ tới phong trào cách mạng Kon Tum lúc bấy giờ cũng như nhiều năm sau này.

Tại nhà lao Kon Tum, thực dân Pháp đã giam cầm, đày ải trên 500 lượt tù chính trị (1930 - 1931). Trong số đó có rất nhiều cán bộ trung, cao cấp của Đảng, những cán bộ chủ chốt của phong trào cách mạng các tỉnh miền Trung giai đoạn 1930 - 1933, như các đồng chí Bùi San, Lê Văn

Hiến, Ngô Đức Đệ, Trương Quang Trọng, Lê Viết Lượng...

Dưới chế độ nhà tù thực dân tàn ác cộng với lao động khổ sai mở tuyến đường 14, đã khiến cho hơn 200 trên tổng số 300 lượt tù chính trị chết chỉ trong vòng 6 tháng (từ tháng 12-1930 đến tháng 6-1931). Nhưng các đồng chí tù chính trị đã thể hiện phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản đó là tinh thần đấu tranh kiên quyết dũng cảm, sự kiên trung, bất khuất “*Chết một người để cứu muôn người*” trước mũi súng của quân thù. Các đồng chí đã nêu cao tinh thần yêu quê hương đất nước, đùm bọc, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau để vượt qua khó khăn thử thách, vượt qua những trận đòn roi của kẻ thù. Cùng nhau trao đổi, truyền dạy kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, biến nhà tù của chế độ thực dân thành trường học cách mạng, nâng cao trình độ lý luận, chính trị, văn hóa... Nổi bật là khí phách của đồng chí Trương Quang Trọng trong cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12-12-1931 tại nhà lao Kon Tum.

Đồng chí Trương Quang Trọng, người Bí thư đầu tiên của Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, một trong 4 đại biểu của kỳ bộ Trung kỳ đi dự Đại hội toàn quốc của Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Hương Cảng (Trung Quốc) và là người sáng lập tổ chức Dự bị Cộng sản, tiền thân của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi.

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh năm 1906, tại xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, trong một gia đình khá giả. Thân sinh là cụ Trương Quang Nhựt. Thuở nhỏ, Trương Quang Trọng nổi tiếng thông minh học giỏi. Học xong trường làng, ông tiếp tục học lên trường tỉnh, sau

đó ra học Ban thành chung (trường Quốc học Huế). Tại Huế, Trương Quang Trọng đã kết bạn với hai người đồng hương mà sau này đã trở thành những người đồng chí của ông là Phạm Văn Đồng và Nguyễn Thiệu. Ông cùng các bạn đồng học tổ chức "*Hội học sinh Ái hữu Trung kỳ*" - tổ chức thanh niên có xu hướng yêu nước và cách mạng. Hình thức hoạt động của Hội là lưu truyền các áng văn thơ yêu nước của các nhà cách mạng tiền bối lúc đó như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh...

Năm 1923, tốt nghiệp Ban Thành chung, Trương Quang Trọng ra Hà Nội học tại Trường Bưởi, sau đó ông vào học tại khoa y, trường Cao đẳng Đông Dương (nay là Đại học Y Hà Nội). Đầu năm 1926, đang học năm thứ hai, Trương Quang Trọng cùng với Phạm Văn Đồng, Nguyễn Thiệu... tham gia phong trào đấu tranh đòi để tang cụ Phan Chu Trinh, bị thực dân Pháp phát hiện, buộc thôi học.

Mùa hè năm 1926, Trương Quang Trọng trở về Quảng Ngãi cùng các đồng chí của mình tích cực hoạt động cách mạng và thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đảng; đến đầu năm 1927, tổ chức yêu nước này chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (HVNCMTN) và Trương Quang Trọng được cử làm Bí thư đầu tiên của Tỉnh bộ HVNCMTN tỉnh Quảng Ngãi. Cũng năm này, Trương Quang Trọng được Tỉnh bộ cử đi dự lớp huấn luyện ở Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây ông đã thay mặt những người cách mạng Quảng Ngãi phát biểu nguyện vọng chuyển HVNCMTN Quảng Ngãi thành tổ chức Cộng sản.

Tháng 5-1929, Trương Quang Trọng lại được cử làm đại biểu của Tỉnh bộ Quảng Ngãi, một trong 4 đại biểu của

Kỳ bộ Trung kỳ đi dự Đại hội toàn quốc của HVNCMTN tại Hương Cảng (Trung Quốc). Tại Đại hội này, ông bày tỏ nguyện vọng thống nhất các tổ chức cách mạng và tích cực ủng hộ việc thành lập An Nam Cộng sản Đảng, ngày 22-5-1929, Trương Quang Trọng cùng Nguyễn Thiệu, Nguyễn Sĩ Sách, Phạm Văn Đồng, Phan Trọng Đình thành lập nhóm An Nam Cộng sản Đảng ở Trung kỳ, xúc tiến chuẩn bị thành lập Tỉnh bộ An Nam Cộng sản Đảng ở Quảng Ngãi. Giữa lúc phong trào cách mạng Quảng Ngãi đang lên, bao công việc, bao dự định đang đòi hỏi nhà cách mạng trẻ tuổi Trương Quang Trọng phải giải quyết thì địch đã phát hiện và ráo riết khủng bố.

Ngày 19-8-1929, ông và 20 đồng chí của mình bị địch bắt, giam chờ xét xử. Trong lúc bị giam giữ, Trương Quang Trọng đã suy nghĩ rất nhiều để tìm ra kẻ phản bội và tìm cách bịt đầu mối, bảo vệ những đồng chí còn đang hoạt động bí mật ở bên ngoài. Chính ông đã viết một bài báo, bí mật gửi ra ngoài nhờ đăng trên báo Thần Chung Sài Gòn để đánh lạc hướng bọn địch, bịt đầu mối, để anh em bên ngoài yên tâm tiếp tục hoạt động. Ngày 26-10-1929, theo lệnh của thực dân Pháp, “*Hội đồng đề hình*” triều đình Huế đã đưa ông ra xét xử và kết án ông 9 năm tù khổ sai, 4 năm quản thúc vì tội “*Âm mưu chống lại an ninh quốc gia*” và giam giữ ông tại nhà lao Quảng Ngãi.

Đầu năm 1931, cùng với các đồng chí của mình như Hồ Độ, Lê Trọng Kha, đồng chí Trương Quang Trọng bị đưa vào nhà lao Quy Nhơn. Tháng 6-1931, ông cùng với đồng chí của mình bị đày lên giam tại nhà lao Kon Tum (lao ngoài) với số tù 303. Nhà lao Kon Tum lúc này được

bổ sung thêm số cán bộ đảng viên cốt cán trung cao cấp trẻ tuổi đã từng tham gia tổ chức tiền thân của Đảng, tham dự lớp huấn luyện ở Quảng Châu.

Tại nhà lao Kon Tum, được tận mắt thấy cảnh gần 100 tù sống sót từ công trường làm đường 14 trở về chỉ còn lại là những tấm thân da bọc xương, tai nghe biết bao tội ác của thực dân Pháp và lũ tay sai với nhà phạt, chuyện trên 200 tù chính trị bị chết thảm thương trên công trường đường 14 làm cho ông rất thương xót, căm phẫn bọn thực dân. Cùng với các đảng viên cốt cán, lực lượng tù chính trị từ công trường đường 14 về tại nhà lao Kon Tum (lao ngoài), khoảng tháng 7-1931, đồng chí Trương Quang Trọng cùng các đồng chí: Hồ Độ (Quảng Ngãi) - số tù 302; Lê Viết Lượng - số tù 296, Nguyễn Huy Lung - số tù 299 (Hà Tĩnh); Đặng Thái Thuyên - số tù 297, Ngô Đức Độ - số tù 358 (Nghệ An) thành lập Ban lãnh đạo nhà lao Kon Tum. Đây là một tập thể gồm những đồng chí có ý chí kiên cường và giàu kinh nghiệm, để lãnh đạo anh em tù chính đấu tranh trong thời gian tới.

Ban lãnh đạo nhà lao đã phân tích, nhận định và hạ quyết tâm phải tranh đấu tới cùng để tự cứu sống mình và các đồng chí, đồng đội: *“Ta phải suy nghĩ kỹ và phải khẩn trương trả lời câu hỏi này”* vì *“Cái chết đã gần kề, cái chết không sao tránh khỏi đặt ra trước mắt chúng ta trách nhiệm phải tự cứu sống, muốn cứu sống không còn con đường nào khác ngoài con đường đấu tranh mà Đảng đã vạch ra. Muốn đảm bảo cuộc đấu tranh thắng lợi nhất định chúng ta phải làm cho anh em đoàn kết nhất trí, có quyết tâm cao. Phải đấu tranh kiên quyết bền bỉ, có kế hoạch chu đáo, bởi vì*

cuộc đấu tranh này không những đòi thực dân Pháp bãi bỏ chế độ giết người dã man đối với tù chính trị, phải thay vào đó một chế độ ưu đãi tù chính trị, mà còn có ý nghĩa chống lại âm mưu chiến lược chống cộng của thực dân Pháp mà toàn quyền Pasquier năm 1930 đã ra mật lệnh “Phải đàn áp phong trào cộng sản trên toàn cõi Đông Dương”. Do đó mà tất cả các nhà đày như Côn Đảo, Sơn La, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột chẳng khác gì nhà đày Kon Tum, đâu đâu chúng cũng thi hành một chế độ giết người thảm khốc, chỉ có khác nhau ở chỗ nơi nào giết được nhiều người hơn và nhanh hơn thôi. Cuộc đấu tranh này của ta bao gồm ý nghĩa thực tiễn và ý nghĩa chiến lược sâu xa như vậy, thì chắc chắn địch sẽ phản ứng điên cuồng, dù sao ta cũng chấp nhận mọi hy sinh gian khổ để đổi cái chết lấy cái sống, dù ta phải chết một để cứu sống mười người, hoặc phải chết mười người để cứu ngàn vạn người thì đó là lẽ phải, là lẽ sống, là chính nghĩa, đó cũng là cái tất yếu của người cách mạng cộng sản, ta không thoái thác, ta không chờ ai làm thay cho mình, nếu mình muốn sống. Ngược lại đứng trước cái chết mà ta do dự, ta không gan vàng dạ sắt, đấu tranh lưng chừng, không đúng mức yêu cầu của tình hình đòi hỏi thì địch sẽ có cơ để giết hại ta nhiều hơn nữa... Hoặc ta sợ sệt, thủ tiêu đấu tranh thì rõ ràng là ta nằm chờ chết, và rõ ràng địch sẽ vui mừng do đã tạo ra được cái lò giết người rất có hiệu quả trong việc thực hiện chủ trương tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản và người cộng sản...”.

Đồng chí Trương Quang Trọng, Nguyễn Huy Lung, Hồ Độ được phân công phụ trách xây dựng nội bộ, tư tưởng và tổ chức. Trong quá trình công tác xây dựng nội bộ, rèn luyện thử thách đấu tranh, tháng 9-1931, đồng chí Trương

Quang Trọng đã xung phong tham gia Đội quyết tử gồm 12 đồng chí có tinh thần đấu tranh kiên quyết nhất, có trách nhiệm cao nhất. Đồng thời, đồng chí Trọng đã xác định con đường đấu tranh của mình là hoàn toàn tự nguyện hy sinh trong trường hợp phải đối phó trực diện với quân thù.

Để thăm dò thái độ của địch đối với tù chính trị, tháng 10-1931, Ban lãnh đạo nhà lao làm một lá đơn gửi cho công xứ Jerusalemy yêu cầu cải thiện chế độ lao dịch, chế độ ăn uống, bỏ chế độ bắn giết... Sau khi đưa đơn, địch bắt một số đồng chí án chung thân đưa đi đày tại nhà tù Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị, trong đó có đồng chí Lê Viết Lượng - Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên. Ban lãnh đạo Nhà lao nhận định: *“Ta đưa đơn yêu cầu nhà cầm quyền sửa đổi chế độ làm việc bình thường, nhưng địch không đếm xỉa gì, chỉ trả lời bằng cách bắt một số người đi chỗ khác, vì cho rằng những người cộng sản cao cấp này, những người nặng án này có thể gây rắc rối. Việc trả lời ấy của tên công sứ một lần nữa chứng tỏ chúng vẫn cứng rắn trong việc thi hành chính sách diệt cộng, chứ không bao giờ nhân nhượng một cách dễ dàng với những lời thỉnh cầu xin xỏ. Cách trả lời ấy của tên công sứ cũng giúp ta một lần nữa khẳng định rằng: Muốn thay đổi một chính sách thù địch và toàn diện như hiện nay thì không thể nào dùng cách xin xỏ mà được, trái lại phải liên tục đấu tranh kiên quyết, dũng cảm”.*

Ngày giờ lịch sử đã đến, đầu tháng 12-1931, Ban lãnh đạo nhà lao được tin địch đang chuẩn bị đưa tù chính trị lên Đăk Pét lần thứ 2. Đồng chí Trương Quang Trọng cùng với các đồng chí trong Ban lãnh đạo nhà lao bí mật làm công tác tư tưởng cho anh em: *Đi Đăk Tao thì chết, mà chết một*

cách rất đau đớn, thê thảm, chết sau khi đã chịu trăm cay ngàn đắng. Không đi Đăk Tao thì phải liều chết, mà thà chết ở Kon Tum còn hơn; “Phản đối đi Đăk Tao, Đăk Pét”; “Phản đối chính sách tàn ác của chính quyền thực dân đối với chính trị phạm”. Tư tưởng đấu tranh kiên quyết, dũng cảm và cũng trở thành triết lý sống cao đẹp của người chiến sỹ cộng sản Trương Quang Trọng tâm sự với bạn tù trong đêm trường thanh vắng: “Trên đường đời chúng ta không phải là không hy vọng sống, nhưng vì đã đến bước cùng, ta cần phải hy sinh ít nhiều người, để mưu sự sống cho anh em. Trước cái chết, ta không nhường lại cho ai được nữa, ta phải nhận lấy, vui lòng nhận lấy để cho sau khi ta chết rồi, họa may mấy trăm anh em mới còn phương sống”.

Tư tưởng, khí phách ấy của đồng chí Trương Quang Trọng đã được khẳng định trong Cuộc đấu tranh lưu huyết sáng ngày 12-12-1931, thực dân Pháp đưa xe, đưa lính vào nhà lao kêu tên 40 anh em đưa đi Đăk Pét. Tất cả tù chính trị đã chạy vào nhà lao đóng chặt cửa lại hô vang các khẩu hiệu “Phản đối đi Đăk Pét, phản đối đi Đăk Pét”; “Phản đối làm đường”... Khi viên đội Moulec hỏi “Tại sao chúng bay không đi”? Đã được phân công trước, đồng chí Nguyễn Huy Lung (Nguyên Bí thư Thị ủy Hà Tĩnh – số tù 299) đứng ra trả lời: “Vì năm trước đi làm đường Đăk Pét chúng tôi đã bị hãm hại dã man, bị giết chết 2/3, lần này lại đi nữa cho chết hết sao?”.

Moulec nói: “Nếu chúng bay không đi chúng bay cũng sẽ chết”. Đồng chí Nguyễn Huy Lung đánh thép trả lời: “Phải, chúng tôi không đi cũng chết, nhưng thà chết ở đây còn khỏe thân hơn lên Đăk Pét bị trăm điều khổ sở rồi

mới chết!”. Sau đó đồng chí Lung tiếp tục khích lệ anh em đấu tranh, hô vang các khẩu hiệu. Moulec nhìn mặt Lung, nhớ số tù rồi về báo với tên công sứ Kon Tum. Mấy phút sau công sứ, giám binh, quản đạo Kon Tum cùng bọn lính ùn ùn kéo đến. Moulec tay cầm súng sáu tiến vào nhà lao hỏi: "*Où est il 299?*" (*Thằng 299 đâu?*). Mặc dù không phải số tù của mình (số tù của ông là 303), đồng chí Trương Quang Trọng vẫn dũng cảm tiến lên sát cửa, tay lần mở cúc áo, tay chỉ vào ngực mình hô đồng dục "*Le voici*" (*Nó ở đây!*). Tên Moulec bóp cò, viên đạn bắn trúng ngực, đồng chí anh dũng hy sinh ngay tại chỗ khi vừa tròn 25 tuổi.

Trong cuộc đấu tranh này, đồng chí Trương Quang Trọng tự xưng tên mình ra để chết thay cho bạn, một cử chỉ anh hùng, một hành động hiêm có trong lịch sử đấu tranh cách mạng. Đồng chí Trương Quang Trọng được các bạn tù nhận xét: *Trọng bình thường là người ôn hòa, thuần hậu, không hay nói, nhiều đồng chí đã cho ông như "Con gái nhà lành"*, thế mà khi đấu tranh, trước kẻ địch và cận kề cái chết, ông giữ tư tưởng rất kiên quyết, không khoan nhượng với chúng đúng như tư tưởng và khí phách, triết lý sống cao đẹp của người chiến sỹ Cộng sản. Trước mắt quân thù, đồng chí Trương Quang Trọng nhận cái chết về mình thay cho bạn đã làm cho kẻ địch rón tóc gáy rùng mình. Hành động hào hùng ấy của đồng chí Trọng nêu một tấm gương bất tử sáng ngời tình đồng chí, nghĩa đồng tâm cho con cháu muôn đời noi theo. Gương hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng càng thúc giục anh em kiên quyết đấu tranh giành thắng lợi, người người không sợ chết, áp sát cửa hô vang "*Đả đảo bản giết dã man*"; "*Phản đối đi làm đường Đắc Pét*". Tư tưởng đấu tranh của đồng chí Trọng "*Chết để sống*", "*Chết một để cứu mười*", "*Chết mười*

để cứu muôn ngàn người sau” được thể hiện một cách chói lọi trước mặt bọn thực dân hung tàn. Noi gương của đồng chí Trọng, đồng chí Đặng Thái Huyền, Nguyễn Huy Lung, Lê Trọng Kha, Võ Am, Nguyễn Phi, Lương Thu Tâm, Phạm Thoan tiếp tục đứng lên đấu tranh và hy sinh. Máu đào của đồng chí Trương Quang Trọng và các đồng chí khác đã góp phần tô thắm thêm cờ giải phóng, góp phần buộc địch phải thay đổi chế độ làm việc, bỏ hẳn chế độ bắn giết, cải thiện chế độ ăn uống, thuốc men và quan trọng hơn cả “*Chết mười để cứu muôn ngàn người sau*”. Những thắng lợi này rất quan trọng, rất cơ bản, là thắng lợi lịch sử mang tính chiến lược trong nhà tù đế quốc mà cuộc đấu tranh Lưu huyết ngày 12-12-1931 tại nhà lao Kon Tum đã chứng tỏ điều đó.

Đúng như nhà văn Lỗ Tấn đã viết: “*Người chết chỉ thật sự chết khi không còn sống trong lòng người sống*”. Sự hy sinh của Trương Quang Trọng đã trở thành bất tử. Để ghi nhớ công ơn của đồng chí Trương Quang Trọng, tỉnh Kon Tum đã đặt tên đường mang tên đồng chí. Di tích lịch sử Nhà lao Kon Tum - nơi ghi dấu khí phách đấu tranh cùng với những di vật gốc của đồng chí Trương Quang Trọng, được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích cấp Quốc gia. Hiện nay di tích là địa chỉ đỏ, tiêu biểu của tỉnh Kon Tum, góp phần quan trọng trong việc giáo dục ý chí kiên cường bất khuất, truyền thống đấu tranh cách mạng của ông cha cho các thế hệ trẻ Kon Tum hôm nay và mai sau. Đảng bộ, quân và dân tỉnh Kon Tum đánh giá rất cao những đóng góp, hy sinh của đồng chí, bởi đồng chí đã dùng máu của mình để mở đầu cho dòng lịch sử đấu tranh hào hùng trong những năm tiếp theo của Đảng bộ tỉnh.

ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG VỚI "CUỘC ĐẤU TRANH LƯU HUYẾT" TẠI NHÀ NGỤC KON TUM (12-12-1931)

TS. Trần Thị Mỹ Hương*

Ths. Đào Thị Hoàn**

1. Trương Quang Trọng và con đường đến nhà ngục Kon Tum của thực dân Pháp

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh năm 1906, người làng Phú Nhơn (nay là thôn Liên Hiệp, thị trấn Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi) - mảnh đất giàu truyền thống yêu quê hương đất nước. Năm 1923, Trương Quang Trọng thi đậu Cao đẳng Tiểu học ở Huế. Tại đây, ông cùng một số bạn học cùng chí hướng thành lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ là tổ chức của những người có xu hướng tiến bộ, yêu nước. Năm 1925, Trương Quang Trọng thi đỗ vào khoa Y Trường Cao đẳng Đông Dương. Trong thời gian học ở Hà Nội, ông có dịp tiếp xúc với nhà cách mạng Tôn Quang Phiệt, gia nhập Hội Phục Việt. Những năm 1925 - 1926, ông cùng Phạm Văn Đồng và một số bạn bè khác tham gia phong trào đòi đề tang nhà cách mạng Phan Chu Trinh, đòi ân xá Phan Bội Châu.

* Viện Lịch sử Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

** Viện Lịch sử Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

Do tham gia phong trào yêu nước, ông bị đuổi học. Năm 1926, ông trở về Quảng Ngãi, tập hợp các thành viên Công Ái xã¹ thành lập tổ chức Phục Việt (sau đổi tên là Tân Việt) Quảng Ngãi, hoạt động theo cương lĩnh của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Năm 1927, sau khi Nguyễn Thiệu (đại diện tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên, phụ trách Trung Kỳ) về làm việc với Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Ngãi, Trương Quang Trọng và các đồng chí chuyên hướng hoạt động của Tân Việt Quảng Ngãi, thành lập tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh, do ông làm Bí thư. Cùng năm ấy, Trương Quang Trọng được Tỉnh bộ cử đi dự lớp tập huấn ở Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 5-1929, ông được cử làm đại biểu của Tỉnh bộ Quảng Ngãi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng, Trung Quốc.

Cuối tháng 7-1929, ông tập hợp các đồng chí tích cực trong Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ) tuyên bố thành lập tổ chức “Dự bị Cộng sản”, làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ cộng sản của tỉnh Quảng Ngãi. Đây là bước chuẩn bị quan trọng, tiến tới thành lập tổ chức Đảng chính thức ở tỉnh Quảng Ngãi.

Với những hoạt động tích cực của Trương Quang Trọng và các hội viên Thanh niên, thực dân Pháp ráo riết

¹ Là tổ chức của đa số trí thức nho học tiến bộ và thanh niên tân học như Hồ Độ, Nguyễn Bút, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyền, Lê Trọng Kha.

cho người theo dõi, bám sát hoạt động của ông và các đồng chí. Trong báo cáo quý IV năm 1929 của Mật thám Pháp Trung kỳ viết về tình hình Quảng Ngãi: Từ sau vụ bắt trong tháng 3 vừa qua, một số tên cộng sản đã thành lập được một số chi bộ¹. Do đó, thực dân Pháp và tay sai tiến hành truy bắt số hội viên Thanh niên đã bị chúng phát hiện được. Vào những ngày cuối tháng 8-1929, địch đã bắt hơn 20 người trong đó có đồng chí Trương Quang Trọng và Hồ Độ - cán bộ Ban lãnh đạo của Tỉnh bộ Thanh niên².

Sau một thời gian bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi, ông bị tòa án thực dân kết án 9 năm khổ sai, 4 năm quản thúc. Đầu năm 1931, ông cùng một số tù nhân bị chuyển vào lao Quy Nhơn. Tháng 6-1931, Trương Quang Trọng bị đày lên Ngục Kon Tum. Tại đây, đồng chí Trương Quang Trọng vẫn tiếp tục lãnh đạo các đồng chí của mình đấu tranh, phản đối những luật lệ hà khắc của nhà tù và kiên quyết chống địch bắt tù chính trị đi lao động khổ sai, trong đó tiêu biểu là cuộc đấu tranh lưu huyết tại ngục Kon Tum ngày 12-12-1931, đánh dấu vai trò quan trọng cũng như tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường của người chiến sĩ Cộng sản Trương Quang Trọng.

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, NXBCTQG, H 2005, tr. 37.

² Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, NXBCTQG, H 2005, tr. 40. Tuy nhiên, trong tác phẩm: *Sống giữa ngục tù*, tr. 15 của nhiều tác giả cho rằng: "Từ cuối tháng 8 đến giữa tháng 10 năm 1929, hầu hết hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Ngãi đều bị bắt. Ngày 19 tháng 8 năm 1929, Trương Quang Trọng bị chính quyền thực dân Pháp bắt giữ cùng với hơn 20 đồng chí khác".

2. Đồng chí Trương Quang Trọng với "cuộc đấu tranh lưu huyết" tại nhà ngục Kon Tum (12-12-1931)

Cuối năm 1930, phong trào cách mạng trong nước bị chính quyền thực dân ra sức đàn áp, khủng bố ác liệt, hàng loạt chiến sĩ cộng sản bị bắt và giam cầm ở nhiều nhà tù do chúng lập ra khắp mọi miền đất nước, trong đó có ngục Kon Tum. Tại ngục Kon Tum, từ năm 1930 - 1933, thực dân Pháp đã giam cầm, đày ải trên 500 lượt tù chính trị phạm nhằm mục đích lợi dụng nơi rừng thiêng nước độc, dân cư thưa thớt để cách ly cộng sản; giết dần, giết mòn những người tù cách mạng mà không sợ tai tiếng và dư luận lên án. Đồng thời, sử dụng triệt để sức lao động của tù nhân làm đường 14, con đường chiến lược quan trọng nối từ miền Đông Nam bộ qua Tây Nguyên đến Quảng Nam - Đà Nẵng. Tuy nhiên, khi làm tới Đăk Tô, do địa hình rừng núi hiểm trở, lại không thể thuê nhân công từ dưới đồng bằng lên được nên chúng đành phải tạm dừng. Giai đoạn 1930 - 1931, do các phong trào khởi nghĩa nổ ra ở nhiều nơi, lượng tù binh chính trị mà chúng bắt ngày càng đông cho nên chúng đã nghĩ ra cách đưa những người tù chính trị lên đây làm đường cho chúng, như vậy vừa có thể khai thông con đường đi Quảng Nam này, lại vừa có thể thủ tiêu những người tù chính trị.

Mùa khô năm 1930, thực dân Pháp đã đưa 295 người tù chính trị từ nhà lao Kon Tum lên Đăk Pet, Đăk Pao, Đăk Xút để tiến hành kế hoạch của chúng là mở đường 14 và giết dần, giết mòn những người chính trị phạm. Từ nhà tù Kon Tum lên đến công trường đi chừng 5 ngày, nhưng chúng chỉ cho mỗi người duy nhất một nắm cơm, dọc đường đi không có

nước uống, vì vậy nên đi được chừng nửa đường thì nhiều người đã mệt mỏi, kiệt sức không thể đi tiếp nhưng chúng không cho nghỉ ngơi, hễ chậm trễ thì chúng đánh đập thậm chí bắn chết. Thời gian lao động từ 5 giờ sáng tới 5 giờ chiều chưa kể thời gian đi lại rất xa nơi làm việc. Hàng ngày, chúng bắt những người tù phải làm những công việc vất vả và khó nhọc như đào đất, chặt cây, phá đá, lấp khe với những công cụ hết sức thô sơ như dao, cuốc, xẻng, cưa tay, giỏ gánh đất đá. Không những công việc nặng nhọc mà còn phải gánh chịu những trận đòn roi bất cứ lúc nào chúng thích, không làm chúng cũng đánh, làm tốt cũng được khen vài cái báng súng, kiệt sức không thể chịu nổi thì chúng khép vào tội lười biếng, dùng những hình thức tra tấn hết sức dã man như treo cổ, nhận đầu xuống nước cho tới chết hoặc có khi bị chúng bắn chết ngay tại chỗ. Từ tháng 12-1930 đến tháng 5-1931, chỉ trong 6 tháng làm đoạn đường dài 15 km từ Đăk Pao đi Đăk Pék, đã có tới 150 người trong số 295 tù chính trị đã bị chết một cách thê thảm, số còn lại chỉ là da bọc xương. Thực dân Pháp đã biến con đường 14 trở thành “con đường máu”, là “mồ chôn” của những người tù chính trị.

Tháng 6-1931, thực dân Pháp đưa số tù nhân còn sống sót về giam chung tại thị xã Kon Tum (nay là thành phố Kon Tum), nhưng chỉ có 80 người còn sức gắng gượng đi bộ trở về, một số người bị bệnh nặng phải đi xe bò, số người còn lại phải chôn xương tại Đăk Pao, Đăk Tao và Đăk Pék¹.

¹ Lê Văn Hiến, *Ngục Kon Tum*, Nxb Văn học, H, 1970, tr. 47.

Về Kon Tum, thực dân Pháp tiếp tục chính sách đối xử hà khắc và thâm độc với tù nhân. Song, sự đánh đập, áp bức dã man của bọn lính Pháp không dập tắt được lòng yêu nước, ý chí chiến đấu kiên cường của những người cộng sản, trái lại, nó càng thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh, tôi luyện tinh thần gang thép và dũng khí chiến đấu.

Trong cảnh tù ngục và những đòn tra tấn của thực dân Pháp, đồng chí Trương Quang Trọng và những người chiến sĩ cách mạng đã chuẩn bị cho cuộc đấu tranh. Bên ngoài anh em tỏ vẻ điềm tĩnh, nhẫn nại, công việc vẫn làm tử tế, nhưng bên trong đã ngấm ngấm tổ chức, thống nhất tinh thần nhất định cương quyết phản đối nếu xảy ra cuộc đi Đăk Tao lần hai. Đồng chí Trương Quang Trọng cùng với một số cán bộ khác của Đảng cũng bị bắt giam đã sắp đặt các công việc, tổ chức và phương thức đấu tranh có thể thực hiện được. Đặc biệt, đồng chí Trương Quang Trọng đã cùng với anh em trong Ban lãnh đạo nhà tù tích cực hoạt động tuyên truyền anh em tù đoàn kết, cùng nhau đồng tâm, hiệp lực đấu tranh cho hiệu quả. Với phương châm "lấy cái chết chống với cái chết", tất cả nhà phạm không còn ai do dự. Một số người đã tự nguyện, nếu việc đi Đăk Tao xảy ra là quyết chí hy sinh tính mệnh mình để cứu vớt anh em.

Đồng thời, đồng chí Trương Quang Trọng đã cùng với anh em tù nhân trong ngục Kon Tum thống nhất đưa ra khẩu hiệu đấu tranh nếu thực dân Pháp bắt đi Đăk Tao lần hai, đó là: "Phản đối Đăk Tao, Đăk Pék"; "Phản đối chính

sách tàn ác của chính quyền thực dân đối với chính trị phạm". Mọi công việc được sắp đặt rất êm đềm lặng lẽ.¹

Với tinh thần sẵn sàng và quyết tâm đấu tranh đến thắng lợi cuối cùng, sáng ngày 12-12-1931, khi bọn cầm quyền tiến hành đưa một số tù còn lại lên Đăk Pék lần 2 để làm đường, cuộc đấu tranh phản đối việc bắt tù chính trị đi làm con đường 14 lần thứ 2 tại Đăk Pét đã bùng nổ. Ban đầu, bọn cầm quyền phân tán anh em tù nhân đi làm các nơi nhằm xé lẻ đội ngũ tù. Số tù còn lại khoảng 40 người, chúng ra lệnh quay về phòng lấy quần áo để đi Đăk Pét, trong số đó có 4 đồng chí là thành viên Ban Lãnh đạo nhà tù² và cả 40 tù nhân này đều là thành viên của đội cảm tử, quyết tử.

Biết trước việc địch chuẩn bị đưa tù đi làm đường lần thứ 2 tại Đăk Pét, anh em tù ở lao ngoài đã chuẩn bị để đối phó. Tất cả 40 tù nhân chạy vào phòng giam khóa chặt cửa lại và đồng thanh hô các khẩu hiệu “Không đi Đăk Pék! Không đi Đăk Pék”, “Phải bãi bỏ chế độ bắt tù chính trị đi làm đường”, “Bãi bỏ chế độ đánh đập, bắt giết tù”... Đồng chí Nguyễn Huy Lung (số tù 299) thay mặt anh em trả lời tên đội Mulê (Moulec) lý do không đi Đăk Pék: “Lần trước bị hãm hại một cách rất tàn ác, anh em chúng tôi chết hai phần ba. Bây giờ bắt chúng tôi đi nữa cho chết hết hay sao”. Sau đó, công sứ, giám binh, nhiều binh lính kéo đến bao vây xung quanh nhà lao. Trong lao, anh em vẫn hô vang các

¹ Lê Văn Hiến, *Ngục Kon Tum*, Nxb Văn học, H, 1970, tr 54.

² Đặng Thái Thuyến, Trương Quang Trọng, Nguyễn Huy Lung, *Hồ Độ*.

khẩu hiệu và xiết chặt hàng ngũ, đứng sắp hàng trước cửa lao, dùng gậy gộc đã chuẩn bị trước chống lại, không để cho bọn địch vào định bắt từng người đưa đi. Theo lệnh công sứ, viên đội Mulê cầm súng, tiến lại cửa nhà lao gọi: “Thằng tù số 299 đâu?”. Anh em trong nhà lao đồng thanh trả lời: “Không có tù số 299! Đả đảo đi Đăk Pék”. Nhưng đúng lúc ấy, đồng chí Trương Quang Trọng (số tù 303) đang đứng ở hàng đầu đã phanh áo, chỉ vào ngực, nói bằng tiếng Pháp “Le voici” (nó ở đây). Tên Mulê lập tức bóp cò, đồng chí Trọng hi sinh anh dũng. Hành động ấy của đồng chí đã nêu cao tấm gương bất tử sáng ngời tình đồng chí, tình đồng đội, về tinh thần yêu nước và sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì lý tưởng cách mạng của thế hệ thanh niên Việt Nam nói riêng và người dân Việt Nam nói chung. Người trước ngã xuống, người sau tiếp tục tiến lên, tiếp tục đấu tranh mặc cho là mưa súng đạn của thực dân Pháp.

Sáng ngày 13-12-1931, số anh em tù còn lại đã tổ chức lễ truy điệu cho các đồng chí, đồng đội đã hi sinh. Trong niềm đau thương, nỗi uất hận khôn lường, tù nhân càng siết chặt đội ngũ, đoàn kết chặt chẽ, đấu tranh đến cùng.

Với tinh thần đấu tranh anh dũng, ý chí quật cường cách mạng của các chiến sỹ cộng sản, buộc nhà cầm quyền Pháp phải nhượng bộ từng bước. Tháng 12-1932, địch bỏ hẳn việc đưa tù chính trị đi làm đường 14. Tháng 4-1934, thực dân Pháp phải xóa bỏ nhà đày Kon Tum và đưa tất cả số tù chính trị còn lại vào nhà đày Buôn Ma Thuột. Lịch sử gọi đây là “cuộc đấu tranh lưu huyết” ở ngục Kon Tum.

3. Một vài đánh giá

Cuộc "đấu tranh lưu huyết" tại Ngục Kon Tum là một sự kiện có tiếng vang lớn trong dư luận thế giới, làm cho thế giới biết rõ hơn về chính sách cai trị cũng như chính sách lao tù của thực dân Pháp ở Kon Tum nói riêng và trên toàn cõi Đông Dương nói chung. Cái chết "đỏ" của 15 anh em tù chính trị trong nhà lao Kon Tum, tấm gương hy sinh anh dũng quên mình vì nghĩa lớn của Trương Quang Trọng là bản án tố cáo bộ mặt dã man tàn bạo của thực dân Pháp. Tuy chưa bỏ đã tâm giết hại tù chính trị Cộng sản nhưng việc giải thể nhà đày Kon Tum là sự thừa nhận thất bại của thực dân Pháp trước tinh thần đấu tranh quyết tử của Trương Quang Trọng cũng như tù chính trị tại ngục Kon Tum. Hình ảnh Trương Quang Trọng với tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất trở thành biểu tượng về lòng yêu nước, tự hào của quê hương Quảng Ngãi nói riêng, của dân tộc Việt Nam nói chung.

Tinh thần đấu tranh quả cảm, quyết liệt và chấp nhận hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng thể hiện ý chí, khát vọng hòa bình của người dân Việt Nam dù phải chấp nhận hy sinh cả tính mạng của mình. Đúng như lời tâm sự của những người tù trong ngục Kon Tum trước giờ chiến đấu: "Trên đường đời chúng ta không phải là không hy vọng sống, nhưng vì đã đến bước cùng, ta cần phải hy sinh ít nhiều người để mưu sự sống cho toàn thể anh em. Trước cái chết ta không nhường lại cho ai được nữa, ta phải nhận lấy, vui lòng nhận lấy để sau khi ta chết rồi, họa may mấy

trăm anh em mới còn phương sống"¹. Và Trương Quang Trọng cùng đồng đội đã vì nghĩa lớn hy sinh một cách can đảm, hùng dũng, thể hiện lý tưởng cách mạng cao đẹp của những con người cao đẹp!

Tám gương hy sinh cao cả của Trương Quang Trọng cũng là lời thức tỉnh, giác ngộ cách mạng cho những nhiều thế hệ thanh niên Việt Nam, thậm chí cả binh lính đang đứng trong hàng ngũ quân Pháp xâm lược. Nó chứng minh một chân lý không thể thay đổi đó là: Trong cuộc đấu tranh không cân sức giữa một bên là những người tù tay bị xiềng xích, gông cùm với kẻ địch có trong tay súng đạn nhưng chiến thắng nhất định sẽ thuộc về những người đấu tranh vì chính nghĩa, vì độc lập, tự do của dân tộc.

87 năm trôi qua, quá khứ đã khép lại, lịch sử đã sang trang nhưng những tội ác của thực dân, đế quốc đã gây ra cho dân tộc Việt Nam mãi mãi không bao giờ xóa được trong trái tim của những người Việt Nam yêu nước. Hình ảnh những người tù chính trị đã ngã xuống vì độc lập, tự do cho đất nước, vì lý tưởng của Đảng đã đi vào lịch sử một Ngục Kon Tum kiên cường, bất khuất – một biểu tượng về lòng yêu nước, tinh thần bất khuất, kiên trung, anh dũng của những người Cộng sản.

¹ Lê Văn Hiến, Ngục Kon Tum, Nxb Văn học, H, 1970, tr 55.

ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG NHỮNG NĂM THÁNG TRONG NHÀ NGỤC KON TUM

Ths. Vũ Thái Dũng*

1. Nhà ngục Kon Tum - nơi phơi bày những âm mưu và tội ác của thực dân Pháp

Ngục Kon Tum một thời từng được ví là “địa ngục trần gian”, nơi giam giữ và đày ải hơn 500 chiến sĩ cách mạng - những người đã đấu tranh kiên cường, bất khuất và đã hy sinh anh dũng, nằm lại vĩnh viễn vùng đất nơi cực Tây của Tổ quốc. Lịch sử hình thành và những sự kiện của ngục Kon Tum - nơi một thời nổi danh là rừng thiêng, nước độc, từng giam cầm các nhà hoạt động cách mạng thời kỳ đầu của Đảng như: Hồ Tùng Mậu, Đặng Thái Huyền, Nguyễn Huy Lung, Trịnh Quang Xuân, Võ Trọng Bành, Trương Quang Trọng, Ngô Đức Đệ, Lê Văn Hiến...

Sau khi hoàn thành quá trình khai thác thuộc địa, thiết lập xong bộ máy cai trị trên địa bàn tỉnh Kon Tum, thực dân Pháp đã xây dựng tại đây một nhà lao không lớn và cũng không kiên cố nhưng lại là *lò giết người tàn bạo nhất của thực dân Pháp ở nước ta những năm 1930 - 1931*. Ngục Kon Tum là nơi giam cầm những tù chính trị bị bắt trong cao trào cách mạng Xô viết - Nghệ Tĩnh (1930 - 1931).

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngục Kon Tum nằm ở bờ Bắc về phía hạ lưu sông Đăk Bla, đoạn vắt ngang thành phố Kon Tum ngày nay. Ngục Kon Tum (Nhà đày Kon Tum) có nhiều tên gọi khác nhau: Lao kềm, Lao sắt, Lao mới hoặc Lao cầu mới thường gọi là Lao ngoài, còn Lao cũ trong thị xã (nhà Lao tỉnh Kon Tum, Prison de Kon Tum) thì gọi là Lao trong.

Ngục Kon Tum được thực dân Pháp bắt tay xây dựng từ năm 1905 đến cuối năm 1917 mới hoàn thành. Ngục Kon Tum xây bên cạnh một rãnh nước lớn kế cận ngục phía Đông - Bắc là đường 14; phía Tây - Nam là đồn lính khố xanh; phía Đông - Nam là tòa sứ, dinh quân đạo bù nhìn, Sở Cảnh sát. Thực dân Pháp khi xây dựng đã đặt Ngục Kon Tum vào thế bị bao vây cô lập. Để dễ bề kiểm soát, chúng đào một rãnh sâu dài 150m, rộng 100m, thiết kế tại đó bốn dãy nhà theo hình hộp (vuông) diện tích khoảng 2,5 hécta, bốn góc ngục có 4 lô cốt xây nổi lên, đêm ngày có lính canh phòng cẩn mật. Nhà lao xây theo kiểu pháo đài Vauban (Vô-băng) xưa của Pháp thuộc thế kỷ 17. Mái lợp ngói, vách bằng tocsi quét vôi, bốn bề không có tường bao quanh che kín như các nhà lao khác, bốn nhà dọc ngang xây liền lại với nhau thành một hình vuông, mỗi khoảng 18m thì có một cửa ra vào và hai chòi cao để lính gác có thể quan sát trong và ngoài lao; giữa là một cái sân vuông nhỏ hẹp, bề rộng của một dãy là 3,5m, trong đó để 2m lát ván nằm, 1,5m là đường đi.

Nhà đày Kon Tum gồm 2 nhà giam, 1 nhà lớn và 1 nhà nhỏ, ở giữa hai nhà là nhà lính gác, sườn nhà toàn bằng sắt: cột, kèo, xà, trính... mái lợp tôn nên còn có tên là nhà Lao kềm (hay nhà Lao sắt), bốn phía vách đều che bằng

nửa, tre đập dập với dây thép gai chằng chịt qua lại dày đặc, phía đầu hồi nhà có một cửa ra vào nhỏ hẹp, cánh cửa cũng bằng dây thép gai chằng chịt, trước cửa ra vào có một chòi gác của lính.

Nhà lớn có chiều dài ước độ 18 hoặc 20m, bề rộng ước từ 12 đến 14m (hai gian rộng với ba vòm cột kèo sắt), trong lòng nhà có 4 sạp rộng, hai hàng tù nằm gối đầu với nhau, sạp này cách sạp kia độ 2m, cuối chân sạp là 4 hàng cùm đứng sừng sững. Nhà lao lớn này có thể giam được trên dưới 100 tù nhân. Nhà thứ 2 nhỏ hơn có thể giam được 60 tù nhân. Nhà này vừa là nhà giam tù đang đi làm, vừa là nhà giam những người ốm nằm liệt, lính gọi là bệnh xá và chúng cũng gọi mỉa mai là "nhà khách" của tù.

Nhà nhỏ ở giữa là nhà lính, được đóng đơn sơ để lính dễ trông thấy bốn bề. Đặc điểm nổi bật của nhà đày này là bốn bề xung quanh không có thành xây giữ kín như các nhà tù khác, nó đứng trống trải trên bãi sông, bãi cát, không có chòi canh cao, không có bếp nấu ăn, không có hồ nước, không có nhà vệ sinh, ban đêm không có đèn... Nó thiết kế và xây dựng xem ra đơn giản nhưng lại lợi hại, bởi vì bốn bề trống trải, không có chỗ nào ẩn nấp, hễ tù có hành động gì thì ở ngoài lính phát hiện được ngay.

Năm 1930, phong trào cách mạng ở Trung kỳ diễn ra sôi nổi. Tại Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi,... các cuộc biểu tình liên tiếp xảy ra. Trong các cuộc biểu tình đó, ngoài số người bị địch bắn chết, số còn lại bị bắt giam ở các lao cũng có tới hàng ngàn người. Bảy giờ, thực dân Pháp quyết định mở các công trường ở miền rừng núi và

đày các tù phạm lên khai phá các nơi rừng thiêng nước độc như Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Kon Tum... nhằm mục đích: *Thứ nhất*, tiêu diệt nhiều nhất chính trị phạm bằng một chế độ nhà tù đặc biệt tàn ác mà nhân dân thế giới và trong nước không hay biết; *thứ hai*, chúng lợi dụng sức lực của tù phạm, đưa đi làm đường thay công nhân để đỡ tốn kém.

Để thực hiện âm mưu thâm độc đó, bọn thực dân thống trị đã mở ở Trung kỳ 2 công trường lớn: *Một là*, công trường làm đường số 14, đoạn từ Đắc Pao ra phía Bắc; *Hai là*, công trường xây dựng thị xã Buôn Ma Thuột (mở mang thêm đường sá và xây dựng nhà cửa cơ quan). Viên Công sứ Kon Tum lúc bấy giờ là Jerusalemy xin gửi chính trị phạm lên và lập ở Kon Tum một nhà ngục - đó là Ngục Kon Tum (Lao ngoài).

Tháng 12-1930, khi mùa khô đến, bọn thực dân đã đưa tù nhân từ nhà lao Vinh vào Kon Tum để chuẩn bị đưa đi làm đường 14. Công việc trên công trường làm đường rất nặng nhọc, tù nhân làm lụng quần quật, dầm mưa, dãi nắng, mỗi ngày lao động không dưới 10 tiếng đồng hồ với đòn roi tới tấp của lính cai. Công trường làm đường với đèo, dốc hiểm trở, cây cối âm u nhưng công cụ lao động lại hết sức thô sơ, hoàn toàn không có các phương tiện bảo hiểm.

Địch còn cài cắm những phần tử phản động giả tù nhân trà trộn vào hàng ngũ của ta làm mật thám, chỉ điểm, chia rẽ khối đoàn kết, gây nghi ngờ lẫn nhau giữa những người tù chính trị. Thâm độc hơn, bọn cai Pháp đã đào tạo một đội quân lính cai là người đồng bào thiểu số và nhồi nhét cho họ tư tưởng căm ghét tù chính trị bằng việc tuyên

truyền, lừa mị rằng những tù nhân là những tên xấu xa, lừa dối, là những tên cướp của và rất ghét người dân tộc... Vì thế bọn lính cai càng hung hăng, tàn bạo. Ngoài những đánh đập thông thường hàng ngày, bọn lính còn bày ra những trò chơi man rợ để giết hại các đồng chí: bắt ăn phân người, treo tù lên cây cho đến chết, bắt anh em bị ốm trầm mình dưới nước lạnh cho đến khi tắt thở, ép người khát nước phải uống đến mức lặn ra mà chết...

Đôi xử tàn bạo với tù nhân, thực hiện một chế độ sinh hoạt vô cùng khắc nghiệt. Về chế độ ăn uống, dù để mị dân và che mắt công chúng, chúng công khai chế độ ăn của tù nhân khá đầy đủ nhưng trong thực tế bị ăn bớt rất nhiều, lại sử dụng các loại lương thực, thực phẩm đã hư hỏng như gạo mốc, mắm thối lặn giời bọ, cá mục... cho tù nhân ăn. Về ngủ, tù nhân luôn phải nằm trên các bệ xi-măng ẩm ướt, lạnh lẽo, thường xuyên bị cùm chân, không khí sặc mùi hôi thối vì tù nhân phải phóng uế tại chỗ ngay trong phòng giam. Đau ốm, bệnh tật đều không được khám chữa bệnh tử tế, mà chỉ làm chiếu lệ. Vì điều kiện sống và lao động như thế nên tù nhân nhanh chóng bị kiệt sức, thương tích, bệnh tật đầy mình, những bệnh tưởng như đơn giản là kiết lỵ và tiêu chảy vẫn đủ để giết hại những người tù. Khi bị bệnh họ vẫn phải làm việc, hễ ai chậm một chút thì bọn chúng liền bắt bỏ.

Tính đến tháng 12-1930, tại Ngục Kon Tum, thực dân Pháp đã đưa vào tới 297 tù phạm, trong đó trừ 2 người là phụ nữ, còn lại 295 người chỉ trong thời gian 6 tháng, từ tháng Chạp năm 1930 đến tháng 6 năm 1931 bị đày đi làm đường từ Đăk Sút, Đăk Pao, Đăk Tao đến Đăk Pét. Trong

số 295 người đi có 170 người phải bỏ xác ở chốn rừng thiêng, nước độc.

Ngục Kon Tum là chứng tích lịch sử tố cáo những âm mưu thâm độc và những tội ác chòng chát của thực dân Pháp đối với các chiến sĩ cách mạng của ta. Những tháng ngày bị giam cầm, đày đọa ở Ngục Kon Tum đã minh chứng rõ nét cho ý chí đấu tranh quật cường, nghị lực và lòng quả cảm của các chiến sĩ cách mạng nơi ngục tù thực dân, đế quốc.

2. Đồng chí Trương Quang Trọng - những năm tháng đấu tranh nơi ngục tù thực dân, đế quốc

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh năm 1906, người làng Phú Nhơn (nay là thôn Liên Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi). Năm 1923, đồng chí thi đậu Cao đẳng Tiểu học ở Huế; năm 1925, theo học Trường thuốc (Cao đẳng Y Dược) tại Hà Nội. Tại đây, đồng chí đã tham gia các phong trào đấu tranh đòi ân xá cụ Phan Bội Châu, đề tang cụ Phan Chu Trinh; tham gia và trở thành thành viên tích cực của tổ chức Phục Việt.

Bị địch theo dõi và đuổi học, đồng chí trở về quê hương Quảng Ngãi để bắt liên lạc với các đồng chí Hồ Độ, Nguyễn Bút, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Lê Trọng Kha thành lập tổ chức Phục Việt (sau đổi tên là Tân Việt) ở Quảng Ngãi. Tổ chức này đa số là trí thức Nho học tiến bộ và thanh niên tân học có chung đường lối cứu nước.

Đến năm 1927, "các đồng chí Nguyễn Thiệu rồi Trương Quang Trọng, Hồ Độ, Lê Trọng Kha... lần lượt ra nước ngoài học tập và trở về, tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng

sự nhận thức, hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin đã có hệ thống và sâu sắc"¹. Sau khi tiếp thu nội dung chương trình, Điều lệ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, những bài giảng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tập hợp trong cuốn “*Đường Kách mệnh*”, đồng chí Trương Quang Trọng cùng những thanh niên tiên bộ của Đảng Tân Việt ở Quảng Ngãi thống nhất gia nhập vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và thành lập Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi vào cuối năm 1927. Đồng chí Trương Quang Trọng được bầu làm Bí thư Tỉnh bộ.

Trong quá trình hoạt động thực tiễn, cũng như ở nhiều nơi khác trong nước, trong xứ, Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi thấy cần phải tổ chức Đảng Cộng sản mới đưa cách mạng tiến lên được. Tháng 7-1928, trong Hội nghị đại biểu của Kỳ bộ Thanh niên Trung kỳ họp ở Đà Nẵng, các đại biểu đã bàn luận sôi nổi vấn đề *Tình hình của Tổng bộ* và việc chuyển *Thanh niên lên Đảng Cộng sản*. Sau khi dự Hội nghị, đồng chí Trương Quang Trọng về tỉnh truyền đạt tinh thần của Hội nghị này. Tỉnh bộ Quảng Ngãi nhất trí đề nghị thành lập Đảng Cộng sản để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản Nga do Lê-nin đứng đầu, chứ không làm cách mạng tư sản kiểu cũ².

Tháng 5-1929, đồng chí Trương Quang Trọng - Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi đi dự Đại hội Đại biểu

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình (1985), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929-1945 (Sơ thảo)*, Nghĩa Bình, tr. 32.

² Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình (1985), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929-1945 (Sơ thảo)*, Nghĩa Bình, tr. 36.

toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên tại Hương Cảng (Quảng Châu, Trung Quốc)¹. Vào các tháng 6, 7-1929, đồng chí Trương Quang Trọng cùng với các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Sĩ Sách, Nguyễn Thiệu bàn luận và nhiều lần họp bàn với Tỉnh bộ Thanh niên về việc thành lập Đảng nhưng còn có nhiều ý kiến chưa thống nhất. Tháng 7-1929, trong cuộc họp cuối cùng tại núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ), tuy chưa lựa chọn theo nhóm cộng sản nào nhưng Hội nghị nhất trí Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi thành lập chi bộ “Dự bị Cộng sản”, làm nhiệm vụ của Ban Vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi. Đây là bước trực tiếp chuẩn bị thành lập tổ chức cộng sản chính thức ở Quảng Ngãi để hòa nhập vào xu hướng thành lập một Đảng Cộng sản thống nhất.

Lúc này, "đế quốc Pháp và bọn tay sai tiến hành truy bắt số hội viên Thanh niên bị chúng phát hiện (theo danh sách đã bị lộ). Vào những ngày tháng 8-1929, địch đã bắt đi 20 người, trong đó có đồng chí Trương Quang Trọng và đồng chí Hồ Độ - cán bộ Ban Lãnh đạo của Tỉnh bộ Thanh niên"². Như vậy, từ tháng 8 đến giữa tháng 10-1929, đa số hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh đều bị bắt.

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình (1985), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929-1945 (Sơ thảo)*, Nghĩa Bình, tr. 36.

² Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình (1985), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929-1945 (Sơ thảo)*, Nghĩa Bình, tr. 49.

Đồng chí Trương Quang Trọng bị chính quyền thực dân Pháp bắt giữ vào ngày 19-8-1929. Sau một thời gian bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi, đồng chí bị tòa án thực dân kết án 9 năm khổ sai, 4 năm quản thúc. Đầu năm 1931, ông cùng một số tù nhân bị chuyển vào lao Quy Nhơn, đến tháng 6-1931 bị đày lên Ngục Kon Tum. Những ngày ở trong tù, mặc dù phải chịu bao cực hình, đau đớn nhưng đồng chí Trương Quang Trọng vẫn giữ vững khí tiết cách mạng. Dù bị giam cầm nơi ngục tù đế quốc, đồng chí vẫn tiếp tục lãnh đạo anh em đấu tranh, phản đối những luật lệ hà khắc của nhà tù và kiên quyết chống địch bắt tù chính trị đi lao động khổ sai.

Từ tháng 6 đến tháng chạp năm 1931, thực dân Pháp lại tiến hành đưa tù chính trị lên Đăk Pék làm đường đọt 2. Đứng trước tình cảnh bị đối xử ngày càng tàn bạo, tinh thần đấu tranh của những người tù chính trị càng trở nên dấy mạnh mẽ và đầy quyết tâm: sẵn sàng chấp nhận lấy cái chết của mình để đổi lấy sự sống cho đồng chí của mình: “Sau khi ta chết rồi, họa may mấy trăm anh em mới còn phương sống”, như lời một người tù chính trị tâm sự trước khi bước vào cuộc đấu tranh.

Trong cảnh tù ngục và những đòn tra tấn của thực dân Pháp, đồng chí Trương Quang Trọng và những người chiến sĩ cách mạng đã chuẩn bị những phương thức đấu tranh có thể thực hiện được. Họ đã thành lập Ban Lãnh đạo nhà lao, Đội Cảm tử và Quyết tử, tích cực hoạt động, tuyên truyền, vận động, giác ngộ nhân dân và binh lính, làm cho họ hiểu rõ hơn, đúng hơn về người tù chính trị. Được chứng kiến tận mắt về sự thật đối xử với tù chính trị của chính quyền

thực dân và sự tích cực tuyên truyền của chi bộ binh, chi bộ đường phố, quần chúng nhân dân thị xã vô cùng khâm phục tinh thần bất khuất anh hùng của tù chính trị - những người yêu nước chân chính. Tình cảm của đồng bào với tù nhân cộng sản trở nên thân thiết. Thái độ và hành động đối xử của binh lính đối với tù cũng khác hơn trước. Một số anh em lính bắt đầu chống lại bọn chỉ huy, đứng về phía người tù đấu tranh khi chúng bắt tù đi làm ngày chủ nhật hoặc chống lại sự đàn áp người tù.

Đầu tháng 7-1931, sau khi chi bộ binh ở nhà lao bị khủng bố (Lao trong), địch đưa đồng chí Ngô Đức Đệ (người sáng lập chi bộ đầu tiên ở Kon Tum) ra giam giữ ở Lao ngoài. Tại đây, Trương Quang Trọng và những người tù chính trị được đồng chí Ngô Đức Đệ thông báo tình hình tù nhân làm đường, sự đàn áp, đầy đọa tù nhân của địch, tình hình của chi bộ binh, chi bộ đường phố... Họ đã nhanh chóng hình thành ban lãnh đạo với sự phân công cụ thể cho từng thành viên như một số đồng chí làm nhiệm vụ xây dựng nội bộ về tư tưởng và tổ chức, một số đồng chí lo việc nghiên cứu đấu tranh, đề ra yêu sách, tuyên ngôn, soạn các bài tuyên truyền bằng tiếng phổ thông, tiếng Pháp, tiếng Ba Na, tiếng Gia Rai. Ban lãnh đạo chung của tù nhân nhất trí hạ quyết tâm: “Muốn sống không có con đường nào khác ngoài con đường đấu tranh mà Đảng đề ra. Muốn bảo đảm cuộc đấu tranh thắng lợi, nhất định chúng ta phải làm cho anh em đoàn kết nhất trí, có quyết tâm cao. Phải đấu tranh kiên quyết, bền bỉ, có kế hoạch chu đáo”¹. Mục tiêu đấu

¹ Trích theo Hồi ký của đồng chí Ngô Đức Đệ.

tranh là đòi thực dân Pháp bãi bỏ chế độ giết người dã man đối với tù chính trị, ưu đãi tù chính trị.

Sáng ngày 12-12-1931, với âm mưu định sẵn, bọn cầm quyền phân tán anh em tù nhân đi làm các nơi nhằm xé lẻ đội ngũ tù, còn khoảng 40 người, chúng ra lệnh quay về phòng lấy quần áo để đi Đăk Pék. Trong số đó có 4 đồng chí là thành viên Ban Lãnh đạo nhà tù gồm: Đặng Thái Thuyền, Trương Quang Trọng, Nguyễn Huy Lung, Hồ Độ. 40 tù nhân này đều là thành viên của đội cảm tử, quyết tử. Do biết trước việc địch chuẩn bị đưa tù đi làm đường lần thứ 2 tại Đăk Pék, anh em tù ở Lao ngoài đã chuẩn bị để đối phó. Tất cả 40 người chạy vào phòng giam khóa chặt cửa lại và đồng thanh hô các khẩu hiệu: "Nhất định không đi Đăk Pék", "Phản đối đi Đăk Pék", "Phải bãi bỏ chế độ bắt tù chính trị đi làm đường", "Bãi bỏ chế độ đánh đập, bắt giết tù"... Đồng chí Nguyễn Huy Lung (số tù 299) thay mặt anh em trả lời tên đội Mulê (Moulet) lý do không đi Đăk Pék: "Lần trước bị hãm hại một cách rất tàn ác, anh em chúng tôi chết hai phần ba. Bây giờ bắt chúng tôi đi nữa cho chết hết hay sao?".

Sau đó, công sứ, giám binh, nhiều binh lính kéo đến bao vây xung quanh nhà lao. Trong lao, anh em vẫn hô vang các khẩu hiệu và xiết chặt hàng ngũ, đứng sấp hàng trước cửa lao, dùng gậy gộc đã chuẩn bị trước chống lại, không để cho bọn địch vào định bắt từng người đưa đi. Theo lệnh công sứ, viên đội Mulê cầm súng, tiến lại cửa nhà lao gọi: "Thằng tù số 299 đâu?". Anh em trong nhà lao đồng thanh trả lời: "Không có tù số 299! Đả đảo đi Đăk Pék". Nhưng đúng lúc ấy, đồng chí Trương Quang Trọng

(số tù 303) đang đứng ở hàng đầu đã phanh áo, chỉ vào ngực, nói bằng tiếng Pháp “Le voici” (nó ở đây). Tên Mulê lập tức bóp cò, đồng chí hy sinh.

Hành động đó của thực dân Pháp càng làm sôi máu căm thù của anh em tù chính trị và lúc này thì tinh thần chết để sống, chết 1 người để cứu 10 người đã vang lên làm cho thực dân Pháp vô cùng sợ hãi. Chúng liền cho nổ súng và chỉ trong vòng vài phút đã có 8 đồng chí ngã xuống và 8 đồng chí bị thương. Sau cuộc tàn sát đẫm máu, những người còn sống chúng cho lên xe chở đi Đăk Xút, còn những người bị thương chúng đưa qua nhà số 2 và 8 người chết chúng kéo ra chôn cùng một hố.

Tiếp nối tinh thần quả cảm, anh dũng của đồng chí Trương Quang Trọng, ngay trong ngày hôm đó, ở Lao trong anh em đều hô vang khẩu hiệu "Phản đối đi Đăk Pét, phản đối bắn giết tù chính trị". Tiếp đó, toàn thể anh em hô to khẩu hiệu "Tuyệt thực, tuyệt ẩm". Cuộc đấu tranh kéo dài 5 ngày, tới ngày 16-12-1931, thực dân Pháp quyết định giải tán cuộc đấu tranh bằng tàn sát, chúng cho lính tập trung trong sân với khí thế sẵn sàng nả đạn. Lúc này cứ hễ anh em ai hô to là chúng bắn chết người đó, càng bắn anh em càng hô vang, người chết và bị thương ngày càng nhiều. Sau khi ngừng bắn chúng cho người vào nhà lao lôi xác 7 người chết ra chôn cùng một hố, còn lại chúng cho lên xe chở ra Lao ngoài cho cháo ăn với nước uống. Đến khi các tù binh khỏe lại chúng cho những người khỏe đi Đăk Pét, người bị thương thì giam tại nhà giam số 2.

Sau hai cuộc đấu tranh mặc dù bị tổn thất rất nhiều, đã có nhiều anh em phải hi sinh và nhiều người bị thương, nhưng trước tinh thần 1 người ngã xuống để cứu 10 người đã làm cho thực dân Pháp hoảng sợ và chúng đã phải thay đổi chế độ lao tù hà khắc.

Có thể nói, đứng trước những âm mưu diệt trừ cộng sản của kẻ thù tàn bạo, đồng chí Trương Quang Trọng, Nguyễn Huy Lung, Đặng Thái Thuyên, Hồ Độ cùng các anh chị em tù chính trị ở Ngục Kon Tum đã tổ chức hàng loạt các cuộc đấu tranh quyết liệt. Trong đó, cuộc đấu tranh Lưu huyết và Tuyệt thực được tổ chức rất chu đáo, đảm bảo yếu tố bí mật, có chương trình hoạt động và có "bản tuyên ngôn chính trị đặc biệt". Các cuộc đấu tranh trong suốt những năm tháng bị giam cầm tại nhà Ngục Kon Tum của Trương Quang Trọng với những người tù chính trị đã vạch trần âm mưu và tội ác của thực dân Pháp, chính sách xảo quyệt dùng người Việt diệt người Việt, dùng người Thượng diệt người Kinh, gây hận thù và chia rẽ dân tộc trước dư luận trong và ngoài nước. Các cuộc đấu tranh này mang ý nghĩa chiến lược đã buộc kẻ thù của giai cấp và của dân tộc phải bỏ ngay công trường làm đường và bãi bỏ vĩnh viễn Ngục Kon Tum.

Tám gương hi sinh anh hùng của đồng chí Trương Quang Trọng và các cuộc đấu tranh trong những năm tháng đồng chí bị giam cầm tại Ngục Kon Tum đã thể hiện ý chí kiên cường, bất khuất của những người tù chính trị cộng sản, vạch trần chính sách cai trị lao tù tàn bạo của thực dân Pháp ở Đông Dương, ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào cách mạng của đồng bào các dân tộc tỉnh Kon

Tum. Sự hi sinh quên mình của Trương Quang Trọng trong cuộc đấu tranh Lưu huyết tại Ngục Kon Tum cuối năm 1931 là tấm gương cách mạng được muôn đời ghi nhớ. Đó là một hành động hiếm thấy trong lịch sử đấu tranh cách mạng, hành động ấy của đồng chí đã nêu cao tấm gương bất tử sáng ngời tình đồng chí, tình đồng đội. Những chính sách đối xử hà khắc và những âm mưu thâm độc của nhà tù thực dân không những không dập tắt được lòng yêu nước, chí khí kiên cường của những người cộng sản, trái lại đã thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh, tôi luyện ý chí gang thép của họ. Nhà tù thực dân trở thành trường học cách mạng để những người cộng sản lớp trước đào tạo, rèn luyện cho những chiến sỹ cách mạng đàn em về lý tưởng cộng sản, về lý luận Mác - Lênin, về đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới, về phẩm chất của những người cộng sản.

Nhiều lớp chiến sỹ Cộng sản kiên trung đã không tiếc sinh mạng của mình, sẵn sàng chấp nhận hy sinh để bảo vệ chính nghĩa, để anh em tù được sống tốt hơn như đồng chí Trương Quang Trọng, Nguyễn Huy Lung, Ngô Đức Đệ và những đồng chí đã ngã xuống trong các cuộc đấu tranh tại Ngục Kon Tum. Họ đã sống vì một lý tưởng cách mạng cao đẹp nên quyết không sợ tù đày, súng đạn của thực dân Pháp cướp nước. Đúng như Tô Hữu đã viết trong "Trăng trôi":

"Đời cách mạng từ khi tôi đã hiểu

Dấn thân vô là phải chịu tù đày

Là gươm kẻ tận cổ, súng kẻ tai

Là thân sống chỉ coi còn một nửa!"

TƯ TƯỞNG "CÁCH MẠNG LÀ LƯU HUYẾT, CÓ LƯU HUYẾT MỚI CHẶN BÓT BÀN TAY TÀN BẠO CỦA KẼ THÙ VÀ CUỐI CÙNG MỚI GIÀNH ĐƯỢC THẮNG LỢI"

Ths. Trần Thị Thu Hương*

Ngày nay, tại thành phố Kon Tum, con đường dẫn vào Khu Di tích lịch sử Ngục Kon Tum mang tên Trương Quang Trọng. Tại thành phố Quảng Ngãi cũng có đường Trương Quang Trọng. Ông chính là người ngã xuống đầu tiên trước mũi súng của thực dân Pháp vào sáng ngày 12-12-1931 trong cuộc đấu tranh Lưu huyết của chính trị phạm tại Ngục Kon Tum chống cưỡng bức đi mở đường 14 lần thứ 2 (mùa khô 1931 - 1932). Gương hy sinh và tư tưởng lưu huyết của chiến sĩ cách mạng Trương Quang Trọng luôn sáng mãi với sử xanh.

1. Âm mưu và tội ác của thực dân Pháp đối với tù chính trị

Tây Nguyên là khu vực có vị trí chiến lược tại Đông Dương. Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ về sau đều tìm mọi cách kiểm soát bằng được khu vực này. Cuối thế kỷ XIX, sau khi chiếm các tỉnh Nam kỳ, thực dân Pháp muốn khảo sát con đường sông Mê Kông nhằm tìm một lối thông thương lên Trung Quốc. Việc khảo sát này giao cho một nhóm công tác mà về sau trở nên nổi tiếng với tên gọi Phái

* Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Kon Tum.

bộ Pavie. Thông qua hoạt động của các giáo sỹ, thực dân Pháp tìm cách nắm chặt khu vực chiến lược này, dung dưỡng và khoét sâu thêm sự chia rẽ về mặt tôn giáo (công giáo - phi công giáo), là một mưu đồ nhằm làm suy yếu sức mạnh đoàn kết của dân tộc Việt Nam chống Pháp. Tiếp theo những bước chân của các giáo sỹ, thực dân Pháp bắt đầu mở các cuộc càn quét chinh phục các dân tộc tỉnh Kon Tum, nhằm đặt nền móng cho một thể chế thống trị lâu dài trên mảnh đất này.

Từ khi thực dân Pháp đặt chân lên vùng đất Kon Tum và trong suốt quá trình áp đặt bộ máy cai trị của chúng trên mảnh đất này, chúng luôn vấp phải sự chống trả liên tục, quyết liệt ở khắp mọi nơi của đồng bào các dân tộc ở Kon Tum cũng như của đồng bào Kinh tại các đồn điền, công trường. Tuy nhiên, các phong trào, các cuộc nổi dậy dù ngoan cường, mạnh mẽ đến đâu cuối cùng đều bị thực dân Pháp đàn áp, dập tắt và đi đến thất bại. Bởi vì phong trào đấu tranh cách mạng của người dân Kon Tum cũng như của cả nước thời kỳ đó chưa có một đường lối cách mạng đúng đắn, chưa có một Đảng cách mạng tiên phong lãnh đạo phong trào. Cách mạng chỉ thành công khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Qua thực tiễn phong trào cách mạng, những người Cộng sản Việt Nam, dưới sự dẫn dắt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, thống nhất ý chí và hành động mới đảm bảo sự lãnh đạo thông suốt, nhất quán toàn bộ phong trào cách mạng trong cả nước.

Sau khi ra đời, tuy hệ thống tổ chức của Đảng chưa được hình thành và kiện toàn ở nhiều nơi, nhưng do ảnh

hưởng mạnh mẽ của Đảng, cao trào chống đế quốc thực dân đã nổi lên như vũ bão. Đó là cao trào Xô viết vào những năm 1930 - 1931 với nhiều cuộc bãi công, biểu tình của công nhân, nông dân khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam, mà đỉnh cao là Nghệ An và Hà Tĩnh. Đặc biệt từ cuối tháng 8 năm 1930 trở đi, phong trào cách mạng dâng cao, nhiều địa phương đã thành lập được chính quyền công nông kiểu Xô viết.

Phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam lúc này khiến thực dân Pháp hết sức lo ngại, vì chúng nhận thấy có những biểu hiện hoàn toàn khác so với các cuộc đấu tranh trước đó: Chủ nghĩa cộng sản đã xuất hiện và tổ chức người dân thuộc địa nổi dậy. Cho nên, từ khi cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh nổ ra, chính quyền thực dân thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh của quần chúng bằng bom đạn, máy bay, cảnh sát và nhà tù. Nhiều người đã bị bắt và đày đi giam ở các nơi, trong đó Kon Tum là một trong số ít các địa phương ở Việt Nam lúc bấy giờ có hai cấp nhà đày (nhà đày hàng tỉnh và nhà đày hàng xứ), chưa kể nhà tạm giam ở các đồn binh¹.

Từ sau cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh, một lượng lớn tù chính trị từ các nơi khác bị đưa lên Kon Tum giam giữ. Với việc đưa tù chính trị lên giam cầm tại các nhà tù ở các tỉnh miền núi, thực dân Pháp hướng đến các mục đích:

¹ Về tổng thể, Nhà đày của thực dân Pháp tại Kon Tum đến năm 1945 bao gồm 4 di tích: Lao trong, Lao ngoài, căng an trí Đak Glei và căng an trí Đak Tô. Mỗi loại hình nhà đày đều có thời điểm ra đời, chức năng khác nhau ít nhiều, nhưng đều nằm trong hệ thống nhà đày của thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương và đều có nhiệm vụ đàn áp phong trào đấu tranh của Nhân dân Việt Nam yêu nước.

+ Cách ly tù chính trị với phong trào và quần chúng cách mạng các tỉnh đồng bằng.

+ Tiêu diệt tù với một chế độ nhà tù đặc biệt tàn ác mà nhân dân trong nước và thế giới không biết được.

+ Dùng tù chính trị làm nhân công mở các công trường, làm những con đường ở các miền núi cao, xa xôi, nơi mà những người lao động bình thường không chịu đi làm.

Nói đến làm cầu, đường thì mọi người đều đã tưởng tượng cái khó khăn gian khổ của người làm đường. Vậy mà ở đây, người làm cầu đường lại là tù phạm, điều đặc biệt đó càng tăng thêm nỗi gian khổ, chết chóc của những người tù chính trị.

Tỉnh Kon Tum có con đường chiến lược 14 chạy qua. Đây là con đường chiến lược quan trọng, thực dân Pháp bắt đầu mở từ khi mới sang xâm lược nước ta. Đường 14 được bắt đầu từ Sài Gòn, tiến lên Tây Nguyên rộng lớn, qua cao nguyên Lâm Viên (Đà Lạt), cao nguyên Đăk Lăk, đến Kon Tum hướng về phía cảng Đà Nẵng. Con đường chiến lược này được đồng bào địa phương gọi là "con đường xâm lược", vì đường làm đến đâu thì chính quyền và đồn bốt địch mọc lên đến đó.

Trải qua hàng chục năm mà đường 14 chỉ mới mở được đến Đăk Tô, cách thị xã Kon Tum về phía Bắc độ 50 km. Vì bắt đầu từ đó trở lên phía Bắc triền núi ngày càng cao, địa hình hiểm trở. Lên đến đây núi Ngọc Linh đã cao tới gần 2.598m. Đó là dãy núi đá lớn sừng sững ở phía Bắc Đăk Tô, chân núi tỏa rộng ra bốn phía, phía Bắc và phía

Đông chạy đến Quảng Nam, Quảng Ngãi. Phía Tây chạy qua đất Lào, phía Nam chạy tới Bắc Đăk Tô. Vùng núi Ngọc Linh này rất hiểm trở, núi cao, rừng già. Cây cối cao to rậm rạp chưa có dấu vết khai thác của con người. Nhiều dãy cao đến hàng trăm mét, thân cây 2-3 người ôm chưa khít tay. Núi cao tạo nên nhiều khe suối sâu, thác hiểm, ghềnh đá gồ ghề. Từ năm 1930 về trước, đường ấy không thể làm tiếp. Nó trở thành con đường cụt, từ Đăk Tô trở lên chỉ còn là một con đường mòn, nhỏ hẹp, chỉ có ngựa mới có thể len lỏi được. Đoạn đường nhỏ nằm về phía Tây núi Ngọc Linh có chỗ gần biên giới Việt - Lào. Trong mùa mưa, đất núi đổ lở, có khi sạt cả một khúc núi. Khó khăn ấy địch không thể khắc phục được vì lúc đó chưa có cơ giới hỗ trợ. Sức người với dụng cụ thô sơ thì không bao giờ làm xong con đường ấy. Bởi vì mùa khô năm nay nếu làm được một đoạn thì đến mùa mưa đất sỏi lại trôi dạt hết, cỏ cây lại mọc um tùm như cũ.

Bên cạnh những khó khăn về điều kiện tự nhiên còn một khó khăn mà thực dân Pháp không khắc phục được: đó là vấn đề nhân công. Người Kinh thì xa xôi, không ai chịu lên chốn rừng thiêng nước độc. Bắt phu người Thượng thì họ chống, họ trốn vào rừng. Những khó khăn đó bọn thống trị đã biết rõ. Do đó nên sẵn tù chính trị chúng dự định đưa lên đây và cho đó là một “đặc sách”.

Trước khi đưa tù chính trị lên, bọn thống trị ở Kon Tum đã tuyên truyền, nhồi sọ cho đội lính canh như sau: *"... Bọn tù này mai sắp đưa lên cho các anh canh giữ là bọn tù người Kinh xấu nhất, nó lười biếng không muốn làm ăn, chỉ muốn ăn cướp của người khác về ăn. Bọn tù*

này thù ghét người dân tộc. Vì vậy quan Tây ở dưới miền xuôi bắt phạt nặng và đưa lên đây. Quan Tây cho lính được tự do đánh tù. Muốn đánh khi nào thì đánh tùy thích. Khi muốn bắn giết tù, quan Tây cũng không ngăn cấm. Lính phải bắt tù làm việc luôn luôn, không cho tù nghỉ tay. Vì chúng nó là người làm biếng, ăn mà không làm. Quan Tây cấm lính không được gần gũi tù, phải đứng cách xa tù 1-2 mét. Tay phải luôn luôn cầm gậy cầm roi. Phải nhớ và phải làm đúng những điều quan đã dặn...”¹ Cứ mỗi buổi đi làm, bọn cai đội lại phải căn dặn lính đầy đủ những điều như trên.

Với âm mưu thâm độc, với chính sách như trên, cộng với công việc lao dịch nặng nề, lại phải làm việc dưới sự cai quản của bọn lính đã được huấn thị kỹ càng như trên, tính mạng của người tù chính trị coi như đã được định đoạt. Sau khi các công việc chuẩn bị đã hoàn tất, thực dân Pháp nhanh chóng đưa tù chính trị lên Kon Tum.

Từ tháng 1-1931 đến tháng 4-1931, có ba đoàn tù chính trị Cộng sản nữa từ nhà lao Vinh, Hà Tĩnh, Nha Trang lần lượt đày lên Kon Tum, nâng tổng số tù lên 295 người. Tất cả số tù chính trị này bị thực dân Pháp đưa ngay lên Đăk Pao (ĐăkGlei) để làm đường. Trên đường dài hàng trăm cây số, đoàn tù chính trị phải leo đèo, vượt suối, đi bộ nhiều ngày, mang nặng tư trang, dụng cụ, lại bị đòn liên miên của bọn lính. Người tù nào yếu đau nặng không đi nổi, chúng bắn chết dọc đường.

¹ Hồ sơ lý lịch di tích Nhà ngục Kon Tum, tài liệu đã dẫn, trang 19.

Thực dân Pháp đã thực hiện một cách triệt để cái gọi là lấy nhân công mở đường và tiêu diệt người Cộng sản. Chúng đã biến con đường 14 trở thành “con đường máu”, là “mồ chôn” của những tù chính trị. Công việc trên công trường làm đường rất nặng nhọc, tù nhân làm lụng quần quật, dầm mưa, dãi nắng, đầu không nón, không tấm che mưa, mỗi ngày lao động không dưới 10 tiếng đồng hồ, buổi trưa không được nghỉ ngơi, buổi tối không nghỉ đủ giấc, chân trong cùm, ăn uống kham khổ, đói khát. Vì điều kiện sống và lao động như thế nên tù nhân kiệt sức, bệnh tật nhiều, thuốc thang không có, còn bị bọn lính đánh đập tàn nhẫn. Ngoài những đánh đập thông thường hàng ngày, bọn lính còn bày ra những trò chơi man rợ để giết hại anh em tù. Do đó, số tù nhân chết ngày một nhiều. Từ tháng 12-1930 đến tháng 5-1931, chỉ trong 6 tháng làm đoạn đường dài 15 km từ Đăk Pao đi Đăk Pék đã có tới 150 người trong số 295 người tù chính trị đã bị chết một cách thê thảm, số còn lại chỉ là da bọc xương. Đoạn đường này được những người tù ví như địa ngục trần gian.

Tháng 6-1931, mùa mưa đến, thực dân Pháp đưa tù chính trị về thị xã để giam giữ và lao động khổ sai tại đó. Đồng bào thị xã Kon Tum đã được chứng kiến tận mắt cảnh tượng tù chính trị đi làm đường trở về. Hình ảnh những người tù như những thây ma là một tang chứng hùng hồn về tội ác của thực dân Pháp, đã tác động sâu sắc đến lòng yêu nước, yêu giống nòi của đồng bào Kon Tum. Cũng trong tháng 6-1931, thực dân Pháp lần lượt đưa các tù chính trị khác từ Huế và Quy Nhơn lên - đây là những cán bộ đảng viên cốt cán, đã từng tham gia các tổ chức tiền

thân của Đảng, và tham dự các lớp tập huấn, huấn luyện ở Quảng Châu về..., nâng tổng số tù nhân bị giam tại ngục Kon Tum là 200 người.

2. Đồng chí Trương Quang Trọng và tư tưởng “Cách mạng là lưu huyết, có lưu huyết mới chặn bót bàn tay tàn bạo của kẻ thù và cuối cùng mới giành được thắng lợi”

2.1. Tiểu sử đồng chí Trương Quang Trọng

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh năm 1906, người làng Phú Nhơn, nay thuộc phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi. Năm 1923, Trương Quang Trọng thi đậu Cao đẳng Tiểu học ở Huế; trong thời gian theo học Trường thuốc (Cao đẳng Y Dược) Hà Nội đã tham gia các phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu, để tang Phan Chu Trinh và là thành viên của tổ chức Phục Việt. Bị địch theo dõi, ông trở về quê bắt liên lạc với Hồ Độ, Nguyễn Bút, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Lê Trọng Kha thành lập tổ chức Phục Việt (sau đổi tên là Tân Việt) Quảng Ngãi. Tổ chức này đa số là trí thức nho học tiến bộ và thanh niên tân học.

Mùa hè năm 1927, sau khi tiếp thu nội dung chương trình, điều lệ của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, những bài giảng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tập hợp trong cuốn “Đường cách mệnh”, Trương Quang Trọng cùng những thanh niên tiến bộ của Đảng Tân Việt Quảng Ngãi như Hồ Độ, Nguyễn Nghiêm... thống nhất gia nhập vào Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, sau đó Trương Quang Trọng được bầu làm Bí thư Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi.

Tháng 5-1929, đồng chí đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên tại Hương Cảng (Quảng Châu, Trung Quốc). Đến cuối tháng 7-1929, Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi thành lập chi bộ “Dự bị Cộng sản”, làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi. Đây là bước trực tiếp chuẩn bị thành lập tổ chức Cộng sản chính thức ở Quảng Ngãi để hòa nhập vào xu hướng thành lập một Đảng Cộng sản thống nhất trong cả nước. Từ hạ tuần tháng 8 đến giữa tháng 10-1929, đa số hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh đều bị bắt, trong đó có đồng chí Trương Quang Trọng. Ở trong tù, mặc dù phải chịu bao cực hình, đau đớn nhưng đồng chí vẫn giữ vững khí tiết cách mạng.

Sau khi bị địch kết án 9 năm tù và đày lên ngục Kon Tum, đồng chí Trương Quang Trọng vẫn tiếp tục lãnh đạo anh em đấu tranh, phản đối những luật lệ hà khắc của nhà tù và kiên quyết chống địch bắt tù chính trị đi lao động khổ sai.

2.2. Tư tưởng “Cách mạng là lưu huyết, có lưu huyết mới chặn bót bàn tay tàn bạo của kẻ thù và cuối cùng mới giành được thắng lợi”

Tính đến tháng 11-1931, kể cả số tù sống sót ở Đăk Pét, Đăk Pao đưa về, cộng với số tù từ các tỉnh dưới đồng bằng Pháp đưa lên sau, tổng cộng số tù tại nhà lao Kon Tum đã lên đến gần 300 người. Số tù đó chúng chia ra: Những người án tù 5 năm trở lên bị giam giữ tại Lao Ngoài, chờ kết thúc mùa mưa trở lại Đăk Pék. Số tù có mức án 5 năm trở xuống chúng giam giữ tại Lao Trong. Những người giam giữ tại Lao Trong đã có phần an tâm chờ ngày được tha,

không lo sợ phải đi Đăk Pao, Đăk Pék lần thứ hai nữa.

Còn số anh em ở Lao Ngoài, ngoài gần 100 anh em từ Đăk Pék, Đăk Tao trở về, cộng với số mới lên trong các đợt sau đã lên đến gần 300 người. Những người tù từ Đăk Pék thì đã hiểu rõ những cơ cực, chết chóc tại công trường này, còn số mới lên, mắt nhìn thấy những bạn tù bị đọa đày tàn nhẫn chỉ còn là những thầy ma da bọc xương, tai nghe những tội ác dã man của thực dân Pháp và bọn lính tại Đăk Pék, tất cả đều hết sức căm giận. Mọi người cả cũ và mới đều biết rằng Đăk Pék đang chờ họ. Trong họ đều có suy nghĩ phải làm gì đây để cứu mạng sống cho ta và cho đồng đội, không thể để kẻ địch cứ thảo nhiên tàn sát anh em mình như vậy.

Trong 6 tháng trời làm việc ở Kon Tum, anh em Lao Ngoài tuy bên ngoài tỏ ra trầm tĩnh nhẫn nại làm việc, nhưng bên trong đã ngấm ngấm chuẩn bị tổ chức đấu tranh, kiên quyết chống lại việc đưa đi làm đường Đăk Pék lần hai, dù phải chấp nhận có hy sinh, tổn thất.

Muốn tiến hành đấu tranh thắng lợi, những người tù chính trị đã xác định: Phải có một đội ngũ thống nhất và quyết tâm cao; phải có kế hoạch chu đáo bởi vì cuộc đấu tranh này không những đòi thực dân Pháp phải bãi bỏ chế độ giết người dã man, đánh đập, hành hạ đối với tù chính trị, chuyển sang chế độ biệt đãi mà còn có ý nghĩa chống lại âm mưu chiến lược tiêu diệt dần mòn những người cộng sản của thực dân Pháp. Và một khi chúng ta đã đấu tranh không khoan nhượng như vậy, thì chắc chắn kẻ địch sẽ phản ứng điên cuồng, chúng sẽ đàn áp thẳng tay. Chính vì vậy, yêu cầu cấp thiết đặt ra phải có một đội ngũ đoàn kết

và thống nhất, có ban lãnh đạo, có bộ phận chỉ huy cuộc đấu tranh, chứ không thể đấu tranh một cách tự phát được. Trên cơ sở đã quán triệt tư tưởng như trên, ban lãnh đạo cuộc đấu tranh ở Lao Ngoài đã hình thành. Đồng chí Trương Quang Trọng (số tù 303) đảm nhận trách nhiệm xây dựng nội bộ, tư tưởng, tổ chức và là thành viên của đội quyết tử tự nguyện hy sinh thân mình cho cuộc chiến đấu thắng lợi.

Mang theo tâm huyết: “Cách mạng phải vừa có chủ trương, vừa có tổ chức, chủ trương đã có người đi tìm, còn tổ chức thì ta phải lo liệu. Sau này, hai cái đó ráp lại sẽ thành việc lớn”¹, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng bằng khí tiết, niềm tin, lý tưởng cách mạng, đồng chí Trương Quang Trọng cùng một số đồng chí khác đã tuyên truyền, vận động thông qua các cuộc nói chuyện trực tiếp với các anh em về các bản tuyên ngôn và yêu sách của tù chính trị, đấu tranh từ thâm lặng đến công khai, trực diện không khoan nhượng với địch nhằm giành lại quyền sống, quyền tự do: “Mình chỉ có một trái tim và hai tay không, lại đang nằm trong tù ngục. Lấy tinh thần và đổ máu ra để chọi lại súng gươm của kẻ thù thì mới ngăn được tội ác man rợ của chúng”².

Trong cuộc chiến đó “Phải lưu huyết mới chặn bàn tay tội ác của kẻ thù... phải vận động anh em nhất loạt đấu tranh chống việc đi Đắc Tô, Đắc Pék. Địch nhất định khủng bố. Ta cần phải tổ chức nhiều bộ phận xung kích, trung

¹ Trích *Sao sáng sông Trà*, tài liệu đã dẫn, trang 171.

² Trích *Sao sáng sông Trà*, tài liệu đã dẫn, trang 180.

phong và lập hậu, vừa ngăn mũi súng của kẻ thù, vừa làm reo, vừa tuyệt thực bãi âm, tới khi nào đạt được yêu sách”¹.

Sau khi bàn bạc nhất trí, Ban lãnh đạo đấu tranh được thành lập, do đồng chí Trọng làm chỉ huy trưởng. Kế hoạch đấu tranh được phổ biến cho toàn thể tù nhân khắp các trại ở lao trong và lao ngoài.

Công tác tư tưởng đã góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết và ý chí đấu tranh của anh em tù chính trị. Với tinh thần đó, trong trường hợp phải đối phó với kẻ thù, dù biết trước một điều chắc chắn rằng cuộc chiến này sẽ có tổn thất, có hy sinh: “Trên đường đời chúng ta không phải là không hy vọng sống, nhưng vì đã đến bước cùng, ta cần phải hy sinh ít nhiều người, để mưu sự sống cho toàn thể anh em. Trước cái chết, ta không nhường lại cho ai được nữa. Ta phải nhận lấy, vui lòng nhận lấy để cho sau khi ta chết rồi, họa may mấy trăm anh em mới còn phương sống”².

Và ngày không ai chờ đợi đã đến gần. Đầu tháng 12-1931, anh em được tin cho biết địch đang chuẩn bị đưa tù lên Đăk Pék lần thứ hai một cách bí mật. Đứng trước cái chết đang đón đợi phía trước, những người tù chính trị đã phải tìm cho mình một con đường sống. Dù họ biết rằng, con đường sống đó cũng có thể phải trả giá bằng chính sự sống của bản thân cũng như của anh em đồng chí.

Sáng ngày 12-12-1931, 7 giờ 30 phút ở Lao Ngoài, lính Pháp đến, chúng mở cửa nhà lao để anh em xếp hàng

¹ Trích *Sao sáng sông Trà*, tài liệu đã dẫn, trang 178.

² Trích *Hồ sơ Lý lịch di tích Nhà ngục Kon Tum*, tài liệu đã dẫn, trang 35.

theo các toán như mọi ngày. Sau khi tất cả đã xếp hàng, ngồi xong, Moulec theo danh sách đã ghi tên sẵn, lần lượt gọi từng người ra ngồi riêng một chỗ. Khi đã đủ 40 người trong danh sách, hắn ra lệnh cho các toán còn lại đi làm địa điểm mới, xa hơn địa điểm ngày thường. Một lúc sau, hắn ra lệnh cho 40 anh em này: “Trở về phòng lấy áo quần đi Đăk Pék”.

Trong số 40 đồng chí này, phần lớn là những người trong đội cảm tử và quyết tử¹. Đồng chí Trương Quang Trọng cùng các đồng chí khác chạy vào phòng giam khóa chặt cửa lại và đồng thanh hô các khẩu hiệu “Nhất định không đi Đăk Pék”, “Phản đối đi Đăk Pék”, “ Phải bãi bỏ chế độ bắt tù chính trị đi làm đường”, “Bãi bỏ chế độ đánh đập, bắt giết tù”.

Tất cả đều đồng lòng siết chặt hàng ngũ đứng trước cửa lao, không để cho binh lính xông vào lôi một ai ra. Sự quyết tâm, gan dạ của anh em tù chính trị đã khiến bọn thực dân, tay sai mất bình tĩnh và tiếp tục gieo thêm tội ác. Theo lệnh công sứ, viên đội tên Moulec cầm súng, tiến lại cửa nhà lao gọi: “Thằng tù số 299 đâu?” (số tù 229 là đồng chí Nguyễn Huy Lung). Anh em trong nhà lao đồng thanh trả lời: “Không có tù số 299! Đả đảo đi Đăk Pék”. Đồng chí Trương Quang Trọng bình tĩnh nói với toàn thể anh em: Phải giữ vững tinh thần kiên quyết đấu tranh, sẵn sàng đổ

¹ Đội cảm tử và đội quyết tử là lực lượng trung kiên của cuộc đấu tranh, là lực lượng tiên phong, xung phong tự nguyện gánh vác mọi nhiệm vụ gian khổ nhất trong cuộc đấu tranh, họ sẵn sàng hy sinh thân mình cho cuộc chiến đấu thắng lợi. Đội cảm tử và đội quyết tử đều hoàn toàn bí mật với anh em.

máu. Thà hy sinh tất cả, chứ không lùi một bước nào hết”.
Sợ kẻ thù nhả đạn vào nhà lao, nhiều anh em sẽ bị thương vong, đồng chí Trương Quang Trọng lách mọi người tiến lên hàng đầu, anh lần cục chiếc áo của người yêu tặng mặc trong người, nhìn những tên giết người, rồi chỉ vào tim mình, hét lớn “Le voici” (nó đây). Tên Moulec lập tức bóp cò, đồng chí Trọng đã anh dũng hi sinh.

Trong hồi ký "Ngục Kon Tum", Lê Văn Hiến viết về sự ngạc nhiên của mình cũng như anh em nhà Phật: "Trọng bình thường là người ôn hòa, thuần hậu, không hay nói, nhiều người đã cho Trọng như “con gái nhà lành”... thế mà khi lâm sự, trước cái chết, anh giữ thái độ rất kiên quyết, can đảm”¹.

Đồng chí Trương Quang Trọng đã nhận viên đạn đầu tiên của kẻ thù đã man khát máu. Chịu chết thay cho đồng chí của mình, đó là cử chỉ anh hùng, cao thượng, bất khuất, kiên cường, khinh thường cái chết, vì nghĩa quên thân, nêu cao khí phách của một người cộng sản. Hành động của anh đã nêu một tấm gương sáng ngời về tình đồng chí, nghĩa đồng tâm cho muôn đời con cháu mai sau.

Tinh thần: “chết để sống”, “chết một người để cứu muôn người” của đồng chí Trương Quang Trọng được thực hiện một cách chói lọi trước mặt bọn thực dân hung ác, tiếp thêm sức mạnh cho anh em quyết tâm chiến đấu, không sợ hy sinh để đòi lại quyền sống, quyền tự do, độc lập.

¹ *Sống giữa ngục tù*, tài liệu đã dẫn, trang 22.

Bản lĩnh, khí phách hiên ngang của đồng chí Trương Quang Trọng khởi xướng đi đầu cho cuộc đấu tranh lưu huyết tại Ngục Kon Tum là một sự kiện lớn, gây chấn động đối với thực dân Pháp ở ngay tại Kon Tum và toàn cõi Đông Dương, khiến cho chúng phải thay đổi chế độ đối xử với tù chính trị ở Đông Dương. Cuộc đấu tranh này đã có tiếng vang lớn trong dư luận thế giới về tự do, công lý và nhân phẩm con người, làm cho thế giới biết rõ hơn về chính sách cai trị cũng như chính sách lao tù của thực dân Pháp ở Kon Tum nói riêng và trên toàn cõi Đông Dương nói chung.

Cái chết “đỏ” của đồng chí Trương Quang Trọng và anh em tù chính trị trong nhà lao Kon Tum là bản án tố cáo bộ mặt dã man, tàn bạo của thực dân Pháp. Tuy chưa từ bỏ dã tâm giết hại tù chính trị cộng sản nhưng việc giải thể nhà đày Kon Tum là sự thừa nhận thất bại của Pháp trước tinh thần đấu tranh quyết tử của tù chính trị và nhân dân các dân tộc tỉnh Kon Tum.

Quá khứ đã khép lại, lịch sử đã sang trang nhưng những tội ác của thực dân, đế quốc đã gây ra cho dân tộc Việt Nam mãi mãi không bao giờ xóa được trong tâm trí của những người Việt Nam yêu nước. Hình ảnh đồng chí Trương Quang Trọng và những người tù chính trị đã ngã xuống vì độc lập, tự do cho đất nước, vì lý tưởng của Đảng đã đi vào lịch sử một Ngục Kon Tum kiên cường, bất khuất - một biểu tượng về lòng yêu nước, tinh thần bất khuất, kiên trung, anh dũng của những người cộng sản. Các anh đã tô thắm thêm truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của quê hương Kon Tum anh hùng.

TÁM GƯƠNG HY SINH CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG VỚI NHỮNG CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG QUẢNG NAM TRONG NHÀ NGỤC KON TUM

Lê Năng Đông*

Đồng chí Trương Quang Trọng, người con ưu tú của quê hương Quảng Ngãi, là một trong những người có công trong việc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi và tổ chức “Dự bị Cộng sản”, chuẩn bị điều kiện tiến tới thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. Cuộc đời và quá trình hoạt động cách mạng của đồng chí Trương Quang Trọng tuy ngắn, nhưng đồng chí đã để lại tám gương, khí tiết của người chiến sĩ cách mạng trong nhà tù của bọn thực dân, đế quốc. Đặc biệt, sự hy sinh anh dũng của đồng chí trước họng súng của kẻ thù đã được đồng chí Lê Văn Hiến¹ - người con xứ Quảng (Quảng Nam) ghi lại

* Phó trưởng Phòng phụ trách Phòng Văn hóa – văn nghệ, Lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam.

¹ Đồng chí Lê Văn Hiến (1904 -1997) sinh ra tại huyện Hòa Vang (nay thuộc quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng), đồng chí tham gia cách mạng từ sớm và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Chủ tịch đầu tiên của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố Đà Nẵng năm 1945, Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 02-3-1946, khi cử đồng chí Lê Văn Hiến làm Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh giới thiệu trước Quốc hội: “Ông Lê Văn Hiến là một nhà cách mạng lẫm liệt nhiều năm, mà cũng nhiều năm ở tù tội của đế quốc”. Đồng chí là tác giả phóng sự *Ngục Kon Tum*.

khá đầy đủ trong cuốn sách Ngục Kon Tum, mặt khác, gương hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng đã truyền ngọn lửa đấu tranh cho anh em tù chính trị trong nhà ngục Kon Tum.

Tấm gương kiên trung trong nhà ngục Kon Tum

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh năm 1906 tại làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, là một trí thức yêu nước. Sau khi tốt nghiệp trường Cao đẳng Tiểu học Huế, đồng chí theo học trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội, tại đây đồng chí đã tham gia các phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu và đê tang Phan Châu Trinh. Bị địch theo dõi, khủng bố nên đồng chí về quê cùng các đồng chí Hồ Độ, Nguyễn Bút, Nguyễn Nghiêm... thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi và là Bí thư đầu tiên của Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Ngãi.

Tháng 7-1929, đồng chí chủ trì thành lập Chi bộ “Dự bị cộng sản”, làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng Cộng sản Quảng Ngãi. Ngày 19-8-1929, đồng chí bị địch bắt và giam tại nhà tù Quy Nhơn, sau đó bị đày lên Kon Tum. Trong nhà tù, đồng chí Trương Quang Trọng là người đi đầu trong cuộc đấu tranh lưu huyết chống thực dân Pháp bắt tù chính trị làm đường tại Đăk Pét.

Trong thời gian này, phong trào cách mạng ở Quảng Nam cũng đã phát triển mạnh mẽ. Năm 1928, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Nam được thành lập, gồm các đồng chí Đỗ Quang, Phan Long, Phan Thêm, Nguyễn Tường, Nguyễn Thái, Thái Thị Bôi, Lê Văn

Hiển, do đồng chí Đỗ Quang làm Bí thư. Trong lúc phong trào cách mạng đang phát triển, thì tổ chức bị bẻ vỡ, đồng chí Lê Văn Hiến bị thực dân Pháp bắt giam và chuyển vào Nha Trang dưới sự giám sát trực tiếp của cơ quan mật thám Pháp. Tại đây, đồng chí Lê Văn Hiến tiếp tục hoạt động cách mạng, đến tháng 11-1930, thì thực dân Pháp phát hiện và bắt đưa đồng chí giam tại nhà ngục Kon Tum. Đến tháng 6-1931, các đồng chí Trương Quang Trọng, Hồ Độ, Lê Trọng Kha... từ nhà tù Quy Nhơn bị đày lên nhà ngục Kon Tum.

Những năm tháng sống trong nhà ngục Kon Tum, đồng chí Lê Văn Hiến và anh em tù chính trị phải chịu nhiều nỗi thống khổ, chứng kiến nhiều tội ác dã man của chế độ lao tù, trái với lời nói của bọn thực dân Pháp trước khi đày tù chính trị lên Kon Tum: “*Lên Kon Tum các anh (tù) sẽ được tự do sinh hoạt*”. Nhưng thực tế chỉ được tự do nhận những trận đòn tới tấp; được tự do nhận sự đối xử phi nhân tính của bọn cai tù. Tất cả tù nhân đến Kon Tum, trước hết là bị một trận đòn phủ đầu vô cớ, ngay sau đó là bị áp giải lên công trường làm đường 14 ở Đăk Gle¹. Vì vậy, năm 1937, đồng chí Lê Văn Hiến đã viết hồi ký *Ngục Kon Tum*, trong lời mở đầu cuốn sách với tựa đề “*Vì sao tôi xuất bản quyển Ngục Kon Tum*”, đồng chí viết: *Trái với sự mong mỏi của nhân dân Đông Dương, một số chính trị phạm còn lặn lội chịu đựng khốn khổ trong các ngục Côn*

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum tập I (1930-1975)*, Nxb Đà Nẵng, tháng 12-2006, tr.88.

Lôn, Buôn Ma Thuột, Sơn La... hơn thế nữa, một số người sau các cuộc biểu tình trong nhà lao phản đối sự ăn uống thiếu, công việc nặng, bị đánh đập nhiều, số người ấy bị tăng án một cách quá đáng... Vì những sự bất công ấy, nên ngục Kon Tum phải ra đời để cung cấp cho Toàn quyền Brévié, Tổng trưởng thuộc địa Moulet và ủy ban điều tra của Chính phủ bình dân Pháp một tài liệu”¹.

Trong hồi ký *Ngục Kon Tum*, đồng chí Lê Văn Hiến đã dành một phần trang trọng ghi lại: “Các cuộc biểu tình phản đối ở Kon Tum”, trong đó có “Cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12-12-1931” đã ghi lại khá đầy đủ cuộc đấu tranh của anh em tù chính trị phản đối đi Đắc Pék và ghi lại tấm gương hy sinh anh dũng của đồng chí Trương Quang Trọng trong cuộc đấu tranh này.

Như đã đề cập ở trên, sau một thời gian bị giam tại nhà tù Quy Nhơn, đến tháng 6-1931, đồng chí Trương Quang Trọng bị đày lên nhà ngục Kon Tum. Tại đây, đồng chí Trương Quang Trọng đã cùng với các đồng chí tù chính trị hình thành một ban lãnh đạo, gồm các đồng chí Ngô Đức Đệ, Lê Viết Lượng, Nguyễn Huy Lung, Trương Quang Trọng, Hồ Độ, Đặng Thái Thuyến. Ban lãnh đạo chung của tù nhân đã phân công đồng chí Trương Quang

¹ Bảo tàng Tổng hợp Kon Tum: *Phóng sự của Lê Văn Hiến – Ngục Kon Tum*, in lại tháng 7-2001, tr.5. Xin được nói thêm Phóng sự Ngục Kon Tum được đồng chí Lê Văn Hiến viết năm 1937, được xuất bản năm 1938, trong không khí của phong trào Mặt trận bình dân, được Hội Nhà văn Việt Nam tái bản năm 1958, sau đó được Ủy ban nhân dân thị xã Kon Tum tái bản năm 1986.

Trọng (số tù 303), Nguyễn Huy Lung (299), Hồ Độ (302) làm nhiệm vụ xây dựng nội bộ về tư tưởng và tổ chức. Đồng chí Ngô Đức Độ (357), Đặng Thái Thuyền (297) lo việc nghiên cứu kế hoạch đấu tranh, đề ra yêu sách, tuyên ngôn, soạn các bài tuyên truyền bằng tiếng phổ thông, tiếng Pháp, tiếng Ba Na, tiếng Gia Rai. Từ đó, các đồng chí đã lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh của tù chính trị, đặc biệt là cuộc đấu tranh ngày 12-12-1931.

Sự kiện đấu tranh ngày 12-12-1931 và tấm gương hy sinh anh dũng của đồng chí Trương Quang Trọng, đã được đồng chí Lê Văn Hiến ghi rất cụ thể: *“Trong lao thì nhà phạt hô to khẩu hiệu: Phản đối đi Đăk Pét, phản đối đi Đăk Pét”, rồi tất cả đều kêu nhau sắp hàng đứng trước cửa nhà lao, thái độ người nào cũng quả quyết, hăng hái không sợ chết chút nào. Người đại diện cho anh em lúc bấy giờ là Trương Quang Trọng, số hiệu 303, người Quảng Ngãi đứng hàng đầu. Thái độ của Trọng trầm tĩnh oai nghiêm và hết sức quả quyết.*

Theo lệnh công sứ, Moulec tay cầm súng sáu, vừa bước vào cửa lao vừa hỏi: Thằng 299 đâu? (Où est-il 299?).

Khi nghe kêu số hiệu của Lung, anh em nhà phạt đều la lớn: Không có, không có, không có ai hết.

Nhưng lúc ấy, Trọng đứng hàng đầu, vừa nghe Moulec kêu Lung, thì Trọng tay lần mở nút áo, phanh ngực, rồi chỉ vào ngực mà trả lời cho Moulec bằng tiếng Pháp: Le voici (nó ở đây!).

Moulec đưa thẳng súng sáu vào ngực Trọng nảy một phát vừa nói: Le voilà (nó đó).

Tiếng súng sáu vừa ra. Trọng liền ngã xuống” ...

Trọng đối với anh em hay có tính vị nể, nên trong công việc thường không được kiên quyết lắm. Thế mà khi lâm sự, trước cái chết, Trọng giữ thái độ rất quả quyết, can đảm... Khi Trọng ngã, anh em ở sau tiến lên, vừa tiến vừa hô khẩu hiệu phản đối, một tiếng súng thứ hai vừa ra, người thứ hai lại ngã, người sau lại tiến lên, hô to mấy khẩu hiệu, dũng cảm đương đầu với súng đạn”¹.

Truyền ngọn lửa đấu tranh...

Tám gương hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng và các anh em tù chính trị trong cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12-12-1931 tiếp tục truyền ngọn lửa đấu tranh cho các thế hệ cộng sản trong các nhà tù thực dân, đế quốc.

Những năm 1932 - 1935, tại Nhà ngục Kon Tum xuất hiện một tổ chức sinh hoạt văn học lấy tên là “Tao đàn Ngục thất”, do các đồng chí Ngô Đức Đệ, Hồ Tùng Mậu, Võ Trọng Bành, Trịnh Quang Xuân sáng lập. Đồng chí Trịnh Quang Xuân là người con ưu tú của quê hương Quảng Nam anh hùng. Đồng chí tham gia cách mạng năm 1926, hoạt động trong tổ chức *Việt Nam Cách mạng Thanh niên* với nhiệm vụ liên lạc và phụ trách cơ quan in

¹ Bảo tàng Tổng hợp Kon Tum: *Phóng sự của Lê Văn Hiến – Ngục Kon Tum*, sđd, tr. 65- 67.

báo và tài liệu cho tổ chức. Sau khi Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập, đồng chí trở thành một trong những đảng viên đầu tiên và làm nòng cốt cho Xứ ủy Trung kỳ.

Trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, đồng chí bị bắt khi đang điều hành tàu tại tỉnh Quảng Bình, bị chúng đưa về nhà lao Vinh, tỉnh Nghệ An, rồi sau đó bị đày lên nhà ngục Kon Tum cùng với hàng trăm tù chính trị khác.

Trong tù, ngoài đấu tranh đòi quyền lợi vật chất, ban lãnh đạo gồm Ngô Đức Độ, Trịnh Quang Xuân, Hồ Tùng Mậu, Võ Trọng Bành tổ chức phát động anh em đấu tranh đòi được đọc báo chí và trong thời gian này đã cho ra tờ “Ngọ báo” (báo đọc giữa trưa), tổ chức anh em lượm lật những thông tin trên các mẫu báo để đọc, đồng thời viết bài tuyên truyền giáo dục, củng cố tinh thần đấu tranh cho mọi người mà nhất là anh em tù thường ở chung với tù chính trị.

Sau sự kiện đấu tranh lưu huyết, một số anh em tù chính trị bị bắt đi làm đường bị chúng đưa về lao cũ, lúc bấy giờ anh em xin phép đi tu bổ mấy năm mồ, xây đắp lại tử tế hai khu mộ tập thể của tù chính trị trong cuộc đấu tranh Lưu huyết ngày 12-12-1931 và cuộc đấu tranh Tuyệt thực từ ngày 12 đến 16-12-1931. “Nhân lúc này chế độ nhà lao nói rộng, chính sách đối với nhà phạt có khá hơn, anh em mới thiết lập ra “*Tao đàn Ngục thất*” mục đích là để cùng nhau làm thơ phú. Mỗi tuần làm một bài do anh em ra đề, mà cũng do anh em lựa chọn bài nào hay thì thưởng.

Phần thưởng không có gì lạ: chỉ một vài cái bánh ú nếp, năm ba cái bánh tráng (bánh đa), bài thơ nào hay lắm, tuyệt bút lắm, thì được thêm vài ba trái chuối! Tôi (Lê Văn Hiến) còn nhớ khi “*Tao đàn Ngục thất*” mới thành lập, vừa gặp lúc xin được phép đắp mấy nấm mả của anh em bị bắn. Đắp mồ xong, về lao, anh em ra đầu đề: “*Viếng mộ liệt sĩ*” rồi mỗi người làm một bài bát cú¹.

Sự hy sinh anh dũng của đồng chí Trương Quang Trọng và anh em tù chính trị trong cuộc đấu tranh Lưu huyết ngày 12-12-1931 đã truyền nhiệt huyết, ngọn lửa đấu tranh cho đồng chí Trịnh Quang Xuân và các đồng chí Hồ Tùng Mậu, Võ Trọng Bành. Từ đó, bài thơ “*Viếng mộ liệt sĩ*” của Trịnh Quang Xuân ra đời với nội dung như sau:

*"Tám nấm, một gò, cỏ phủ xanh (quanh),
Chết vì chính nghĩa chẳng vì danh,
Từng rêu khó phủ lòng cương quyết,
Nấm đất khôn che dạ nhiệt thành,
Bạn bè trông qua gan ruột tím,
Địch thù nhớ lại mặt mày xanh,
Trước sau cũng thác thà như thế,
Mới gọi anh hùng biết tử sinh".*

¹ Bảo tàng Tổng hợp Kon Tum: *Phóng sự của Lê Văn Hiến – Ngục Kon Tum*, sđd, tr. 71.

Hình ảnh câu chữ rõ ràng, giọng thơ rắn rỏi tràn đầy khí phách của những người anh hùng như Trương Quang Trọng, Đặng Thái Huyền, Nguyễn Huy Lung, Lê Trọng Kha... khiến người đọc, người nghe suy tư lưu luyến mãi! Có lẽ vì thế, bài thơ của Trịnh Quang Xuân được chằm nhất; bài thơ của Hồ Tùng Mậu xếp thứ hai, Vũ Trọng Bành thứ ba.

Tuy cuộc đời hoạt động cách mạng không dài, nhưng đồng chí Trương Quang Trọng lại có những đóng góp hết sức to lớn cho phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi. Đồng chí là một trong những người có công tuyên truyền giác ngộ phong trào cách mạng ở địa phương, là một trong những người sáng lập và đóng góp rất quan trọng trong việc thành lập Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, thành lập Chi bộ “Dự bị Cộng sản” làm cơ sở cho việc vận động thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi vào tháng 3-1930. Mặt khác, tấm gương hy sinh dũng cảm của đồng chí Trương Quang Trọng trước họng súng của kẻ thù trong nhà ngục Kon Tum để lại tinh thần bất khuất cho các thế hệ cộng sản của cả nước nói chung, Quảng Ngãi nói riêng. Trong đó có những người cộng sản Quảng Nam như Lê Văn Hiến, Trịnh Quang Xuân tiếp tục ngọn lửa đấu tranh của đồng chí Trương Quang Trọng, chống lại chế độ thống trị hà khắc của bọn thực dân đến ngày thắng lợi cuối cùng.

NHỚ MÃI ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG¹

TS. Phạm Quang Nghị*

Nhận được thư mời của Ban Tổ chức Hội thảo khoa học cấp Quốc gia: "*Đồng chí Trương Quang Trọng - người chiến sĩ cộng sản kiên cường của quê hương núi Ấn - sông Trà*", tôi có chút băn khoăn, lo lắng về khả năng viết bài tham gia Hội thảo. Cũng đúng thôi, bởi thân thể, sự nghiệp và ảnh hưởng của nhân vật Trương Quang Trọng đến với tôi từ một nguồn tư liệu khá ít ỏi. Những gì mà tôi có được trong tay là một bức ảnh chân dung người thanh niên có gương mặt trẻ trung, thông minh, cương nghị, với đôi mắt nhìn xa xăm. Theo một số bài viết và một số nguồn tư liệu cho biết người thanh niên ấy tính tình hiền hậu, có học và rất thông minh. Và một Sơ yếu lý lịch trích ngang - xin được tạm gọi như thế - in trong Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945), trang 32, ghi tóm tắt tại chú thích (2) như sau:

"Đồng chí Trương Quang Trọng (1906 - 1931) người làng Phú Nhơn (nay là Thị trấn Sơn Tịnh). Năm 1926, đồng chí theo học năm thứ 2 trường Y Hà Nội. Sau khi tham gia phong trào học sinh đấu tranh đòi ân xá cụ

¹ Tiêu đề tham luận do Ban Biên tập đặt.

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

Phan Bội Châu (1925) và đở tang cụ Phan Châu Trinh (1926), bị địch khủng bố, đồng chí bỏ học về quê, cùng các đồng chí của mình thành lập tổ chức Việt Nam cách mạng Đảng rồi chuyển thành Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, được bầu làm Bí thư và có chân trong Kỳ bộ Trung Kỳ. Đồng chí chủ trì thành lập tổ chức "Dự bị Cộng sản" (7-1929) ở Quảng Ngãi, bị địch bắt ngày 19-8-1929, bị đày đi Kon Tum. Ở nhà lao Kon Tum, đồng chí là một trong những người cầm đầu cuộc đấu tranh lưu huyết chống thực dân Pháp bắt tù chính trị phải đi làm khổ sai quá nặng nhọc trên đường số 14. Đồng chí đã hy sinh anh dũng vào sáng ngày 12-12-1931 trước mũi súng quân thù, biểu hiện gương sáng bất khuất của người cộng sản."

Được Ban Tổ chức Hội thảo quan tâm gửi riêng, tôi đã có thêm mấy chục trang tư liệu, trong đó có những tư liệu quý giá, trích từ các cuốn sách: "Ngục Kon Tum" của Lê Văn Hiến; "Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929-1945)"; "Sống giữa ngục tù", nhiều tác giả; "Sao sáng Sông Trà" của hai tác giả Hồng Sinh - Hồng Phú. Tuy vậy, những tư liệu như thế chắc là còn ít ỏi với một người cần tìm hiểu sâu hơn về nhân vật Trương Quang Trọng. Tôi lại không có điều kiện tự mình đi khảo sát, tìm hiểu, gặp gỡ những chứng nhân, chứng tích, chắc là cũng không còn giữ lại được bao nhiêu trên mảnh đất quê hương Quảng Ngãi kiên cường, một vùng đất mà những chiến công và những sự kiện đã đi vào lịch sử. Chỉ riêng trong hai cuộc kháng

chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, chúng ta cũng có thể viết được nhiều pho sách dày.

Tôi đọc và suy ngẫm từ những trang tư liệu quý giá về đồng chí Trương Quang Trọng. Giống như khi ngắm nhìn bầu trời đầy sao, chúng ta bắt gặp những vì sao sáng hơn những ngôi sao khác, hay khi đọc những tên người, tên đất, tên sông của quê hương Quảng Ngãi gắn liền với những chiến công trong đấu tranh cách mạng, chúng ta nhớ ngay tới những danh nhân đã đi vào lịch sử. Tên tuổi của họ sống mãi cùng quê hương, đất nước; được những người đang sống và các thế hệ tiếp nối mãi mãi kính trọng, ngưỡng mộ, biết ơn.

Người thanh niên yêu nước Trương Quang Trọng là một ngôi sao, một con người như vậy.

Đọc những trang tiểu sử, tư liệu liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp Trương Quang Trọng, một lần nữa chúng ta cảm nhận sâu sắc và trân trọng biết ơn trước những hy sinh lớn lao và vô cùng oanh liệt của các bậc tiền bối yêu nước và cách mạng. Tấm gương của những con người hiên ngang, bất khuất trước đòn roi, họng súng của kẻ thù. Càng yêu nước nồng nàn, càng hiên ngang, bất khuất. Sống có lý tưởng, hy sinh vì lý tưởng. Trương Quang Trọng, người đã thể hiện một cách chói ngời những phẩm chất ấy trong quá trình hoạt động cách mạng, trong lao tù, đặc biệt là những phút giây cuối cùng tay không đối mặt với kẻ thù. Những phút giây đã hóa thành bất tử.

Đây là đoạn văn miêu tả những phút giây cuối cùng của đồng chí Trương Quang Trọng trong một cuộc đấu tranh lưu huyết trước cửa nhà lao, để rồi hình ảnh ấy mãi mãi tỏa sáng trong tâm khảm bao thế hệ:

"Ngày 12 tháng chạp cũng như các ngày thường, viên cai đội Mulec đem sổ vào, kêu nhà phật đi làm... "Không đi Đăk Pet! Không đi Đăk Pet!". Anh em đồng thanh la hét, nhất định không đi Đăk Pet. Tiếng tung hô khẩu hiệu, tiếng vỗ tay làm náo động một góc trời. Viên đội Mulec thấy nhà phật đã nổi loạn nên không dám vào lao, đứng ngoài mà hỏi:

- Chúng bay muốn gì?

- Chúng tôi nhất định không đi Đăk Pet!

...

Trong lao thì nhà phật hô to khẩu hiệu "Phản đối đi Đăk Pet! Phản đối đi Đăk Pet!", rồi tất cả đều kêu nhau sắp hàng trước cửa lao, thái độ người nào cũng quả quyết, hăng hái, không sợ chết. Người đại diện cho anh em lúc bấy giờ là Trương Quang Trọng, số hiệu 303, đứng hàng đầu. Thái độ của anh trầm tĩnh, oai nghiêm và hết sức kiên quyết.

Theo lệnh công sứ, Mulec tay cầm súng sáu, vừa bước vào cửa lao vừa hỏi:

- Thằng 229 ở đâu? (Òu est-il 229?)

Khi nghe kêu số hiệu của anh Lung, anh em nhà phật đều la lớn: Không có, không có, không có ai hết!

Nhưng lúc ấy Trọng đứng hàng đầu, vừa nghe Mulec kêu Lung thì Trọng tay lần mở nút áo, phanh ngực, rồi chỉ vào ngực trả lời cho Mulec bằng tiếng Pháp: Le voici!(Nó ở đây!)

Mulec đưa thẳng súng sáu vào ngực Trọng nẩy một phát, nói: - Le voila! (Nó đó).

Tiếng súng sáu vừa ra, Trọng liền ngã xuống!"

...

Một đoạn văn miêu tả hết sức ngắn, chân thật và sống động về cuộc đấu tranh anh dũng của những người tù Cộng sản trong hồi ký của nhà cách mạng lão thành - Cụ Lê Văn Hiến, toát lên khí phách hiên ngang, bất khuất của những con người trong tay không một tác sắt mà ý chí của họ rõ ràng là nghìn lần mạnh hơn súng đạn của quân thù. Trong đội ngũ thép gang ấy, có một người đứng đầu, mạnh mẽ, quyết liệt như một mũi tên nhắm thẳng vào kẻ địch. Đó là người thanh niên yêu nước, người Cộng sản trẻ tuổi, người con của quê hương núi Ấn - sông Trà Trương Quang Trọng. Hình ảnh lẫm liệt ấy đã trở thành biểu tượng vô cùng đáng tự hào về khí phách hiên ngang của những anh hùng, liệt sĩ, sánh cùng với những cái tên đã đi vào lịch sử: Phạm Hồng Thái, Lý Tự Trọng, Phan Đăng Lưu, Hoàng Văn Thụ, Trần Phú, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Viết Xuân, Võ Thị Sáu... và biết bao anh hùng, liệt sĩ biết tên hoặc không biết tên đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì tương lai hạnh phúc của nhân dân.

Chặng đường hoạt động cách mạng của đồng chí Trương Quang Trọng đã đi qua tuy không dài nhưng vô cùng oanh liệt. Bắt đầu từ những năm 1925 - 1926, khi đồng chí mới tròn 20 tuổi. Được gần gũi các nhà cách mạng Tôn Quang Phiệt, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Thiệu, rồi từ đó giác ngộ cách mạng, về quê hương tập hợp những thành viên cùng chung mục đích, lý tưởng trong tổ chức Công Ái xã (mùa hè năm 1926) để thành lập tổ chức Phục Việt Quảng Ngãi, tiếp đến là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi (năm 1927), rồi tổ chức "Dự bị Cộng sản" làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi (tháng 7-1929). Đến 19-8-1929 đồng chí bị địch bắt. Sau đó là những năm tháng đấu tranh kiên cường trong lao tù của thực dân Pháp. Giây phút đồng chí hy sinh đã thể hiện một cách chói sáng nhất phẩm chất kiên cường, bất khuất của người chiến sĩ cách mạng đã hiến dâng đời mình cho lý tưởng. Trước lúc hy sinh, đồng chí Trương Quang Trọng tuy chưa phải là đảng viên đứng trong tổ chức Đảng, nhưng với sự giác ngộ sâu sắc lý tưởng Cộng sản chủ nghĩa, với sự tin tưởng của những người cùng đứng trong tổ chức, cùng hoạt động, cùng sống trong lao tù..., bằng những cống hiến trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, đặc biệt, với những phút giây chói sáng lúc hy sinh, Trương Quang Trọng đã tự ghi tên mình một cách vô cùng xứng đáng vào đội ngũ của những người Cộng sản.

Hình ảnh giây phút hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng khiến chúng ta nhớ tới tấm gương của những

người anh hùng dân tộc - Trần Bình Trọng - "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc"; hay tấm gương Lê Lai trong giờ phút nguy nan đã quyết hy sinh để bảo vệ thủ lĩnh của nghĩa quân Lam Sơn - vị Chúa công Lê Lợi... Trong giây phút đối đầu với kẻ thù tàn bạo, Trương Quang Trọng đã không một chút đắn đo, do dự, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ đồng chí và anh em bạn tù. Trương Quang Trọng biết rằng mình không hy sinh thì nhiều đồng chí khác sẽ phải hy sinh.

Bài học lớn, xúc động và sâu sắc nhất chúng ta rút ra từ những trang tư liệu quý giá về đồng chí Trương Quang Trọng là bài học về tấm gương của một thanh niên giàu lòng yêu nước, sống có lý tưởng - lý tưởng cộng sản, lý tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc. Với niềm tin mãnh liệt vào lý tưởng cao đẹp ấy, Trương Quang Trọng đã sẵn sàng hiến dâng tuổi trẻ, tình yêu và cuộc sống của mình. Đó là bài học lớn đầu tiên đối với mỗi chúng ta, với hôm qua, hôm nay và mãi mãi.

Trong cuộc sống hôm nay không đòi hỏi ai đó phải chứng minh lòng trung thành với lý tưởng cách mạng và lòng yêu Tổ quốc như cách Trương Quang Trọng đã chứng minh. Nhưng những yêu cầu, đòi hỏi về lòng yêu nước, một lòng một dạ phấn đấu vì tự do, độc lập của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân vẫn luôn là một yêu cầu, đòi hỏi thường xuyên và bắt buộc đối với mỗi người Việt Nam trong mọi thời đại. Trong số những lời dạy của Bác Hồ đối với cán bộ, đảng viên, có một lời dạy bao trùm và ngăn gọn mà nếu ai thực hiện được điều đó thì cũng có thể tự cho mình là

người thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ. Đó là phải tận trung với nước, tận hiếu với dân.

Sự hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng là lời nhắc nhở cho những ai đã quên hay đang cố tình quên hãy nhớ cái giá máu xương mà dân tộc ta đã đổ xuống để giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Bài học và tấm gương hy sinh cao cả của đồng chí Trương Quang Trọng là tiếng nói bác bỏ những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận lịch sử đấu tranh vô cùng oanh liệt của dân tộc ta. Trong cuộc đấu tranh ấy những người cộng sản đã luôn luôn đi đầu và là những người quả cảm nhất.

Hơn 80 năm đã qua kể từ khi đồng chí Trương Quang Trọng ngã xuống nơi nhà ngục Kon Tum, bằng cuộc đấu tranh lâu dài, kiên cường, bất khuất của lớp lớp các thế hệ, quê hương Quảng Ngãi nói riêng và đất nước Việt Nam yêu dấu nói chung đã từ giã bóng đêm nô lệ lầm than, vươn mình bước ra ngày mới rạng ánh bình minh tự do, độc lập. Cả dân tộc đã đứng lên theo Đảng, theo cách mạng, với tinh thần thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.

Hôm nay, trên mảnh đất quê hương Quảng Ngãi anh hùng, chúng ta bồi hồi ôn lại những trang sử vàng của quê hương núi Ân - sông Trà, tưởng nhớ và biết ơn những người đã ngã xuống.

Tôi hy vọng qua cuộc hội thảo lần này, các đại biểu tham dự sẽ cung cấp thêm nhiều tư liệu về cuộc đời hoạt động của đồng chí Trương Quang Trọng; rà soát, chuẩn xác các

dấu mốc thời gian, tên gọi các tổ chức mà đồng chí Trương Quang Trọng đã tham gia. Trong một số văn bản tôi nhận được còn có sự khác nhau về những chi tiết nói trên. Ví dụ, năm sinh trong chú thích cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945) ghi năm 1905; nhiều tư liệu khác ghi năm 1906. Trường Thuốc (Cao đẳng Y Dược Hà Nội) hay là Khoa Y trường Cao đẳng Đông Dương? Thời gian học là năm 1925 hay 1926?... và một số tư liệu khác liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp của đồng chí Trương Quang Trọng.

Một nội dung có lẽ quan trọng hơn, đó là qua Hội thảo lần này chúng ta cùng nhau trao đổi, tôn vinh một cách xứng đáng nhất những phẩm chất và những cống hiến vô cùng cao đẹp của đồng chí Trương Quang Trọng. Những đóng góp máu xương của lớp người đi trước là tài sản thiêng liêng và quý báu không chỉ của mỗi gia đình, dòng họ, của Đảng bộ địa phương, mà là của toàn Đảng và cả nước. Những giá trị tinh thần ấy nhất định phải được gìn giữ và phát huy không chỉ với hôm nay mà mãi mãi về sau. Đó cũng là đạo lý, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, là chủ trương của Đảng: "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ người trồng cây". Đó cũng là nghĩa vụ và trách nhiệm của những người đang sống.

Chúng ta nhắc tới đồng chí Trương Quang Trọng với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc. Sự tưởng nhớ, noi gương một cách có ý nghĩa và thiết thực nhất trong lúc này, đúng với tâm nguyện của các anh hùng liệt sĩ là chúng ta hãy nỗ lực phấn đấu thực hiện thành công những ước mơ và lý tưởng mà các thế hệ tiền bối đã trao lại cho chúng ta.

TRƯƠNG QUANG TRỌNG

TS. Vũ Ngọc Hoàng*

Chúng ta vô cùng kính trọng và tự hào về chiến sĩ cách mạng anh hùng Trương Quang Trọng. Ông và các đồng chí của ông ngày đó đã dũng cảm hy sinh để đấu tranh cho nền độc lập dân tộc, là tấm gương sáng mãi cho muôn đời noi theo. Chính những con người ấy, qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau, đã cùng tạo nên một truyền thống dân tộc từ nhiều đời nay, để hậu thế được tự hào, được soi vào gương sáng mà học, để trưởng thành, để xứng đáng, để tiếp tục giữ nước cho muôn đời và xây dựng một quốc gia phát triển. Về sự anh hùng, tấm gương sáng và ý nghĩa sâu xa của lý tưởng và cuộc đời của Trương Quang Trọng thì nhiều tài liệu và ý kiến đã nói, đã và đang viết, đầy đủ và sâu sắc. Ở đây, trong bài này, tôi muốn nhìn từ một góc độ khác, góp phần lý giải là tại sao ngày ấy, trong hiểm nguy giữa cái sống và cái chết, đã xuất hiện rất nhiều tấm gương liêm liệt về nhân cách của những người Cộng sản chân chính như Trương Quang Trọng; trong khi đó, ngày nay, với điều kiện có chính quyền, hòa bình và thuận lợi, nhưng lại xuất hiện khá nhiều những cán bộ thoái hóa biến chất như chúng ta đã biết? và bằng cách nào để tiếp tục kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống như thời trước trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước ngày nay?

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

Như chúng ta đã biết, không chỉ một mà rất nhiều lần, dân tộc ta đã phải đương đầu với nhiều đối thủ xâm lăng, đến từ phương Bắc và phương Tây, mạnh hơn ta gấp nhiều chục lần và Việt Nam đã chiến thắng một cách anh dũng, kể cả không ít lần đã giành lại được đất nước mà trước đó đã mất vào tay quân xâm lược. Thực tế lịch sử ấy đã chứng minh một cách hùng hồn rằng, trong nền văn hóa dân tộc rất đỗi tự hào, có mặt mạnh nổi trội chủ yếu nhất của văn hóa giữ nước. Mỗi khi Tổ quốc bị lâm nguy thì hàng triệu người con nước Việt từ mọi miền đất nước, bất kể hiểm nguy và gian khó, đã tụ về dưới cờ nghĩa để cùng nhau cứu nước. Vì nghĩa lớn, họ sẵn sàng hy sinh tất cả, tài sản và tính mạng, để giành lại độc lập cho dân tộc, sự toàn vẹn của non sông. Đó là sức mạnh của lòng yêu nước, của hồn thiêng sông núi.

Sau thắng lợi vinh quang của các cuộc chiến tranh vệ quốc, Tổ quốc được bình yên, với một số triều đại thì đạt được thời kỳ thịnh trị, nhưng vẫn không bền vững, nên sau đó lại suy vong; với một số triều đại khác thì liền sau khi kháng chiến thắng lợi không lâu đã suy thoái và sụp đổ. Thời chiến tranh thì nhiều nhân tài tụ về giúp nước, sang thời hòa bình thì nhân tài thừa vắng dần trong triều chính, còn kẻ cơ hội thì chui vào sâu và nhiều trong bộ máy. Từ đó, bộ máy lãnh đạo và quản lý của đất nước yếu kém dần, rồi suy thoái nghiêm trọng, mất lòng tin và mất hiệu lực điều hành quản trị quốc gia. Tình trạng này đã lặp đi lặp lại nhiều lần trong lịch sử. Hầu hết các triều đại phong kiến Việt Nam cuối cùng đã sụp đổ là vì sự suy thoái của bộ máy lãnh đạo, kể cả những triều đại huy hoàng được dân

chúng tôn vinh. Cũng không thể chủ quan rằng thời kỳ hiện tại chúng ta đang sống chắc chắn sẽ nằm ngoài “quy luật” đó, mặc dù chúng ta không muốn vậy nhưng nếu không quyết liệt và sáng suốt trong việc chống tham nhũng, suy thoái thì tha hóa là điều không thể tránh khỏi. Trong vài năm nay, với sự lãnh đạo quyết liệt của Tổng Bí thư và Bộ Chính trị, việc chống tham nhũng ở nước ta đã có những chuyển biến rất tích cực, đang tạo dựng lại lòng tin một cách đáng kể. Tuy nhiên, vẫn còn rất chưa đủ, tình hình vẫn đang đòi hỏi phải tiếp tục mạnh mẽ, thường xuyên và kiên trì công việc chống suy thoái, đặc biệt là song song với biện pháp chống cần lưu ý hàng đầu việc đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường mạnh mẽ các giải pháp kiểm soát quyền lực, để phòng tránh các suy thoái sẽ xảy ra.

Có phải ngày trước con người ta tốt hơn bây giờ, vì dân vì nước hơn, chịu khó rèn luyện hơn? Đành rằng không thể loại bỏ nguyên nhân về tu dưỡng rèn luyện của mỗi cá nhân, nhưng cái chính, quan trọng hơn thế, là một cơ chế quản lý xã hội và các giải pháp văn hóa. Con người là sản phẩm của xã hội. Đó là đặc điểm mang bản chất người. Ngày chưa giành được độc lập, mọi người ta đã quên đi lợi ích riêng tư, tất cả đều tập trung cho lợi ích chung của dân tộc, đây là mặt mạnh của truyền thống văn hóa giữ nước. Những tháng ngày gian nan ấy, ai vào Đảng thì giống như đến gần cái chết, đứng dưới lưỡi máy chém và trước cánh cửa nhà tù, nhưng các đảng viên đã tự nguyện lựa chọn con đường hy sinh vì dân tộc. Đến khi hòa bình, độc lập, chiến tranh đã lùi xa, có quyền lực trong tay, nhiều cán bộ đã tập trung chăm lo quá mức cho cuộc sống cá nhân, ham thích tiền bạc và sự giàu sang, ham

thích chức quyền và địa vị, mỗi người đã vô tình đánh mất tự do với chính mình, họ trở thành nô lệ cho chủ nghĩa cá nhân, đó là nguyên nhân và sự bắt đầu của tha hóa. Nếu như ngày trước vào Đảng là để hy sinh thì ngày nay nhiều người vào Đảng là để được lên trưởng, phó phòng, rồi có chức có quyền, từ đó mà có bổng lộc. Vào cấp ủy để có thể làm giám đốc, làm bộ trưởng. Người ta lao vào chạy chức, chạy mua bằng mọi giá. Vậy là tính cơ hội trong tổ chức Đảng đã tăng lên. Cần quy định lại việc vào Đảng và cách sử dụng đảng viên để ngăn chặn tính cơ hội trong Đảng.

Đạo đức là vấn đề trung tâm của giá trị văn hóa, nó chỉ được bồi dưỡng, bồi đắp bằng phương pháp văn hóa, cách làm văn hóa, chứ không thể hình thành và phát triển bằng các phong trào mang tính hình thức và nặng tinh thần khẩu hiệu. Con người hiện tại không thể lãng quên những tấm gương như Trương Quang Trọng nếu họ có một tâm hồn không vô cảm, biết rung động mỗi khi nhớ tới hình ảnh của những người đã hy sinh cuộc đời, tính mạng cho nghĩa lớn. Sự sai lầm lâu ngày của các giải pháp văn hóa đã và sẽ còn làm cho tâm hồn con người ta trở nên khô cứng, cần cỗi và vô cảm trước truyền thống của dân tộc. Khi cách sống và cơ chế làm cho tính trung thực không còn thì dần dần con người ta sẽ không còn tự trọng, không biết xấu hổ và không cần liêm sỉ. Dục vọng giàu sang và quyền lực sẽ dẫn con người ta đi đến những mảnh khoe và thủ đoạn. Quyền lực không được kiểm soát tất yếu sẽ dẫn con người đến tha hóa. Sự không minh bạch, không bình đẳng và không có tự do ngôn luận là môi trường dung dưỡng cho cái xấu có nơi để ẩn nấp.

Khi mà hệ giá trị bị đảo lộn, nhân cách đáng lẽ ra phải ở vị trí trung tâm và đứng trước tiên trong hàng đầu thì lại bị đẩy dạt sang bên lề và xuống hàng thứ yếu, còn đồng tiền và quyền lực, chức tước thì lại lên ngôi, chi phối mọi mặt của cuộc sống, có thể dẫm bẹp nát đạo đức nhân cách, thì kẻ cơ hội trở thành đế vương, còn những người trung thực, luôn vì nghĩa lớn bỗng trở nên lẻ loi và bị cô đơn. Những người làm công tác xây dựng Đảng phải là những nhà văn hóa, nhà giáo dục và người nghệ sĩ chiến đấu tâm huyết vì cái đẹp của nhân cách, để cho các tổ chức của Đảng trở nên, trở lại lành mạnh và trong sáng hơn, nối tiếp truyền thống vinh quang của cha anh thừa trước. Trong một môi trường văn hóa như vậy thì có thể tin rằng sẽ xuất hiện những con người xứng đáng để tiếp nối truyền thống của cha anh.

TUỔI 25 NHỚ TUỔI 25

Nhà thơ Nguyễn Thụy Kha*

Năm 1983, tôi được tỉnh Gia Lai (lúc ấy là Gia Lai - Kon Tum) mời đi sáng tác cùng nhóm các nhạc sĩ Trần Chung, Thuận Yến, Văn Thắng, Xuân Giao, Thái Cơ, Vũ Thanh. Trong thời gian đi thâm nhập thực tế, tôi có đến thăm di tích ngục Kon Tum. Chính ở đây, lần đầu tiên tôi nghe đầy đủ về cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12-12-1931 và sự hy sinh anh dũng của 8 chiến sĩ cách mạng trong đó có người tù số 303 tên là Trương Quang Trọng (quê tại Sơn Tịnh - Quảng Ngãi) trước mũi súng của tên cai ngục Moulec (dân đảo Corse). Năm ấy ông mới 25 tuổi.

Lúc ấy, tôi mới nhớ lại rằng năm 1974 - năm tôi 25 tuổi, khi đi khảo sát tuyến đường dây trần xuyên Trường Sơn, có lần tôi đã được nghe một cán bộ dân chính quê Quảng Ngãi kể về cuộc đấu tranh lưu huyết này, trong khi nói về Trương Quang Trọng, ông còn cao hứng đọc mấy câu của người anh hùng tuấn đạo khi còn rất trẻ:

Đôi quả tim này đã kết tinh
Vì chúng nghĩa nước phải lặng thinh
Quân thù đế quốc ghê em nhỉ?
Cướp cả non sông lẫn ái tình

Câu chuyện tình cờ đã khiến tôi thấy khỏe khoắn lại, thấy hùng hực của thanh xuân đang phục hồi. Số là hồi ấy,

* Hội Nhạc sĩ Việt Nam.

sau chiến dịch Đắc Pek, có lẽ là vì quá mệt, tôi đã bị sốt rét khá nặng phải nằm ở trạm phẫu thuật khá lâu, tưởng không thể qua nổi. Nhưng do được điều trị chu đáo, tôi dần bình phục và lại bắt đầu tham gia vào công việc khảo sát xuyên rừng. Nghe thêm câu chuyện của người đã hy sinh, trong lòng tôi thấy thanh thản hơn, nhẹ nhàng hơn. Không chỉ ông mà cả những người tù chính trị khác đã vừa để lại một tấm gương yêu nước, vừa góp máu xương mình tạo nên đường 14 xuyên Trường Sơn, con đường mà đơn vị tôi đang tận dụng để đưa đường dây chiến lược đi qua. Tuổi 25 của ông đã tác động vào tuổi 25 của tôi, tăng thêm trong tôi nghị lực và nhiệt huyết dấn thân vì đất nước.

Khi đường dây được đưa tới Sở chỉ huy mặt trận Tây Nguyên để Trung ương trực tiếp chỉ đạo mở chiến dịch đánh Buôn Ma Thuột, tôi lại được điều sang làm Đội trưởng Đội Tuyên truyền văn hóa của đơn vị. Để có tiết mục cho Đội biểu diễn, tôi đã viết một ca cảnh mang tên “Đường dây - Tiếng nói con đường” trong đó có một đoạn tự sự giọng nam trung nói về những người tù cách mạng khi xưa, những người đã dâng hiến đời mình cho đường dây chiến lược xuyên qua Tây Nguyên mùa xuân 1975. Tôi còn nhớ lời ca như sau:

Những người tù
Đi trên đường mòn
Nặng nề vượt dốc cao chon von

*

Những người tù
Đã dâng hiến hết
Tình yêu và cái chết cho tương lai...

Khi viết đoạn tự sự này, tôi nhớ đến câu chuyện về Trương Quang Trọng và những chiến sĩ cách mạng ở ngục Kon Tum cũng như những gì về các ông mà tôi đã đọc qua “Ngục Kon Tum” của Lê Văn Hiến, qua bài thơ “Kèn La Vầy ở ngục Kon Tum” (có nhiều người nói là của ông Hồ Tùng Mậu). Những câu thơ chắt lọc của ông bám vào tôi bằng sự sắc sảo của chữ nghĩa, bằng sự kìm nén của cảm xúc đến tột độ, để lộ tả dần sự phi nhân của thực dân đế quốc, vừa cướp đất đai thuộc địa vừa cướp sự sống và tình yêu của người dân thuộc địa.

Đội Tuyên truyền văn hóa cùng tuổi 25 của tôi đã đi trình diễn tại nhiều nơi trên Tây Nguyên giải phóng, trong đó có thị xã Kon Tum, nơi mà sản diễn cách không xa Ngục Kon Tum. Tôi nhớ khi nam ca sĩ tự sự đoạn hát này, nhiều người xem và nghe đã không kìm nén nổi cảm xúc vỗ tay ngay khi lời hát chưa ngừng. Có gì hết sức linh thiêng truyền từ tuổi 25 của ông sang tuổi 25 của tôi.

Năm 1998, nhà điêu khắc Lê Liên để có thể hoàn thành mẫu tượng “Bất khuất” cũng đã phải đọc và nghiên ngẫm không ít những tài liệu về Ngục Kon Tum trong đó có cả Trương Quang Trọng. Anh thường chia sẻ cùng tôi, nhờ thế mà tôi càng hiểu thêm Trương Quang Trọng - một trí thức được đào tạo rất căn bản, đầy năng lực nhưng kiên quyết gạt bỏ mọi cảm dỗ trước mắt để dần thân làm cách mạng. Ngoài lòng yêu nước, có lẽ tình yêu của ông với bà Du - nữ sinh Huế đã khiến cho ông tự nguyện chọn cho mình sự hy sinh. Khi viên đạn thù bắn vào ông là khi ông đang mặc chiếc áo người yêu mang tặng. Ông ngã vào cỏ cùng câu nói mà các bạn tù truyền miệng: “Chiếc áo này

may ra chỉ bọc đống xương tàn của mình, chớ mình vị tất đã gặp lại người yêu”.

Nhân hội thảo về Trương Quang Trọng, tôi đọc rất kỹ trường ca “Hiền thánh năm 25 tuổi” và thấy rất tâm đắc. Thời đại chúng ta, đã bao người dấn thân, dâng hiến và hiến thánh, gửi lại thế hệ hôm nay sự mãnh liệt của lòng yêu nước. Kính trọng ông, tôi thử đem ghép năm sinh của ông (1906 - Bính Ngọ. Mệnh: Thiên Hà Thủy) với năm mất của ông (12-12-1931 Tân Mùi. Mệnh Lộ Bàng Thổ) thành que dịch mang tên Thủy Địa Tỷ: “Que này nói về nhóm bạn, tìm thầy. Phải cẩn thận từ lúc đầu, thành tín, trung chính, vì đạo chứ không vì lợi. Và phải để cho tự do, không nên ép buộc” (Kinh Dịch - Nguyễn Hiến Lê, trang 226). So ra với cuộc đời của ông thấy đúng quá. Với tư cách ấy, ông đã bắt tử 87 năm nay và mãi mãi. Xin viết vài dòng tưởng nhớ ông:

Sinh ra ở Quảng Ngãi
Học Huế thời ấu thơ
Thanh xuân tới Hà Nội
Học trường Bưởi, trường Y

*

Ông đã cùng bạn bè
Học làm người yêu nước
Dù thân giam lao ngục
Hồn vẫn bay ngang trời
25 tuổi tuổi đời
Thách thức trước súng đạn
Ngã xuống là hiền thánh
Tạc nên dáng anh hùng

HIỂN THÁNH NĂM 25 TUỔI

Nhà thơ Thanh Thảo

Trường ca này có nhan đề khá giản dị: “Hiển Thánh năm 25 tuổi”. Tại sao Trương Quang Trọng lại hiển Thánh? Thì đó là một câu chuyện. Nhưng trường ca bây giờ không hẳn là kể một câu chuyện, theo kiểu một trường ca cổ điển, như “Bài ca chim Chrao” của Thu Bồn, hay “Kể chuyện ăn cơm giữa sân” của Nguyễn Khắc Phục. Trường ca không kể một câu chuyện, dù bản thân nó có thể là một câu chuyện.

Năm 1981, khi nhận viết trường ca “Bùng nổ của mùa xuân” về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, tôi đã có dịp làm việc với ông Phạm Nhớ, một chuyên gia về lịch sử Đảng, ông Nhớ đã cung cấp cho tôi nhiều tài liệu giá trị, đặc biệt là tài liệu về cuộc đấu tranh lưu huyết ở ngục Kon Tum. Khi ông Phạm Nhớ nhắc đến Trương Quang Trọng, tôi nhớ ngay là trước đó đã được bố tôi kể về tấm gương hy sinh lẫm liệt của người trí thức họ Trương quê Sơn Tịnh này. Lịch sử bản thân ông Trương Quang Trọng không dài, bởi ông hy sinh năm mới 25 tuổi, nhưng cái chết của ông ở nhà ngục Kon Tum thì đặc biệt chói sáng. Vì thế trong trường ca “Bùng nổ của mùa xuân” tôi đã viết được một đoạn thơ về cái chết của Trương Quang Trọng:

*“và lòng ngục Trương Quang Trọng ngang tàng
thách thức*

và lưỡi dao Hồ Độ phóng qua cái chết

máu gào thét

máu

sáng rực trong khoảnh khắc”

Đó chính là khoảnh khắc mà “cái chết hóa thành bất tử” như một câu thơ của Tố Hữu viết về anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi. Sự hy sinh của Trương Quang Trọng, ngoài thể hiện cung cách của một anh hùng, còn đậm chất nhân văn sâu sắc. Vì ông Trọng đã hy sinh để bảo vệ danh dự của những người tù, trước một viên cai ngục hung ác nổi tiếng là “gã Moulec đảo Corse” - một tay giang hồ mafia ở một hòn đảo coi danh dự cá nhân và gia đình là tối thượng. Trương Quang Trọng còn đi xa hơn thế, khi ông hy sinh để bảo toàn danh dự của một tập thể tù nhân cách mạng. Bỏ tôi kể, khi Trương Quang Trọng hy sinh, thì câu chuyện về cái chết oanh liệt của ông đã bay tới nhà đày Buôn Ma Thuột, nơi bố tôi đang thụ án khổ sai. Câu chuyện ấy đã gây xúc động ghê gớm trong cả nhà đày Buôn Ma Thuột, và những cuộc đấu tranh của “nhà phạt” ở đây bắt đầu nổ ra với độ quyết liệt ngày càng tăng. Một người hy sinh có thể xóc dậy cả một phong trào, là như vậy. Từ nước Pháp, văn hào Romain Roland khi nghe được câu chuyện này đã mạnh mẽ tuyên bố: “Tôi khắc sự khinh bỉ của tôi vào mặt bọn đao phủ chó má ở Đông Dương”. Câu nói của Roland - một văn hào có ảnh hưởng rộng lớn không chỉ ở nước Pháp mà cả toàn châu Âu - đã khiến lương tri nước Pháp dậy sóng. Những người Pháp chân chính không thể ngờ những đồng bào mình mang danh “đi khai hóa” cho xứ Đông Dương thuộc địa lại tàn ác bất nhân như vậy với những người Việt Nam yêu nước bị tù đày. Một nước Pháp

với slogan “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” bị những hành động vô nhân đạo của thực dân Pháp thách thức nghiêm trọng về lương tâm và sự chính danh.

Trương Quang Trọng với cái chết của mình đã thành một ngòi nổ, và ông hiển Thánh trong lòng những người Việt Nam yêu nước là chuyện đương nhiên.

Có thể việc phong Thánh cho một người trần là lễ trọng của Thiên Chúa giáo, nhưng ở đây, “hiển Thánh” đã vượt ra ngoài khuôn khổ một tôn giáo, nó trở thành Đức tin của tất cả những con người lương thiện bình thường. Thiên Chúa giáo không phải là quốc giáo ở Việt Nam, nhưng nước ta từ xa xưa tới nay đã có biết bao người hiển Thánh. Hầu hết, họ là những anh hùng dân tộc, những người đặc biệt có công với dân, với nước. Nhân dân phong Thánh cho họ, chứ không phải một tôn giáo nào. Và ngày xưa, triều đình phong kiến chỉ xác nhận sự phong Thánh ấy của nhân dân bằng các sắc phong.

Đó là điều khiến tôi đặc biệt tự hào về dân tộc mình, một dân tộc không chỉ nhân nghĩa, mà còn thủy chung, có trước có sau, biết coi lòng nhớ ơn là một phẩm chất đạo đức tuyệt đẹp của con người.

Có thể trước khi Trương Quang Trọng ngã xuống trong cuộc đấu tranh lưu huyết, còn ít người biết đến ông, dù trong khoảng những năm hai mươi của thế kỷ hai mươi, thì ở Quảng Ngãi những người được học hành bài bản như Trương Quang Trọng là quá hiếm.

Trương Quang Trọng là một trí thức, dù ông chưa tốt nghiệp trường Cao đẳng Y khoa, hồi đó còn gọi là “trường

Thuốc Đông Dương”. Trước khi vào học y khoa, ông Trọng đã học ở trường Bưởi nổi tiếng, sau này được gọi là trường Chu Văn An, Hà Nội. Một người mà đường học vấn cũng như tương lai làm việc đang rộng mở sáng lạn như vậy lại chọn con đường phản kháng, con đường làm cách mạng đầy hiểm nguy, chết chóc, điều đó thật sự không đơn giản. Phải là người yêu nước, khát khao độc lập tự do cho Tổ quốc tới mức độ nào mới chấp nhận đánh đổi ghê gớm như vậy. Có điều lạ, sự lựa chọn ấy của Trương Quang Trọng diễn ra cứ như nhẹ nhàng, cứ như không một chút đắn đo. Mà nên nhớ, hồi đó ông mới 20 tuổi, cái tuổi bây giờ các cháu còn rất vô tư. 20 tuổi, đang học năm thứ hai trường Y khoa Đông Dương thì bị đuổi học vì hoạt động yêu nước. Tôi đã xem lại lịch sử hoạt động của trường Y khoa này, thời ông Trọng theo học thì số lượng sinh viên ở đây còn rất ít, và trường chỉ nhận những người đã thông thạo và có văn bằng Pháp ngữ. Như vậy, ông Trương Quang Trọng là người sử dụng tiếng Pháp rất thành thạo.

*“chính số phận đã đưa Người hiển Thánh
điều chính Người không bao giờ nghĩ đến
hiển Thánh như khóc liệt
một cột sáng vút lên
hiển Thánh như vắt kiệt
máu, đồng nghĩa hy sinh”.*

Hiển Thánh sau khi đã hy sinh hơn 80 năm, hiển Thánh trong tình yêu thương và lòng ngưỡng mộ của người

đời sau, đó chính là sự vinh danh của hậu thế với tấm gương hy sinh liêm liệt của một người trí thức hiền hậu. Tôi cứ nghĩ mãi, vì sao một người trí thức Tây học như Trương Quang Trọng lại dám làm cuộc lưu huyết khó tưởng tượng đó? Vì sao ông dám phanh ngực áo thách thức mũi súng của một viên cai ngục hung ác như thế? Vì ông biết chắc, súng sẽ nổ, và ông sẽ chết.

Trường ca “Hiên Thánh năm 25 tuổi” như một khúc tưởng niệm (Requiem) con người vĩ đại ấy, lại như một lời nhắc nhở tới những người đang sống, đặc biệt là thế hệ trẻ hôm nay. Thời thế đã khác, sự thể hiện của lòng yêu nước bây giờ cũng khác trước.

Nhưng yêu nước là một hằng số, mãi mãi không khác.

VAI TRÒ TRÍ THỨC QUẢNG NGÃI TRONG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH YÊU NƯỚC ĐẦU THẾ KỶ XX

TS. Nguyễn Diên Xương*

1. Những xác định chung

1.1. Vai trò của trí thức Việt Nam trong các phong trào đấu tranh yêu nước, chống xâm lăng mấy mươi năm đầu thế kỷ XX là một vấn đề lớn của lịch sử Việt Nam hiện đại. Nó phát lộ nhiều nghĩa lý về việc hình thành các xu hướng chính trị - văn hóa và văn hóa - chính trị khác nhau. Vấn đề ở đây chỉ là của một địa phương, nhưng vẫn có kiểu xu hướng riêng, góp phần thúc đẩy lịch sử dân tộc và địa phương tiến lên một bước.

1.2. Nghiên cứu vấn đề đặt ra, không thể không nhìn lại phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX. Cuộc kháng chiến hơn 10 năm đó, nếu thắng lợi sẽ xây dựng lại nền quân chủ, chứ chưa có thiết chế chính trị nào mới. Điều lưu ý là trong hơn 10 năm đó, lực lượng trí thức nho học có vai trò lớn, trong khi hầu như vắng bóng tướng lĩnh, quân đội triều đình. Thực tế đó cho thấy, xu hướng từ văn hóa chuyển sang chính trị rất rõ rệt. Nó nói lên sự thức nhận của tầng lớp học thức đã giúp họ đảm nhận vai trò cứu nước, cứu dân, dù đó vẫn là cuộc đấu tranh trong khuôn khổ chủ nghĩa yêu nước truyền thống.

* Trưởng khoa Xã hội, Trường Đại học Phạm Văn Đồng.

1.3. Sang thế kỷ XX, nhờ những ngoại tác, các trí thức nho học (cũ và vừa mới trưởng thành) lại tiếp tục tham gia các phong trào yêu nước theo quan điểm dân chủ tư sản cho đến những năm 1918. Về xu hướng, lớp trí thức nho học cũng chuyển từ văn hóa sang chính trị. Chung cuộc, các phong trào này thất bại, cũng có nghĩa là cứu nước bằng quan điểm dân chủ tư sản đã bất lực. Ở những năm hai mươi của thế kỷ XX đang cần có một con đường cứu nước mới.

1.4. Kế tục lớp trí thức nho học, có lớp trí thức tân học sinh ra ở đầu thế kỷ XX và trưởng thành sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Họ học văn hóa phương Tây, nhưng không cần thành đạt để phục vụ nhà nước do thực dân Pháp điều hành, vì phải lo chống xâm lăng từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường Pháp - Việt.

Về xu hướng, họ cũng được xem là đi từ văn hóa sang chính trị. Họ đã tự nguyện tham gia các phong trào yêu nước ở Trung kỳ như Hội Phục Việt, Tân Việt Đảng, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cho đến khi hợp nhất các tổ chức yêu nước... Nhìn rộng hơn, trong các phong trào này còn có hiện tượng chuyển hóa từ quan điểm dân chủ tư sản sang quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin và ở đó có một số gương mặt tiêu biểu làm *gạch nối* cho hai lớp trí thức.

1.5. *Trí thức* là khái niệm chỉ những người có học, có thể có bằng cấp cao, thấp hoặc không. Họ là những người có thể phát minh, phát kiến những kết quả khoa học kỹ thuật hoặc sáng tạo nghệ thuật. Nhưng điều cần lưu ý đối

với bậc học thức là bên cạnh các năng lực ấy, họ còn phải là người có chính kiến trước các chủ trương, đường lối của một thiết chế chính trị. Điều này tìm thấy ở lớp trí thức tân học Quảng Ngãi. Họ chưa đạt tới mức trí giả, nhưng *thức vục* của họ đủ giúp họ tự nguyện đảm nhận vai trò gánh vác lịch sử dân tộc và địa phương. Bàn về vai trò của trí thức Quảng Ngãi trong phong trào đấu tranh yêu nước đầu thế kỷ XX, nên coi trọng vai trò đó. Còn *vai trò* là khái niệm sử dụng cho nhân vật đóng vai trong kịch bản sân khấu, kịch bản film. Nó do đạo diễn chỉ định. Vai trò nói ở đây chủ yếu là *vai trò chính trị* tự nguyện của trí thức trước lịch sử dân tộc và địa phương.

II. Nội dung

1. Từ những ngoại tác...

1.1. Trào lưu khai sáng với các tên tuổi: Rousseau (1712 - 1778), Montesquieu (1689 - 1755), Voltaire (1694 - 1778) đã âm vang sang các nước thuộc địa phương Đông, nhưng gần với Việt Nam hơn là cuộc Duy Tân của Nhật Bản từ năm 1868 với Minh Trị Thiên Hoàng và Duy Tân tam kiệt: Tây Hương Long Thịnh (Saigo Takamori - 1827 - 1877), Đại Cửu Bảo Lợi Thông (Okubo Toshimichi - 1830 - 1878), Mộc Hộ Hiếu Doãn (Kido Takayoshi - 1830 - 1878). Cũng nhờ Duy Tân mà Nhật Bản thắng Nga trong chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905). Một nguồn tác động gần hơn nữa với Việt Nam là trào lưu cải lương tư sản ở Trung Hoa do Lương Khải Siêu (1873 - 1929) và Khang Hữu Vi (1858 - 1927) khởi xướng vào năm 1898 và tiếp đến là cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) của Tôn Dật Tiên.

Những ngoại tác nói trên, tuy đậm nhạt khác nhau, nhưng đã tác động, làm thức tỉnh tinh thần yêu nước, ý thức tự chủ, tự cường đối với một số quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam.

Ở Việt Nam, trước khi bước vào thế kỷ XX, phong trào Cần Vương (1885 - 1896) dù nhiều hy sinh vẫn là phong trào yêu nước “lỗi thời” theo đánh giá của các sử gia phương Tây. Tầng lớp trí thức nho học Việt Nam cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nhất là những người yêu nước, thương nòi đều phải nhận thức lại lịch sử và vận mệnh dân tộc. Ở cả ba miền Trung - Nam - Bắc đều có những tên tuổi thức thời, tiếp thu được những tư tưởng mới từ bên ngoài như miền Trung có Phan Bội Châu (1867 - 1940), trong Nam có Nguyễn An Khương (1860 - 1931), ngoài Bắc có Nguyễn Thượng Hiền (1868 - 1925). Họ là những nhân vật tiêu biểu của các vùng miền, mà tấm gương yêu nước của họ được hình dung như “một tiếng chim kêu sáng cả rừng”. Quảng Ngãi cũng là một cánh rừng như thế.

1.2. Bước sang thế kỷ XX, tinh thần yêu nước, ý thức tự chủ, tự cường ở Quảng Ngãi đã nối kết phát triển liên tục thông qua các phong trào Duy Tân (1906), phong trào Khất thuế (1908), phong trào vận động Khởi nghĩa Việt Nam Quang Phục hội (1916). Hưởng ứng các phong trào trên, bên cạnh nhân dân địa phương, còn có nhiều trí thức nho học tham gia. Vừa kết nối nối liền với lớp trí thức nho học này, ở Quảng Ngãi xuất hiện lớp trí thức tân học sinh ra từ đầu thế kỷ XX và hoạt động yêu nước vào những năm hai mươi, ba mươi của thế kỷ XX. Trong số họ, có những

người chỉ xuất hiện trong phong trào Cần Vương, rồi hy sinh; có người còn sống chuyển sang hoạt động Duy Tân, rồi hy sinh trong phong trào Khất thuế; có người đi tiếp đến khởi nghĩa Việt Nam Quang Phục hội. Có người phản bội Cần Vương như Nguyễn Thân (1854 - 1914), có người phản tỉnh quay về với nhân dân như Lê Tựu Khiết (1857 - 1908). Cũng trong số họ, có người *trở thành gạch nối* của hai lớp người, tham gia từ phong trào Duy Tân đến khi gặp chủ nghĩa Cộng sản như Trần Kỳ Phong (1872 - 1941), Nguyễn Công Phương (1888 - 1972). Họ làm quan, dạy học, bốc thuốc... sống ở hương thôn, được nhân dân tin cậy, không có điền sản lớn. Họ tự nhận thức việc “cứu quốc, hộ dân” đã đến hồi khẩn thiết. Đó là điểm chung của họ. Hầu như họ không cần rạch ròi về quan điểm cứu nước theo quân chủ hay dân chủ tư sản. Trong khởi nghĩa Việt Nam Quang Phục hội có vua Duy Tân tham gia là một hiện tượng như vậy.

Chưa có điều kiện trình bày đầy đủ, nhưng lớp trí thức nho học này còn sống sang thế kỷ XX, có thể kể những người tiêu biểu như: Lê Tựu Khiết (1857 - 1908), Nguyễn Bá Loan (1857 - 1908), Lê Đình Cẩn (1807 - 1914), Lê Ngung (1916), Nguyễn Thụy (1880 - 1916), và lớp tân học có những người tiêu biểu như: Từ Ty (1900 - 1982), Nguyễn Thiệu (1903 - 1989), Nguyễn Nghiêm (1904 - 1931), Huỳnh Tấn (1904 - 1944), Trương Quang Trọng (1906 - 1931), Phạm Văn Đồng (1906 - 2000), Trương Quang Giao (1910 - 1983), Nguyễn Năng Lự (1910 - 1944), Võ Sỹ (1910 - 1948)...

Cả hai lớp trí thức này, tuy quan điểm yêu nước, cứu dân có khác nhau, nhưng họ đều có chung một *vai trò chính trị tự nguyện*: đứng ra gánh vác chuyện quốc sự đến hồi riết nóng: chống xâm lăng, bảo vệ độc lập dân tộc.

2. Từ những nội sinh...

2.1. Như đã nói trên, vào đầu thế kỷ XX, những ngoại tác, nhất là tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây đã đến Quảng Ngãi, sau khi Đà Nẵng, Quảng Nam và các tỉnh miền Nam Trung kỳ đã tiếp nhận. Có lẽ Nguyễn Bá Loan, một trong những lãnh tụ của Cần Vương Quảng Ngãi, từ 1903 đã trở về Quảng Ngãi để gây dựng phong trào cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản sớm nhất. Tiếp đó là Lê Ngung, Trần Kỳ Phong, Nguyễn Thụy... cũng đều chuyển hoạt động yêu nước theo khuynh hướng này. Đáng trọng là có người làm quan, theo Tây, nhưng đã bỏ về với nhân dân, để theo con đường cứu nước, cứu dân như Lê Đình Cẩn, Lê Tựu Khiết. Gần như họ không coi trọng tư tưởng “trung quân ái quốc”. Đối với họ, chống Pháp để giành độc lập dân tộc là việc quan trọng hơn cả. Trong khi chưa có con đường cứu nước nào khác, họ phải tham gia Cần Vương và cả Duy Tân, Khất thủé và Việt Nam Quang Phục hội là điều có thể lý giải được. Khi tham gia Cần Vương, ta thấy họ đi theo chủ nghĩa yêu nước truyền thống với tinh thần dân tộc. Còn khi họ chuyển tiếp tham gia các phong trào ở đầu thế kỷ XX, lại cho thấy tính dân chủ, ý thức tự cường dân tộc của họ. Như vậy, vai trò trí thức nho học của họ là sự kết nối từ tình yêu nước truyền thống đến tình yêu nước có tính dân chủ, tự cường. Tình yêu nước, ý chí cứu nước ấy thật

cảm động, nhưng về bài học lịch sử, rõ ràng con đường cứu nước theo kiểu truyền thống và quan điểm dân chủ tư sản đã trở nên bất lực. Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc và địa phương Quảng Ngãi lúc bấy giờ đặt ra một yêu cầu mới: Phải thay đổi đường lối cứu nước.

2.2. Tiếp theo lớp trí thức nho học, lớp trí thức tân học Quảng Ngãi khoảng sau chiến tranh thế giới thứ nhất cũng đi vào đại lộ yêu nước của toàn dân. Họ không thuần nhất về đội ngũ, về xuất thân, về sự phức hợp trong quan điểm cứu nước, thiết nghĩ là điều không quan thiết. Giống như lớp trí thức nho học, trước hết, họ cần có chung lòng yêu nước, thương nòi, có chung ý chí chống ngoại xâm. Tuy không đều nhau về bậc học, nhưng hầu hết họ đều có học *trường nhà nước*, trường Pháp - Việt, có bằng Primaire, Thành chung hoặc Tú tài. Có người có điều kiện đã học lên bậc cao hơn ở Huế, Hà Nội như Nguyễn Thiệu, Phạm Văn Đồng, Trương Quang Trọng... Họ sinh ra, lớn lên cùng thời với các phong trào đấu tranh yêu nước như Duy Tân, Khất thuế, Việt Nam Quang Phục hội. Những tấm gương anh hùng nghĩa khí qua các phong trào nói trên có ý nghĩa giáo dục đối với họ. Lịch sử dân tộc lúc bấy giờ có tiếng vang của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga (1917); Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên (Trịnh Văn Cấn, 1917); những tin tức mới về chủ nghĩa Mác - Lê nin và hoạt động của Nguyễn Ái Quốc; hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng (1927). Sự hình thành các tổ chức yêu nước như Tân Việt Cách mạng Đảng (Phục Việt ở Vinh 1925/1928), Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1927)... Tất cả những tổ chức, phong trào ấy đã khiến họ phải suy

nghĩ, chọn lựa. Lịch sử dân tộc và địa phương còn phải dò đường, nhưng tất cả họ là nhân tố mới của lịch sử địa phương - những nhân tố sẽ có ý nghĩa trước các ngã đường khác nhau đang đặt ra.

Trước khi tìm hiểu sự chọn lựa con đường cứu nước của họ, cần bàn đến các trí thức lớp trước còn lại.

Đó là Trần Kỳ Phong, sinh năm 1872, người Bình Sơn. Ông đỗ Tú tài năm Mậu Tý (1888), là một trong những người lãnh đạo Duy Tân và Khất thuế ở Quảng Ngãi, bị thực dân Pháp cầm tù ở Côn Đảo từ 1909 đến 1921. Ở trong tù, qua nhiều thông tin chống Pháp ngoài xã hội cùng với đấu tranh chọn lựa lập trường cứu nước khác nhau với bạn tù, tư tưởng Trần Kỳ Phong có sự thay đổi. Sau khi ra tù, ông làm thuốc Bắc để qua đó hoạt động cứu nước. Ông đã thành lập tổ chức yêu nước có tên Tân Việt Đảng. Tổ chức này được phát triển nhờ bạn tù Nguyễn Đình Kiên và các đồng chí khác cho đến khi *Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi* thành lập (7-1927). Có lẽ vì tuổi cao, ông không tham gia *Cách mạng Thanh niên*, nhưng hết lòng ủng hộ tiền bạc, tạo điều kiện cho con em mình và nhiều thanh niên khác tiến hành hoạt động. Ông nói với thanh niên: “Nước ta thế tất phải hiểu chủ nghĩa ông Mã Khắc, phải làm theo Cách mạng Nga. Phải có Đảng Cộng sản dẫn đạo mới thành tựu được”. Trước khi chết, ông còn dặn học trò thân tín của mình đi theo con đường cứu nước mà Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra. Như vậy, Trần Kỳ Phong từ quan điểm yêu nước theo tinh thần dân chủ tư sản đã đến quan điểm yêu nước theo chủ nghĩa Mác.

Đó là Nguyễn Công Phương, sinh năm 1888, người Nghĩa Hành. Ông tham gia liên tục các phong trào yêu nước tại quê nhà từ 1906, 1908 đến 1916. Ông là một trong số những đồng chí tích cực hoạt động theo quan điểm Duy Tân “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Việc tổ chức “trại Lò Đò” ở xã Minh Châu, huyện Minh Long do ông phụ trách với nhiều nội dung như canh tác nông nghiệp, dạy chữ quốc ngữ, tổ chức tử thuốc chữa bệnh, tuyên truyền bỏ dần hủ tục là một chứng minh như vậy... Cũng như nhiều trí thức yêu nước, thức thời, Nguyễn Công Phương đã chuyển sang nghiên cứu tài liệu về chủ nghĩa Mác và đến năm 1927, ông tham gia vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, rồi vào Đảng Cộng sản năm 1930. Trong hồi ký của mình, ông nói: “Trước đây chưa có chủ nghĩa Mác - Lênin làm sao có thể đề ra đường lối công nông liên minh, giai cấp công nhân đóng vai trò lãnh đạo và ruộng đất cho dân cày được. Các nhà nho không thể đi trước thời đại của nước nhà lúc đó, làm được cái việc có tính chất quyết định đó được, nên thất bại bẽ tắc”. Như vậy, cũng như Trần Kỳ Phong, tuy thuộc lứa sau, Nguyễn Công Phương đã đi từ quan điểm yêu nước theo tinh thần dân chủ tư sản đến quan điểm yêu nước, cứu dân theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Việc chuyển biến quan điểm yêu nước cứu dân của các ông góp phần lý giải vì sao về sau lớp trí thức nho học đồng thuận đi chung đường với lớp trí thức tân học.

Đối với trí thức tân học, họ lớn lên trong điều kiện lịch sử dân tộc và địa phương có nhiều chuyển biến mới. Sự thất bại của các phong trào yêu nước từ đầu thế kỷ XX

đến khi họ trưởng thành “không chỉ ở cơ trời, vận nước, mà còn phụ thuộc vào những điều kiện khác nhau quan trọng hơn”. Đến thời của mình, những vận động yêu nước, cứu nước như đã nói trên đã khiến họ trăn trở, chọn đường. Trong những tiếng vang của các phong trào yêu nước như đã nói, có tiếng vang của Việt Nam Quốc dân Đảng. Lịch sử chống Pháp cho biết rằng lúc này, *Việt Nam Quốc dân Đảng* không phát triển được ở miền Trung, trong đó có Quảng Ngãi. Một trong những lý do của vấn đề là vì thế lực của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* và *Tân Việt* rất mạnh. Do vậy, sự chọn lựa con đường cứu nước của trí thức tân học Quảng Ngãi gần như không đặt vấn đề với Việt Nam Quốc dân Đảng. Theo lịch sử Việt Nam hiện đại, việc chọn lựa con đường cứu nước, cứu dân của trí thức tân học Quảng Ngãi gần như chỉ xoay quanh, kiếm tìm từ trong các phong trào đấu tranh yêu nước ở Trung kỳ.

Ở Trung kỳ bấy giờ, như đã đề cập, có các tổ chức: Hội Phục Việt (Tháng 7-1926 chuyển thành Tân Việt Cách mạng Đảng, ngày càng có xu hướng Cộng sản, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6-1925). Các tổ chức này, trong chiều sâu của nó đều có sự gắn nối một xu hướng chung là theo lập trường Cộng sản, chứ không phải chỉ riêng Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên mới đảm nhiệm việc chuyển hướng theo tổ chức Cộng sản, như có ý kiến đã nói¹. Sự lựa chọn con đường cứu nước của trí thức tân học Quảng Ngãi bắt đầu từ một *thực vực* của từng cá

¹ Xem chương I, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929 - 1945*.

nhân. Nói đến những nhân vật tiêu biểu sau đây, có thể thấy các *thực vực* của họ đã gặp gỡ nhau. Chẳng hạn: năm 1923 - 1924, khi học ở Huế, Nguyễn Thiệu đọc được sách báo nước ngoài như các tờ *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*, *Người cùng khổ...*, trong đó có nhiều bài của Nguyễn Ái Quốc nói về chủ nghĩa Cộng sản, giải phóng dân tộc. Nguyễn Thiệu kể: “lòng tôi vô cùng ngưỡng mộ, tự hào quá. Việt Nam ta cũng có người giỏi và có gan như Nguyễn Ái Quốc, thật là cừ”. Đến 1927, khi đã có liên lạc, Nguyễn Thiệu vượt biên giới sang Quảng Châu (Trung Quốc) gặp Nguyễn Ái Quốc trong lớp huấn luyện thanh niên. Tại Hà Nội, Phạm Văn Đồng cũng liên lạc được với tổ chức Thanh niên và sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện thanh niên do Nguyễn Ái Quốc giảng dạy¹. Còn Trương Quang Trọng, sau khi bị đuổi học (1926) ở Hà Nội vì tham gia phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu (1925) và đề tang cụ Phan Chu Trinh (1926), đã về Quảng Ngãi thành lập “Tỉnh bộ Đảng Tân Việt”, hoạt động theo cương lĩnh của *Việt Nam Cách mạng Thanh niên*. Đến mùa hè 1927, Nguyễn Thiệu về nước để xây dựng tổ chức Thanh niên. Nguyễn Thiệu gặp gỡ những lãnh đạo của *Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Đảng* ở Quảng Ngãi như Hồ Độ, Trương Quang Trọng và vận động chuyển tổ chức này sang gia nhập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*. Từ đó, Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi được thành lập, do Trương Quang

¹ Quảng Châu là vùng nhượng địa của nhà Thanh cho các nước phương Tây, nên các tổ chức chính trị hoạt động khá tự do. Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc huấn luyện cho Thanh niên Việt Nam đều ở đây.

Trọng làm Bí thư. Đối với Nguyễn Nghiêm thì từ năm 20 tuổi (1924), ông đã gặp nhà yêu nước Trần Kỳ Phong và được nghe vị lão thành cách mạng này nói về chủ nghĩa Cộng sản. Nguyễn Nghiêm là con trai tú tài Nguyễn Tuyên, người cha yêu nước theo con đường dân chủ tư sản, nhưng Nguyễn Nghiêm lại nghiên ngẫm chủ nghĩa Mác-Lênin từ sau khi gặp Trần Kỳ Phong. Đến 1927, Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập, ông được bầu vào Ban Chấp hành, phụ trách huyện Đức Phổ.

Tuy chưa có điều kiện trình bày hết hành trình lựa chọn con đường yêu nước, cứu dân của trí thức tân học Quảng Ngãi, nhưng qua việc gặp gỡ, tiếp nhận của các nhân vật tiêu biểu đối với chủ nghĩa Mác-Lênin nói trên, có thể nói: hoạt động của *Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi* thực sự là một luồng gió mới; là một hấp lực lớn, đã lôi cuốn trí thức tân học địa phương Quảng Ngãi cũng như nhiều tầng lớp nhân dân khác đi vào khuynh hướng cách mạng vô sản. Nó cũng chính là tiền thân trực tiếp góp phần chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản ở Quảng Ngãi (3-1930).

Ngày nay, lịch sử đã lùi xa, nhưng sự lựa chọn của họ đặt trong bối cảnh Việt Nam và Quảng Ngãi giai đoạn từ 1900 - 1930 bị khủng bố tàn độc của thực dân Pháp đối với những người yêu nước, nhất là với những người cộng sản, mới thấy hết sự hy sinh cao trọng của họ.

Không ai có thể tự chọn để mình được sinh ra, nhưng trí thức tân học Quảng Ngãi - những người học Tây, học Pháp đã chọn lựa con đường đánh giặc Pháp. Sự chọn lựa ấy hết

sức riết róng, khốc liệt, tốn nhiều máu, có nhiều hoa. Sự sống là cái quý nhất của con người, nhưng họ đã không vị kỷ, mà sống vị tha, hy sinh tất cả cho sự nghiệp cứu nước, cứu dân. Ngẫm nghiệm lại lịch sử Việt Nam và Quảng Ngãi giai đoạn này, chính họ chứ không phải tầng lớp nào khác đã dũng cảm đương đầu nhận lấy vai trò cứu dân, cứu nước về phía mình. Trong số họ, có người đi đến Cách mạng Tháng Tám 1945 và tiếp tục hoạt động, nhưng đã có nhiều người hy sinh ngay ở tuổi thanh xuân. Những tấm gương như Nguyễn Nghiêm, Trương Quang Trọng... sẽ còn gợi thức nhiều vấn đề không những về một lý tưởng chính trị có triển vọng nhất của lịch sử Việt Nam, mà còn cổ vũ cho nhiều tầng lớp yêu nước, thương nòi trong 15 năm tiếp sau đó.

III. Kết luận

1. Tìm hiểu vai trò của trí thức Quảng Ngãi trong phong trào đấu tranh đầu thế kỷ XX, trước hết, có thể thấy có hai lớp trí thức, nhưng cùng chung một tính chất của vai trò: đó là tự nguyện nhận lấy vai trò chống xâm lăng để cứu dân, cứu nước. Hai lớp trí thức đó là lớp trí thức nho học và lớp trí thức tân học. Lớp thứ nhất đã không kém hi sinh xương máu cho vai trò đó, nhưng là cứu nước theo quan điểm dân chủ tư sản, nên bất lực. Quá trình cứu nước của lớp trí thức này có khi không cần phân biệt theo quân chủ hay dân chủ tư sản.

2. Lớp trí thức tân học lại cứu nước theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, vẫn phải đổ nhiều xương máu, nhưng không bất lực, đã góp phần đẩy tiến trình lịch sử dân tộc và địa phương tiến lên một bước. Trong phong trào cứu

nước của lớp trí thức thứ hai này, còn có một số yếu nhân vốn từng cứu nước theo quan điểm dân chủ tư sản đã chuyển hóa để đi chung đường với lớp trí thức tân học.

3. Vai trò cứu nước của họ bắt đầu từ *thực vực* của từng cá nhân, nhưng đã gặp gỡ trong một đại lộ: ai cũng tự giác nhận lấy vai trò cứu nước cho mình. Lịch sử Việt Nam hiện đại cho thấy vai trò ấy đã cùng với các địa phương khác góp phần chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản. Nếu Cách mạng Tháng Tám 1945 đã chứng minh rằng quan điểm cứu nước của lớp trí thức tân học là ưu trội nhất thì vai trò cứu nước của họ là một sự chọn lựa đúng đắn, dù khốc liệt.

4. Nghiên cứu vai trò của trí thức Quảng Ngãi trong các phong trào đấu tranh đầu thế kỷ XX còn phát lộ các xu hướng lập thân của trí thức Việt Nam. Lịch sử cho thấy có trường hợp từ hoạt động chính trị đã chuyển sang hoạt động văn hóa như Phan Khôi (1887 - 1959)¹, Đào Duy Anh (1904 - 1988)². Dĩ nhiên, hoạt động văn hóa, phát triển văn hóa dân tộc cũng là một con đường cứu nước không kém quan trọng. Tuy nhiên, do bạo lực chính trị mãnh liệt, nên việc chọn lựa chính trị có ý nghĩa tích cực hơn. Nhiều trí thức nho học và tân học Quảng Ngãi đầu thế kỷ XX đã chọn xu hướng từ học văn hóa, hoạt động văn hóa sang hoạt động chính trị - đó là vấn đề *chọn đường* của họ, đồng thời cũng là của trí thức Việt Nam.

¹ Phan Khôi ở Quảng Nam, từng hoạt động phong trào Duy Tân từ 1906, sau chuyển sang viết báo, viết văn, nghiên cứu Việt Ngữ.

² Đào Duy Anh ở Hà Tây, Hà Nội, từng là Bí thư Tân Việt Cách mạng Đảng, bị Pháp bắt năm 1929, sau đó chuyển sang làm văn hóa, sử học.

THỂ HỆ THANH NIÊN QUẢNG NGÃI PHÁT HUY TINH THẦN ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỞNG QUANG TRỌNG TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Tỉnh đoàn Quảng Ngãi

Đồng chí Trương Quang Trọng sinh năm 1906, người làng Phú Nhơn (nay là thôn Liên Hiệp, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi). Năm 1927, sau khi tiếp thu chương trình, điều lệ của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, những bài giảng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tập hợp trong cuốn “Đường cách mệnh”, đồng chí Trương Quang Trọng đã được giác ngộ cách mạng và hoạt động trong phong trào yêu nước, cùng những thanh niên tiên bộ gia nhập vào Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên; đồng thời thành lập chi bộ “Dự bị Cộng sản” làm nhiệm vụ vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi. Tháng 10 năm 1929, đồng chí Trương Quang Trọng bị địch bắt kết án 9 năm tù và đày lên ngục Kon Tum. Ở trong tù, mặc dù phải chịu bao cực hình, đau đớn nhưng đồng chí vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, tiếp tục lãnh đạo anh em đấu tranh, phản đối những luật lệ hà khắc của nhà tù và kiên quyết chống địch bắt tù chính trị đi lao động khổ sai.

Trong những năm tháng hoạt động cách mạng, đồng chí Trương Quang Trọng luôn thể hiện sự mưu trí, bản lĩnh

cách mạng vững vàng, không ngại khó khăn, gian khổ, hiểm nguy. Khi bị địch bắt, tra tấn dã man, đồng chí vẫn giữ vững niềm tin sắt đá, khí tiết cách mạng kiên cường, bất khuất của người chiến sĩ Cộng sản. Ngày 12 tháng 12 năm 1931, khi tham gia phong trào đấu tranh lưu huyết của tù chính trị phản đối thực dân Pháp, đồng chí Trương Quang Trọng đã anh dũng hy sinh trên mảnh đất Kon Tum trước sự thẳng tay đàn áp của kẻ thù. Tấm gương gan dạ, kiên cường, dám hy sinh thân mình của đồng chí Trương Quang Trọng được các thế hệ ghi nhớ, kẻ thù kính nể, mãi là ngọn lửa soi đường, là động lực để lớp lớp thế hệ thanh niên Quảng Ngãi vững niềm tin đi theo con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Tiếp nối tinh thần Trương Quang Trọng, theo tiếng gọi của núi sông, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và ngọn cờ vinh quang của Đảng, được sự dìu dắt của Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà, trong 87 năm qua, tuổi trẻ Quảng Ngãi đã trở thành lực lượng nòng cốt trong các phong trào đấu tranh cách mạng, tham gia hai cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại, cùng với Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Bối cảnh lịch sử đã đổi thay, tỉnh nhà đang vươn mình mạnh mẽ trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đời sống của nhân dân trong tỉnh đang thay da đổi thịt từng ngày. Dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế nhiều trào lưu mới, giá trị mới xuất hiện làm thay đổi không ít quan niệm, giá trị, suy

nghĩ và hành động của thanh niên. Tuy nhiên, lòng yêu nước, ý chí tự cường, tự tôn dân tộc sẽ mãi không thay đổi, bởi đó là những giá trị trường tồn, là sự trao truyền từ lịch sử đấu tranh bằng máu, nước mắt của biết bao thế hệ cha anh đi trước. Nếu như trước đây, giá trị cốt lõi của lòng yêu nước đối với mỗi thanh niên là đấu tranh, xả thân, chiến đấu, sẵn sàng hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân thì ngày nay, bên cạnh những giá trị cơ bản đó, yêu nước còn là cống hiến sức trẻ, sức sáng tạo của cá nhân cho sự ổn định, phát triển của đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, tình hình trong nước và quốc tế có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc, thanh niên đang đứng trước nhiều thời cơ, nhưng cũng phải đối mặt với không ít thách thức. Tuy nhiên, tinh thần và những giá trị cơ bản trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Trương Quang Trọng vẫn luôn là ngọn đuốc đưa thế hệ trẻ Quảng Ngãi hôm nay tiến về phía trước.

Noi gương đồng chí Trương Quang Trọng, tuổi trẻ Quảng Ngãi hôm nay cần thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, bồi đắp lý tưởng, sống có trách nhiệm với gia đình, với xã hội, với đất nước; tiếp tục học tập và làm theo lời Bác thông qua những việc làm, hành động cụ thể, thiết thực hằng ngày gắn với công việc, đời sống, các mối quan hệ của mỗi bạn trẻ, qua đó góp phần hình thành lớp thanh niên thời kỳ mới có tâm trong, trí sáng, hoài bão lớn.

Noi gương đồng chí Trương Quang Trọng, chúng ta phải không ngừng củng cố, xây dựng tổ chức Đoàn vững

mạnh về tư tưởng, chính trị, về tổ chức và hành động, kiên định lý tưởng của Đảng, tăng cường sức mạnh của tổ chức, không ngừng mở rộng mặt trận tập hợp, đoàn kết thanh niên. Muốn vậy, chúng ta phải thực sự coi trọng chất lượng đoàn viên; chú trọng xây dựng những hạt nhân tiêu biểu trong tổ chức của Đoàn; xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn tâm huyết, có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ, có kỹ năng công tác, tiêu biểu về đạo đức, lối sống và tác phong công tác, là tấm gương sáng để thanh thiếu niên học tập. Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh thực sự là “trường học xã hội chủ nghĩa” của thanh niên, nơi đào tạo, rèn luyện những người cộng sản trẻ tuổi kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh cần phải chung tay xây dựng môi trường lành mạnh, để thanh niên rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành. Trong thời gian tới, các cấp bộ đoàn cần không ngừng đổi mới, phát triển và tổ chức thực hiện hiệu quả các phong trào hành động cách mạng phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, sáng tạo của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc bằng các mô hình, công trình, hoạt động cụ thể, phát huy được tài năng, trí tuệ, tinh thần xung kích, sáng tạo, tình nguyện của thanh niên; đồng thời thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của tổ chức Đoàn trong chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thanh niên; là người bạn thân thiết của thanh niên, để các phong trào hành động cách mạng của Đoàn thực sự gần gũi với thanh niên và có sức sống trong cộng đồng.

Mỗi thanh niên luôn xác định dù ở thời kỳ, giai đoạn nào cũng cần lựa chọn và kiên định lý tưởng sống cao đẹp, quyết tâm thực hiện lý tưởng ấy bằng hành động cụ thể, bằng khát vọng và ý chí vươn lên, khắc phục khó khăn, phấn đấu hết mình vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; cần thường xuyên tu dưỡng đạo đức, rèn luyện tác phong, sống nghị lực, nhân ái, trách nhiệm, có văn hóa, vì cộng đồng; đồng thời chủ động học tập từ trường lớp, từ thực tiễn, tích cực rèn luyện kỹ năng xã hội để nắm vững kiến thức, thành thạo chuyên môn, giàu sáng tạo, trở thành những công dân trẻ hữu ích trong tiến trình hội nhập và sớm đưa tỉnh ta trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

Với niềm xúc động và tự hào, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn hy vọng và tin tưởng rằng, các cấp bộ đoàn, các cán bộ đoàn và đoàn viên, thanh thiếu niên trong tỉnh noi gương đồng chí Trương Quang Trọng, với trí tuệ, sức trẻ và nhiệt huyết của tuổi thanh xuân, bằng niềm tin và lòng trung thành tuyệt đối với Đảng bộ, với nhân dân sẽ tiếp tục viết tiếp những trang sử vẻ vang của tỉnh nhà, của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh và tuổi trẻ Quảng Ngãi trong thời kỳ mới.

Tinh thần Trương Quang Trọng sống mãi trong lòng quê hương núi Án - sông Trà, trong trái tim của muôn đời các thế hệ tuổi trẻ Quảng Ngãi! Tuổi trẻ Quảng Ngãi nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng của Đảng, Bác Hồ và dân tộc đã lựa chọn!

TRƯƠNG QUANG TRỌNG - TÂM GƯƠNG SÁNG CHO CÁC THẾ HỆ NOI THEO

Ths. Lê Tiên Dũng*

“Cách mạng là lưu huyết, có lưu huyết mới chặn bớt bàn tay tàn bạo của kẻ thù và cuối cùng mới giành được thắng lợi”.

Lời nói ấy của người Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi, người đảng viên cộng sản lớp đầu tiên, người chiến sĩ xung kích kiên cường trong cuộc đấu tranh tại ngục Kon Tum còn ngân vang mãi trong tâm trí đồng bào, đồng chí chúng ta.

Trương Quang Trọng sinh năm 1906 tại làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh (nay thuộc phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi. Phía trước nhà ông là núi “Long Đầu hý thủy” và xa hơn một chút là “Thiên Ân niêm hà”; phía nam là sông Trà Khúc; nếu xuôi thuyền về biển thì gặp “Cổ Lũy cô thôn” - một vùng đất có những cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, đã để lại ấn tượng không phai mờ trong người thanh niên Trương Quang Trọng khi phải xa gia đình, quê hương học tập và công tác cách mạng.

Vẻ đẹp của quê hương núi Ân sông Trà đã gieo vào tâm hồn chàng trai trẻ một tình yêu tha thiết và truyền thống đấu tranh quật cường của cha ông ta cũng đã nâng đôi cánh

* Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

chim bằng bao ước mơ cháy bỏng. Trương Quang Trọng sinh ra trong một gia đình khá giả, nho học, nhưng ông cũng đã được thụ huấn một nền giáo dục Tây học cơ bản. Năm 1923, ông thi đậu Cao đẳng Tiểu học ở Huế, học Ban Thành chung; tại đây, ông cùng một số thanh niên cùng chí hướng như Phạm Văn Đồng, Nguyễn Thiệu... thành lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ, có xu hướng tiên bộ, yêu nước.

Năm 1925, ông ra Hà Nội học Trường Bưởi rồi thi đỗ vào khoa Y Trường Cao đẳng Đông Dương. Thời gian học ở Huế cũng như ở Hà Nội, ông đã nghe những thông tin về Cách mạng Tháng Mười Nga và những thành công vang dội của cuộc cách mạng này làm rung chuyển thế giới. Ông cũng biết Nguyễn Ái Quốc đã tham gia Đảng Cộng sản Pháp và viết ra nhiều tác phẩm nổi tiếng; và biết Nguyễn Ái Quốc gây dựng một tổ chức cách mạng mang tên “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên”... Ông từng tiếp xúc với nhà cách mạng Tôn Quang Phiệt và gia nhập Hội Phục Việt. Năm 1926, Trương Quang Trọng cùng Phạm Văn Đồng và một số bạn bè khác tham gia phong trào đòi đề tang cụ Phan Chu Trinh; đòi ân xá cụ Phan Bội Châu nên bị đuổi học. Từ đó, ông được tiếp xúc với nhiều tư tưởng tiên bộ, nâng cao ý thức dân tộc và tinh thần yêu nước, ông càng căm ghét bọn đế quốc thực dân, phong kiến.

Mùa hè năm 1926, trở về Quảng Ngãi, ông tập hợp các thành viên Công Ái xã (do Nguyễn Thiệu và một số chí sĩ gây dựng) như Hồ Độ, Nguyễn Bút, Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Lê Trọng Kha, thành lập tổ chức Phục Việt Quảng Ngãi. Tổ chức này đa số là trí thức nho học tiên bộ và thanh niên tân học. Năm 1927, sau khi Nguyễn Thiệu

(đại diện Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên, phụ trách Trung kỳ) về làm việc với Phục Việt Quảng Ngãi; ông và các đồng chí chuyển hướng hoạt động, thành lập Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên của tỉnh, do đồng chí Trương Quang Trọng làm Bí thư.

Vào năm 1927, Trương Quang Trọng được tổ chức cử đi dự lớp tập huấn của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 5-1929, đồng chí được cử làm đại biểu của Tỉnh bộ Quảng Ngãi dự Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Hồng Kông. Sau khi về nước, cuối tháng 7-1929, Trương Quang Trọng tập hợp các đồng chí tích cực trong Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại núi Xương Rồng (huyện Đức Phổ) thành lập tổ chức “Dự bị Cộng sản”, làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi.

Những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Ngãi đã khiến chính quyền thực dân Pháp chú ý. Từ hạ tuần tháng 8 đến giữa tháng 10-1929, hầu hết hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Ngãi đều bị bắt. Trương Quang Trọng cũng bị chính quyền thực dân Pháp bắt giữ vào ngày 19-8-1929 cùng với hơn 20 đồng chí khác. Sau một thời gian bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi, đồng chí bị tòa án thực dân kết án 9 năm khổ sai, 4 năm quản thúc. Đầu năm 1931, đồng chí Trọng cùng một số tù chính trị khác bị chuyển vào lao Quy Nhơn, đến tháng 6-1931 bị đày lên ngục Kon Tum.

Cuối năm 1931, cai ngục Pháp dự định buộc các tù chính trị ở Kon Tum đi lao động khổ sai làm đường ở Đắc

Pék. Bấy giờ, ở đây vẫn còn là nơi rừng thiêng nước độc, lam sơn chướng khí, ông cùng một số đồng chí như Đặng Thái Huyền, Nguyễn Huy Lung, Nguyễn Long, Lê Trọng Kha,... quyết định đấu tranh phản kháng. Cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12-12-1931 đã nổ ra, khi tên đội Moulec hỏi ai là người chỉ huy? Đồng chí Trương Quang Trọng đã nêu cao khí phách, dũng cảm bước lên hàng đầu, phanh áo và chỉ thẳng vào ngực nói: “Le voici”. Đồng chí liền bị Moulec bắn thẳng vào ngực và đồng chí đã hi sinh cùng với 7 đồng chí khác.

Tấm gương sáng của ông được Lê Văn Hiến viết trong quyển “Ngục Kon Tum” như sau: “Không đi Đăk Pét! Không đi Đăk Pét!”. Anh em đồng thanh la hét, nhất định không đi Đăk Pét. Tiếng tung hô khẩu hiệu, tiếng vỗ tay làm náo động một góc trời. Viên đội Moulec thấy nhà phạt đã nổi loạn nên không dám vào lao, đứng ngoài cửa mà hỏi:

- Chúng bay muốn gì? Chúng tôi nhất định không đi Đăk Pét! – Nhà phạt trả lời (...)... Những câu trả lời đó là do anh Nguyễn Lung, số hiệu 299 nói ra một cách rất cương quyết. Lung một mặt trả lời cho Moulec, một mặt hô to các khẩu hiệu để cổ vũ anh em quyết tâm tranh đấu...”.

Trong lao thì nhà phạt hô to khẩu hiệu “Phản đối đi Đăk Pét! Phản đối đi Đăk Pét!”, rồi tất cả đều kêu nhau sắp hàng đứng trước cửa lao, thái độ người nào cũng quả quyết, hăng hái, không sợ chết. Người đại diện cho anh em lúc bấy giờ là Trương Quang Trọng, số hiệu 303, đứng hàng đầu. Thái độ của Trọng trầm tĩnh oai nghiêm và hết sức quả quyết.

Theo lệnh Công sứ, Moulec tay cầm súng sáu, vừa bước vào cửa lao vừa hỏi: - Thằng 299 ở đâu? (Où est-il 299?).... Thái độ của chúng tên nào cũng hung hăng, dữ tợn như một bầy lang sói.

Khi nghe kêu số hiệu của Lung, anh em nhà phật đều la lớn: Không có, không có, không có ai hết!

Nhưng lúc ấy Trọng đứng hàng đầu, vừa nghe Moulec kêu Lung thì Trọng tay lần mở nút áo, phanh ngực, rồi chỉ vào ngực mà trả lời cho Moulec bằng tiếng Pháp: - Le voici! (Nó ở đây!).

Moulec đưa thẳng súng sáu vào ngực Trọng nảy một phát, nói: - Le voilà! (Nó đó!).

Tiếng súng sáu vừa bắn ra, Trọng ôm ngực thét lớn “Đả đảo lũ giết người”, “Đả đảo quân cướp nước!”, “anh ngã xuống!”, những đồng chí phía sau xóc tới. Người trước ngã xuống thì người sau xông lên... Cuộc đấu tranh lưu huyết vẫn tiếp diễn... Trương Quang Trọng hi sinh khi vừa tròn 25 tuổi.

Trương Quang Trọng - Người chiến sĩ cách mạng, Người “sĩ phu Cộng sản”, Người Bí thư Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, mang trong mình dòng máu Lạc Hồng, kiên trung, bất khuất, khinh thường cái chết, vì nghĩa quên thân, vì dân phục vụ đã hi sinh anh dũng. Ông chính là người ngã xuống đầu tiên trước mũi súng của thực dân Pháp vào sáng ngày 12-12-1931. Trước những hành động khảng khái ấy của các chí sĩ cách mạng lúc ấy, buộc cai ngục Pháp phải nhượng bộ, hủy bỏ việc bắt tù nhân đi làm đường. Tấm gương gan dạ, kiên cường, dám

hy sinh thân mình của đồng chí Trương Quang Trọng được các thế hệ ghi nhớ, kẻ thù khiếp sợ.

Thi thể Trương Quang Trọng được chôn cất tạm thời ở nhà ngục Kon Tum. Đến năm 1938, được đồng chí Đỗ Minh Châu - bạn chiến đấu với ông, sau khi mãn hạn tù đã cùng gia đình ông lên Kon Tum bốc mộ và tìm thấy viên đạn còn nằm trong ngục di hài. Gia đình đã đưa di hài ông về an táng trong mảnh đất của họ tộc (thuộc phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi ngày nay.

Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Trương Quang Trọng tuy ngắn ngủi nhưng là một tấm gương sáng ngời, một tinh thần bất diệt về con đường đấu tranh cách mạng của các thế hệ thanh niên Việt Nam. Là thế hệ đầu tiên đấu tranh trực diện và hi sinh trước mũi súng của thực dân Pháp. Đồng chí chính là biểu tượng cho tinh thần yêu nước, lạc quan cách mạng, khát vọng đấu tranh giải phóng dân tộc, cho độc lập tự do của Tổ quốc. Tấm gương hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng và biết bao đồng chí tại ngục Kon Tum khi Đảng ta còn trong trứng nước luôn sáng mãi với sử xanh. Hồn họ đã nhập vào hồn thiêng của đất nước và để lại tấm gương Cộng sản sáng ngời với lòng kiên trung bất khuất “Vì Đảng quên thân” cho các thế hệ mai sau ghi nhớ và noi theo.

Ngày nay, tại thành phố Kon Tum, con đường dẫn vào Khu Di tích lịch sử Ngục Kon Tum mang tên Trương Quang Trọng. Ở thành phố Quảng Ngãi - quê hương của đồng chí cũng có đặt tên đường Trương Quang Trọng; phường Trương Quang Trọng, trường THCS Trương Quang Trọng.

Noi gương Trương Quang Trọng, lớp lớp thanh niên cả nước nói chung, thanh niên Quảng Ngãi nói riêng sớm giác ngộ lí tưởng cách mạng; sẵn sàng cống hiến tuổi thanh xuân của mình cho quê hương, đất nước. Tiếp nối truyền thống ấy, họ đã làm nên cuộc khởi nghĩa Ba Tư 11-3-1945 lịch sử; thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi ngày 28-8-1959; Chiến thắng Ba Gia ngày 31-5-1965; Chiến thắng Vạn Tường ngày 18-8-1965 và Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968..., buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, công nhận độc lập chủ quyền của Việt Nam. Liên tiếp lập những chiến công hiển hách và có ý nghĩa quyết định làm thay đổi so sánh lực lượng, cục diện trên chiến trường có lợi cho ta. Do đó, đến ngày 24-3-1975, tỉnh Quảng Ngãi hoàn toàn giải phóng, góp phần chung vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào ngày 30-4-1975, đưa cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nếu như lý tưởng thanh niên trong thời kỳ kháng chiến là “*Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*”, thì ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, mỗi thanh niên phải xác định cho mình lý tưởng cách mạng đúng đắn. Để có lý tưởng cách mạng đúng đắn, mỗi thanh niên phải không ngừng rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức; không ngừng trau dồi tri thức khoa học xã hội, biến tri thức nhân loại thành tri thức của bản thân nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của thời đại mới; sống có hoài bão, lý tưởng cách mạng đúng đắn và có những hành động cụ thể để biến những điều đó thành hiện thực. Muốn vậy, thanh niên Việt

Nam thời kỳ mới cần hướng tới mục tiêu có “*Tâm trong*”, “*Trí sáng*”, “*Hoài bão lớn*”.

Noi gương liệt sỹ Trương Quang Trọng, trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, tuổi trẻ Việt Nam nói chung và tuổi trẻ Quảng Ngãi nguyện là lực lượng xung kích đi đầu trong học tập, xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. Từ những phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”, “Thi đua, tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, thanh niên tiếp tục phát huy hai phong trào lớn: “Xung kích phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ Tổ quốc” và “Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”, đóng góp quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của các địa phương, đơn vị. Trong thực tiễn hoạt động, đang xuất hiện ngày càng nhiều những tập thể, cá nhân tiêu biểu đi đầu trong các lĩnh vực học tập, lao động sản xuất, chiến đấu; sáng tạo trong khoa học công nghệ và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội... được các cấp, ngành, địa phương, đơn vị biểu dương, tôn vinh, nhân rộng.

Đồng chí Trương Quang Trọng - Người chiến sỹ Cộng sản kiên cường của quê hương núi Ân - sông Trà nêu cao tinh thần bất khuất, chí khí anh hùng, lẫm liệt trước kẻ thù và hy sinh vô cùng anh dũng. Cả cuộc đời, đồng chí cống hiến hết mình cho cách mạng, chết hòa vào lòng đất mẹ kết nối mạch nguồn linh khí quốc gia. Quảng Ngãi nơi Người sinh ra là địa chỉ đỏ giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ các thời kỳ. Trương Quang Trọng - tấm gương người anh hùng trẻ tuổi sáng ngời phẩm chất đạo đức cách mạng cho các thế hệ thanh niên Quảng Ngãi nói riêng và thanh niên Việt Nam nói chung học tập và noi theo.

MỐI QUAN HỆ CỦA TỔ CHỨC VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN QUẢNG NGÃI VỚI NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN HOÀI NHƠN, BÌNH ĐỊNH 1928 – 1931

Phạm Đình Đôn*

Bình Định và Quảng Ngãi là hai tỉnh có mối quan hệ mật thiết cả về địa lý và lịch sử. Đảng bộ, quân và dân hai tỉnh luôn đoàn kết gắn bó với nhau trong các thời kỳ cách mạng. Từ cuối năm 1926, tại Bình Định sau một thời gian tích cực đi tìm các tổ chức cách mạng ở nhiều nơi như Quy Nhơn, Huế, Vinh, Nam Định, Sài Gòn, một lớp thanh niên ưu tú giác ngộ cách mạng tìm bắt liên lạc với tổ chức cộng sản ở Trung kỳ và Nam kỳ, với mục đích gây dựng phong trào, tìm con đường giải phóng dân tộc, giải phóng quê hương. Đầu năm 1927, một số thanh niên yêu nước Bình Định bắt liên lạc với các tổ chức Đảng ở Huế, Vinh, Nam Định, Sài Gòn, trong số lớp thanh niên ưu tú đó có đồng chí Nguyễn Trân đã liên lạc được với Kỳ bộ Việt Nam Thanh niên đồng chí hội Nam kỳ tại Sài Gòn. Tháng 02-1928, Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Nam kỳ phái đồng chí Phan Trọng Quảng (bí danh là Phụ) - người học cùng khóa với đồng chí Trần Phú tại Quảng Châu (tháng 8 đến tháng 11 năm 1926), đến Cửu Lợi giúp địa phương lập tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

* Phó Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử tỉnh Bình Định.

Chi hội lúc đó gọi là chi bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên đầu tiên của Bình Định được thành lập tại thôn Cửu Lợi (nhà đồng chí Tôn Chất). Buổi đầu thành lập, chi hội Thanh niên Cửu Lợi gồm 3 đồng chí: Nguyễn Trân, Tôn Chất và Huỳnh Triếp, đồng chí Nguyễn Trân làm Bí thư. Khoảng giữa năm 1928, chi hội Thanh niên Cửu Lợi được đồng chí Nguyễn Thiệu đại diện cho Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Trung kỳ công nhận¹.

Khoảng tháng 3-1928, một lớp thanh niên yêu nước tiến bộ Hoài Nhơn như Nguyễn Cúc, Nguyễn Phán, Huỳnh Triếp, Đinh Duyệt, Tôn Chất, Nguyễn Ngang... được kết nạp vào tổ chức Thanh niên và bí mật sinh hoạt. *Lúc này ở Quảng Ngãi có đồng chí Hồ Độ, Nguyễn Nghiêm, Nguyễn Bá Diệm là những thanh niên yêu nước có tư tưởng tiến bộ, các đồng chí này thường hay vào Bồng Sơn để liên lạc với thanh niên Hoài Nhơn để trao đổi tin tức và phong trào cách mạng trong nước. Theo Hồi ký của đồng chí Đoàn Tính, trong thời gian này đồng chí đã dạy võ cho đồng chí Nguyễn Bá Diệm để đồng chí Diệm về dạy lại cho anh em Quảng Ngãi².*

Sau khi được công nhận là tổ chức Thanh niên, đồng chí Nguyễn Trân với cương vị là Bí thư cùng với các đảng viên của chi bộ Cửu Lợi đã nhanh chóng phát triển các chi hội ở một số địa phương trong huyện như: An Đỗ (Hoài Sơn), Tài Lương (Hoài Thanh). *Công ty Kim Thạch ở Sa Huỳnh, một hãng buôn do một số người Hoài Nhơn và Sa Huỳnh lập năm*

¹ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1930 -1945), tập I, tr. 32.

² Trước đây, thanh niên Hoài Nhơn thường mời thầy võ ở An Nhơn ra dạy. Thời gian này, đồng chí Đoàn Tính được học võ nên có ít vốn liếng về võ nghệ.

1927 (tại Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi) được chọn làm nơi liên lạc bí mật của tổ chức Việt Nam cách mạng Thanh niên¹.

Từ Cửu Lợi, An Đỗ và Tài Lương, cơ sở Thanh niên đã nhanh chóng lan ra hầu khắp các thôn trong toàn huyện như: Hy Văn, Tường Sơn, Chương Hòa, Châu Đê, Huân Công, Dĩnh Thạnh, An Thái, Đại Hóa, Cự Tài. Cự Lễ, Hội Phú, Tấn Thạnh, Thanh Xuân, Trung Lương... Theo hồi ký của đồng chí Nguyễn Cúc, một trong những thành viên của Việt Nam cách mạng Thanh niên Hoài Nhơn khẳng định rằng, đồng chí được kết nạp làm hội viên thanh niên từ đầu năm 1928, tại nhà đồng chí Tôn Chất (thôn Cửu Lợi, Tam Quan Nam), *lúc kết nạp có hai đồng chí ở Đức Phổ hay Mộ Đức vào, một anh tên là Diệm. Anh này khi vào trong tù gặp lại tôi mới hỏi kỹ và biết được tên của anh. Trong thời gian này, tổ chức Thanh niên cách mạng của Hoài Nhơn liên hệ với Quảng Ngãi. Đồng chí Nguyễn Trân trực tiếp với đồng chí Nguyễn Nghiêm. Đồng chí Nguyễn Nghiêm thường vào trong này họp và tôi có gặp².*

Đến cuối 1929, số hội viên Thanh niên Hoài Nhơn khoảng 40 đồng chí và hàng trăm quần chúng: Nông dân, phụ nữ... Khoảng giữa năm 1928, tổ chức Thanh niên Hoài Nhơn chính thức nối liên lạc được với Kỳ bộ Trung kỳ và

¹ Công ty Kim Thạch ở Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) không phải là hiệu buôn mà chỉ làm nơi liên lạc giữa Tổ chức Thanh niên Bình Định và Tổ chức Thanh niên Quảng Ngãi. Theo Hồi ký của đồng chí Đoàn Tính, Thanh niên Hoài Nhơn lúc bấy giờ, viết ngày 17-6-1970 tại Hà Nội, trang 01. Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Định.

² Hồi ký của đồng chí Nguyễn Cúc, ngày 25-6-1968 tại Hà Nội. Tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (nay là Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), trang 3.

Tỉnh hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi¹, đến cuối năm 1928, chỉ sau một thời gian ngắn kể từ sau khi thành lập, tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Hoài Nhơn đã phát triển thành hệ thống từ làng đến huyện.

Cuối năm 1928, theo chủ trương của Tổng bộ và nhằm thống nhất chỉ đạo phong trào Tân Việt trong khu vực, Ban liên tỉnh Tứ Định của Tân Việt Cách mạng Đảng được thành lập (gồm Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Kon Tum) do đồng chí Ngô Đức Đệ làm Bí thư. Đến cuối năm 1929, nếu tính cả số đảng viên các tỉnh khác đến, Bình Định có khoảng 20 đảng viên Tân Việt và mấy chục hội viên phản đế trong quần chúng. Được tiếp thu chủ nghĩa Mác- Lênin và những nét rất sơ lược về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc do đồng chí Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, từ năm 1928, phong trào yêu nước Bình Định đã có những bước đi ban đầu đúng đắn, tiến kịp với xu thế chung của đất nước và thời đại. Qua thực tiễn đấu tranh, lớp chiến sĩ cách mạng đầu tiên được đào tạo và tập hợp làm nòng cốt cho phong trào cách mạng tỉnh nhà trong thời kỳ mới. Đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ kiểu mới bắt đầu giành được những vị trí có ý nghĩa quyết định trên mặt trận chính trị, tư tưởng trong phong trào yêu nước Bình Định.

Giữa năm 1929, đồng chí Huỳnh Triếp, một hội viên của Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hoài Nhơn được cử dự Đại hội Thanh niên ở Hương Cảng. Đây cũng là thời gian tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi cử đồng chí Trương Quang Trọng (Quảng Ngãi) cùng đi dự Hội nghị này theo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi.

¹ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định, 1930 - 1945, tr. 33.

Theo Hồi ký của đồng chí Đoàn Tính thì quá trình chuẩn bị và đi dự Đại hội đều được chuẩn bị chu đáo, nhưng khi đồng chí Huỳnh Triếp sang đến nơi thì đại hội đã giải tán, đồng chí Huỳnh Triếp dự một lớp huấn luyện rồi trở về. Sau khi trở về, đồng chí Huỳnh Triếp thông báo về sự xuất hiện của 3 tổ chức cộng sản. Đầu năm 1930, chi bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hoài Nhơn lập ra nhóm “Ủng hộ Cộng sản”, chờ khi nào bắt liên lạc được với Đảng và xem Đảng nào chân chính thì sẽ gia nhập. Cuộc họp chi bộ Thanh niên Hoài Nhơn đã khẳng định: Đảng Cộng sản là đảng của giai cấp công nhân. Tổ chức thanh niên Hoài Nhơn phần nhiều là tiểu tư sản và học sinh, muốn trở thành cộng sản phải đi “Vô sản hóa”. Tổ chức Thanh niên Hoài Nhơn chuyển sang thành nhóm “Ủng hộ Cộng sản Đảng” và chi bộ phân công hội viên đi “Vô sản hóa”, “Lao động hóa”, mục đích là tích cực chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng bộ tỉnh, tiếp tục xây dựng cơ sở cách mạng để bắt mối Đảng, tìm cách liên lạc với tổ chức Đảng từ bên trên xuống và từ các tỉnh bạn đưa vào¹. Hội nghị đã phân công các hội viên cách mạng thanh niên đi khắp nơi, vào nhà máy, đồn điền để công nhân hóa và tìm mối Đảng².

Ở Quảng Ngãi, sau khi đồng chí Trương Quang Trọng trở về đã cùng với những người cộng sản Quảng Ngãi giải

¹ Hồi ký đồng chí Nguyễn Cúc, viết ngày 25-6-1968 tại Hà Nội, trang 5. Tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, nay là Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

² Theo sự phân công của chi bộ: Đồng chí Nguyễn Cúc vào Quy Nhơn học sửa chữa ô tô; đồng chí Nguyễn Nghĩa và Đinh Duyệt đi Nha Trang làm thợ mộc; đồng chí Tôn Chất đi đồn điền cao su Phú Riềng; đồng chí Nguyễn Trân đi Sài Gòn; các đồng chí Nguyễn Phán, Đoàn Tính, Phan Mão, Nguyễn Hoàng, Phan Sành... đi các đồn điền ở Đà Lạt.

tán tổ chức Việt Nam cách mạng Thanh niên để thành lập tổ chức cộng sản. Tháng 7-1929, Tỉnh bộ Quảng Ngãi thành lập tổ chức "Dự bị Cộng sản", làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản của tỉnh.

Trong thời gian này, chi bộ cộng sản Hoài Nhơn luôn được sự quan tâm chỉ đạo của Xứ ủy Trung kỳ, đồng chí Phan Thái Ất lúc này đang ở Quảng Ngãi đã cử các đồng chí Võ Ngọc Oanh và Nguyễn Nhâm ở Đức Phổ vào liên lạc với Hoài Nhơn.

Đầu năm 1930, một số hội viên Thanh niên Hoài Nhơn trong nhóm “*Ủng hộ Cộng sản*” đi “*Vô sản hóa*” ở Sài Gòn, đã bắt liên lạc với Đảng bộ cộng sản ở thành phố Sài Gòn. Sau khi tham gia đợt đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động (1-5), đồng chí Nguyễn Trân được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam tại Chi bộ Đảng hăng Charner vùng Đakao, tiếp sau đó đồng chí Đoàn Tính cũng được kết nạp vào Đảng tại vùng Đakao sau đợt tham gia rải truyền đơn hô hào đồng bào đứng lên đấu tranh trong dịp Quốc khánh nước Pháp (14-7).

Đầu tháng 8-1930, chi bộ Cửu Lợi (Hoài Nhơn) được thành lập. Chi bộ gồm 5 người: Nguyễn Trân, Huỳnh Triếp, Đoàn Tính, Tôn Chất và Cao Thành, đồng chí Nguyễn Trân được bầu làm Bí thư. Sau khi được hình thành, Chi bộ Cửu Lợi đã đề ra chương trình hành động của mình, tăng cường phát triển cơ sở Đảng rộng khắp trong toàn huyện. Tính từ tháng 11-1930, số đảng viên trong toàn huyện đã lên tới con số 40 người và hàng trăm hội viên tổ chức quần chúng khác được thành lập ở nhiều làng, xã.

Tháng 10-1930, chi bộ huyện Hoài Nhơn chính thức bắt liên lạc với tổ chức đảng của Xứ ủy Trung kỳ tại Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi. Tháng 12-1930, đồng chí Nguyễn Trân triệu tập họp Chi bộ kiểm điểm công tác của mấy tháng qua, về tình hình trong huyện. Hội nghị nhận thấy sự hoạt động của chi bộ vẫn lấn quẩn trong phạm vi nửa huyện Hoài Nhơn và một tổng của huyện Hoài An. Trước tình hình đó, để mở rộng phạm vi hoạt động của chi bộ, đồng chí Nguyễn Trân đề nghị thành lập Huyện ủy lâm thời gồm 7 đồng chí; bầu đồng chí Nguyễn Trân làm Bí thư Huyện ủy. Huyện ủy họp thảo luận ra Nghị quyết và phân công phụ trách: mỗi huyện ủy viên chịu trách nhiệm trong phạm vi một tổng do mình phụ trách¹. Đây là Đảng bộ cấp huyện đầu tiên của tỉnh Bình Định có số đảng viên đông nhất và có tổ chức mạnh mẽ nhất của phong trào cách mạng tỉnh nhà. Ngoài việc tăng cường củng cố tổ chức cơ sở đảng, Đảng bộ Hoài Nhơn còn phát triển xây dựng các cơ sở đảng tại một số huyện phía Nam tỉnh.

Khoảng tháng 2-1931, đồng chí Trần Cừ và Kim Tương từ Quảng Ngãi vào Quy Nhơn, sau khi làm việc với chi bộ Nhà máy Đền, đồng chí Trần Cừ trở ra Hoài Nhơn, còn đồng chí Kim Tương đi vào Phú Yên. Đồng chí Nguyễn Cúc cũng khẳng định, trong thời gian này tổ chức Thanh niên Hoài Nhơn đã bắt mối được với Đảng cấp trên và liên hệ được với Quảng Ngãi¹.

¹ Hồi ký của đồng chí Đoàn Tính, cựu Đảng viên chi bộ Cửu Lợi, Tư liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Định, bản đánh máy, tr.20.

¹ Hồi ký đồng chí Nguyễn Cúc, viết ngày 25-6-1968 tại Hà Nội, tlđd, trang 11.

Giữa năm 1931, Xứ ủy Trung kỳ chủ trương các địa phương tổ chức mít tinh và biểu tình đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống sự khủng bố của địch ở Nghệ Tĩnh và Quảng Ngãi. Thực hiện chủ trương của Xứ ủy, các hoạt động tuyên truyền đấu tranh chống địch để ủng hộ Xô Viết Nghệ Tĩnh và Quảng Ngãi diễn ra ở nhiều nơi trong tỉnh, đặc biệt là ở Hoài Nhơn phong trào có bước chuyển biến khá. Khẩu hiệu tuyên truyền: “Anh em thợ thuyền, dân cày, binh lính, học sinh đoàn kết lại đánh đổ Pháp và quân hải Nam triều binh vực anh em Nghệ Tĩnh và Quảng Ngãi” được viết nhiều nơi trong huyện. Tiếp theo đó, Huyện bộ Thanh niên Hoài Nhơn tổ chức cuộc biểu tình với quy mô lớn vào ngày 23-7-1931 tại phủ lỵ Hoài Nhơn, bị địch đưa lực lượng đàn áp dã man tại cây số 7 Tài Lương, xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn. Sau đó, địch tổ chức đàn áp và truy bắt những cốt cán của phong trào, đồng chí Trần Cừ cũng bị địch bắt.

Từ những phân tích trên, theo hồi ký của các chiến sĩ cộng sản Hoài Nhơn thời kỳ 1928 – 1931 cho thấy mối quan hệ tương tác và phối hợp giữa tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi với tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hoài Nhơn luôn gắn bó, gắn gũi và tạo những cơ sở vững chắc cho phong trào cách mạng hai tỉnh. Có thể nói rằng, Quảng Ngãi là nơi đứng chân, địa bàn hoạt động và chỉ đạo của các đồng chí trong Xứ ủy như: đồng chí Phan Trọng Quảng, Phan Thái Ất, Trần Hường,...

Năm 1927, công ty Kim Thạch - một hãng buôn do một số người Hoài Nhơn và Sa Huỳnh lập tại Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi được Xứ ủy chọn làm nơi liên lạc của hai tổ chức Thanh niên Quảng Ngãi và Hoài Nhơn. Và cũng từ những cơ sở ban đầu, tổ chức Thanh niên Hoài Nhơn đã phát triển ngày càng

đông đảo hội viên và tiến tới thành lập Huyện bộ Thanh niên Hoài Nhơn; khắp nơi trên địa bàn Hoài Nhơn đều thành lập được chi bộ thanh niên. Mối quan hệ của hai tỉnh là mối quan hệ đặc biệt trên cùng một trục giao thông đường bộ và đường sắt, việc giao lưu, thông tin về tình hình trong nước và thế giới, tình hình phong trào cách mạng của mỗi tỉnh có tác động mang tính tích cực, hỗ trợ cho nhau khi cần thiết.

Những thành viên của tổ chức thanh niên là những nòng cốt, tích cực tham gia vào các phong trào đấu tranh cách mạng của Đảng bộ Hoài Nhơn và Bình Định sau này. Đặc biệt là cuộc đấu tranh ủng hộ phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh và Quảng Ngãi của Đảng bộ và nhân dân huyện Hoài Nhơn tại cây số 7 Tài Lương tuy bị địch đàn áp dã man, nhưng đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng yêu nước. Cuộc biểu tình tuy bị đàn áp đẫm máu nhưng là một đòn tiến công bất ngờ và quyết liệt, làm rung chuyển bộ máy ngụy quyền cơ sở của thực dân phong kiến tại nhiều làng xã của huyện Hoài Nhơn và tác động đến nhiều địa phương khác trong và ngoài tỉnh; khẳng định sự lớn mạnh của tổ chức Đảng cũng như vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện Hoài Nhơn trong giai đoạn này. Đồng chí Trần Cừ với vai trò là phái viên của Xứ ủy Trung Kỳ, sau cuộc biểu tình, do địch khủng bố và đàn áp phong trào, đồng chí phải chạy về Quảng Ngãi và triệu tập các đồng chí cốt cán của Hoài Nhơn để củng cố lại phong trào. Trên đường đi Quảng Ngãi các đồng chí Đoàn Tính, Đinh Duyệt đã bị địch bắt. Xét về mặt lịch sử, hội thảo cần đánh giá đúng mức vai trò lãnh đạo của Xứ ủy Trung Kỳ cũng như các mối quan hệ giữa Đảng bộ Quảng Ngãi với Đảng bộ Hoài Nhơn, Bình Định trong chiều dài lịch sử, nhất là những năm 1928 - 1931

và làm rõ các mối quan hệ của những hội viên Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi với những hội viên Cách mạng Thanh niên Hoài Nhơn. Bởi vì, qua tư liệu hồi ký của các đồng chí chủ chốt trong thanh niên Hoài Nhơn đã khẳng định sự quan hệ đó vừa láng giềng, vừa có tính nội tại, vừa trực tiếp, vừa hỗ trợ lẫn nhau. Không thể có một sự ngẫu nhiên nào đó mà trong hoạt động của tổ chức thanh niên Hoài Nhơn lại có sự xuất hiện của thành viên tổ chức Thanh niên Quảng Ngãi như trong buổi lễ kết nạp hội viên, trong mối quan hệ của đồng chí Nguyễn Trân (Bí thư Chi bộ Cửu Lợi), đồng chí Đoàn Tính với các đồng chí Nguyễn Nghiêm, Hồ Độ, Nguyễn Bá Diện... và nhiều đồng chí khác nữa.

Qua nghiên cứu tư liệu, chúng tôi chưa phát hiện các quan hệ của đồng chí Trương Quang Trọng, với vai trò là thành viên chủ chốt của tổ chức Thanh niên cách mạng Quảng Ngãi trong lãnh đạo và chỉ đạo các hoạt động ở Bình Định. Tuy nhiên, qua phân tích các quan hệ giữa tổ chức thanh niên Quảng Ngãi và tổ chức thanh niên Hoài Nhơn giai đoạn này đã góp phần khẳng định vai trò nòng cốt của đồng chí và những người cộng sản Quảng Ngãi đã phát huy tinh thần đoàn kết, “chung lưng đấu cật” để xây dựng phong trào cách mạng tỉnh nhà, hỗ trợ tích cực cho phong trào cách mạng Hoài Nhơn, Bình Định. Đồng thời, những hoạt động của thanh niên Hoài Nhơn và tổ chức Đảng Hoài Nhơn luôn được sự chia sẻ của những người cộng sản Quảng Ngãi. Điều đó được khẳng định trong tiến trình lịch sử của cách mạng Việt Nam, trong khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.



Di tích Ngục Kon Tum



Tranh sơn dầu tái hiện cảnh tên đội Moulec bắn đồng chí Trương Quang Trọng trong cuộc đấu tranh Lưu huyết ngày 12-12-1931 tại nhà lao Kon Tum



*Hai ngôi mộ chôn chung trong các cuộc đấu tranh
Lưu huyết và Tuyệt thực tại nhà lao Kon Tum*



*Tuổi trẻ Quảng Ngãi dâng hương tưởng niệm đồng chí
Trương Quang Trọng*

**KẾT LUẬN HỘI THẢO KHOA HỌC
"ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG QUANG TRỌNG,
NGƯỜI CHIẾN SĨ CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG
CỦA QUÊ HƯƠNG NÚI ẤN - SÔNG TRÀ"**

PGS.TS Nguyễn Duy Bắc*

Kính thưa đồng chí Lê Viết Chử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi!

Kính thưa đồng chí Nguyễn Văn Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Kon Tum!

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Kon Tum!

Kính thưa các nhà khoa học, các bạn đồng nghiệp!

Kính thưa bác Trương Quang Minh, cháu ruột của đồng chí Trương Quang Trọng!

Kính thưa quý vị đại biểu tham dự Hội thảo!

Sau gần 4 giờ làm việc tích cực, khẩn trương, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội thảo khoa học "Đồng chí Trương Quang Trọng, người chiến sĩ cộng sản kiên cường của quê hương núi Ấn - sông Trà" đã hoàn thành tốt mục đích, yêu cầu, nội dung đề ra.

* Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được gần 30 bài viết từ các vị lão thành cách mạng, nhân chứng lịch sử, các nhà khoa học thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Đại học Huế, Tạp chí Văn Hiến, các vị lãnh đạo, nguyên lãnh đạo, các nhà nghiên cứu thuộc các tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Kon Tum, Bình Định và Quảng Nam. Điều đó cho thấy việc tìm hiểu thân thế, cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Trương Quang Trọng đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và của đông đảo các nhà khoa học và giới nghiên cứu lịch sử.

Hội thảo đã nghe 10 báo cáo tham luận, tập trung làm rõ 3 nội dung chính:

Thứ nhất: Dấu ấn của quê hương, gia đình trong việc hình thành, nuôi dưỡng và phát huy tinh thần yêu nước của đồng chí Trương Quang Trọng và sự tri ân của quê hương núi Ấn, sông Trà và của Kon Tum đối với đồng chí.

Thứ hai: Sự nghiệp cách mạng và những đóng góp của đồng chí Trương Quang Trọng cho phong trào cách mạng giai đoạn 1925 - 1931.

Thứ ba: Tinh thần đấu tranh kiên cường, sự hy sinh anh dũng của đồng chí Trương Quang Trọng tại nhà ngục Kon Tum.

Một là, các tham luận đã cho thấy: Quê hương Quảng Ngãi là cái nôi hun đúc nên tâm hồn, bản lĩnh và khí phách của người thanh niên yêu nước, người chiến sĩ cộng sản Trương Quang Trọng. Tâm hồn, khí phách hiên ngang của

Trương Quang Trọng cũng là tâm hồn, khí phách của những người chiến sĩ cách mạng Quảng Ngãi cùng thời với ông, như Phạm Văn Đồng, Nguyễn Thiệu, Nguyễn Nghiêm và rất nhiều người khác. Đất thiêng núi Ấn sông Trà đã hun đúc nên Trương Quang Trọng và những con người có tâm hồn cao rộng, có bầu nhiệt huyết nóng hổi để góp phần làm nên lịch sử vẻ vang của quê hương, đất nước. Và quê hương, đất nước luôn ghi nhớ và tôn vinh tấm gương hy sinh anh dũng của đồng chí Trương Quang Trọng. Tỉnh Quảng Ngãi đã đặt tên phường, đường phố và trường học mang tên đồng chí. Tỉnh Kon Tum đã đặt tên đường Trương Quang Trọng.

Hai là, Hội thảo cũng thống nhất đánh giá về vai trò và những đóng góp to lớn của đồng chí Trương Quang Trọng trên các cương vị khác nhau. Với những hoạt động tích cực của mình, đồng chí là một trong những người sáng lập Hội Học sinh Ái hữu Trung kỳ - nơi tập hợp những thanh niên yêu nước cùng chí hướng, một tổ chức có xu hướng yêu nước, tiến bộ.

Với tư cách là thành viên của Hội Phục Việt, mùa hè năm 1926, đồng chí Trương Quang Trọng cùng với các thành viên trong tổ chức Công Ái xã đã thành lập tổ chức Phục Việt Quảng Ngãi, Tân Việt cách mạng Đảng, tập hợp đa số trí thức nho học tiến bộ và những thanh niên tân học trở về Quảng Ngãi hoạt động.

Tháng 6-1925, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam. Tại Quảng Ngãi, phong

trào yêu nước cũng phát triển sôi nổi, đường lối cứu nước theo xu hướng cách mạng vô sản của Việt Nam Cách mạng Thanh niên bắt đầu ảnh hưởng và lôi cuốn đông đảo các thanh niên trí thức mới. Đồng chí Trương Quang Trọng và các thành viên tiên bộ trong Phục Việt Quảng Ngãi sau nhiều lần được nghe giảng về con đường cứu nước của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, về tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng tiếp nhận và chuyển hướng tư tưởng giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản. Do vậy, đồng chí Trương Quang Trọng đã cùng với các trí thức yêu nước nhanh chóng thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi và được tổ chức tín nhiệm bầu làm Bí thư Tỉnh bộ, lãnh đạo phong trào cách mạng Quảng Ngãi bước sang giai đoạn phát triển mới. Đây là sự kiện đánh dấu bước phát triển quan trọng của phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi.

Đặc biệt, nhiều ý kiến trong Hội thảo thống nhất đánh giá công lao đóng góp to lớn của đồng chí Trương Quang Trọng trong việc tổ chức, thành lập tổ chức "dự bị cộng sản" đầu tiên của Quảng Ngãi, chuẩn bị những điều kiện chín muồi cho việc thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi vào đầu năm 1930. Các ý kiến tham luận tại Hội thảo khẳng định đồng chí Trương Quang Trọng là một trong những thanh niên trí thức tiên bộ, giữ vai trò chủ yếu trong việc xây dựng tổ chức tiền thân của Đảng bộ Quảng Ngãi. Với sự hoạt động tích cực của ông cùng các đồng chí của mình, chủ nghĩa Mác - Lê nin đã được xác lập trong nhận thức chính trị, tư tưởng. Đóng góp của ông với sự thành lập Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh

niên, tổ chức "dự bị cộng sản", các hoạt động thúc đẩy dẫn đến kết quả tất yếu thành lập Đảng bộ Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi, đánh dấu mốc quan trọng trong phong trào cách mạng trong tỉnh cũng như bước phát triển của phong trào cách mạng đất nước.

Ba là, các báo cáo tham luận đều có chung nhận định, đánh giá cao tinh thần cách mạng triệt để và tâm gương gan dạ, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh của đồng chí Trương Quang Trọng tại nhà ngục Kon Tum.

Ngày 19-8-1929, đồng chí Trương Quang Trọng bị chính quyền thực dân bắt giữ và kết án 9 năm tù khổ sai, 4 năm quản thúc. Đầu năm 1931, đồng chí cùng một số tù nhân bị chuyển vào nhà lao Quy Nhơn, đến tháng 6-1931 bị đày lên Ngục Kon Tum. Ở trong tù, mặc dù phải chịu bao cực hình, đau đớn nhưng đồng chí vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, cùng với các tù nhân giữ vững tinh thần, bảo vệ số đồng chí còn lại bên ngoài hoạt động. Đặc biệt, ngày 12-12-1931, khi cai ngục truy bức người tù đi lao động khổ sai, đồng chí Trương Quang Trọng đã dũng cảm đứng ra nhận trách nhiệm và bị cai ngục Pháp bắn chết khi mới vừa tròn 25 tuổi. Hành động hiên ngang đứng trước họng súng của kẻ thù, nhận chết thay cho bạn của đồng chí đã nêu cao tấm gương bất tử, sáng ngời về tình đồng chí, đồng đội. Đó là một hành động hy sinh cao cả, không những làm cho bọn thực dân Pháp và tay sai khiếp sợ, buộc phải nhượng bộ, sau đó, bãi bỏ vĩnh viễn Ngục Kon Tum, mà còn là tấm gương sáng cho các thế hệ hôm nay và mai sau học tập, rèn luyện về khí tiết

người cộng sản để cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

Kính thưa các quý vị đại biểu!

Hội thảo hôm nay đã tạo nên dấu ấn quan trọng trong quá trình nghiên cứu về thân thế, sự nghiệp của đồng chí Trương Quang Trọng - một trong những đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. Hội thảo đã tập hợp những bài viết, tư liệu, hình ảnh quý về cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Trương Quang Trọng, đồng thời cũng đặt ra các hướng tiếp cận mới về nhân vật lịch sử này thông qua những chuyện kể của gia đình đến những tài liệu lưu trữ của Pháp... Từ đó, có thêm cơ sở để nhìn nhận, đánh giá khách quan, khoa học và sâu sắc hơn về vị trí, vai trò cũng như những đóng góp quan trọng của đồng chí Trương Quang Trọng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung và quê hương Quảng Ngãi nói riêng. Qua Hội thảo, cũng gợi mở nhiều vấn đề đòi hỏi các nhà khoa học cần tiếp tục đào sâu nghiên cứu theo hướng tiếp cận mới: trước hết cần chính xác hóa các tài liệu đã được công bố về đồng chí Trương Quang Trọng (năm sinh; quá trình học tập và những hoạt động của đồng chí trong thời gian học ở Huế, ở Hà Nội; quá trình rèn luyện ở Quảng Châu (1927), dự hội nghị thanh niên ở Hương Cảng (1929), quá trình hoạt động cách mạng ở quê hương Quảng Ngãi (1927 - 1931) và vai trò của đồng chí Trương Quang Trọng trong Ban lãnh đạo đấu tranh tại Ngục Kon Tum... Có thể thấy việc thu thập thêm tư liệu về đồng chí Trương Quang Trọng là

một nhiệm vụ quan trọng, cần phải được nhìn nhận và tiến hành một cách nghiêm túc.

Kính thưa toàn thể các đồng chí!

Thay mặt Đoàn Chủ trì Hội thảo "*Đồng chí Trương Quang Trọng, người chiến sĩ cộng sản kiên cường của quê hương núi Ấn - sông Trà*", tôi xin trân trọng cảm ơn và tiếp thu đầy đủ các ý kiến của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học và quý vị đại biểu. Những ý kiến phát biểu tại Hội thảo ngày hôm nay sẽ là căn cứ khoa học quan trọng để chúng ta khẳng định và đánh giá đầy đủ hơn, khách quan, khoa học và trách nhiệm hơn đối với cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Trương Quang Trọng cũng như những đóng góp, công lao của đồng chí trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng quê hương, đất nước, mãi mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ hôm nay và mai sau học tập và noi theo.

Các bài tham luận và các ý kiến phát biểu tại Hội thảo hôm nay sẽ được Ban Tổ chức tiếp thu để biên tập hoàn chỉnh và xuất bản Kỷ yếu Hội thảo khoa học "*Đồng chí Trương Quang Trọng, người chiến sĩ cộng sản kiên cường của quê hương núi Ấn - sông Trà*", làm tư liệu nghiên cứu, biên soạn tài liệu học tập, giáo dục truyền thống, giáo dục lịch sử địa phương cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ban Tổ chức Hội thảo xin chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, nhân chứng lịch sử, các đồng chí lãnh đạo các cơ quan Trung ương và lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Kon Tum và các cơ quan, đơn vị, địa phương khác đã dành thời gian về dự và dành cho Hội thảo nhiều tình cảm quý báu.

Ban Tổ chức Hội thảo chân thành cảm ơn các nhà khoa học, nhà nghiên cứu của Trung ương và địa phương đã đầu tư thời gian, trí tuệ xây dựng các bài tham luận có chất lượng cao, góp phần quan trọng vào thành công của Hội thảo.

Xin dành lời cảm ơn sự hiện diện của bác Trương Quang Minh, cháu của đồng chí Trương Quang Trọng đã đến dự và cung cấp nhiều tư liệu quý về cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Trương Quang Trọng.

Ban Tổ chức Hội thảo cảm ơn các đồng chí phóng viên các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương đã đến theo dõi và đưa tin về Hội thảo.

Thành công của Hội thảo hôm nay sẽ góp phần cổ vũ mạnh mẽ cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Ngãi, Kon Tum nói riêng, đất nước ta nói chung tiếp tục đoàn kết xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức và đưa công cuộc đổi mới, xây dựng quê hương đất nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội thảo khoa học cấp Quốc gia "*Đồng chí Trương Quang Trọng, người chiến sĩ cộng sản kiên cường của quê hương núi Ấn - sông Trà*".

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, các đồng chí đại biểu các cơ quan Trung ương và địa phương, đại diện gia đình đồng chí Trương Quang Trọng, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các đồng chí đại biểu khách quý cùng toàn thể các đồng chí tham gia hội thảo luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

1. Lời nói đầu 7
2. Phát biểu khai mạc và báo cáo đề dẫn của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi tại Hội thảo 9
3. Quê hương Quảng Ngãi và đồng chí Trương Quang Trọng 19
(PGS.TS Nguyễn Đức Huệ - Phó Viện trưởng Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam)
4. Trương Quang Trọng - tâm, chí của một thế hệ thanh niên Quảng Ngãi 46
(Cao Chư - Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi)
5. Trương Quang Trọng, tấm gương tiêu biểu tiếp nối truyền thống của Trương Định và sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi trong phong trào Cần Vương 59
(Thái Thị Kim Nga - Nguyên Trưởng phòng Khoa giáo và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi)
6. Đồng chí Trương Quang Trọng - người kiên quyết đấu tranh cho sự thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 76
*(PGS.TS Nguyễn Ngọc Hà - Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Ths. Đỗ Văn Phương - Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)*

7. Vai trò của đồng chí Trương Quang Trọng trong quá trình vận động thành lập tổ chức Đảng ở Quảng Ngãi 87
(PGS.TS Trịnh Thị Hồng Hạnh - Học viện CTQG Hồ Chí Minh)
8. Những đóng góp của đồng chí Trương Quang Trọng đối với phong trào cách mạng từ năm 1926 đến năm 1931 96
(TS. Nguyễn Thị Mai - Viện Lịch sử Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh)
9. Trương Quang Trọng và thế hệ "Dự bị cộng sản" quang vinh của Quảng Ngãi 108
(Nguyễn Thế Khoa - Tổng biên tập tạp chí Văn hiến Việt Nam)
10. Về nghiệp học của nhà cách mạng Trương Quang Trọng ở Quảng Ngãi 113
(Nguyễn Quang Trung Tiến - Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khoa học Huế)
11. Đóng góp của đồng chí Trương Quang Trọng đối với phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi 125
(Đại tá Vũ Văn Quang - Phó Chủ nhiệm Chính trị Bộ CHQS tỉnh Quảng Ngãi)

12. Sự tiếp nhận những tư tưởng mới trong quá trình hoạt động cách mạng của đồng chí Trương Quang Trọng 134
(Lê Hồng Khánh - Quyền Giám đốc Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi)
13. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của bác tôi 151
(Trương Quang Minh - Gia đình đồng chí Trương Quang Trọng)
14. Đồng chí Trương Quang Trọng với phong trào đấu tranh trong Ngục Kon Tum 159
(Tỉnh ủy Kon Tum)
15. Tám gương hy sinh của đồng chí Trương Quang Trọng tại Nhà ngục Kon Tum 172
(Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum)
16. Khí phách đồng chí Trương Quang Trọng trong cuộc đấu tranh lưu huyết ngày 12-12-1931 tại Nhà lao Kon Tum 179
(Bảo tàng tỉnh Kon Tum)
17. Đồng chí Trương Quang Trọng với "Cuộc đấu tranh lưu huyết" tại Nhà ngục Kon Tum (12-12-1931) 189
(TS. Trần Thị Mỹ Hương, Ths. Đào Thị Hoàn - Viện Lịch sử Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh)

18. Đồng chí Trương Quang Trọng những năm tháng 199
trong Nhà ngục Kon Tum
(Ths. Vũ Thái Dũng - Học viện CTQG Hồ Chí Minh)
19. Tư tưởng “Cách mạng là lưu huyết, có lưu huyết 213
mới chặn bớt bàn tay tàn bạo của kẻ thù và cuối
cùng mới giành được thắng lợi”
(Ths. Trần Thị Thu Hương - Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Kon Tum)
20. Tám gương hy sinh của đồng chí Trương Quang 228
Trọng với những người chiến sĩ cách mạng
Quảng Nam trong Nhà ngục Kon Tum
(Lê Năng Đông - Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Văn hóa, Văn nghệ, Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam)
21. Nhớ mãi đồng chí Trương Quang Trọng 237
(TS. Phạm Quang Nghị - Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội)
22. Trương Quang Trọng 246
(TS. Vũ Ngọc Hoàng Nguyên - Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương)
23. Tuổi 25 nhớ tuổi 25 251
(Nhà thơ Nguyễn Thụy Kha - Hội Nhạc sĩ Việt Nam)
24. Hiễn Thánh năm 25 tuổi 255
(Nhà thơ Thanh Thảo)

25. Vai trò trí thức Quảng Ngãi trong phong trào đấu tranh yêu nước đầu thế kỷ XX 260
(TS. Nguyễn Diên Xương - Trưởng khoa Xã hội, Trường Đại học Phạm Văn Đồng)
26. Thế hệ thanh niên Quảng Ngãi phát huy tinh thần đấu tranh cách mạng kiên cường của đồng chí Trương Quang Trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 274
(Tinh đoàn Quảng Ngãi)
27. Trương Quang Trọng - Tấm gương sáng cho các thế hệ noi theo 279
(ThS. Lê Tiến Dũng - Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi)
28. Mối quan hệ của tổ chức Việt Nam cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi với những người cộng sản Hoài Nhơn, Bình Định 1928 – 1931 287
(Phạm Đình Đôn - Phó Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử tỉnh Bình Định)
29. Báo cáo tổng kết và bề mặt Hội thảo 299
(PGS.TS Nguyễn Duy Bắc - Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh)

In 300 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty TNHH thương mại In Quảng Ngãi Plus. Địa chỉ : 296 Trần Hưng Đạo, Tp.Quảng Ngãi. Điện thoại : 0255.6555759 – 6549999. Giấy phép xuất bản số: 72/GP-STTTT do Sở Thông tin truyền thông Quảng Ngãi, cấp ngày 26 /11/2018. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 /2018.